

GIẢNG GIẢI
TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI
Hòa Thượng Thích Duy Lực

--o0o--

LỜI NÓI ĐẦU

Tín Tâm Minh là tác phẩm của tổ Tăng Xán đời thứ 3 Thiên tông Trung Quốc. Thiên sư Trung Phong là Tổ thứ 18 thuộc phái Lâm Tế, Ngài căn cứ Tín Tâm Minh làm sáng tỏ bản ý của Tổ. Trong bài này chia ra 73 phần, mỗi phần có 2 câu, đều có 4 mục:

- 1-Lời khai thị (rất siêu xuất, độc đáo).
- 2-Lời nghĩa giải (lý giải rất thâm sâu).
- 3-Tịch nghĩa giải (phủ nhận nghĩa giải trên).
- 4-Kệ kết thúc (muôn hành giả tham thiền tự ngộ).

Vì pháp thiền trực tiếp khó lãnh hội được, có nhiều người đọc quyển này thấy khó hiểu, nên Hòa thượng Duy Lực giảng rộng ra, để cho người nghe được dễ hiểu ý của Tổ sư, mà theo đó thực hành cho đúng, mới đạt đến giác ngộ rốt ráo.

Nay chúng tôi theo băng cassette ghi lại thành văn tự, đặt tên quyển sách là Giảng Giải Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải. Vì văn nói không sao tránh khỏi lời văn trùng lặp. Việc làm này có thể sai sót, quý vị đọc và nghe băng, thấy điều gì không rõ nghĩa, xin góp ý cho.

Người thực hiện trân trọng!
Thích Đồng Thường.

Mục Lục:

- 00- Bài tựa của ngài Trung Phong.
- 01- Chí đạo vô nan, duy hiem giản trách.
- 02- Đản mạc tắng ái, đồng nhiên minh bạch.
- 03- Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách.
- 04- Dục đắc hiện tiền, mạc tồn thuận nghịch.
- 05- Vi thuận tương tranh, thị vi tâm bệnh.
- 06- Bất thức huyền chỉ, đồ lao niệm tịnh.
- 07- Viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư.
- 08- Lương do thủ xả, sở dĩ bất như.
- 09- Mạc trực hữu duyên, vật trụ không nhãn.
- 10- Nhất chủng bình hoại, dân nhiên tự tận.
- 11- Chỉ động quy chỉ, chỉ cánh di động.
- 12- Duy trệ lưỡng biên, ninh tri nhất chủng.
- 13- Nhất chủng bất thông, lưỡng xứ thất công.
- 14- Khiển hữu một hữu, từng không bội không.
- 15- Đa ngôn đa lự, chuyển bất tương ưng.
- 16- Tuyệt ngôn tuyệt lự, vô xứ bất thông.
- 17- Quy căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông.
- 18- Tu du phản chiếu, thắng khước tiền không.
- 19- Tiền không chuyển biến, giai do vọng kiến.
- 20- Bất dụng câu chơn, duy tu tức kiến.
- 21- Nhị kiến bất tự, thận vật truy tâm.
- 22- Tài hữu thị phi, phân nhiên thất tâm.

- 23- Nhị do nhất hữu, nhất diệt mạc thủ.
- 24- Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cửu.
- 25- Vô cửu vô pháp, bất sanh bất tâm.
- 26- Năng tùy cảnh diệt, cảnh trực năng trầm.
- 27- Cảnh do năng cảnh, năng do cảnh năng.
- 28- Dục tri lưỡng đoạn, nguyên thị nhất không.
- 29- Nhất không đồng lưỡng, tề hàm vạn tượng.
- 30- Bất kiến tinh thô, ninh tri nhất chủng.
- 31- Đại đạo thể khoan, vô dị vô nan.
- 32- Tiểu kiến hồ nghi, chuyển cấp chuyển trì.
- 33- Chấp chi thất độ, tất nhập tà lộ.
- 34- Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ.
- 35- Nhậm tánh hợp đạo, tiêu điều tuyệt nảo.
- 36- Hệ niệm quai chân, hôn trầm bất hảo.
- 37- Bất hảo lao thân, hà dụng sơ thân.
- 38- Dục thủ nhất thừa, vật ó lục trần.
- 39- Lục trần bất ó, hoàn đồng chánh giác.
- 40- Trí giả vô vi, ngu nhân tự phược.
- 41- Pháp vô dị pháp, vọng tự ái trước.
- 42- Tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thố.
- 43- Mê sanh tịch loạn, ngộ vô hảo ó.
- 44- Nhất thiết nhị biên, lương do châm chước.
- 45- Mộng huyễn không hoa, hà lao bả tróc.
- 46- Đắc thất thị phi, nhất thời phóng khước.
- 47- Nhân nhược bất thù, chư mộng tự trừ.
- 48- Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như.
- 49- Nhất như thể huyền, ngọt nhĩ vong duyên.
- 50- Vạn pháp tề quán, quy phục tự nhiên.
- 51- Dẫn kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ.
- 52- Chi động vô động, động chỉ vô chi.
- 53- Lương ký bất thành, nhất hà hữu nhĩ.
- 54- Cứu cánh cùng cực, bất tồn quý tắc.
- 55- Khế tâm bình đẳng, sở tác câu tức.
- 56- Hồ nghi tịnh tận, chánh tín điều trực.
- 57- Nhất thiết bất lưu, vô khả ký ức.
- 58- Hư minh tự chiếu, bất lao tâm lực.
- 59- Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc.
- 60- Chân như pháp giới, vô tha vô tự.
- 61- Yếu cấp tương ưng, duy ngôn bất nhị.
- 62- Bất nhị giai đồng, vô bất bao dung.
- 63- Thập phương trí giả, giai nhập thủ tông.
- 64- Tông phi xúc diên, nhất niệm vạn niên.
- 65- Vô tại bất tại, thập phương mục tiền.
- 66- Cực tiểu đồng đại, vong tuyệt cảnh giới.
- 67- Cực đại đồng tiểu, bất kiến biên biểu.
- 68- Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu.
- 69- Nhược bất như thử, tất bất tu thử.
- 70- Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất.
- 71- Đản năng như thị, hà lự bất tất.
- 72- Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm.

73- Ngôn ngữ Đạo đoạn, phi khứ lai kim.

- Đoạn tổng kết.

- Hỏi và đáp.

Bài tựa:

Ngài Trung Phong nói: Thiên tông là bất lập văn tự. Do từ trong hội Linh Sơn, Phật Thích Ca đưa cành hoa lên, ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười; Phật tuyên bố rằng: Ta truyền cho ông “Chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn Diệu tâm, thật tướng vô tướng”.

Giáo ngoại biệt truyền là ở ngoài kinh điển, đặc biệt truyền riêng pháp môn này; bất lập văn tự chẳng phải phế bỏ văn tự, mà không cần phải qua văn tự và lời nói, tức là chỉ thẳng tâm mình là Phật; chỉ cần tham thiền hiện ra tâm này, gọi là kiến tánh thành Phật.

Đã nói bất lập văn tự, tại sao Tổ Đạt Ma mới truyền qua 2 đời, đến ngài Tăng Xán lập ra Tín Tâm Minh gồm 584 chữ, có phải sửa lại gia phong của Tổ chăng! Tổ Tăng Xán làm Tín Tâm Minh không trái ý “bất lập văn tự”, mà muốn người học sau này được tin tự tâm. Tin tự tâm không cần qua văn tự, không cần học ở ngoài. Cho nên, Ngài muốn hiển bày nghĩa bất lập văn tự, chứ chẳng phải biến gia phong bất lập văn tự trở thành ra văn tự.

Nhưng người đời sau, hiểu lầm ý Tổ Tăng Xán, mà y văn giải nghĩa, nên ngài Trung Phong làm “tịch nghĩa giải”, tức là bác bỏ nghĩa giải sai lầm, để cho người ta tin hoàn toàn tự tâm đầy đủ, không cần có lý giải gì hết. Nếu tin ở ngoài tâm mà có, cũng như đầu mọc thêm đầu, cần phải mời Bác sĩ cắt bỏ mới được. Cho nên, đặt tên “Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải”.

Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải này, ngài Trung Phong lấy hai câu chia ra làm 4 đoạn: Đoạn thứ nhất là khai thị, đoạn thứ hai là nghĩa giải, đoạn thứ ba là tịch nghĩa giải (bác bỏ nghĩa giải), đoạn thứ tư là bốn câu kệ kết thúc.

Phản khai thị là theo lý giải không được, mà để hiển bày tâm chư Phật, Tổ và tâm của chính mình. Tại vì mình chưa tin, nên không thể hiểu được.

[Ghi chú: Chữ đứng là chánh văn, chữ nghiêng là lời giảng].

1 - CHÍ ĐẠO VÔ NAN, DUY HIỀM GIẢN TRẠCH.

(Đạo cùng tột chẳng có gì khó, chỉ vì phân biệt mới thành khó).

Lời khai thị:

Thể dụng của tự tánh cùng khắp hư không, trí tuệ của con người chẳng thể suy lường.

(Tự tánh mỗi chúng sanh đều sẵn có, thể và dụng cùng khắp không gian và thời gian. Nếu dùng bộ não con người không thể nghĩ đến được).

Mở cửa nhà lớn nhiệm màu vô biên vượt trên vạn tượng chiều sâu mà không đáy.

(Đây là diễn tả Tự tánh, Tự tánh tức là Phật tánh; hằng ngày đang dùng mà mình không biết, cửa mở ra hết, nhưng người ta không thấy, tưởng là cửa đóng kín. Biển sâu cách mấy đều phải có đáy, còn cái này thì không có giới hạn).

Cơ xảo của chur Tô như: Tiếng hét Kim Cang Vương của Lâm Tế sấm sét oanh liệt, muốn nhìn bóng cũng còn khó, huống là thấy hình; Uy thế cây gậy của Đức Sơn như gió bão điện chớp, đuổi theo không kịp.

(Thủ đoạn Lâm Tế, ai vào cửa liền hét, người nào hỏi liền hét, mà tiếng hét của Ngài, gọi là kim cang vương; kim cang là vật cứng hơn các vật khác, mà thêm kim cang vương tức là cứng nhất. Sấm sét oanh liệt là không thể dùng mắt để thấy, tai để nghe. Người học vừa đến cửa thì cây gậy của Đức Sơn liền đánh).

Đào tạo ra chur Tô chẳng cho mình có công lao.

(Tiếng hét Lâm Tế và Đức Sơn đánh gậy, không phải khi không mà hét đánh bậy bạ. Ở dưới tiếng hét và ở dưới cây gậy đánh, đều đào tạo ra chur Tô mà chẳng cho mình có công lao).

Gánh biển vác núi chẳng cần ra sức.

(Đây là cái dụng của Tự tánh, chur Tô kiến tánh dùng ra được).

Ông già Thích Ca thuyết pháp 49 năm, bàn tay chỉ có thể nắm bắt hư không.

(Đây hình dung lời nói không thể đến được, cho nên, Phật Thích Ca nói “49 năm, ta chưa từng nói một chữ”. Tại vì nói không được, ví như bàn tay nắm bắt hư không. Hư không làm sao nắm bắt được!)

1700 Bạch niêm tặc.

(Là hình dung 1700 Tô kiến tánh, diệu dụng đầy đủ tất cả, không cần mượn bên ngoài. Như Trương Bảo Thắng hiện sức dụng phần nhỏ của Tự tánh).

Có miệng chỉ treo trên vách tường.

(Vì lời nói chẳng thể diễn tả được).

Rất sẵn sàng mà khó hiểu biết, muốn ngay trước mặt chỉ bảo họ, thì gai góc đã nổi đầy trước cửa.

(Vì trình độ của mình chưa thể hiểu biết, dụng công đến đó mới được, chứ nhờ người khác thì không được).

Lời nghĩa giải:

Tô Sư nói "Chí Đạo vô nan, duy hiềm gián trạch". Người nghĩa giải rằng: 2 câu này là cương yếu, cũng là bản chỉ của bài Minh. Nhưng một chữ Tin bao gồm ngộ chứng, chẳng phải chữ tin của tín hạnh.

(Ngộ là giác ngộ, chứng là chứng quả. Cũng như tin 10 phần thì nghi 10 phần, ngộ cũng 10 phần. Không phải tín hạnh là giữ uy tín của mỗi người, mỗi nước).

Cũng như các vị trong hội Pháp Hoa, lãnh hội quyền trí nhập vào thật trí, lập ra phẩm Tín Giải để tỏ bày nguyện vọng.

(Ánh sáng đèn dụ cho quyền trí, cây đèn dụ cho thật trí, là cái thể của tâm. Cái đó lập ra tín giải; tín là tin, giải là hiểu, để tỏ bày nguyện vọng của chúng sanh).

Chur Tô thấy đó là Chí đạo.

(Chí là cùng tột, chỉ có tâm cùng tột, không có lý lẽ để hiểu gọi là nhiệm mầu).

Chur Phật, Tô chứng gọi là bồ đề, chúng sanh mê gọi là vô minh, Giáo môn hiển bày gọi là biến giác, đều cùng gọi là một tâm.

(Tô nói: Hằng ngày hiện hành vô minh của chúng sanh là bất động trí của chur Phật).

Có người hỏi: Hằng ngày hiện hành vô minh, tại sao bất động trí của chư Phật?

Tổ nói: Dễ hiểu mà!

Tổ hỏi chú Tiểu: Thế nào là bất động trí của chư Phật?

Chú Tiểu ngơ ngác.

Tổ nói: Vô minh đó.

Qua câu chuyện này chỉ hiểu phần nào mà thôi).

Cho đến bao gồm danh tướng, thâu nhập sắc không, muôn ngàn đề mục, đường lối dù khác nhau, đâu có sai trái tốt xấu, cũng không có ngăn cách mê ngộ, tất cả đều do đây mà hiển bày.

(Vì có phân biệt lựa chọn, nên có tốt xấu đúng sai; nếu không có phân biệt lựa chọn, thì không có tốt xấu đúng sai. Tất cả cuộc sống hằng ngày đều là cái dụng của tâm. Tại mình chấp nên có đúng lý và không đúng lý. Bài Tín Tâm Minh quét sạch cái lý. Đoạn này nói cái lý, đoạn sau quét sạch cái lý. Vốn không có ngăn cách mê ngộ, tốt xấu; tất cả tốt xấu mê ngộ, đều do tâm chấp của mình mà hiển bày).

Như cây bách của Triệu Châu, vòng kim cương của Dương Kỳ, cái chậu đất bẽ của Mật Am, bánh sắt có nhân của Đông Sơn, giống như dị đoan cùng tà pháp sôi nổi, vậy thì biết lời nói Chí Đạo đã hiện hành rồi.

(Đây là cơ xảo của chư Tổ: Tăng hỏi Triệu Châu: Thế nào là Phật?

Triệu Châu đáp: Cây bách trước sân.

Có người hỏi Dương Kỳ: Thế nào là Phật?

Dương Kỳ đáp: Vòng kim cương.

Có người hỏi Mật Am: Thế nào là Phật?

Mật Am đáp: Chậu đất bẽ.

Có người hỏi Đông Sơn: Thế nào là Phật?

Đông Sơn đáp: Bánh sắt có nhân.

Lời đáp chẳng có ý nghĩa gì, nhưng chặn được dòng suy nghĩ của ý thức thì ngay đó ngộ. Nếu không chặn được hết dòng suy nghĩ của ý thức, thì mịt mù không hiểu gì, vẫn còn trôi lăn trong lục đạo.

Những công án như trên có rất nhiều, như: Hỏi: Thế nào là Phật? Đáp: Cục cứt khô.

Hỏi: Thế nào là Phật? Đáp: Ba căn mè.

Nếu ngộ được bản thể Tự tánh cùng khắp không gian thời gian, thì biết rõ ý của Tổ sư. Nếu không ngộ thì ngơ ngác còn vô minh; công phu đến mức là đến thoái đầu, điếm phá một cái ngộ liền. Có người gần đến thoái đầu, điếm phá cũng ngộ.

Có một người công phu đến thoái đầu, đi ngang chỗ bán thịt, nghe người mua thịt nói: Bán cho tôi một miếng thịt nạt.

Người bán thịt chặt mạnh con dao xuống bàn, nói gằn: Chỗ nào chẳng phải thịt nạt!

Người có công phu đến thoái đầu nghe liền ngộ.

Cũng có một người gặp người ta đánh lộn, bị đánh một bạt tai liền ngộ.

Nếu công phu đến thoai đầu, một ngày không ngộ, thì một tháng cũng phải ngộ; chẳng phải do gặp thiện tri thức rồi mới ngộ. Gặp thiện tri thức là chỉ để ấn chứng. Công phu đến thoai đầu gặp cảnh duyên nào cũng được khai ngộ).

Do đó thông suốt lý sự, dung thấu cô kim, cho là “vô nan” đã thành lời thừa. Nhưng Thánh phạm, nhiễm tịnh, trước mắt toàn chân. Nếu sanh ra tình thức phân biệt, thì trái hẳn với chí thể, nên nói “Duy hiem giản trạch” vậy.

Tịch nghĩa giải:

Hình như giống nhau, giống mà chẳng đồng. Lại, hai chữ Chí Đạo, dẫu cho ông dùng hết ý thức để giải thích, đối với tông chỉ của Vô Nan, cần phải tương ưng mới được. Nếu chẳng phải tự tâm khai ngộ, âm thầm khế hợp bất khả tư nghì, dứt hẳn tri kiến, siêu việt ngữ ngôn danh tướng, muốn trông thấy tông chỉ của Vô Nan, chẳng những xa cách như trời với đất, ở nơi căn và cảnh tương đối, đủ thứ sai biệt, nếu không thể ngay đó giải thoát, mà muốn đem cái đạo lý vô nan không giản trạch đó tồn chứa trong lòng, thì đâu chỉ nhận giặc làm con mà thôi! Nên ở đây chẳng thể quên lời.

(Ngài Trung Phong thấy người ta đem Tín Tâm Minh để giải thích ra đạo lý; chính đạo lý đó nghịch với ý của Tổ sư. Những người đó cho mình là hay, giải thích rất kỹ càng giáo lý thâm sâu. Nhưng sự thật nói thì giống, phải thì chưa phải. Cho nên, cần phải tương ưng để khai ngộ mới được. Khai ngộ rồi âm thầm khế hợp, không thể suy nghĩ. Suy nghĩ còn không thể, làm sao nói và giải thích!

Hiểu biết đúng lý đều phải chấm dứt, vì đúng lý và không đúng lý là lọt vào tương đối nhị biên. Tự tâm là bất nhị, không thể cho đúng và không đúng. Cho nên, dứt hẳn tri kiến, siêu việt ngữ ngôn, lìa danh tướng. Tâm không dính mắc với cảnh, thì ngay đó giải thoát; tức là cảnh vui mình không thấy vui, cảnh buồn mình không thấy buồn, cảnh sợ mình không thấy sợ).

Kệ kết thúc:

Chí đạo không nên chê lựa chọn,
Chớ nói lựa chọn đọa phạm tình.
Cần phải đấm mù mắt mẹ đẻ,
Ban ngày đốt đèn đọc Minh này.

(Chí Đạo là bất nhị, lựa chọn hay không lựa chọn đều chẳng có. Mới nói “Không nên chê lựa chọn”. Chí Đạo đâu có khó dễ. Nên nói “Chớ nói lựa chọn đọa phạm tình”. Theo nghĩa giải thì lựa chọn đọa vào phạm tình vô minh. Nhưng thật tế Chí Đạo không có đọa vào phạm tình được.

“Cần phải đấm mù mắt mẹ đẻ” là theo sự thấy của con mắt không thể thấy được Chí Đạo. Mà lại nói “Ban ngày đốt đèn đọc Minh này”, nghĩa là không cần dùng con mắt, không cần dùng ánh sáng mặt trời; tức là đừng có tư tưởng đạo lý gì, thì mới có tư cách đọc Tín Tâm Minh này).

2 - ĐẢN MẠC TẮNG ÁI, ĐỒNG NHIÊN MINH BẠCH.

(Chỉ đừng yêu ghét thì rõ ràng minh bạch).

Lời khai thị:

“Chỉ đừng yêu ghét thì rõ ràng minh bạch”. Theo ý chỉ Thiền tông thì không chỗ trụ; nên nói: Thăng chẳng phải tung, co chẳng phải gai.

(Cũng không nhất định là thẳng và co).

Thông chẳng phải hư không, nghẽn chẳng phải vách tường.

(Hư không là trống rỗng chẳng có chướng ngại, cũng không có nhất định là thông và nghẽn).

Đầu búa không lỗ ném ngay mặt.

(Là chuyển ngữ của Thiên tông. Đầu búa không lỗ thì không thể dùng được. Thiên tông không có chỗ để suy nghĩ, không có chỗ để mở miệng; cũng như đầu búa không lỗ vậy. Ai có đề ra ý kiến gì hay chơn lý gì, cũng giống như đầu búa không lỗ; không có ý nghĩa gì để dùng được).

Trái lại, thẳng vẫn là tùng, co vẫn là gai, thông vẫn là hư không, nghẽn vẫn là vách tường.

(Co và thẳng, thông với nghẽn là đối đãi. Phạm đối đãi là tương đối, tương đối là sản phẩm của bộ não. Nó không phải thật tế, thật tế thì không có đối đãi. Cho nên, tương đối là vọng tưởng. Kinh Lăng Già nói 'Tự tâm hiện lượng'. Tự tâm không có số lượng; hiện ra số lượng cao nhất đều là vọng, vì có số lượng. Phạm do bộ não biết đều là tự tâm hiện lượng; chẳng phải bản tâm của mình. Nên nói: Chẳng phải co, chẳng phải thẳng tức là thấy thẳng không trụ nơi thẳng, thấy co không trụ nơi co. Và chẳng co chẳng thẳng cũng không trụ. Ngược lại là co là thẳng; thông và nghẽn cũng vậy. Bởi những cái đó đều là tương đối, phá hết tất cả tương đối hiện lượng, thì số lượng không nói được nữa).

Vậy trời xanh nước rộng dính liền như cũ.

(Tức là không có thêm bớt ý kiến gì; thì trái cây vẫn là trái cây, cái đèn vẫn là cái đèn... đúng lý thì thêm, không đúng lý thì bớt. Cho nên Tâm Kinh nói: Bất tăng bất giảm).

Đêm qua, người Ba Tư bắt được tên chánh tặc Tây Thiên trong Nam Hải, đợi trời sáng đốt đèn xem, thì ra bác hai Vương ở làng Đông.

(Đoạn này nói kết thúc lời khai thị, ý nghĩa giống như đoạn trên; không có cái nào chân thật, không có cái nào huyền hóa. Chân chẳng phải chân, giả chẳng phải giả, đúng chẳng phải đúng, sai chẳng phải sai. Cho nên, không thể dùng 2 chữ "cho là hay cho rằng". Nếu cho là, cho rằng là sản phẩm của bộ não, không phải bản tâm. Vì bản tâm không thể dùng bộ não suy nghĩ, dùng hình tướng để tiếp xúc và vẫn tự lời nói đến được. Nên Thiên tông nói "bất lập văn tự" vậy).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói "Đản mạc tắng ái, đồng nhiên minh bạch". Người nghĩa giải cho rằng: Chán sanh tử, ham niết bàn là yêu ghét; bỏ phiền não, lấy bồ đề là yêu ghét, hễ ở nơi pháp thánh phạm chẳng còn mây may cảm tình yêu ghét, thì tâm này tự nhiên minh bạch rồi.

(Chữ "yêu ghét" này thuộc phạm vi tương đối, nếu có "chán, thích, lấy, bỏ" là niệm tương đối của bộ não. Tương đối thì không rõ ràng minh bạch, chỉ có lia tương đối, mới đạt đến cảnh giới tuyệt đối, thì thấy rõ ràng cùng tột).*

Tịch nghĩa giải:

Thôi thôi! Dầu cho ông tất cả đều chẳng yêu ghét, không màng luôn đến cái Ta, nhưng đâu biết cái chẳng yêu ghét đó đã thành yêu ghét rồi! Nếu chẳng phải đích thân

thấy chỗ đứng của Tô Sư (kiến tánh), cứ chú giải như thế, có đúng ý Tô Sư từ Tây Trúc đến chăng?

(Chính cái biết này lọt vào nhị biên rồi. Như tham câu thoại đầu, mình còn thấy nghi tình thì chưa đến chân tham. Nghi tình liên tục, câu thoại đầu tự mất, không biết có nghi tình, thì có thể đến chỗ đứng của Tô sư và đúng ý Tô sư từ Tây Trúc sang).*

[đoạn văn trong (...)* của người thực hiện thêm vào, vì trong băng không có].

Kệ kết thúc:

Trời che đất chở khắp mọi nơi,
Mặt trời chiếu soi chẳng thiếu sót.
Lại muốn ngồi trong nghĩa minh bạch,
Chẳng biết hai chân dính đất sinh.

(Chánh biến tri là cái biết khắp không gian thời gian; vậy chỗ nào cũng biết thì không thiếu sót; lúc nào cũng biết, tức là vượt qua quá khứ, hiện tại và tương lai. Vậy cái biết của ý thức không thể so sánh được, vì nó bị hạn chế. Cho nên, Kinh Pháp Hoa nói: Tri kiến Như Lai không thể nghĩ bàn.

Hai câu đầu hình dung sức dụng cùng khắp của Tự tánh. Đã cùng khắp thì chỗ nào cũng minh bạch. Nếu minh bạch cùng khắp, thì minh bạch này không có chỗ.

Hai câu sau là trụ vào minh bạch thì lọt vào nhị biên, thuộc sản phẩm của bộ não).*

3 - HÀO LY HỮU SAI, THIÊN ĐỊA HUYỀN CÁCH.

(Xê xích mảy may, cách xa trời đất).

Lời khai thị:

Có căn cứ nhất định, lại không tiêu chuẩn phép tắc, đem hư không lấp hư không, dùng mục đích phá mục đích, mua đá được ngọc.

(Lời khai thị của ngài Trung Phong, mục đích phá tan tình thức. Cho nên nói: Căn cứ nhất định lại không tiêu chuẩn phép tắc. Đem hư không lấp hư không, dùng mục đích phá mục đích đều là những việc vô lý).

Dầu cho Lục Tổ nói "Chẳng hội"; Đạt Ma nói "Chẳng biết", đều là dòi hoa rủ bướm, chỉ hai đường dây dưa này, đã dẫn khởi gai góc đầy trời.

(Như lấy thuốc giả để trị bệnh giả, nơi Tự tánh chẳng có bệnh thì cần chi đến thuốc; vì chúng sanh điên đảo).

Bỏ gai góc, Hải thần chẳng quý Dạ Minh Châu, nguyên nắm ném thẳng vào mặt họ.

(Đó cũng chẳng có ý nghĩa gì).

Lời nghĩa giải:

Tô Sư nói "Hào Ly Hữu Sai, Thiên Địa Huyền Cách". Người nghĩa giải cho rằng: Pháp môn rộng lớn này.

(Tức là pháp môn của Phật).

Dù nói ngộ mê chẳng khác, nếu người còn mảy may tình cảm yêu ghét phân biệt chưa dứt sạch, thì như trời với đất cách nhau quá xa rồi.

(Theo Giáo môn phải dứt sạch tình cảm yêu ghét; không phải chỉ tình cảm yêu ghét mới sạch, mà tình cảm nào cũng phải dứt sạch; giáo môn dùng cái biết để tu, biết xấu thì bỏ, biết tốt thì lấy. Thiên tông chẳng phải vậy, dùng cái không biết để tu, xấu tốt đều không biết. Đã không biết thì không bỏ mà nó tự bỏ nên không dính mắc yêu ghét. Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”, tức chẳng trụ nơi yêu, chẳng trụ nơi ghét, chỉ lấy không biết là đủ thì cảm tình không nổi lên được).

Tịch nghĩa giải:

Giải nghĩa như thế, giống thì giống, phải thì chưa phải. Tại sao vậy? Vì còn thiếu một tiếng ồ.

(Chữ ồ theo chữ Hán, thì chữ lục ở trong chữ khẩu. Chữ này trong tự điển không có, mà có trong ngữ lục của chư Tổ, để hình dung trong giây phút ngộ. Như trước kia mình chưa hiểu, khi hiểu rồi thì ồ lên).

Dẫu cho ông mỗi mỗi không sai, lý hợp với đạo, vẫn không khỏi cách xa như trời với đất.

(Vì lọt vào nhị biên: Không sai đối với sai, hợp lý đối với không hợp lý).

Kệ kết thúc:

Nói chi có sai và không sai,
Đều thành dụi mắt thấy hoa đóm.
Muốn lia mây may việc càng nhiều,
Trời đất xưa nay vẫn cách xa.

(Sai và không sai là pháp tương đối; trong hư không vốn không có hoa đóm, tại dụi mắt mới thấy hoa đóm. Nói sai và không sai giống như dụi mắt thấy hoa đóm. Tất cả sai và không sai đều là vọng. Muốn lia mây may việc càng nhiều, thì trời đất xưa nay vẫn cách xa).

4 - DỤC ĐẶC HIỆN TIỀN, MẠC TỒN THUẬN NGHỊCH.

(Muốn đắc được Tự tánh hiện tiền, chớ còn tập khí thuận nghịch).

Lời khai thị:

Hai không là đôi, một không là chiếc, buông chẳng lia, nắm chẳng hợp.

(Theo lý thường: Hai là đôi, một là chiếc, buông tức lia, nắm tức hợp).

Dương Kỳ 10 năm đúc thành vòng kim cang.

(Dương Kỳ là vị Tổ sư danh tiếng phái Lâm Tế; 10 năm Ngài thuyết pháp đều dùng vòng kim cang khám xét người học đạo. Vòng kim cang thì không có đầu đuôi, tính chất cứng nhất trong các thứ vật; nó phá hủy các thứ vật, chứ các thứ vật không phá hủy được nó).

Đạt Ma 9 năm nhìn vỡ vách tường sắt.

(Tổ Đạt Ma sang Trung Quốc gặp Lương Võ Đế ở miền nam, nhưng không thích hợp, mới vượt sông Dương Tử đi miền bắc, thời bấy giờ là nước Ngụy. Tổ Đạt Ma chưa tìm được người kế thừa, ngồi trong chùa Thiếu Lâm hướng mặt vào vách tường suốt 9 năm, sau này gặp tổ Huệ Khả rồi truyền pháp. Người ta hiểu lầm tổ Đạt Ma ngồi

hương vách để tu; thật ra Ngài đã kiến tánh rồi, còn gì mà tu nữa! Chỉ đợi tổ Huệ Khả để truyền pháp mà thôi).

Lúc cổ Phật chưa sanh, bóng trăng hiện khắp ngàn sông.

(Những Tổ kiến tánh trong Thiên tông như: Triệu Châu, Dương Kỳ), người ta gọi là cổ Phật ra đời. Qua lò luyện của Thiên tông mới có cổ Phật ra đời. Nhưng chúng sanh cũng gọi là cổ Phật; tức là không có sự bắt đầu, vốn sẵn có. Bóng trăng hiện khắp ngàn sông là để ví dụ, Phật tánh của mình đã sẵn sàng, khi vũ trụ chưa có thì Phật tánh đã sẵn có).

Khi vũ trụ đã thành, gió mát sung mãn mùi phương. Nói thuận chẳng thuận, nói nghịch đâu nghịch. Quả giác Linh Dương ăn gậy sắt, trái cân bóp ra nước vàng ròng.

(Con Linh Dương lúc ngủ treo sừng trên cây, dưới đất không có dấu tích, thở không ra tiếng, thợ săn khó tìm; dụ cho tự tánh không hình tướng, không số lượng. Tất cả năng lực đều sẵn có, nhưng người ta không tin mình có năng lực đó, cứ đi tìm bên ngoài. Tất cả lời nói của chư Tổ đều vô lý, cũng như nói trái cân bóp ra nước là việc vô lý; Tự tánh ăn gậy sắt cũng là việc vô lý. Pháp nào dùng để giải thích đều không phải Tự tánh. Tại Tự tánh bất nhị, vì có lý đối với vô lý, cho nên lập ra lý là nhị).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Dục đắc hiện tiền, mạc tồn thuận nghịch". Người nghĩa giải cho rằng: Tổ sư nói đến đây, thành có mâu thuẫn; tại sao vậy? Vì việc này vốn đã hiện tiền, còn muốn đắc gì nữa!

(Mình còn vô minh mới thành chúng sanh, không hiện ra thân thông được cho là không được hiện tiền. Nhưng việc này vốn đã hiện tiền. Cuộc sống hằng ngày, mặc áo ăn cơm, đi đứng nằm ngồi, đều là cái dụng của Tự tánh).

Kinh Lăng Nghiêm nói "Chánh tánh vô bất thông, thuận nghịch giai phương tiện".

(Tự tánh không có tương đối, nên chỗ nào cũng thông. Việc thuận việc nghịch đều là phương tiện. Chư Phật kiến tánh rồi không có thêm, chúng sanh chưa kiến tánh thì không có bớt; vẫn y như cũ).

Ở đây nếu bảo "mạc tồn" thì lại thành đoạn diệt rồi, thật ra ý Tổ Sư chẳng phải vậy, chỉ dùng phương tiện khai thị cho hàng sơ học, cũng như người no (đã ngộ) thì không thèm đồ ăn ngon vậy.

(Như người đã ngộ, biết mình đã sẵn có đầy đủ tất cả, mà còn muốn đắc gì nữa! Vì chưa ngộ, tưởng mình không có, nên phải tìm kiếm ở ngoài).

Tịch nghĩa giải:

Im đi! Im đi! Tổ sư ở dưới gót chân người.

(Đoạn trên nói rất có lý, ngài Trung Phong còn phải phủ nhận. Bây giờ ông muốn biết Tổ sư không? Mình tham thiền được ngộ gọi là Tổ sư, nên nói Tổ sư ở dưới gót chân người. Vậy có ở chỗ khác đâu! Tức người là Tổ sư rồi).

Dẫu cho đập một cái tan nát, nhưng còn phải tham 30 năm nữa.

(Tại sao? Vì còn chấp thật muốn đắc ở ngoài, làm sao phát hiện cái mình sẵn có! Chỉ cần mình phát hiện).

Kệ kết thúc:

Muốn được hiện tiền đuổi theo vọng,

Chẳng còn thuận nghịch trái với chân.

Sung sướng, đau khổ quên phân biệt,

Cũng là con mắt dính bụi trần.

(Tham thiền thì sung sướng và đau khổ đều không biết, tức là không phân biệt và phân biệt đều hết. Còn biết cho là quên phân biệt chẳng còn thuận nghịch, đều là con mắt dính bụi trần. Tự tánh vốn sẵn sàng, đâu cần phải “cho là” nữa.

Có người nói cái yêu ghét đâu phải cảnh ngoài, mà đều do tâm mình ra. Cho nên, cùng một việc, người này thấy yêu, người kia thấy ghét. Như người bị bắn chết thì người tình nhân thấy đau khổ, còn người tình địch thấy vui mừng. Vậy, chúng tỏ việc đó sanh ra vui buồn, mà do tâm người sanh ra vui buồn.

Nếu con dao đâm vào thịt mình, mình thấy đau đớn, mà đau đớn đó đâu phải người khác! Nhưng biết đau đớn là tự bảo vệ cơ thể của mình. Nếu không biết đau đớn là bệnh và “cho là” cũng là bệnh).

Hỏi: Có phải tổ Đạt Ma sang Trung Quốc, ngồi quay mặt vào vách, để truyền pháp môn mới không?

Đáp: Phải, khi tổ Đạt Ma ngồi quay mặt vào vách ở chùa Thiếu Lâm, đợi tổ Huệ Khả đến để truyền pháp. Trong khi đó các vị ở bên Giáo môn, chỉ có kiến giải, không tu chứng, sanh tâm đố kỵ; cố tâm đầu độc 5 lần, chất độc rất mạnh, Tổ uống vô không sao. Đến lần thứ 6, truyền pháp xong rồi, Tổ uống rồi thị tịch, chôn ở núi Hùng Nhĩ.

Có một hôm, người tuần biên giới, thấy Tổ quảy một chiếc giày, người ấy hỏi Tổ: Đại sư đi đâu vậy?

Tổ đáp: Đi về Thiên Trúc.

Rồi báo lên nhà vua, vua cho đào mộ, chỉ thấy trong mộ còn một chiếc giày. Người đời nói rằng, để cho Trung Quốc làm kỷ niệm.

Hỏi: Tổ Đạt Ma sang Trung Quốc truyền pháp bằng ngôn ngữ nào?

Đáp: Tổ Đạt Ma sang Trung Quốc truyền pháp bằng ngôn ngữ Trung Quốc hoặc không nói, vì Tổ đã kiến tánh có tha tâm thông, nên biết tâm niệm người đó nổi lên, thì dễ dàng độ họ. Dù có vô lượng chúng sanh có tâm niệm gì, Tổ vẫn biết.

Nếu ông muốn biết ý Tổ, thì Tổ cũng có cách làm cho ông biết, khỏi cần nói ra ông cũng biết được. Vì mọi chúng sanh đều có Phật tánh, có năng lực đầy đủ, do mình không tin nên không dùng được năng lực đó.

Trong kinh nói: A Nan phải nhờ oai thần của Phật, mới thấy được sơ thiên, nhị thiên. Vì tự A Nan không đủ sức để thấy, nên phải nhờ Phật.

Huệ Khả hỏi Đạt Ma: Tâm con chưa an, xin thầy an tâm cho con?

Đạt Ma hỏi lại: Ông đem tâm cho ta an?

Huệ Khả đáp: Con tìm tâm không ra.

Đạt Ma nói: Ta đã an tâm cho người rồi.

Huệ Khả liền ngộ một cách dễ dàng.

Hỏi: Nam tông cho là Xá lợi Phất đứng bên phải Phật, Mục Kiền Liên đứng bên trái Phật. Bắc tông cho là Văn Thù đứng bên phải Phật, Phổ Hiền đứng bên trái Phật. Vậy việc ấy như thế nào?

Đáp: Nói sao cũng được. Vì sao? Vì Nam tông chỉ nhìn nhận kinh Pali, không nhìn nhận kinh Đại thừa. Kinh Đại thừa dịch từ tiếng phạn; còn kinh pali chỉ có âm chẳng

có chữ. Người Ấn Độ dùng âm của Ấn Độ gọi là thế tục. Tiếng phạn là văn ngôn. Người Thái Lan dùng chữ Thái Lan để ghi âm pali; người Tích Lan dùng chữ Tích Lan ghi âm pali. Chữ thì khác, tụng ra thì giống. Đại tạng Nam tông chỉ có kinh Tiểu thừa. Đại tạng Đại thừa gồm có kinh Đại thừa và Tiểu thừa.

Tư tưởng của Tiểu thừa còn chấp thật nhiều, đối với tư tưởng triết học Tây phương thì cao. Nhưng đối với tư tưởng Đại thừa thì thấp hơn nhiều. Tiểu thừa quan niệm tứ đại là thật, pháp Tứ Diệu Đế là thật. Kinh Đại thừa Bát nhã dùng chữ “vô” để phá chấp thật.

Ngày sanh nhật của Phật Thích Ca gồm có mấy chục thứ khác nhau. Trong Thiên tông các Tổ Ấn Độ nói ngày sanh của đức Phật cách đây 3022 năm. Theo hội nghị Quốc tế ở Nam Vang nói Phật đản 2538 năm. Bên Ấn Độ không chú trọng lịch sử, mới có nhiều thứ ngày sanh của Phật. Vì vậy nên không thể căn cứ.

Kinh Pháp Hoa nói: Phật Thích Ca thành đạo từ hằng sa kiếp rồi. Lại có người hỏi cái nào đúng? Nói đúng thì tất cả đều đúng, nói sai tất cả đều sai. Tại sao? Phật Thích Ca nói: Tất cả không có sự bắt đầu, nghĩa là pháp vô sanh, cũng không có sự sanh khởi.

Đã không có sự sanh khởi, làm sao lại có ngày sanh của Phật, cho nên chúng quã là chúng pháp vô sanh nhân. Muốn truy cứu sự bắt đầu của vạn vật, thì không thể truy cứu được; rõ ràng chúng tỏ là nghĩa vô sanh.

Hỏi: Bỏ tất làm sao biết thuận nghịch, mà vào thế giới chúng sanh để độ?

Đáp: Giáo môn đem trí chia làm 2 phần: Thật trí và quyền trí.

Muốn độ chúng sanh phải dùng quyền trí; còn thật trí không có hình tướng, không thể tiếp xúc, không thể diễn tả, người nghe không tiếp nhận, người giảng không thể nói được, muốn nói phải dùng quyền trí. Văn Thù và Phổ Hiền đại diện đương cơ, giúp Phật Thích Ca hoằng pháp; chứ chẳng phải 2 vị đại diện cho căn bản trí và sai biệt trí. Người Giáo môn hay dùng ý mình để mò đoán Phật pháp. Tuy rất có lý, nhưng vẫn sai lầm.

Tông Lâm ở Trung Quốc, các tỉnh trưởng có quyền đề cử trụ trì hay thôi trụ trì.

Có một cái Đàm Không Đình ở giữa đường từ nhà dân đến chùa ở trên núi. Một hôm tỉnh trưởng gặp vị trụ trì chùa hỏi: Thế nào là Đàm Không Đình?

Vị trụ trì kiến tánh trả lời: Đàm Không Đình là Đàm Không Đình.

Nhưng Tỉnh Trưởng nghe không vừa ý, rồi hỏi một ông chưa kiến tánh: Thế nào là Đàm Không Đình?

Ông ấy trả lời: Chỉ cho Đình thuyết pháp, đâu để miệng đàm không!

Tỉnh Trưởng nghe xong đắc ý, bèn thôi vị trụ trì kiến tánh và mời ông chưa kiến tánh làm trụ trì.

Người thường hay các vị trí thức nghe như vậy lấy làm thỏa mãn; còn Thiên tông thì không phải vậy, việc nào cũng như cũ, không có thêm bớt. Ông chưa kiến tánh đã thêm ý kiến của mình vào, nên mới có 2 câu trên. Đã có thêm vào, làm sao nói là Đàm Không Đình được! Thật tế nghe thì lạt lẽo.

Hỏi: Ôm nghi tình lớn mà không biết Phật pháp, rồi có cơ may kiến tánh không?

Đáp: Sẽ kiến tánh, nói vô tham tức là chân tham, nghĩa là đang tham thiên có nghi tình, nhưng không biết có nghi tình. Ngày xưa chư Tổ dùng cơ xảo cho người tham học, phát lên nghi tình, nhưng người tham học không biết có nghi tình.

-Lâm Tế hỏi Hoàng Bá: Thế nào là đại ý Phật pháp?

Hoàng Bá liền đánh và đuổi ra.

Qua 2 lần nữa cũng vậy, Lâm Tế phát lên nghi tình mà tự mình không biết, rồi đến Đại Ngu được ngộ đạo, thấu qua 3 quan (sơ quan, trùng quan và mật hậu lao quan). Sự đánh đập là cơ xảo của Tổ; đánh đập một cách vô lý, thì mới phát nghi tình được.

Sau đời nhà Tống, có cuốn Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ra đời, tất cả cơ xảo đánh đập, chửi mắng, những người tham học biết là cơ xảo, nên không phát nghi tình được. Chư Tổ bắt buộc dĩ phải dạy công án hay tham thoại đầu. Khi biết mình tham thiền thì đỡ rồi, phải trải qua nhiều năm mới được chân tham. Ngày xưa qua cơ xảo của chư Tổ, thì người tham học đến chân tham liền. Vì cơ xảo của Tổ dùng một cách vô lý, từ đây phát nghi tình. Có người hiểu lầm lại còn đánh lại.

-Nhu chuyện thầy Đạo Ngộ và trò Tiệm Nguyên, cùng nhau đi viếng một đám tang.

Tiệm Nguyên hỏi Đạo Ngộ: Sanh ư? Tử ư?

Đạo Ngộ trả lời: Sanh cũng không nói, tử cũng không nói.

Tiệm Nguyên lại hỏi: Tại sao không nói?

Đạo Ngộ trả lời: Không nói, không nói.

Trên đường về được nửa đường, Tiệm Nguyên hỏi câu đó nữa.

Đạo Ngộ trả lời: Không nói, không nói.

Tiệm Nguyên nói: Không nói cũng không được, không nói thì tôi đánh.

Đạo Ngộ trả lời: Đánh cứ đánh, nói thì không.

Rồi Tiệm Nguyên đánh Đạo Ngộ.

Khi về chùa, Đạo Ngộ bảo Tiệm Nguyên rằng: Bây giờ ông hãy đi đi, không đi thì người ta đánh chết.

Sau khi đánh lễ thầy ra đi được 3 năm rồi ngộ đạo. Lúc đó Đạo Ngộ đã viên tịch, rồi tìm đệ tử lớn của Đạo Ngộ là Thạch Sương.

Thạch Sương hỏi Tiệm Nguyên: Ông biết chuyện thầy bị đánh không?

Tiệm Nguyên nói ra chuyện ngữ, Thạch Sương liền ấn chứng.

Hỏi: Người không một tôn giáo nào, nhưng họ có nghi tình rồi được kiến tánh không?

Đáp: Có. Người đó kiếp trước đã có tham thiền rồi, kiếp này tiếp tục nên có nghi tình. Như trong Thiên tông có người nữ Thiền sư Diệu Tông đã kiến tánh, mà không biết mình kiến tánh, là cháu nội của ông Tô Công Tụng làm Thừa Tướng đương thời ở Trung Quốc. Lúc 13 tuổi đã kiến tánh. Trong tinh thần giới luật, Tỳ kheo ni dù có 100 tuổi hạ, cũng phải đánh lễ Tỳ kheo mới thọ giới. Tỳ kheo bao nhiêu tuổi hạ cũng phải đánh lễ Tỳ kheo ni đã kiến tánh.

5 - VI THUẬN TƯỞNG TRANH, THỊ VI TÂM BỆNH.

(Thuận nghịch tranh nhau, ấy là Tâm bệnh).

Lời khai thị:

Bệnh chẳng phải tâm, tâm chẳng phải bệnh.

(Tại sao nói thuận nghịch? Việc thuận xảy ra thì mình vui, việc nghịch xảy ra là mình buồn. Tâm mình không có thuận nghịch, thuận nghịch là tâm bệnh. Nhưng thật tế Tâm chẳng bệnh, nếu bệnh thì chẳng phải Tâm).

Chớ đem cái cây hàng rào hữu lậu, cho là cán gáo mức nước sông.

(Tức là cuộc sống hằng ngày, những tập khí phiền não, cho là cán gáo mức nước sông. Cây hàng rào không thể làm cán gáo mức nước sông được).

Tâm chẳng lia thân, cũng chẳng phải tức là thân, cho là khác nhau thì bệnh càng nặng.

(Bây giờ mình có thân này nên nói có cái Tâm. Sau này chết, thân biến thành tro đất, Tâm không bị mất, mới nói Tâm không phải thân. Nếu cho là khác nhau thì bệnh càng nặng. Tham thoại đầu có ý cho là, cho là đúng hay cho là không đúng, cho là khác hay cho là không khác... tất cả thứ ấy đều là bệnh).

Giải thích công án của Mã Tổ “Nhật diện Phật, nguyệt diện Phật” thì bệnh càng nặng thêm.

(Tăng hỏi Mã Tổ: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?)

Mã Tổ nói: Hãy đến hỏi Bá Trượng.

Tăng liền đến Bá Trượng hỏi: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?

Bá Trượng nói: Nhức đầu quá, hãy đến hỏi Tây Đường.

Tăng hỏi Tây Đường: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?

Tây Đường nói: Tôi không biết, hãy đến hỏi Mã Tổ.

Tăng đến Mã Tổ hỏi: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?

Mã Tổ đáp: Nhật diện Phật, nguyệt diện Phật.

Tất cả hỏi và đáp để tìm hiểu là sai lầm, câu hỏi đã sai lầm thì câu đáp cũng sai lầm. Cho nên chư Tổ không muốn đáp và không muốn giải thích. Tại sao không muốn đáp? Vì đáp là giải thích làm cho người ta suy nghĩ ra nghĩa lý.

Vì vậy, Tổ Sư thiền dùng cái không hiểu không biết để tu, tức là phát khởi nghi tình; nuôi cái thắc mắc này, nhiều chùng nào tốt chùng nấy. Nếu giải thích thì hết thắc mắc, nghịch với Tổ Sư thiền. Cho nên hỏi chư Tổ, nếu không bị mắng thì phải bị đập, hay bị đá hoặc trả lời một cách vô lý.

Như có người hỏi: Thế nào là Phật?

Đáp: Cục cứt khô.

Hỏi: Thế nào là Phật?

Đáp: Ba căn mè.

Tức là hỏi mà đáp cho người ta không hiểu. Đó là cơ xảo của Tổ sư, không dùng lý giải để hiểu. Người nào dùng lý giải để hiểu, bị Tổ mắng là “con chó đuôi theo cục xương”. Vì thế Tổ sư làm ra Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải, nghĩa là phủ nhận nghĩa giải. Nếu có nghĩa giải là nghịch với Thiền tông. Thiền tông muốn cho người ta nghi, mà từ nghi đến ngộ. Lời nói của chư Tổ là muốn dứt sạch tình chấp hợp lý và không hợp lý của mình. Tham thiền là dứt sạch tình chấp).

Chỗ tình chấp chưa dứt sạch, thì dùng cam lồ cũng có thể giết người.

(Tình chấp là thuốc độc mà đựng cam lồ để dùng, đương nhiên phải bị chết).

Khi cơ phong khế hợp thì dùng thuốc độc Tỳ Sương cũng cứu được mạng.

(Cơ phong tức cơ xảo của Tổ sư, khế hợp tức là kiến tánh. Ngài Nguyệt Khê nói “cuộc sống hằng ngày ở trong tương đối, dùng tư tưởng tương đối để diễn tả cảnh giới tuyệt đối, dù diễn tả rất có lý, nhưng vẫn ở trong tương đối”. Như bình đựng thuốc độc rửa chưa sạch thuốc độc, mà đựng cam lộ vẫn còn thuốc độc. Khi nào kiến tánh thì tất cả tư tưởng tương đối dứt sạch mới đến quốc độ tuyệt đối, tất cả tương đối biến thành tuyệt đối, không có lý gì để giải thích nữa).

Từ khi phương thuốc đua nhau truyền,
Đầu búa không lỗ sanh nhiều bệnh.

(Phương thuốc của Phật Thích Ca truyền cho Ma Ha Ca Diếp, rồi truyền đến sau này. Như ban đầu 100% là sữa, dần dần cứ thêm nước vào, cho đến chỉ có nước không còn sữa. Mang danh Thiên tông truyền khắp thiên hạ, như đầu búa không lỗ cũng vô dụng. Như những nơi lạm danh Tổ Sư thiên mà dạy cho người ta trì chú, giải thích công án thì nghịch với Tổ Sư thiên, đều là đầu búa không lỗ).

Lời nghĩa giải:

“Thuận nghịch tranh nhau, ấy là tâm bệnh”. Sanh tử vô thường là tâm bệnh.

(Người nào cũng biết).

Kiến văn giác tri là tâm bệnh.

(Thì người ta không chịu).

Tham thiền học đạo là tâm bệnh.

(Thì càng không chịu, cho là vô lý. Tại sao? Nếu tin tụi tâm đầy đủ thì đâu cần học đạo. Vì mình bị bệnh nên cần tham thiền học đạo).

Làm Phật làm Tổ là tâm bệnh.

(Vì Phật tánh vốn không giảm bớt, không gián đoạn, thì hiện giờ chúng ta làm Phật làm Tổ. Làm sao muốn làm Phật làm Tổ nữa!)

Cần phải quên cả thuận nghịch, bật cả thánh phàm, muôn niệm đều buông bỏ, chỉ còn một lối không tịch trống rỗng, chẳng nhờ thuốc thần diệu quý báu; gọi tâm bệnh đó thì không có chỗ đặt đề rồi.

(Chỉ cần tin tụi tâm đầy đủ mà thực hành, chớ tin suông bên miệng. Lấy thoại đầu làm mục đích để tham, chứ không phải lấy câu thoại làm mục đích để tham. Vì thoại đầu là không có một niệm nào khởi lên, còn lấy câu thoại để niệm thì lọt vào thoại vi, nghịch với tham thoại đầu).

Ngài Hư Vân nói “Nếu niệm câu thoại không bằng niệm Phật”, và giải thích rằng: Mình nói ra một lời nói, hay muốn nói một lời nói, mà chưa nói ra đều là thoại vi. Khi chưa khởi niệm muốn nói gọi là thoại đầu, tức chưa khởi niệm muốn nói câu thoại, còn gọi là đầu tiên câu thoại.

Thoại đầu là chưa có niệm nào khởi lên, gọi là vô thi vô minh, cũng gọi là đầu sào trăm thước. Ví dụ cây viết cho ý thức, chỗ trên là thoại đầu, chỗ dưới là thoại vi. Bắt đầu tham thiền là rời thoại vi, đang đi đến thoại đầu. Công phu một thời gian, nhờ không biết của ý thức được liên tục, mới đưa đến thoại đầu. Chỗ thoại đầu là đường đi của ý thức đã hết, đến đường cùng không còn đường đi nữa, chỗ này còn tiến thêm một bước nữa, tức ra ngoài ý thức, gọi là kiến tánh.

Ngài Lai Quả nói “Lìa khỏi ý thức, tức là từ trên núi cao lọt vào hư không, té cho tan nát rồi sống lại”. Tiếng Hán gọi là “Tuyệt hậu tái tô”. Có 2 thứ:

Tiểu tử tiểu hoạt: Mặc dù té chết, nhưng còn cái xác tức chưa ngộ triệt để, còn ôm cái ngộ cho mình được ngộ.

Đại tử đại hoạt: Chết tan nát, như đã ngộ triệt để, cái ngộ không còn, không còn ôm cảnh giới ngộ. Cho nên nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Tại sao? Do ngộ đối với nghi là mê, vì mê mới có ngộ; đã ngộ triệt để rồi hết mê thì không ngộ, nếu giữ cái ngộ là còn mê. Khi nổi lên niệm chấp thật thành bệnh mê ngộ. Tiểu ngộ còn cảnh giới ngộ tức còn mê.

Cao Phong phá trùng quan rồi, mà còn ôm cái ngộ. Nên Kinh Sơn hỏi Cao Phong: Ban ngày náo nhiệt làm chủ được, ban đêm ngủ có chiêm bao làm chủ được không?

Cao Phong đáp: Được.

Kinh Sơn hỏi: Lúc ngủ quên, không có chiêm bao thì chủ ở đâu?

Cao Phong không trả lời được.

Kinh Sơn nói tiếp: Từ đây về sau, ông không cần làm gì hết; đói thì ăn mệt thì ngủ. Khi ngủ mới thức dậy, tự mình hỏi chủ ở đâu?

Trải qua năm năm, một hôm chợt nghe tiếng cái gối rớt xuống đất liền ngộ triệt để, phá được mặt hậu lao quan, tức là cảnh giới ngộ tan rã, được cái dụng cùng khắp. Phá trùng quan còn ôm cảnh giới ngộ, thì cái dụng không cùng khắp.

Kinh Kim Cang nói: Chẳng phải ở nơi một Phật, hai Phật, ... gieo trồng thiện căn, ở trong hằng hà sa số kiếp chư Phật đã gieo trồng thiện căn, thì hôm nay mới được lòng tin chân thật trong sạch.

Các vị nghe tôi thuyết pháp, không phải có nhân duyên 1 kiếp hay 2 kiếp, mà đã nhiều kiếp trước gieo trồng nhân duyên rồi. Như chúng ta biết tu, đâu phải chỉ một đời này gieo trồng Phật pháp thôi đâu, mà đã gieo trồng Phật pháp nhiều kiếp rồi, tại mình không biết. Nếu không có nhân duyên nhiều kiếp, thì bây giờ đâu có hội tụ được ở đây).

Tịch nghĩa giải:

Than ôi! Phật pháp suy đồi, Tổ Đình hoang vu. Những người mắc bệnh khắp thế gian, là những kẻ bị tri giải nhập tâm. Chấp thuốc thành bệnh, đó không phải là việc lạ; dấu cho Kỳ Bà (thần y ngày xưa) tái thể cũng không cứu được bọn này.

(Kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri tức vô minh bổn”, nghĩa là chấp thấy biết là nguồn gốc của vô minh. Chính vô minh làm chướng ngại sự giác ngộ. Chấp thật cái tri giải của bộ não, dù hiểu biết lý lẽ cao siêu đến đâu, cũng là phạm vi của bộ não. Hiểu biết của bộ não đều do cảm giác sai lầm điên đảo, từ không có thật mà chấp cho là có thật.

Nên nói: Người khắp thiên hạ đều là tri giải nhập tâm; dấu cho chư Phật chư Tổ ở bên cạnh, khó mà tháo gỡ những định kiến sai lầm đã lưu truyền lâu năm. Họ cho kinh điển của Phật là chân lý, nhưng không biết giáo lý như ngón tay để chỉ mặt trăng. Vì vậy nói: Chấp thuốc thành bệnh).*

Kệ kết thúc:

Thuận nghịch tranh nhau tâm sanh bệnh,

Thuận nghịch đều quên bệnh sanh tâm.

Xưa nay tâm bệnh chết liên tiếp,

Lại khoe phương thuốc hay như thần.

(Ở nơi Tự tánh làm gì có thuận nghịch để tranh nhau, tranh nhau là chúng sanh điên đảo tạo ra. Đã nói thuận nghịch đều không có thật, mà lại nói quên là điều vô lý. Cũng như cái ly không có nước, mà nói là hết nước là vô lý. Như Tâm Kinh nói “Vô lão tử diệt vô lão tử tận” nghĩa là: Không có già chết cũng không có hết già chết. Có tri giải thuyết pháp độ vô số chúng sanh, đều là việc mở mắt chiêm bao).*

6. BÁT THỨC HUYỀN CHỈ, ĐỒ LAO NIỆM TỊNH.

(Chẳng biết huyền chỉ, uống công niệm tịnh).

Lời khai thị:

Cả đại địa là bánh xe sắt lửa hồng, cả đại địa là đại viên cảnh trí.

(Hiện giờ, chúng ta đang ở trên quả đất, Phật nói khắp quả đất là nhà lửa, chúng sanh phải chịu khổ. Vì kinh tế đang phát triển, ai cũng chạy theo để kiếm tiền nên mới khổ. Thật tế đang sống trên bánh xe sắt lửa hồng, bánh xe là trái đất đang quay. Người chưa ngộ đang sống trong bánh xe sắt lửa hồng, người đã ngộ sống trong đại viên cảnh trí. Thức thứ 8 là A lại da; khi ngộ chuyển thành đại viên cảnh trí, chiếu soi khắp nơi, không chỗ nào thiếu sót).

Con chồn con trâu nay vốn chẳng mê.

(Theo lý đúng con chồn con trâu thì mê, nhưng ngài Trung Phong nói vốn chẳng mê, vì tất cả chúng Phật tánh bằng nhau, không mê cũng không ngộ).

Di Lặc, Thích Ca xưa cũng đầu chúng.

(Bởi vì không thêm không bớt).

Mây trắng lững lờ chẳng nắm chẳng buông.

(Nó không có ý tưởng gì hết, tại mình thấy có tụ lại có rời ra).

Mặt trăng qua lại đầu động đầu tịnh.

(Chúng ta thấy có động là do cảm giác của mình mà ra. Hiện tại mình ngồi trong Thiền đường này, thấy không có động; nhưng Thiền đường ở trên mặt đất đang quay, mình cho là có động có tịnh. Thật tế trong động có tịnh, trong tịnh có động; chẳng phải động tịnh).

Gom trần sa trong vòng pháp giới, nhất pháp giới trong hang thái hư. Lúc một người phát chơn quy nguyên thì mười phương hư không thấy đều tiêu mất là thể nào?

(Trần sa là hình dung số nhiều. Pháp giới bao gồm vũ trụ, gồm: pháp có và pháp không. Pháp giới không có phạm vi, sao nhất được trong hang thái hư? Pháp giới ở trong hư không là tâm của mọi người. Khi đã chứng ngộ thì tâm trống rỗng, chẳng có hư không chẳng có pháp giới. Cho nên nói tiêu mất, tức là tánh không, cũng là thật tế của bản tâm chẳng có nghĩa lý).

Con tò vò nuốt mất núi Tu di,

Con khi giật mình xuất đại định.

(Con Tò Vò nhỏ xíu bằng hạt bụi, làm sao nuốt mất núi Tu di được! Vì không cho lấy nghĩa lý để giải thích. Tánh con khi hay chuyển động, không yên một chỗ. Làm sao nó

giật mình xuất định! Đại định thì không có xuất nhập. Ngồi thiền có xuất định, có nhập định. Trong lúc nhập định không biết có thời gian.

-Như ngài Huệ Trì em của sơ tổ Tịnh Độ là ngài Huệ Viễn, nhập định hơn 700 năm. Khi Ngài xuất định có người hỏi nhập định được bao lâu rồi? Ông trả lời: Mới có một chút.

-Gần đây có Hòa thượng Hư Vân đang nấu khoai mà nhập định. Bạn đạo đến thăm thấy ông đang nhập định, đánh thức cho ông xuất định. Ngài hỏi: Khoai chín chưa? Khi coi lại nồi khoai, thấy đã lên mốc, tính ra đã 15 ngày rồi.

Lục Tổ nói: Lúc đại định, dù cầm kiếm ra trận vẫn định, chứ không phải ngồi một chỗ cho là định.

Mục đích Tham thoại đầu là đến chỗ không có niệm gì nổi lên, gọi là vô thi vô minh; khi phá tan vô thi vô minh tức là kiến tánh).

Lời nghĩa giải:

“Chẳng biết huyền chi, uổng công niệm tịnh”. Người nghĩa giải cho rằng: Huyền chi tức là chí đạo, nếu chẳng biết được; dẫn cho niệm tịnh trải qua hàng sa kiếp, tu chứng đủ loại, cũng là ngoài tâm cầu pháp, chỉ tự thêm lao nhọc, Tổ sư cũng không chấp nhận.

(Huyền Chi tức là Chí Đạo, tuy tên khác, nhưng cùng một bản tâm. Ngồi thiền nhập định như ngài Huệ Trì nhập định hơn 700 năm không được kiến tánh. Ở trong cõi tu không của vô sắc giới, cõi trời cao nhất là phi tướng phi phi tướng, nhập định 8 muôn đại kiếp [1đại kiếp = 4 trung kiếp; 1 trung kiếp = 20 tiểu kiếp; 1 tiểu kiếp = 16 triệu năm], hết thời gian này cũng không khỏi luân hồi. Vì sao? Còn có tâm cầu pháp, cho a lại da là Ta; có Ta thì có hy vọng gọi là cầu, nên không được giải thoát. Vì thế Tổ sư không chấp nhận).

Tịch nghĩa giải:

Huyền Chi như kiếm bén kim cương, kẻ chẳng biết cố nhiên là mất mạng, biết được cũng không khỏi chạm nhằm bị thương. Vậy có phương tiện nào tránh khỏi 2 lỗi này?

(Ý thức gồm có 2 mặt: Biết và không biết, đều là nhất niệm vô minh. Tu Như Lai thiền là dùng cái biết để tu. Tu Tổ Sư thiền là dùng không biết để tu, cuối cùng biết và không biết đều chấm dứt).

Kệ kết thúc:

Huyền Chi có ai tự biết được,
Thích Ca, Di Lặc còn đang mơ.
Đáng thương cho kẻ chìm không tịch,
Cô đơn ở núi lạnh nhiều năm.

(Chỉ có tham thiền đến chứng ngộ mới tự biết được, chứ chẳng ai cho mình biết được.

Đức Phật Thích Ca đã thành Phật; Di Lặc sau này cũng thành Phật, Mặc dù ở cõi trời Đâu suất đã thành Phật. Chư Phật đã chứng ngộ rồi, tại sao nói còn đang mơ? Tại mình đang mơ nên không biết người khác. Đã không biết người khác, làm sao biết Phật Thích Ca đang mơ! Do mình đang mơ nên thấy tất cả đều đang mơ.

Mình chưa quên mình thì không thể kiến tánh được. Một mình khổ công tu ở trên núi lạnh trải qua nhiều năm, ham cái không tịch, tức là chìm nơi không tịch, đáng thương xót.

Như cỡi trời phi tướng phi phi tướng chìm nơi không tịch 8 muôn đại kiếp, không giác ngộ được. Con người có mấy mươi năm, mà ở trên núi lạnh cô đơn, chìm đắm trong không tịch, có ích lợi gì! Cho nên, Thiền tông cần ngộ, chứ không cần ngồi yên một chỗ).

7 - VIÊN ĐỒNG THÁI HƯ, VÔ KHIẾM VÔ DƯ.

(Tròn đầy thái hư, không thiếu không dư).

Lời khai thị:

Vốn chẳng dư thiếu, lại có tính toán.

(Bản tâm của mình vốn chẳng dư thiếu, nhưng cuộc sống của mình lại có tính toán nên có dư thiếu).

Trang Châu gọi “vạn vật là con ngựa”.

(Trang Châu tức Trang Tử và Lão Tử là nhà triết học đông phương. Triết lý của họ chưa đến cùng tột, so với đạo Phật thì còn cách xa. Nhưng đối với triết học Tây phương thì họ cao hơn nhiều. Tư tưởng của triết học tây phương cũng đến vô thi vô minh. Nhưng họ biết vô thi vô minh là suy lý để biết được, chưa phải kinh nghiệm trực tiếp. Còn triết học đông phương của Trang Tử, Lão Tử có kinh nghiệm trực tiếp tới vô thi vô minh).

Long Môn cho “mười phương là con lừa”.

(Phật pháp gọi 10 phương tức là không gian hay hư không. Mười phương là trên, dưới, đông, tây, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc. Ai nói ngựa cho là ngựa, nói lừa cho là lừa, đó đều là ý của mình. Đem ý của mình vô trong vũ trụ vạn vật, thì không phải bản thể vũ trụ vạn vật.

Chư Tổ Thiền tông kiến tánh nói ra chuyển ngữ thì không trụ chỗ nào. Mọi vật vẫn y như cũ. Như cái tách vẫn là cái tách, cái bình vẫn là cái bình... không thêm ý của mình vô trong đó, nếu thêm ý của mình vô trong đó, thì có kiến lập cái lý. Vậy không thể thí dụ cho là cái gì! Cho là con ngựa, con lừa đều sai lầm; không thể đặt tên, không có nghĩa lý gì hết, nhưng tất cả đều phải nhờ nó).

Giống như chung một đường, nhưng chẳng cùng lối.

(Cũng như vạn vật trong vũ trụ cùng chung cái không, tức chung một đường, mà mỗi thứ thì khác nhau. Như thân của chúng ta mỗi người đều khác, nhưng cùng chung ngồi trong một Thiền đường. Ví như ánh sáng đèn, đốt 100 cây đèn chỉ có một ánh sáng, chứ không phải nhiều ánh sáng, nhưng mỗi cây đèn đều được thấp sáng. Mặc dù chỉ có một ánh sáng, mà mỗi cây đèn lại khác nhau. Ánh sáng cùng khắp, không thể chỉ ra ánh sáng riêng của mỗi cây đèn).

Có nước mới có bóng trăng hiện.

(Trên bầu trời chỉ có một mặt trăng; rồi để 100 thau nước, thấy trong đó đều có 100 mặt trăng. Như có cái không mà chúng ta đều ngồi trong đó).

Vô tâm mới đắc dạ minh châu.

(Dạ minh châu thí dụ cho tâm mình, ban đêm nó sáng. Đắc dạ minh châu như phát hiện tâm mình. Nhưng dùng hữu tâm và vô tâm không thể phát hiện được. Tại sao dùng vô tâm không thể phát hiện bản tâm được? Bởi có câu “Vô tâm còn cách một lớp rào”, vì vô tâm và hữu tâm là đối đãi nhau. Còn Diệu tâm là tuyệt đối không có tương đối).

Hỏi: Thế nào là tọa vong?

Đáp: Vong là quên, tức là ngồi đến vô tâm thì quên hết. Lão Tử và Trang Tử tu đến cao nhất là vô cực, tức là vô thi vô minh. Từ vô thi vô minh nổi lên một niệm, Trang Châu gọi là thái cực, rồi sanh tương đối âm dương. Khoa học cho tất cả sự vật đều có âm dương, như hoa cỏ, trái cây, con người, con vật... đều từ nhất niệm này sanh ra, nhà Phật gọi là “nhất thiết duy tâm tạo”. Trang Châu cho là con ngựa hay con lừa đều không phải bản thể, vì có “cho là” đều không phải bản lai diện mục. Bản lai diện mục thì không có thêm bớt.

Tổ Thiên tông nói “Vì có nên có cái không”. Chấp không là đoạn kiến của ngoại đạo, chấp có là thường kiến của ngoại đạo. Trang Châu và Lão Tử đối với đạo Phật gọi là ngoại đạo. Vì họ có cái “không có”, không có tức là “có”. Bởi vậy, họ chấp có vô cực, tức là không có. Nếu không chấp có thì làm sao có cái không có để chấp! Đối với Thiên tông không dính dáng gì, vì không trụ tức là không chấp.

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư". Tông lâm bàn nhau rằng: Tâm này nơi Thánh chẳng thêm, nơi phàm chẳng bớt, tròn như hư không, mỗi mỗi đầy đủ.

(Đây là lời nói phân biệt của mình gọi là ý ngôn, tức là ngôn ngữ diễn bày ý của mình. Còn bản lai diện mục không có xen ý gì hết. Lời nói không thể thay thế được; cho nên không phải ở trong lời nói, không thể hiểu theo lời nói.

Ví dụ, tôi biết rõ mặt mũi ông Trương. Có người hỏi tôi: Ông Trương như thế nào? Tôi diễn tả rất tỉ mỉ, nhưng người ấy gặp ông Trương cũng không biết. Khi nào có ông Trương trước mặt người ấy, tôi giới thiệu thì người ấy sẽ thấy rõ.

Ông Trương là hình thể có số lượng; dù diễn tả cũng không biết được, huống là tâm của chúng sanh không hình tướng, không số lượng, thì làm sao biết được! Cho nên, dùng lời nói vẫn tự không phải bản tâm của mình. Bản tâm của mình phải tự ngộ mới được. Nếu giải theo lời nói, mỗi mỗi đầy đủ; đó là nghĩa giải, chứ không phải thật tế. Thật tế không có nghĩa giải).

Tịch nghĩa giải:

Nói như thế, khác chi người đi tham học các nơi, ngồi chưa âm chiếu, đem những lời này chứa đầy bụng, chỉ có thể dùng để đàm luận mà thôi, hễ gặp một việc nào có dính chút lợi ích của mình, thì cái niệm so sánh đắc thất nổi dậy ùn ùn, muốn khiến cho "Viên đồng thái hư" đâu có thể được!

(Cũng như các việc trong xã hội, nói thì hay lắm, nhưng đụng chạm một chút lợi ích của mình thì không được. Vậy làm sao nói đồng được!)

Đối với việc này cần phải diệu ngộ, ngộ rồi đâu còn cảnh thứ hai để làm đối đãi ư!

(Đối đãi là có và không có, đồng với không đồng. Bởi vậy, đồng là nhị, chẳng đồng cũng là nhị. Tại sao? Vì có nhị mới có đồng, tức là cái này đồng với cái kia; khác cũng là nhị, tại cái này khác với cái kia là chẳng đồng. Đồng với chẳng đồng là nhị. Tâm mình chẳng nhị, nên phải tự ngộ mới được).

Kệ kết thúc:

Tò vò làm ổ trên mi muỗi,
Muốn cùng đại bàng nổi cánh bay.
Muốn cho hư không chẳng thiếu kém,
Mở mắt bị nhốt trong chiêm bao.

(Tò vò sao làm ổ được trên mi muỗi? Tò vò nhỏ, còn đại bàng quá lớn, làm sao nổi cánh bay được!

Hiện giờ, mình bị nhốt trong mở mắt chiêm bao. Nếu cho hư không là cái gì, đều chẳng phải. Vì hư không chẳng phải là cái gì, mà nói hư không chẳng thiếu kém, là đem ý của mình vô, thì phải ở trong mở mắt chiêm bao.

*Ra ngoài mở mắt chiêm bao tức là kiến tánh. Chưa kiến tánh, có nói gì cũng chẳng đúng; vì ý của mình đã có hai chữ **cho là**).*

8 - LƯƠNG DO THỦ XẢ, SỞ DĨ BẤT NHƯ.

(Bởi do thủ xả, cho nên bất như) (như là đúng như tự tánh).

Lời khai thị:

Tiền Phước nói "mạc" (đừng), Triệu Châu nói "vô" (không), Tuyết Phong phóng ra con ba ba Nam Sơn, Vân Môn đánh chết cá lý ngư Đông Hải. Hưng Hóa đi dự trai tăng thôn làng, vào trong cỏ miếu tránh gió bão; Đôn Hà thiêu Phật gỗ, làm cho viện chủ rụng lông mày... Những việc kể trên, đã nghi chết biết bao đại trượng phu.

(- Suốt đời, Tổ Tiền Phước gặp người hỏi điều gì, thì trả lời "Đừng có vọng tưởng".

- Có người hỏi Triệu Châu: Con chó Phật tánh không?

Triệu Châu trả lời: Vô.

Hiện giờ người học thiền ở Nhật Bản tham chữ "vô".

-Trời lạnh, Đôn Hà đem tượng gỗ đốt lấy hơi ấm, Viện chủ thấy vậy nói: Khùng điên sao đem Phật của tôi đốt?

Đôn Hà trả lời: Đốt tìm xá lợi.

Viện Chủ nói: Phật gỗ làm gì có xá lợi?

Đôn Hà nói: Phật này không có thì lấy Phật khác.

Viện Chủ đâu biết, đó là cơ xảo của Tổ, cho nên ngay đó lông mày rụng hết.

Việc này làm cho thiên hạ phát nghi tình, nghi chết biết bao đại trượng phu thì mới được kiến tánh. Chư Tổ làm việc gì cũng làm cho người ta phát nghi tình. Nghi là nhân, ngộ là quả. Nên nói: Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Luơng do thủ xả, sở dĩ bất như". Người nghĩa giải cho rằng: Tâm này đã tròn như thái hư, không thiếu tướng nào, tất cả đều "Như". Nếu người ở trong pháp nhiệm tịnh vừa sanh tâm thủ xả, thì Bất Như rồi.

(Tâm này đã tròn như hư không, thì không có thiếu tướng nào nên tất cả đều như. Nếu người ở trong các pháp dơ dáy, trong sạch; có tâm lấy dơ dáy, bỏ trong sạch hay lấy

trong sạch, bỏ dơ dáy thì đã bắt như; tức là có phân biệt lọt vào tương đối của nhất niệm vô minh, không phải đúng như bản lai bản tâm).

Tịch nghĩa giải:

Nếu bậc Tu sĩ tham học chơn chánh, thấy những người này liền phun nước miếng vào mặt, chẳng phải tánh nóng.

(Tức là những người đó nói bậy, dù có lý cao siêu cùng tột, cũng phun nước miếng vào mặt họ).

Vì con rồng vẽ đâu có thể làm mưa được.

(Tại sao? Chỉ có rồng chân thật mới làm mưa. Hành giả tham thiền muốn hiện ra tâm chân thật, mà chỉ nghe, suy nghĩ để nói ra, giống như con rồng vẽ làm mưa).

Kệ kết thúc:

Hai việc thủ xả đã bắt như,
Con trâu ai dám con gọi lừa.
Bản thể kim cương khắp pháp giới,
Cũng là dưới hàm rồng lại râu.

(Bản thể diệu tâm cùng khắp pháp giới như kim cương cứng chắc, không có thể bị tổn thương lay động).

Râu tự mọc làm sao rồng được! Nếu cho bản tâm cứng như kim cương là rồng lại râu, hay nói lý cao nhất cũng là rồng lại râu).

9 - MẠC TRỤC HỮU DUYÊN, VẬT TRỤ KHÔNG NHẪN.

(Đừng theo nơi có, chớ trụ nơi không).

Lời khai thị:

Vạn vật lãng xăng con người ngu độn, lia tướng lia danh, có ai không hiểu. Vì sao Đạt Ma phân da phân tủy, Lâm Tế lập chủ lập khách, làm cho con cháu lẫn lộn tìm!

(Tổ Đạt Ma muốn xét môn đồ, để biết trình độ của mỗi người đến mức nào. Tất cả môn đồ đều trình cái hiểu của mình. Có người trình xong Tổ cho là được da của tôi, thêm một bước nữa thì được thịt của tôi. Cuối cùng đến Huệ Khả đi ra không nói gì cả, thì Tổ nói “được cái tủy của tôi”. Rồi truyền pháp cho Huệ Khả làm nhị Tổ. Bởi vì không thể nói được, nói ra là không đúng).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Mạc trục hữu duyên, vật trụ không nhẩn", Người nghĩa giải cho rằng: Cả 2 đều hư huyền, khởi tâm chấp trước thì thủ xả tranh nhau.

(Chấp có là thủ, chấp không là xả; có thủ có xả đều không được).

Một niệm chẳng sanh thường ở trung đạo là đạo nhân giải thoát.

(Tức là không lấy không bỏ, không cho là có, không cho là không có, không sanh niệm nào thì ở trong trung đạo là đạo nhân giải thoát).

Tịch nghĩa giải:

Sai lầm! Đợi người biết là giải thoát, đã lọt vào ngoan không rồi.

(Vì cái biết “giải thoát” thuộc phạm vi tương đối của ý thức, mà ý thức do chúng sanh điên đảo tạo ra. Như Phật đã phủ nhận trong kinh Bát Nhã rằng “vô nhân, vô ngã, vô tử, vô thiết, vô thân và vô ý thức”).

Nếu là bậc ngộ tâm chân thật thì hữu duyên và không nhân há ở bên ngoài giải thoát ư!

(Tức hiện ra bản thể trống rỗng, cùng khắp không gian thời gian, đâu có pháp đối đãi hữu và vô để dung nạp. Hữu duyên và không nhân là do tình thức của chúng sanh bày đặt ra. Ở nơi Tự tánh bình đẳng, đã không có pháp hữu vô để phân biệt, thì hữu tức là vô vậy).

Kệ kết thúc:

Đừng theo nơi có, còn là dễ,
Chớ trụ nơi không mới thực khó.
Hai đầu khó để đều chấm dứt,
Tổ đình y xưa chẳng dính dáng.

(Ở nơi tình thức phân biệt, không lọt vào có thì cũng lọt vào không; không lọt vào không cũng lọt vào có, chỉ có nghi tình thì có và không đều chẳng biết. Đã chẳng biết thì không bị có và không dính mắc. Vậy làm gì có khó dễ ư! Đến đây gặp nhân duyên, ô lên một tiếng thì tình thức tan rã, Tổ đình vẫn y xưa).

10 - NHẤT CHỦNG BÌNH HOÀI, DÂN NHIÊN TỰ TẬN.

(Trọn một bình đẳng, tuyệt nhiên tự sạch).

Lời khai thị:

Đạo tràng chẳng động, pháp vốn vô sanh.

(Tất cả đều nói bản tâm. Bản tâm không có số lượng, không có hình tướng, giống như hư không nên nói chẳng động. Chẳng động là vô thị vô sanh, không có sự bắt đầu và không có sự cuối cùng; tức là vốn không có sanh khởi, tất cả đều tự nhiên).

Trăng sáng thấu song cửa, gió mát đầy bình phong.

(Vũ trụ vạn vật y như cũ).

Chỗ có Phật chẳng được trụ.

(Không trụ chỗ ngộ, nghĩa chữ ‘Phật’ là giác ngộ, vì đối với mê. Tâm của mình không có tương đối, vốn không có mê ngộ. Nếu còn ngộ tức là còn mê. Cho nên, ngộ cuối cùng thì cái ngộ cũng tan rã. Thiên tông gọi là đại tử đại hoạt, cũng nói là đồng như chưa ngộ. Nếu ngộ rồi còn ôm cái ngộ, thì vẫn còn mê. Thiên tông gọi là tiểu tử tiểu hoạt, tức chưa ngộ cuối cùng).

Dùng sắt gói tim đèn.

(Chuyện này không thể xảy ra).

Chỗ không Phật chạy mau qua.

(Không chấp có Phật, cũng không chấp không có Phật).

Bông đẹp trái gắm lụa.

(Bông đẹp trái gấm lụa là việc thừa, tức là mọi việc sẵn sàng tự nhiên; không thêm không bớt, không xấu không đẹp; tất cả hình tướng, số lượng đều không thật có).

Ngoài ba ngàn dặm tìm bông hái, mười phương hư không đều tiêu mất.

(Hình dung bản tâm, không có số lượng, không có hình tướng, không thể tiếp xúc. Nói ba ngàn dặm tìm bông hái, làm sao có! Đã ngộ thì không chấp hư không, nên nói: Mười phương hư không đều tiêu mất).

Dễ thương lượng, khó định chuẩn.

(Nếu định chuẩn thì có lý, cao nhất là chân lý; đã lập chân lý thì có giả lý là có nhị, cũng là pháp tương đối. Bản thể diệu tâm không có tương đối, không có chân giả, không có tiêu chuẩn. Mặc dù nói dễ thương lượng, nói cái gì đó... thì nói được. Nhưng thật tế không có tiêu chuẩn, không có định chuẩn, không có số lượng, không có hình tướng. Vậy làm sao lục căn tiếp xúc được? Lấy cái gì tiêu chuẩn để làm chân lý?)

Trâu sắt ở đáy biển ăn roi sắt.

(Chuyện này không thể có).

Bên đầu trăm cỏ gió lạnh lùng.

(Tức là mọi thứ đều như cũ, không đem ý mình vô mọi sự vật. Như cuộc sống hằng ngày, ăn cơm thì ăn cơm, mặc áo thì mặc áo, nói năng tiếp khách thì nói năng tiếp khách. Cái gì vẫn y như cũ, đừng lấy ý của mình cho là phải hay không phải, cho là hợp lý hay không hợp lý. Mục đích tham Tổ Sư thiền là muốn mình chấm dứt 2 chữ "cho là", tức ngưng tác dụng của bộ não, để cho cái biết khắp không gian, khắp thời gian của tự tánh hiện ra).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất chủng bình hoà, dân nhiên tự tận". Người nghĩa giải cho rằng: Tình chấp thủ xả đã sạch, tri kiến thánh phàm không nơi nương tựa, tự nhiên tất cả chỗ đều bình thường, tất cả chỗ tịch diệt.

(Nghịch chướng, phiền não, đau khổ... những danh từ này là phàm phu. Bát nhã, bồ đề, giải thoát... những danh từ này là bậc Thánh. Tất cả những danh từ trên đều là những sợi dây trói buộc. Nghịch chướng, phiền não, đau khổ... là sợi dây bằng bố. Bồ đề, bát nhã, giải thoát... là sợi dây bằng vàng. Dù vàng có quý, nếu chấp vào đó, cũng bị trói buộc. Tất cả tình chấp thủ xả đã sạch, tri kiến thánh phàm không nơi nương tựa, thì tự nhiên tất cả chỗ đều bình thường và tịch diệt).

Tịch nghĩa giải:

Ban ngày không ngủ, đừng nói mớ. Như nay mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, gọi cái gì là bình thường?

(Tất cả vẫn y cũ; Thiền tông cần chứng ngộ, tiến đến chỗ thật tế. Chỗ thật tế không thể suy nghĩ đến. Suy nghĩ còn không đến, làm sao dùng danh tự lời nói để diễn tả được!)

Kệ kết thúc:

Tuyệt nhiên sạch hết chẳng ngần mé,

Bên đầu trăm cỏ mở chánh nhãn.

Sanh tử Niết bàn đều bóp nát,

Chẳng biết bình thường đặt nơi nào.

(Không còn cái gì để trong tâm, tâm này như hư không, không ngăn mé. Không có ngăn mé làm sao lấy ý thức giải thích được!

Người chứng ngộ mở chánh nhãn, mở chánh nhãn thì không có nhãn. Thiên tông có câu “Thường nghe khi chưa nghe” là đối với lỗ tai, “thường thấy khi chưa thấy” là đối với con mắt. Bởi vậy, Tự tánh như hư không, tất cả đều đang thấy đang nghe; không phải nghe thấy của lục căn. Như cảm giác của lớp da, luôn luôn cảm giác khắp cơ thể; có tiếp xúc nó cũng có cảm giác, không tiếp xúc nó cũng có cảm giác. Đánh cho nó đau thì nó biết đau, làm cho nó ngứa thì nó cũng biết ngứa. Lúc không tiếp xúc thì nó biết không tiếp xúc, lúc nóng nó biết nóng, lúc lạnh thì nó biết lạnh, lúc không nóng thì nó biết không nóng, lúc không lạnh thì nó biết không lạnh. Cái biết lớp da luôn luôn biết; chẳng phải có tiếp xúc thì mới biết, không tiếp xúc thì không biết. Có tiếp xúc nó vẫn biết, không tiếp xúc nó vẫn biết. Nếu không biết làm sao biết không tiếp xúc!

Tâm mình cũng vậy, không phải thấy cho là thấy, nghe cho là nghe; cái dùng của nó, mình không dùng nó vẫn dùng. Như cảm giác lớp da, mình không dùng, nhưng nó vẫn dùng; chứ chẳng phải mình dùng nó mới dùng. Cho nên số lượng không hạn chế được, còn bên đâu trăm chỗ là số lượng. Chánh nhãn không cần thấy mà thấy, vì cái thấy luôn luôn cùng khắp thời gian; không phải dùng con mắt xem mới thấy. Vì thấy nghe đều sẵn sàng. Như cái biết lớp da luôn luôn sẵn sàng. Tiếp xúc một chỗ nó cũng biết, mười chỗ đồng thời tiếp xúc nó đồng thời biết mười chỗ, một trăm chỗ cùng tiếp xúc nó đồng thời biết một trăm chỗ. Nếu bớt đi một chỗ nó biết bớt đi một chỗ. Vì cái biết đó sẵn sàng, không phải không tiếp xúc mà bị gián đoạn. Cho nên, sự thấy nghe của Tự tánh không bao giờ ngưng dứt.

Như mặt trời lúc nào cũng chiếu sáng, chứ không có ngưng chiếu. Khi mây đen và quả đất che khuất, không thấy ánh sáng; không phải mặt trời không chiếu ánh sáng. Dụng của bản tâm cũng vậy, luôn luôn cùng khắp không gian thời gian, nó không bao giờ ngưng. Hiện giờ mình làm cho nó ngưng, nhưng sự thật nó không ngưng; mà người ta không biết, cứ cho mắt xem mới thấy, dùng tai nghe mới nghe.

Nếu vậy, tất cả đã sẵn sàng rồi. Không phải có sanh tử rồi hết sanh tử mới chứng Niết Bàn. Sanh tử và Niết Bàn là pháp đối đãi. Bản tâm không có đối đãi, nên nói: Sanh tử và Niết Bàn đều bóp nát. Do tâm mình chấp nên có sanh tử và Niết Bàn. Sanh tử và Niết Bàn đều bóp nát, gọi cái nào bình thường hay không bình thường! Vậy bình thường đặt ở nơi nào? Có bình thường thì có không bình thường cũng là pháp tương đối vậy.

Theo lời nói của Tam Tổ mà giải nghĩa thì xa với thật tế. Ý của Tam Tổ muốn mình chứng ngộ, cần phải tham thiền đến chỗ kiến tánh được thấy chỗ thật tế. Nếu chưa ngộ mà đuổi theo lời nói, để giải thích là sai lầm, không đúng thật tế).

11 - CHỈ ĐỘNG QUY CHỈ, CHỈ CẢNH DI ĐỘNG.

(Ngăn động trở về tịnh, tịnh ấy càng động thêm).

Lời khai thị:

Nói quanh lao học danh tướng, nói thẳng chẳng có dài dòng.

(Lời nói của mình không nói trực tiếp, nói từ xa đến gần gọi là nói quanh. Nhưng nói chuyện phải dùng danh tướng để nói, phàm có lời nói là lao nhọc danh tướng. Nếu

nói thẳng chẳng có dài dòng, mặc dù chẳng có dài dòng cũng là lời nói. Nói quanh hay nói thẳng đều không có dính dáng đến thật tế.

Nói quanh tạm gác một bên, thế nào là nói thẳng? Trương Tam ăn gậy sắt, Lý Tứ chịu đòn đau.

(Người này bị đánh, người kia chịu đòn đau, đâu có việc này!)

Người sống vào quan tài, người chết đi đưa đám; Quan Âm mất hết thần thông, lại bị con nít chọc ghẹo.

(Những chuyện này không thể xảy ra).

Nói thẳng tạm gác một bên, nói quanh là thế nào?

(Người ta thường nói thẳng nói quanh, nên lao nhọc danh tướng là bị trời buộc).

Hạt giống Phật nên trồng nơi Tự tánh.

(Cần phải tu giác ngộ nơi Tự tánh, mới đến chỗ thật tế. Chỗ thật tế không thể nói quanh nói thẳng được).

Hạt giống Phật nên theo trên Tâm địa.

(Tâm giống như đất, muốn trồng hạt giống Phật, phải trồng trên Tâm địa; tức là do tâm mình tự chứng ngộ mới được).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Chỉ động quy chỉ, chỉ cánh di động". Người nghĩa giải cho rằng: Chân tâm trạm nhiên luôn luôn bất động, xưa nay lưu chuyển đều do vọng kiến.

(Minh lưu chuyển trong lục đạo đều do vọng kiến mà ra).

Vậy động đã là vọng, tịnh cũng là vọng; nếu dùng vọng để ngăn vọng, giống như ôm củi chữa lửa, chỉ thêm cháy mạnh.

(Làm sao chữa cho nó tắt được!)

Lấy lời Pháp sư Tăng Triệu dẫn chứng rằng "Muốn tìm chỗ bất động, đâu phải buông động để cầu tịnh, ắt phải cầu tịnh ở nơi động. Vì cầu tịnh ở nơi động, dù động mà thường tịnh, chẳng buông động để cầu tịnh, dù tịnh mà chẳng lìa động".

(Sự thật sống trên đời, cái gì cũng động, chứ chẳng phải tịnh. Có nói tịnh thì tịnh đó cũng ở trong động; như bây giờ mình ngồi yên một chỗ thật tịnh trên quả đất, nhưng sự thật nó đang động của quả đất quay xung quanh mặt trời).

Nhà khoa học tính trái đất quay 180.000 km/g. Vậy làm sao thấy được tịnh! Nhưng mình lại thấy tịnh. Tất cả vật chất, như cái bàn đang tịnh tức không động; nếu dùng kính hiển vi gấp mấy ngàn lần, thấy các hạt nguyên tử đang chuyển động. Vì tất cả vật chất đều do các nguyên tử hợp thành; mỗi nguyên tử ở giữa có một trung tử, xung quanh có nhiều điện tử đang xoay ngày đêm không ngừng, không có sự bắt đầu và cuối cùng.

Như vậy cái bàn này đang tịnh, nhưng sự thật nó cũng đang động. Tất cả nói tịnh là tịnh ở trong động, mà nói động là động ở trong tịnh. Sự thật chẳng phải động tịnh; động tịnh là do cảm giác suy nghĩ của vọng tâm, tất cả đều là vọng. Thật tế bây giờ cũng vậy, động chẳng lìa tịnh, tịnh chẳng lìa động).

Thế thì, động chẳng tương động, tịnh chẳng tương tịnh.

(Như thấy cái bàn đang tịnh, sự thật nó đang động. Vậy nói tướng động không đúng, tướng tịnh cũng không đúng).

Trong kinh nói hai tướng động tịnh rõ ràng không sanh.

(Nhiều nguyên tử hợp tác thành cái bàn này, mỗi hạt nguyên tử, trung tử, điện tử, nó đang xoay ngày đêm không ngừng. Vậy sức động từ đâu ra? Tại sao nó có sức xoay hoài vậy?)

Muốn chiếc hon da chạy cần phải có xăng đốt cho nóng, rồi nó chạy mới có sức động. Hạt nguyên tử rất nhỏ, con mắt mình không thấy được, phải dùng kính hiển vi mới thấy. Hiện nay nó đang động do sức ở đâu? Nhà khoa học không tin ở tâm, vì không tiếp xúc được. Phật nói “tất cả đều do tâm tạo”, là do sức của tâm.

Trong Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói rõ “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của các ông động”. Mặc dù mình thấy gió động, phướn động; nhưng tâm của ông động nên gió mới động, tâm của ông động nên phướn mới động. Hiện nay người ta không tin như vậy. Phật pháp là tin tự tâm và hiện ra cái dụng của tâm).

Bởi vì rõ biết động tịnh đều là cảnh vọng, các vọng đã tiêu thì hai tướng đâu còn!

(Đây cũng là lời nói, chứ thật tế thì chẳng phải vậy. Cho nên ngài Trung Phong phủ nhận dưới đây).

Tịch nghĩa giải:

Thôi thôi! Động là núi bạc, tịnh là vách sắt. Nếu chưa từng đập nát mà muốn kia không sanh thì còn cách xa quá.

(Nay mình thấy rõ ràng, không thấy tịnh thì phải thấy động, không thấy động thì thấy tịnh. Cuộc sống hằng ngày bị chi phối, làm sao ngưng được?)

Kệ kết thúc:

Ngọn lửa đâu cho ruồi muỗi đậu,
Lưỡi kiếm đâu cho thân trần đụng.
Nhà kín Đạt Ma không cửa nẻo,
Năm tay lôi kéo chẳng ai vào.

(Ngọn lửa làm sao ruồi muỗi đậu được! Là thí dụ động tịnh không rời khỏi nhau.

Lưỡi kiếm rất bén, nếu không mặc áo mà đụng nó thì phải bị thương.

Pháp môn tham thiền như nhà kín Đạt Ma. Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Quốc truyền pháp môn Thiền tông, rồi truyền sang Việt Nam, Hoa Kỳ. Nhà kín không cửa nẻo làm sao vào? Nếu người quyết tử muốn vào cũng không khó, có thể một sát na mà vào, nhưng người ta khó tin. Dầu có tin, nhưng còn thực hành khổ cực, e chịu không nổi! Tuy nhà kín không cửa, trong đó rất tốt, nhưng năm tay lôi kéo chẳng ai chịu vào).

12 - DUY TRỆ LƯƠNG BIÊN, NINH TRI NHẤT CHỦNG.

(Hễ kẹt hai bên, đâu biết vốn một).

Lời khai thị:

Nhìn thẳng nhìn trái, đông nổi tây lặn, ló ra đầu búa không lỗ, đập lũng đáy thùng sơn đen,

(Hiện giờ ai cũng có Phật tánh, nhưng dùng không được, như đầu búa không lỗ. Thùng sơn đen trong đó đen tối mịt mù; người kiến tánh gọi là đập bể đáy thùng sơn đen. Thùng sơn đen bị đập bể thì ánh sáng lọt vào trong đó).

Chân nhân vô địa vị, bạt tai núi Tu di một cái, khiến cho Bồ tát Hư Không Tạng đứng giữa ngã tư đường chấp tay nói rằng: Cúi xin trân trọng!

*(Bản tâm không có số lượng, không hình tướng, không địa vị. Chư Tổ trong Thiên tông khai thị xong, cuối cùng nói 2 chữ **trân trọng**, như người ta gặp nhau nói mạnh giỏi).*

Tại sao có những việc trên như thế?

(Chưa kiến tánh, những việc trên không thể biết được, đến khi kiến tánh mới biết được. Nếu dùng lực căn tiếp xúc để đoán mò, khác chi lấy vọng để trừ vọng, tìm được cũng là vọng. Vì sao? Bên mặt là vọng, bên trái cũng là vọng; dầu cho thành một cũng là vọng. Vì có một nên có hai có ba).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Duy trệ lưỡng biên, nhất trí nhất chủng". Người nghĩa giải cho rằng: Lưỡng biên là 2 tướng động tịnh, nhất chủng là toàn thể không khác. Đây là lời giải thích 2 câu trên, phải biết động tịnh nhị biên, vọng thì cùng vọng, chân thì cùng chân, đâu có hai thứ.

(Theo thật tế hằng ngày, tất cả đang động tịnh, cũng không phân biệt động tịnh. Như mình ngồi đây nói là tịnh, nhưng quả đất đang xoay là động thì đâu có 2 thứ. Ở trên giải thích nghĩa rất cao tốt, nhưng lý cao cũng là danh từ lời nói, không phải thật tế. Cho nên, ngài Trung Phong còn phải phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Im đi! Im đi! Đừng đem kiến giải vô dụng đã học được, để chôn vùi chân tâm của Tổ sư.

(Tam Tổ làm Tín Tâm Minh này, ý là muốn chúng ta ngộ thật tế, chứ không phải đàm luận nghĩa lý. Đàm luận nghĩa lý cao siêu như đem kiến giải vô dụng, để chôn vùi chân tâm của Tổ vậy).

Kệ kết thúc:

Thị nhất chủng hay phi nhất chủng,

Thị phi hết chấp có ai biết.

Chớ đem đá rêu xanh trong tuyết,

Cho là cò trắng đứng dưới sông.

(Thị phi là tương đối, cho là nhất chủng hay là chẳng phải nhất chủng cũng là thị phi.

Phải kiến tánh mới biết, chưa kiến tánh thì không biết.

Tuyết là màu trắng không sanh ra đá rêu xanh được. Bởi vậy việc không có, nếu nói ra cũng là việc không có; giải thích lý cao tốt cũng là việc không có, như cho là cò trắng đứng dưới sông).

13 - NHẤT CHỦNG BÁT THÔNG, LƯƠNG XỨ THẤT CÔNG.

(Vốn một chẳng thông, đặt ra hai chỗ là uổng công).

Lời khai thị:

Nhận nai là ngựa, gọi lu là chuông, xưa nay đem sai chiều theo sai, chẳng khác đem hư không lập hư không, ngồi rách năm, ba cái bò đoàn, vỗ tay cười to; đi gãy bảy, tám cây tích trượng, mặt mày hớn hờ, quét sạch bệnh cháp Phật Tổ, diệt mất Thiêu Lâm Tông (Thiền Tông), lò rèn lâu năm lửa vẫn hồng.

(Cuộc sống hằng ngày đều sai lầm, vì qua bộ não nhận biết đều sai lầm. Cho nên Bát Nhã Tâm Kinh nói “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý”. Không phải không có lục căn, lục căn nhận biết đều không thật; tức là đem sai lầm chiều theo sai lầm, chẳng khác nào đem hư không lập hư không. Hư không trống rỗng đâu có nghĩa lý gì!)

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất chủng bất thông, lưỡng xứ thất công". Một số thiền giả bày đặt rằng: Hai câu này là lời kết trước dẫn sau, nói kết trước là hiển bày chơn lý vốn một; nói dẫn sau là trách cái vọng của có và không vậy.

(Nhưng thật tế không thể nói vốn 1. Nếu có 1 thì phải có 2, 3... cho đến muôn ngàn, 1 là số bắt đầu. Tâm mình vốn không có con số tức là không có số lượng. Cho nên vốn 1 cũng chẳng phải. 1 còn chẳng phải hướng là 2. Có và không là 2. Theo văn giải nghĩa rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong cũng phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Nếu là Nạp tăng chơn thật, dù nói một nói hai, câu nào cũng quy về tự tông (bản thể), lời nào cũng là ứng dụng.

(Theo truyền thống xưa, Tu sĩ lượm các vại vụn rách kết thành chiếc áo để mặc gọi là nạp y, tự xưng là Nạp Tăng. Người đã chứng ngộ không cháp 1 không cháp 2. Vì theo thể lưu bố tướng, nghĩa là theo thể gian đã lưu hành thì phải theo như vậy. Nhưng người thể gian nói 1 cháp 1 là thật, nói 2 cháp 2 là thật; tức là người chứng ngộ dùng lời nói để độ chúng sanh).

Nếu chẳng như thế, thì nói một đã lọt vào hang ổ rồi, hướng là hai ư!

(Kinh Đại Niết Bàn nói “phàm phu ở trong thể lưu bố tướng sanh ra trước tướng, bậc thánh chỉ có thể lưu bố tướng không có trước tướng”. Trước tướng là điên đảo tướng, không trước tướng là không điên đảo tướng).

Kệ kết thúc:

Nói một xưa nay không chỗ để,

Nói hai đâu có chỗ lập công?

Chi vì bà mẹ dặn quá kỹ,

Liên lụy vợ tôi cháp thấy nghe.

(Nếu cháp thật thì 1 cũng không có chỗ để. Nói hai đâu có chỗ lập công, có công gì để uổng đâu!)

Hai câu cuối là diễn tả con dâu có hiếu đối với mẹ chồng. Bà mẹ dặn sao con dâu làm vậy. Cháp cái thấy nghe cho là thật. Sự thật cuộc sống hằng ngày, thấy là bị con mắt lừa gạt, nghe là bị tai lừa gạt. Tất cả đều không đúng với thật tế, là hiểu biết sai lầm của bộ não, mà người nào cũng cho là thật. Cho nên cần phải tham thiền để chứng ngộ, rồi tự mình chứng tỏ).

14 - KHIỂN HỮU MỘT HỮU, TÙNG KHÔNG BỘI KHÔNG.

(Trừ bỏ có thì kẹt nơi có, đuổi theo không lại trái với không).

Lời khai thị:

Đầu chánh đuôi chánh, tâm không mắt không, gặp nhau trong đường hẹp chỗ nào nói bấy cũng trúng.

(Lời nói 1 không chấp là 1, lời nói 2 không chấp là 2).

Cây bách trước sân của Triệu Châu cắt đứt một dòng suối thế gian.

(Tức là các vọng tưởng của thế gian ngay đó cắt đứt thì được ngộ. Không cắt được mà theo nghĩa lý để giải thích, nên không thể chứng ngộ).

Cái bánh sắt có nhân của Đông Sơn, bóng nước bầu trời hiện cây tùng.

(Lời của Tổ sư rất vô lý, vì nó vô lý không thể giải thích, tác dụng để cắt đứt nguồn suối ý thức vọng tưởng thế gian. Nói bánh sắt có nhân cũng là việc vô lý. Bóng nước bầu trời hiện cây tùng. Cây tùng ở dưới nước chỉ là cái bóng).

Voi lớn không đi đường con thỏ, sư tử đâu chịu giẫm dấu chồn.

(Người giác ngộ không đuổi theo lời nói của Phật, Tổ. Sư tử và voi lớn dụ cho tự tánh. Thiên tông có câu "Hàn Lu trực khối, sư tử giáo nhân". Nghĩa là chó mực ở nước Hàn rất thông minh, có người quăng ra cục xương, dù nó thông minh, nhưng vẫn chạy đuổi theo cục xương mà cắn. Còn con sư tử không màng đến cục xương, mà cắn ngay người quăng ra cục xương).

Người đó dụ cho Tự tánh, cục xương dụ cho lời nói của chư Phật chư Tổ. Nếu đuổi theo lời nói của chư Phật chư Tổ, bị mắng là con chó thông minh. Còn theo lời nói, mà phát hiện ngộ được Tự tánh mới là con sư tử. Đường con thỏ, dấu chồn cũng như cục xương vậy).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "khiển hữu một hữu, tùng không bội không". Những người đuổi theo lời nói giải rằng: Có là vọng có, vì trừ nó mà bị kẹt; không vốn tự không, do muốn đuổi theo nên trái. Có là cái có của nhà không; không là cái không của nhà có, không nhờ có mới hiện, có nhờ không mà bày; vì hiện nên toàn không là có, vì bày nên toàn có là không, dung nhiếp với nhau mà chẳng sai, tương đối lẫn nhau mà chẳng khác. Do đó được biết, trừ nó hay theo nó đều là vọng.

(Nghĩa giải này, tuy là lý cao siêu, nhưng ngài Trung Phong cũng còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Sư tử cắn người, đâu chịu đuổi theo cục xương.

(Theo chuyện ở trên, con sư tử không chạy theo cục xương, mà lại cắn người. Con chó đuổi theo cục xương).

Y văn giải nghĩa, còn không bằng con chó đuổi theo cục xương nữa, mà muốn nó rống lên chụp người ném cục xương ấy, thì đâu có thể được!

(Lời nói của chư Phật, Tổ là muốn mình không hiểu nghĩa lý, mà muốn nơi tự tâm chứng ngộ gọi là kiến tánh thành Phật).

Kệ kết thúc:

Chỉ vì lá bùa dán quá cao,
Giữ cửa vẫn bị quỷ thần vào.
Đâu bằng ở dưới thêm nhà lá,
Suối, mây, trăng, núi làm bạn nhau.

(Ở bên Tàu, mỗi nhà có dán lá bùa trên giữa cửa, vì dán cao nên bị quỷ thần vào.)

Hai câu cuối là hình dung người đã kiến tánh ở đâu cũng được, ở nhà lá ở rừng núi có suối, có mây có trăng làm bạn, tự nhiên thông thả tự do tự tại; đâu có cần dán bùa giữ cửa làm chi! Hiện giờ mình sống lo này lo kia là tự mình làm khổ mình, cũng như dán bùa ở cửa thì đâu có được!

15 - ĐA NGÔN ĐA LỰ, CHUYỂN BẤT TƯƠNG ƯNG.

(Nói nhiều lo nhiều, càng chẳng tương ưng).

Lời khai thị:

Như nước vào nước, như gương soi gương.

(Đây là hình dung bản tâm của mình bất nhị).

Tẩy được pháp trần lại kết thành kiến bệnh.

(Vốn không có pháp trần để tẩy, vì chấp có pháp trần, nên dùng tâm để tẩy. Nếu có pháp trần để tẩy thì trở thành kiến bệnh tức là bị kiến giải. Diệu tâm vốn không có tri kiến, chấp có pháp trần, rồi sợ ô nhiễm mới tẩy sạch nó, thì trở thành kiến bệnh, không phải bốn lai vốn không có tri kiến).

Làm cho chư Phật không nhà để về, lịch đại Tổ sư không có đạo để chứng.

(Mục đích tu kiến tánh thành Phật, cứ chấp theo kiến giải thì thành kiến bệnh, làm cho 3 đời chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai không có nhà để về. Hiện giờ chúng sanh không biết đường về. Muốn về quê nhà thì phải chứng ngộ, chứng ngộ thì phải tham thiền).

Vi thương xót quan tuần mù mắt, phải xem số mạng cho Không Vương.

(Quan tuần phải có mắt, nếu mù mắt thì sao đi tuần được? Hiện tại chúng ta sống trong thế gian, làm chuyện này chuyện kia, giống như quan tuần mù mắt vậy. Tánh không chẳng có hình tướng chẳng có số lượng, gọi là Không Vương. Như số mạng Không Vương của mình bị mất, muốn hiện Không Vương phải tham thiền).

Đêm khuya lật bàn quẻ ra xem, hư minh lạnh lẽo tự soi nhau. Cho nên nói "Đa ngôn đa lự, chuyển bất tương ưng".

(Xem số mạng cho Không Vương, như đêm khuya không có ai, mà lật bàn quẻ xem số mạng. Cho nên nói: Nói nhiều lo nhiều, càng chẳng tương ưng).

Lời Nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Nói nhiều cách đạo càng xa. Lại nói "Diệu tâm rỗng nhiên chiếu soi, lấy tịch lặng của bậc Thánh làm tông". Còn dẫn chứng Tổ Đạt Ma dạy "Ngoài tuyệt các duyên, trong tâm không nghĩ tưởng". Ngoài tuyệt các duyên thì quên lời nói, trong không nghĩ tưởng thì hết niệm lo.

(Tịch lặng của bậc Thánh là lìa đối đãi động tịnh. Thanh tịnh tự tánh lìa nhị biên. Đã lìa nhị biên thì động tịnh hai tướng chẳng khác, thì diệu dụng của Diệu tâm rỗng

nhân chiếu soi cùng khắp không gian và thời gian. Sở dĩ, sự chiếu soi của Diệu tâm bị mất hay không cùng khắp, đều do có sự chấp trước của lục căn, nên có câu: Nói nhiều lo nhiều, cách đạo càng xa.

“Ngoài dứt các duyên trong không nghĩ tưởng” của Tổ Đạt Ma. Đây quá trình tu đến mức cuối cùng, đến chỗ vô tâm tức là chân tham. Vô tâm không cho hữu tâm biết, cảnh giới này không có niệm nào khởi lên, thì đâu có nghĩ tưởng; trong Thiền tông gọi là thoại đầu, cũng là tận cùng của ý thức; cần phải tiến qua một bước nữa là khỏi ý thức, đưa đến kiến tánh thành Phật).

Tịch nghĩa giải:

Người dẫn chứng như thế rồi, vậy có tương ứng với Tự tánh hay chưa?

(Bởi vì lời nói là lời nói, muốn tương ứng phải tự ngộ mới được. Lời nói làm sao tương ứng?)

Nếu chưa, thì nói chi ngôn ngữ này nọ!

(Nói cách nào cũng là lời nói, nói lý cao siêu cũng không có ích).

Kệ kết thúc:

Do lời hiển đạo, đạo quên lời,
Quên đến không lời cũng vọng truyền.
Thị phi thoát ra ngoài lời nói,
Hư không chẳng miệng biết nói thiền.

(Muốn hiển bày cái đạo thì phải có lời nói. Nhưng đạo đó phải quên lời nói, mới có đạo được; nếu có lời nói thì không có đạo.

Quên đến không lời nói cũng vọng truyền, vì đâu có cái gì mà để quên; có cái gì để quên tức là có cái gì thật để quên, đã là có tâm chấp rồi. Dẫu cho quên hết không lời cũng là vọng.

Thị là đúng, phi là sai, thoát ra ngoài lời nói. Hư không đâu có miệng nhưng mà biết nói thiền. Hư không này chẳng có nghĩa lý gì, nhưng tham thiền cũng phải nhờ cái hư không này. Vũ trụ vạn vật, núi sông, đất đai, nhà cửa, cây cối ... tất cả được ứng dụng đều nhờ cái không này. Nếu chẳng có cái không, thì chẳng thể hiển bày cái dụng.

Hiện tại chúng ta tham thiền cũng nhờ cái không này; tuy rằng hư không chẳng có nói thiền, nhưng tất cả đều do tâm mình. Hư không tức là tâm mình trống rỗng, tất cả đều phải nhờ nó. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói “tất cả đều do tâm tạo”. Sự thật tâm không có tạo, nhưng vạn vật đều ở trong hư không, mà từ hư không sanh ra, tức là tâm sanh ra, nên nói là tâm tạo).

16 - TUYỆT NGÔN TUYỆT LỰ, VÔ XỨ BẤT THÔNG.

(Bật nói bật lo, chỗ nào cũng thông).

Lời khai thị:

Đạo Ngô múa hốt (cây hốt của quan triều đình), Thạch Củng gương cung, Tây Hà sư tử, Trường Sa mãnh hổ, chẳng những bấy giờ tiếng tăm lừng lẫy, cho tới ngày nay gia phong vẫn còn lưu truyền, đến dưới cửa Tô Sư phải khiến dẫu chuột diệt mất.

(Đạo Ngô là một Tổ sư danh tiếng múa hốt, Ngài dùng cây hốt để độ đồ chúng.

Có người hỏi Thạch Củng về vấn đề gì thì Ngài dùng cung để giương ra, cũng là vị kiến tánh triệt để có danh tiếng.

Tây Hà Sư Tử là Tổ danh tiếng. Bây giờ, con cháu của Lâm Tế đều là con cháu của Tổ Tây Hà.

Mỗi Tổ đều có cách đặt biệt riêng của mình, khiến cho người tham thiền ngay đó liền ngộ; ngộ không được thì không hiểu nên phải phát nghi. Sau này do cái nghi đó mà được ngộ. Cơ xảo của Tổ không dùng ý thức giải nghĩa; nếu giải nghĩa là nghịch ý của Tổ, cũng là phỉ báng Tổ.

Chư Tổ kiến tánh, trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa có ghi. Thiền tông truyền sang Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn... ở Việt Nam, các cái tháp đều thuộc dòng Lâm Tế.

Chư Tổ dùng cơ xảo đối với người tham học, khiến cho không còn dấu tích gì, bất cứ cái gì đều không có ý niệm).

Tại sao như thế? Há chẳng nói “Dùng nia đong gạo, khác với cái lít, bàn ủi nấu trà không giống cái ấm”.

(Vì bản tâm không có ý niệm; nếu khởi lên ý niệm là khác với bản tâm).

Cho nên nói “Bật nói bật lo, chỗ nào cũng thông”.

(Không có ý niệm thì không có lời nói và không có suy nghĩ. Nếu được như vậy thì không có chướng ngại, tất cả có chướng ngại là do có suy nghĩ của mình. Chúng ta thường nói “Tôi có nghiệp chướng phiền não nhiều quá”. Sự thật nghiệp chướng phiền não cũng tại nơi mình; bản tâm mình không có nghiệp chướng phiền não.

Dùng 2 chân để ví dụ cho tâm của mình; còn nghiệp chướng phiền não ở ngoài tâm tức là cái sở. Tâm là năng suy nghĩ, con đường gai góc cắt sinh là sở đi của 2 chân. Con đường gai góc cắt sinh dụ cho nghiệp chướng phiền não, 2 chân dụ cho tâm mình là năng đi. Tại 2 chân của mình ham đi con đường đó mới dính cắt sinh, rồi cắt sinh thúí quá phải rửa cho sạch.

Như nói nghiệp chướng phiền não nhiều quá cần phải trừ. Cái đó ở ngoài tâm, tâm không có nghiệp chướng phiền não. Tại do suy nghĩ mới có. Nghiệp chướng phiền não là sở suy nghĩ, chứ không phải của tâm; như 2 chân là của mình, chứ con đường gai góc cắt sinh là không phải của mình).

Lời nghĩa giải:

Hoặc có người y văn giải nghĩa rằng: Bật nói thì đường ngôn ngữ dứt, bật lo thì chỗ tâm hành diệt; đường ngôn ngữ dứt thì tịch mà chiếu, chỗ tâm hành diệt thì chiếu mà tịch.

(Tâm của mình luôn luôn không ngưng nghỉ, ngày đêm suy nghĩ mãi. Ban đêm suy nghĩ thì biến hiện ra nhắm mắt chiêm bao, ban ngày thì hiện ra mở mắt chiêm bao. Tất cả đều do tâm hành diệt. Đây là giải theo giáo môn).

Đến đây, Như Lai Thiền và Tổ Sư Thiền có thể xỏ chung một râu, cũng có cô nhân bảo họ thôi đi nghỉ đi, khoé miệng lên meo, trên lưỡi mọc cỏ v.v... đều không ngoài lý này.

(Tức là không dùng cái miệng để nói. Mặc dù, giải thích có lý cao tốt, cũng là cái lý. Thật tế thì không có nghĩa lý. Cho nên ngài Trung Phong phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Lãnh hội như thế, giống như để nước đá trên ngọn lửa hồng, thật là không biết mắc cỡ. Nếu quả như lời nói ấy, thì đâu cần Tổ Sư từ Tây Trúc sang!

(Mà cứ theo kinh thì được rồi, nhưng kinh là văn tự lời nói; Thiên tông là giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự, chỉ cần đến chỗ thật tế).

Kệ kết thúc:

Bật nói bật lo đồng người gỗ,
“Khi nào thành Phật”, Vĩnh Gia chê.
Chưa ngộ trước lời thông huyền chỉ,
Đem một mảy lông ngăn thiết vi.

(Người gỗ thì không có nói. Người gỗ đâu thể thành Phật được, cho nên ngài Vĩnh Gia chê.

Nếu chưa chứng ngộ trước khi chưa lời nói. Như tham thiền là trước khi chưa có lời nói, nếu chưa ngộ được như đem một mảy lông ngăn núi thiết vi).

17 - QUY CĂN ĐẮC CHỈ, TÙY CHIẾU THẮT TÔNG.

(Trở về cội gốc thì được ý chỉ, đuổi theo chiếu soi thì mất bản tông).

Lời khai thị:

Như thế, như thế! Cho tây làm đông.

(Tham thiền không thể cho là, cho là như thế, như thế, như cho phương tây làm phương đông, đều cách xa sự thật. Nếu cho là chẳng như thế, chẳng như thế, cũng là lấy có làm không, đều là trái ngược).

Chẳng thế ở nơi như thế, giống như dùng lưới để bắt gió.

(Dùng lưới bắt gió làm sao được?)

Như thế, ở nơi chẳng như thế, cũng như giấy ướt để nhốt cọp.

(Làm sao giấy ướt mà nhốt cọp?)

Tại sao vậy? Há chẳng nghe nói: Quy căn đắc chỉ tùy chiếu thất tông ư!

(Tam Tổ muốn hành giả tham thiền ngộ ngay, không ngộ thì nghỉ. Nói có nguồn gốc để trở về, không được đuổi theo lời nói. Cứ cho là không được, cho là như thế không được, cho là chẳng như thế cũng không được, cho là như thế ở nơi chẳng như thế cũng không được, cho là chẳng như thế ở trong như thế cũng không được. Nghĩa là lìa tứ cú, tuyệt bách phi).

Lời nghĩa giải:

Một số người khéo suy lường rằng "Bật nói bật lo" là trở về cội, "nơi nào cũng thông" là đắc tông chỉ. Nếu người lãnh hội theo nghĩa "về cội đắc chỉ" đó, thì lại đuổi theo chiếu soi làm lạc mất tông chỉ rồi.

(Tại sao? Cội vốn không chỗ về, vì tâm mình cùng khắp hư không; nếu có chỗ về thì tâm không cùng khắp. Mục đích tham thiền là hiện ra tâm khắp không gian thời gian. Tông chỉ cũng không thể đắc, tất cả đều sẵn sàng. Hư không chẳng có cái ngoài để đắc. Nếu chẳng rõ nghĩa này, tự sanh vọng chấp, cho là có tông chỉ để đắc, có chỗ cội gốc để trở về).

Nhưng Cội vốn không chỗ về, Chi cũng chẳng thể đắc, chẳng rõ nghĩa này, tự sanh vọng chấp, nói là Tùy Chiếu, nếu còn dấu tích chữ Chiếu, thì tâm tông của chư Phật chư Tổ đã lạc mất quá lâu rồi.

(Vây, nó không có chiếu mà vẫn còn chiếu. Như cảm giác lớp da không nói là “tôi có cảm giác”, vì cảm giác khắp không gian thời gian của cơ thể. Nếu tiếp xúc, nó biết có tiếp xúc; không có tiếp xúc, nó biết không có tiếp xúc; đau nó biết đau, không đau nó biết không đau; ngứa nó biết ngứa, không ngứa nó biết không ngứa; lạnh nó biết lạnh, không lạnh nó biết không lạnh; nóng nó biết nóng, không nóng nó biết không nóng. Mình muốn dùng nó cũng biết như vậy, mình không có ý dùng nó cũng biết như vậy. Không phải có tiếp xúc lớp da mới có cảm giác. Lớp da không bao giờ mất cái cảm giác, thì đâu có cần tiếp xúc mà mới là chiếu soi, nó luôn luôn như vậy.

Tâm mình cũng luôn luôn như vậy, nó đâu phải phát ra ánh sáng chiếu soi, rồi ngưng nói là không chiếu soi. Không bao giờ ngưng chiếu soi, làm sao đặt ra cái tên chiếu soi? Nó cùng khắp hư không thì không có chỗ để về; nếu có chỗ để về nên không cùng khắp, vì chỗ này có thì chỗ khác không có. Giải nghĩa như thế này có lý cao tột cũng là lời nói văn tự, chẳng phải thật tế của bản tâm, cho nên ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Quả có lời này ư! Nếu thật như thế, thì cũng như gọi Phật, Tổ xưa đến đây ăn gậy sắt của Diêm La Vương. Tại sao? Vì họ quy căn đắc chỉ vậy.

(Chớ đâu có căn để quy, đâu có chỉ để đắc? Như Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô trí diệt vô đắc”. Nếu có tông chỉ để đắc, có nguồn gốc để về thì không đúng, xa với thật tế).

Kệ kết thúc:

Tùy chiếu, quy căn đồng một việc,
Chẳng cần đặc biệt hiển gia phong.
Tâm trộm chưa chết trước cơ xảo,
“Đắc chỉ” đâu khác sự “Thất Tông”.

(Tùy chiếu và quy căn đều sai lầm. Bởi vậy, không cần chiếu cũng không có căn để quy.

Chẳng cần đặc biệt hiển gia phong, vì gia phong của chư Tổ đã sẵn như vậy.

Chư Tổ kiến tánh triệt để có cơ xảo khiến người tham thiền ngay đó liền ngộ. Muốn có cơ xảo đó thì phải chết tâm trộm cắp; trong Trung Phong Pháp Ngữ nói “Có nỗi niệm gì đều là tâm trộm cắp”, có cho là... tâm trộm cắp, cho là Phật cũng là tâm trộm cắp, cho là không Phật cũng là tâm trộm cắp, cho là đúng lý cũng là tâm trộm cắp, cho là không đúng lý cũng là tâm trộm cắp. Thì “đắc chỉ” đâu có khác sự “thất tông”. Nếu mà đắc chỉ thì mất cái tông chỉ rồi).

18 - TU DU PHẢN CHIẾU, THẮNG KHUỐC TIỀN KHÔNG.

(Phản chiếu chốc lát, không kia hơn cả).

(Không kia là tánh không; tánh không của nhà Phật là hiển bày cái dụng. Vì có cái không nên mới có cái dụng, cũng như cái tách này lấp bit hết thì chẳng có thể đựng nước. Cái đĩa chẳng có cái không thì chẳng đựng đồ được. Cái nhà chẳng có cái không thì chẳng có ngôi đây được, tất cả dùng đều phải nhờ cái không này).

Lời khai thị:

Thấy đến, hành đến, Tông thông thuyết thông.

(Tức là người đã kiến tánh thấy đến hành đến tới chỗ thật tế. Tông thông tức là tâm thông, thì thuyết gì cũng thông, nói gì cũng được).

Hiện lộ con mắt trời người, mở ra tấm lòng Phật, Tổ.

(Con mắt trời người do bộ não làm chủ thì có hại. Nếu kiến tánh rồi, Phật tánh làm chủ thì có lợi không có hại. Trong này nói hiện lộ con mắt trời người, mở ra tấm lòng Phật, Tổ là kiến tánh rồi).

Ngược với vật đuổi theo vật; giống như khác mà chẳng phải khác, giết người cứu người cũng chẳng khác, nói đồng chẳng đồng cũng chẳng khác, đều cho đề ngang xuống một lượt, nửa đêm cửa biển mặt trời hồng.

(Không có ban đêm, mặt trời chiếu soi mãi mãi. Như ánh sáng của tự tánh không bao giờ ngưng. Bây giờ mặt trời không bao giờ ngưng chiếu soi; Mặc dù ban đêm không có ánh sáng, không phải mặt trời ngưng chiếu. Vì bị trái đất che khuất, nó luôn luôn chiếu soi cùng khắp mọi nơi).

Tâm mình cũng vậy, nó luôn luôn hiển bày cái dụng, không bao giờ ngưng nghỉ. Tại mình không thấy nên không tin. Dù mình không thấy không tin, nhưng nó vẫn luôn hiển lộ cái dụng. Tham thiên là hiển lộ cái dụng của tâm mình).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Tu du phản chiếu, thắng khước tiền không". Hạng người gượng nói đạo lý rằng: Đem sáng, tối, sắc, không, dẫn nghĩa quy về tự kỷ gọi là Phản chiếu.

(Sáng và tối không có thể cùng một lượt; khi sáng thì không có tối, lúc tối thì không có sáng. Sắc là vật chất, không là trống rỗng. Theo mình biết hai thứ thì khác nhau; nếu dẫn nghĩa quy về tự kỷ, tự kỷ thì không có khác, nên gọi là phản chiếu).

Nên phải biết, không chẳng tự cho là không bởi tâm nên không, có chẳng tự có bởi tâm nên có, chúng sanh xa với tự tâm, vọng thấy có và không, mà muốn theo nó hay bỏ nó, đều gọi là điên đảo.

(Bởi vậy, Diệu tâm không có bản thể, không có hình tướng, không có số lượng; nói có thì tìm không ra, không có gì để nắm lấy; còn nói không có thì cái dụng nó vô lượng vô biên, nó hiển bày trước mặt. Nếu muốn theo nó hay bỏ nó đều không được, gọi là điên đảo. Ở trên dù nói lý cao siêu, nhưng vẫn là lời nói, là lý, không đúng với thật tế của tâm. Cho nên, ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Lời nói đoán sai. Dưới cửa Thiên Tông, tìm tâm trọn chẳng thể được, ai là người điên đảo?

(Bản tâm không có hình tướng không có số lượng, đi đâu tìm! Bởi vậy, nói tất cả do tâm tạo là tâm điên đảo. Tâm đã tìm không ra thì ai là điên đảo?)

Kệ kết thúc:

Vốn chẳng phải chiếu đâu cần chiếu,

Nói chi chốc lát với lâu dài.

Hễ được kiến tánh siêu danh tướng,

Hai việc lâu mau nghĩa đúng sai.

(Như cảm giác của lớp da luôn luôn có cảm giác. Nói cảm giác nhưng không phải cảm giác. Vì nó bất cứ lúc nào, đau, ngứa, nóng, lạnh, trớn, rít... thì cái biết vẫn bình thường, khỏi cần dùng; chiếu là dùng, không chiếu là không dùng. Vốn nó chẳng phải chiếu đâu cần chiếu, chẳng phải dùng đâu cần dùng.

Tự tánh không bị thời gian hạn chế, như cảm giác lớp da không có thời gian hạn chế. Chốc lát hay lâu dài đều không có dính dáng; đâu phải thời gian này mới có cảm giác, thời gian kia không có cảm giác. Như mình ngủ mê nó cũng biết, trong khi muỗi cắn nó cũng tự động dùng tay gãi chỗ đó.

Danh là tên gọi, tướng là hình tướng, thì tất cả hình tướng không dính dáng. Nếu hình tướng không dính dáng thì chiếu soi cái gì? Không có tên gọi làm sao gọi là chiếu soi?

Thời gian luôn luôn như vậy không có lâu mau, cho nên kinh Kim Cang nói “quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”. Vậy làm sao có mau và lâu!)

19 - TIỀN KHÔNG CHUYỂN BIẾN, GIAI DO VỌNG KIẾN.

(Không kia chuyển biến, đều do vọng kiến).

Lời khai thị:

Lư hương chùa cổ, lụa trắng một sợi, ngay đó siêu sanh tử, đều là rơi vào phương tiện.

(Lời của chư Tổ nói bất cứ cái gì, không phải muốn mình theo lời nói để tìm hiểu, là muốn chấm dứt tìm hiểu của mình, ngay đó được ngộ. Nếu không ngộ thì không hiểu, nên phải phát nghi. Giữ cái nghi đó sau này cũng được ngộ, ngộ rồi liền siêu việt sanh tử. Nếu có sanh tử để siêu việt, đều là rơi vào phương tiện, vì vốn không có sanh tử để siêu việt. Ngộ là phát hiện không có sanh tử, là siêu việt sanh tử rồi. Chứ không phải thật có sanh tử để siêu việt).

Xưa nay chẳng tin tâm tự mê, lại nói Phật pháp không linh nghiệm. Dù có linh nghiệm, ngay đó liền thành Phật, thì vào địa ngục mau như tên bắn.

(Tại tâm mình mê nên chấp mãi, làm sao được ngộ? Cứ nói tôi tu hoài không thấy chứng. Đổ thừa cho Phật pháp không có linh nghiệm, nói tu Tổ Sư thiền không có lợi ích gì. Dù có linh nghiệm, ngay đó thành Phật đi! Nếu có Phật để thành thì cũng sai lầm. Ngộ là tâm mình hiện ra, không có chúng sanh để sanh tử, không có Phật để thành, không phải chứng mới đắc. Có thành có chứng cũng là kiến chấp, còn có kiến chấp thì vào địa ngục mau như tên bắn. Mục đích tham thiền là dứt tất cả kiến chấp, không có một tri kiến gì gọi là Phật tri kiến).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Tiền không chuyển biến, giai do vọng kiến". Người nghĩa giải cho rằng: Có là vọng, Không cũng là vọng. Không và Có theo duyên thay đổi chẳng nhất định, muốn được lia vọng, phải bài trừ cả hai.

(Nói thì có lý, nhưng không phải thật tế, thật tế không cần bài trừ có và không. Bởi vì tâm đã sẵn sàng, khỏi cần bài trừ. Cho nên ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Thôi thôi! Mặc tình cho y trừ. Nhưng chẳng biết cái vọng sở trừ và cái tâm năng trừ đều chẳng lia vọng.

(Tại sao? Vì vốn không có vọng để trừ, mà nổi tâm năng trừ để trừ cái vọng sở trừ, thì việc này, năng sở cũng đều là vọng. Cho nên không lia được cái vọng).

Nếu chẳng thể luôn cả cái "trừ" đều trừ sạch, muốn thoát khỏi cảnh duyên vọng, khó mong có ngày.

(Không có ý trừ, nếu có tâm chấp thật cái vọng, mới dùng tâm để trừ. Vọng vốn không có, thì tại sao đem trừ nó! Chữ "trừ", nếu không có thể thoát được, làm sao thoát khỏi cảnh duyên vọng).

Vậy có phương tiện nào để trừ luôn cái "trừ" không?

(Chỉ có tham thiền, hỏi câu thoại và khán thoại đầu, thì trừ luôn được cái "trừ").

Kệ kết thúc:

Không đâu có biển, biển phi không,

Trong mắt đừng có chứa núi sông.

Ba Tư đáy nước thổi đá lửa,

Mặt trời bay lên cửa biển đông.

(Con mắt là con mắt, núi sông là núi sông, tức là con mắt và núi sông không có dính dáng.

Ở đáy nước Ba Tư thổi đá lửa, làm sao cháy được!

Câu cuối cùng nghĩa là tất cả như thường, y như cũ, đừng đem ý mình vô, cho là có hay cho là không, cho là phải trừ cái có, phải trừ cái không. Nếu có "cho là" đều là vọng, mặc kệ cho nó có, cho nó không. Chẳng có dính dáng đến tâm mình, nên khỏi cần trừ).

20 - BÁT DỤNG CẦU CHƠN, DUY TU TỨC KIẾN.

(Chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt kiến).

Lời khai thị:

Dựng đứng xương sống như sắt, cầm ngang cây kiếm dài như trời, trong lúc động tịnh nhàn rộn, tất cả nhồi thành một khối.

(Tức là cảnh động, cảnh tịnh, lúc nhàn rỗi, lúc bận rộn đều không phân biệt, gọi là nhồi thành một khối).

Đã tinh chuyên, lại dũng mãnh, đối với sự thành Phật làm Tổ, chẳng cách một hạt bụi, đưng nhằm Tam Tổ nói nhỏ với Ngài rằng "Khéo léo xem phương tiện, chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt kiến".

(Nếu không có ý mình xen vô, thì đã tinh chuyên dũng mãnh, đối với thành Phật làm Tổ không cách một hạt bụi).

Lời nghĩa giải:

Người học giáo lý cho rằng "Kiến chấp có 62 thứ".

(Tâm có 62 kiến chấp là: Tứ cú gồm: có, không, chẳng có chẳng không, cũng có cũng không, nhân với ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, rồi nhân với tam thể: quá khứ,

hiện tại, vị lai và cộng nguồn gốc: Có, không. Thân này là thân ngũ uẩn, thịt xương gọi là sắc. Cháp vật chất này là thật có, chap thật không có, chap thật chẳng có chẳng không, chap thật cũng có cũng không, là 4 thứ kiến chap. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tất cả chap cái gì đều ở trong 62 kiến chap này. Đoạn và thường cũng vậy, cú thứ nhất là thường, cú thứ nhì là đoạn, cú thứ ba là chẳng thường chẳng đoạn, cú thứ tư là cũng thường cũng đoạn).

Pháp số nêu ra đủ thứ, chẳng ra ngoài hai kiến: Đoạn và thường. Câu chơn thì rơi vào đoạn kiến, theo vọng thì lọt vào thường kiến. Kinh Lăng Nghiêm nói “Nói vọng là hiển bày chơn, thật ra vọng với chơn là hai thứ vọng; phi chơn phi chẳng chơn, nói chi kiến sở kiến”. Hễ lia được tất cả kiến chap, thì toàn thể là chơn, chẳng cần cầu vậy.

(Tứ cú và ngũ uẩn là pháp số, vì có chơn nên mới có vọng, nói vọng là hiển bày cái chơn; nhưng thật tế chơn với vọng là hai thứ vọng. Vì tự tánh bất nhị, chẳng phải chơn, chẳng phải vọng. Nói chi năng kiến và sở kiến. Kiến là thấy, có năng thấy và có sở thấy đều là vọng).

Tịch nghĩa giải:

Phải thì cô nhiên là phải, nhưng Tô sư nói “Chi cần dứt kiến”. Vậy kiến làm sao dứt? Nếu như có cái lý để dứt kiến, thì cái lý đó cũng trở thành kiến rồi!

(Bởi vì lập ra lý thì thành nhị, tức là hợp lý và không hợp lý, đúng lý hay không đúng lý. Tự tánh là bất nhị, không lập ra lý và không lý. Nếu lập ra lý và không lý thì trở thành kiến chap).

Kệ kết thúc:

Tác ý cầu chơn, chơn liền ẩn,
Tận tình dứt kiến, kiến càng sanh.
Ngay cửa dù chẳng trông gai góc,
Nhưng đã không ai có lối đi.

(Câu đầu nói không có chơn để cầu, nếu có cầu chơn thì chơn liền ẩn.

Vì có ý dứt kiến cũng là kiến, tức là đã nổi ý, cho là có cái kiến để dứt. Có “cho là” thì ý nổi lên, đã có cái kiến sanh khởi rồi.

Cái cửa để người ta đi ra vào, rồi đem mọi thứ để ngay trước cửa, không thể đi ra vô được).

21 - NHỊ KIẾN BẤT TRỤ, THẬN VẬT TRUY TÀM.

(Nhị kiến đôi đũa chẳng trụ, chớ nên đuổi theo để tìm).

Lời khai thị:

Dùng mũi kim gọt sắt, nơi mặt Phật cạo vàng, nói không thì mây may chẳng cách, nói có thì bậc Thánh khó tìm.

(Lời khai thị của ngài Trung Phong đều diễn tả tâm, nhưng tâm không thể diễn tả, vì không có số lượng, không có hình tướng. Thành ra nói: Dùng mũi kim gọt sắt. Mũi kim làm sao gọt sắt! Như mặt Phật màu vàng, làm sao ở nơi mặt Phật mà cạo để tìm vàng. Nói không mây may chẳng cách, chứ không phải là không; nói có thì bậc Thánh khó tìm, tìm không ra, nên nói không được).

Ban ngày không thấy đường, nửa đêm lại sáng tỏ. Tuyệt đối đãi, lia cổ kim, người đời đều biết Hồ Hải rộng, xuất ngoại mới thấy nước bùn sâu.

(Theo thường lệ ban ngày thì thấy, mà nói ngược lại ban ngày không thấy đường, nửa đêm lại sáng tỏ.

Cuộc sống hằng ngày sống trong tương đối, đối đãi. Nhưng bản tâm thì tuyệt tương đối; nói về không gian thì tuyệt đối đãi, về thời gian thì tuyệt cổ kim tức là không có quá khứ, hiện tại, vị lai.

Theo nhận thức người đời thì hồ hải rộng, nhưng ra ngoài mới thấy bùn đất sâu).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhị kiến bất trụ, thậm vật truy tầm". Người nghĩa giải cho rằng: Đã chẳng trụ vọng, cũng chẳng trụ chơn, luôn cái chẳng trụ cũng không trụ, chính ngay khi ấy đủ thứ đại dụng, tất cả toàn chơn, đâu cần lia cái này để tìm cái khác!

(Lời nghĩa giải rất cao siêu, nhưng cũng là lời nói danh tự, không phải thật tế, chỗ thật tế thì khác. Nên ngài Trung Phong mới phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Ỗ! Nhưng những lời nói tương tự này, có ai không chứa một bụng hay nửa bụng. Nhưng muốn gần bên cạnh Tô sư thì chưa được.

(Vì những điều trên đều là tri giải. Bên cạnh Tô sư cần phải thật tế, thật tế thì phải chân tham thực ngộ).

Kệ kết thúc:

Các pháp bỗng lai vô sở trụ,
Nơi vô sở trụ bất truy tầm.
Đêm qua Tây Đỉnh mặt trời lặn,
Sáng nay y cũ chiếu rùng sâu.

(Bản thể là vô trụ, Lục Tổ nói "lấy vô trụ làm gốc").

Đã vô sở trụ, còn gì để tìm?

Ban ngày mặt trời lặn ở phía tây, vẫn bình thường như mọi ngày, không có đem ý của mình vô để phân biệt).

22 - TÀI HỮU THỊ PHI, PHÂN NHIÊN THẤT TÂM.

(Vừa có thị phi, thì lãng xăng lạc mất bản tâm).

Lời khai thị:

Căn chẳng lợi độn, đạo chẳng cạn sâu, Thiên tông có một câu "Phi cổ phi kim", mò không đụng đáy.

(Phật tánh không có người trí hay kẻ ngu, không có thêm bớt, khắp thời gian tức là không có quá khứ, hiện tại, vị lai).

Tĩnh tọa nơi Đại viên cảnh trí, dù được đụng đáy lại sâu vào rừng rậm tà kiến, Di Lặc, Thích Ca tự biết chẳng có phân, con chồn, con trâu rãng nín sự tức cười.

(Đại viên cảnh trí là thể dụng của Tự tánh. Tự tánh không có đáy thì không thể đựng, có tà kiến mới có đựng đáy).

Mỗi mỗi đều đủ không có dính dáng với người khác, như tánh không của mình là cái hư không, cái dụng cùng khắp không gian thời gian; tất cả vũ trụ vạn vật đều nhờ cái không này. Vũ trụ vạn vật không có dính dáng đến cái không này; cho nên Di Lặc, Thích Ca đều chẳng có phần.

Nếu có cái này cái kia, mới có sự tức cười. Xảy ra chuyện này chuyện kia đều là vọng).

Đêm cười ngựa sắt chìm đáy biển,

Mò được mũi kim hồi năm xưa.

(Đây diễn tả việc không thể xảy ra).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Tài hữu thị phi, phân nhiên thất tâm". Người ở Tông lâm thường nói: Khắp mười phương thế giới là sa môn tự kỷ, khắp mười phương thế giới là cô Phật pháp thân.

(Xuất gia làm Tu sĩ gọi là Sa môn; khắp mười phương là khắp không gian đều là tự kỷ, không gian là hư không tức là tâm mình, không phải chỉ có Tu sĩ, mà còn có Cư sĩ, ... đều là tánh không này).

Tâm của mọi người là Phật tánh, là cô Phật pháp thân với chư Phật thì không có khác).

Cho nên, nói lăng xăng chẳng phải vật khác, tung hoành đâu phải bụi trần, chẳng thị cũng chẳng phi, mỗi mỗi đều từ trong tâm diệu minh chảy ra.

(Cuộc sống hằng ngày lăng xăng lộn xộn, đều sanh diệt trong cái không này, chính là mình không phải vật khác, gọi là tự kỷ).

Lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tại mình có tâm ý nổi lên, cho là thị, cho là phi, là tại cho "cho là", nếu không có "cho là" thì không có thị phi.

Cảm giác lớp da khắp cơ thể; nó biết đau, biết ngứa, biết lạnh, biết nóng... thời gian nào nó cũng sẵn sàng có cái biết. Như tâm mình cũng vậy; mình có muốn dùng thì nó cũng dùng, mình không muốn dùng thì nó cũng dùng).

Tịch nghĩa giải:

Những lời nói này, Tông lâm gọi là việc thương lượng bình thường, cũng gọi là câu nói chuyển thân (vô trụ), ai cũng dùng 2 câu này để dẫn chứng, xưa nay không biết đã làm ô nhiễm bao nhiêu tâm địa trong sạch, nên bậc đạo nhân chơn thật, quả nó là tạp độc, mắng nó là nước miếng con chồn, có người nào không chịu sự ma mị ấy chăng! Cần phải rửa hết cho mau.

(Lời nghĩa giải rất cao siêu cũng là lời nói, văn tự; không đúng với thật tế của bản tâm. Nên ngài Trung Phong phủ nhận rằng 'Những lời nói này Tông Lâm gọi là việc thương lượng bình thường...', thương lượng phải qua suy nghĩ, có qua suy nghĩ thì không được).

Người ta thường lấy 2 câu này để dẫn chứng, đúng thì đúng, nhưng bị ô nhiễm trong sạch. Tâm địa trong sạch vốn không thị phi, không lạc mất bản tâm. Vì bản tâm là Phật tánh không giảm bớt, không gián đoạn; làm sao lạc mất được!)

Kệ kết thúc:

Nói có thị phi, không thị phi,
Nhà lớn cửa mở đợi ai vào.
Gai góc đầy trời ngang đường cái,
Đi qua ai chẳng bị vương y.

(Thị phi và không thị phi thì không dính dáng với bản tâm. Bản tâm như cái nhà lớn, ngày đêm cửa mở ra hết, mà đợi người ta vào; nhưng ở trên nói: Lôi kéo chẳng ai vào! Cửa Thiên tông khó tin lắm!

Gai góc đầy trời ngang đường cái, là dụ cho tri kiến của mình.

Đi qua ai cũng bị vương y, tức là ai cũng có tri kiến bị nó ràng buộc).

23 - NHỊ DO NHẤT HỮU, NHẤT DIỆC MẠC THỦ.

(Hai do một mà có, một cũng đừng nên giữ).

Lời khai thị:

Mặt trời mọc, mặt trăng lặn, trời đất lâu dài, chỉ có Châu Kim Cang (Đức Sơn) không việc làm. Cầm ngang cây gậy đi dọc đường, có ai hỏi ý Tổ Sư từ Tây Trúc sang, nếu chẳng đánh vào sống lưng thì chụp ngay ngực, rồi nói "Ngâm miệng chó lại", làm cho sum la vạn tượng híp mắt cười ha hả. Muốn đến nơi phải đợi ba mươi năm sau.

(Ngày thường ai cũng thấy mặt trời mọc, mặt trăng lặn, trời đất lâu dài chỉ như thế hoài. Ngài Đức Sơn nghiên cứu kinh Kim Cang và giải thích tự cho mình hay lắm, cho là không có ai bằng. Nghe nói Thiên tông sát na kiến tánh, ông không phục, nói với những người tham thiền là việc ma quái. Muốn thành Phật phải trải qua muôn ngàn kiếp học hết tế hạnh của Phật, làm sao ở trong sát na mà kiến tánh được?

Lúc đó Đức Sơn ở miền bắc, đi xuống miền nam quét sạch các Thiền giả. Mang sớ giải kinh Kim Cang đi được nửa đường gặp bà già bán điểm tâm, rồi mua điểm tâm để dùng.

Bà già hỏi: Đại sư mang cái gì vậy?

Đức Sơn đáp: Sớ giải kinh Kim Cang.

Bà già nói: Nếu Đại sư trả lời được thì tôi cúng dường điểm tâm. Nếu không trả lời được thì tôi không bán và cũng không cúng dường.

Đức Sơn nói: Cứ hỏi đi!

Bà già hỏi: Trong kinh Kim Cang có câu "Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc". Vậy Đại sư muốn điểm tâm nào?

Đức Sơn trả lời không được, mặt đỏ mắc cỡ, mang sớ giải kinh đi về.

Bà già nói: Đại sư đứng lại! Sư đến Thiền sư Sùng Tín ở Long Đàm sẽ có lợi ích.

Sư thấy bà già này hay quá mới nghe lời. Ở đó được mấy năm, có lần đến phòng Sùng Tín, lúc ra về trời đã tối, Sùng Tín đốt đèn cho Đức Sơn. Đức Sơn vừa đưa tay lấy thì Sùng Tín thổi tắt đèn. Lúc ấy Đức Sơn hoát nhiên ngộ đạo. Ngộ rồi mới biết tất cả chú giải đều sai lầm, rồi đốt bỏ hết).

Cầm ngang cây gậy đi dọc đường, có ai hỏi ý Tô sư từ Tây Trúc sang, nếu chẳng vào sống lưng thì chập ngay ngực, rồi nói “Ngậm miệng chó lại”, làm cho vạn tượng híp mắt cười ha hả. Muốn đến nơi phải đợi ba mươi năm nữa.

(Người đã ngộ rồi thì khác hẳn tất cả không có ý mình xen vô, nếu có ý mình xen vô là cái gì... đều không phải. Vì bản tâm trống rỗng như hư không.

Câu chuyện Nam Tuyền nấu cơm:

Mã Tổ hỏi: Trong thùng cơm có gì vậy?

Nam Tuyền trả lời: Ngậm miệng chó lại.

Mã Tổ không hỏi nữa, tất cả bạn đồng tham thấy vậy, không ai dám hỏi. Mã Tổ là thầy của Nam Tuyền hỏi mà trả lời như vậy, làm cho vạn tượng híp mắt cười ha hả, người chưa ngộ đạo muốn đến nơi phải đợi ba mươi năm sau, tức là tinh tấn dụng công phu).

Lời nghĩa giải:

Tô Sư nói "Nhị do nhất hữu, nhất diệt mạc thủ". Người nghĩa giải cho rằng: Vừa theo hai, liền mê một, vừa giữ một, liền sanh hai. Nên biết: Hai là chơn vọng, một là tự tâm, cái "một" của chơn vọng đã trừ, cái "một" của tự tâm chẳng trụ, gọi là giải thoát trên đường đạo lớn vậy.

(Kinh Lăng Nghiêm nói “Chơn với vọng là hai thứ vọng”. Vì vọng chẳng phải thật vọng, chơn chẳng phải thật chơn, chơn vọng không có tự tánh, đều do ý thức kiến lập, nên chẳng giải thoát trên đường đạo lớn. Muốn giải thoát trên đường đạo lớn, thì không có kiến lập vọng chơn, tức là tâm chẳng trụ. Cho nên, tham thiền dùng nghi tình là không hiểu không biết chắm dứt tất cả học biết, tìm hiểu biết, ghi nhớ biết và tùy duyên biết).

Tịch nghĩa giải:

Những lời nói này, ghi nhớ trong lòng cho là tham học, chẳng những chưa đủ tư cách để ăn gậy của Đức Sơn, mà gậy sắt của Diêm La Vương lại không thể thiếu phần cho ông.

(Ban đêm, Đức Sơn thăng tòa, nói với đại chúng rằng: Đêm nay tôi không trả lời, nếu người nào hỏi phải bị đánh 30 gậy.

Có Tăng từ bên trong đi ra định hỏi. Đức Sơn liền nói: Cho Ông 30 gậy.

Tăng trả lời: Bạch Thượng tọa, con chưa hỏi, sao cho con 30 gậy?

Đức Sơn hỏi: Ông là người nước nào đến đây?

Tăng trả lời: Ở nước Đại Hàn.

Đức Sơn nói: Ông là người nước Đại Hàn muốn qua Trung Quốc, thì phải đi bằng thuyền, khi ông bước một chân qua thuyền, ông đã bị đánh 30 gậy rồi, đâu đợi tới đây!

Các người tham học nhớ đầy bụng những lời nói này, không đủ tư cách ăn gậy của ngài Đức Sơn; mà lại ăn gậy sắt của Diêm La Vương, vì chưa ngộ; tức là nhớ tri giải đầy bụng nên không bao giờ giải thoát được, phải bị luân hồi sanh tử).

Kệ kết thúc:

Bảo Y một pháp cũng đừng giữ,

Chẳng biết “đừng giữ” chưa thật nghèo.

Đâu bằng say rượu nằm trên thảm,

Rải ném vàng ròng cho mọi người.

(Hai chữ “đừng giữ” đã là có cái ý nổi lên rồi. Tham thoại đầu là chưa có ý niệm nổi lên, nếu có ý niệm “đừng giữ” chưa phải là thật nghèo. Như công án nói chữ nghèo của ngài Hương Nghiêm, có bài kệ:

Năm xưa nghèo chẳng phải thật nghèo,

Vì còn có đất để cắm dùi.

Năm nay nghèo mới thật là nghèo,

Luôn cả cái dùi cũng không có.

Quy Sơn nói Ngưỡng Sơn rằng: Hương Nghiêm đã ngộ đạo rồi.

Ngưỡng Sơn nói: Để xem lại.

Ngưỡng Sơn gặp Hương Nghiêm nói: Nghe nói Hương Nghiêm đã ngộ đạo rồi phải không?

Hương Nghiêm đọc kệ bài trên, Ngưỡng Sơn nói: Bài kệ này nói ngộ Như Lai thiên thì được, chứ Tổ Sư thiên thì không được.

Hương Nghiêm làm bài kệ khác:

Ta có một cơ nháy mắt nhìn y,

Nếu mà chưa ngộ, đừng gọi Sa di.

Ngưỡng Sơn nói: Mừng cho sư đệ ngộ Tổ Sư thiên.

Nói thật nghèo, nhưng chưa phải thật nghèo, vì còn có nghĩa lý để giải thích. Còn bài kệ ngộ Tổ Sư thiên không có nghĩa lý để giải thích.

Như nói:

Đâu bằng say rượu nằm trên thảm,

Rải ném vàng ròng cho mọi người).

24 - NHÁT TÂM BÁT SANH, VẠN PHÁP VÔ CỬU.

(Một tâm chẳng sanh khởi, muôn pháp chẳng đúng sai).

Lời khai thị:

Tô Châu có, Thường Châu có, sáu lần sáu = ba mươi sáu, bảy lần bảy = bốn mươi chín. Am Chủ dựng lên nắm tay, Bá Trọng mờ ra hai bàn tay, sản xuất túi com (ám chỉ Tổ Sư) một ngàn bảy, hiện ra đầu thần mặt quý. Con tôm đầu từng ra khỏi lưới.

(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục có ghi 1700 Tổ sư, sau này có tới 7000 Tổ, nhưng vẫn lấy phân đầu để nói. 1700 công án cho đến 7000 công án, ý cũng không có khác. Cho nên nói “Con tôm đầu từng ra khỏi lưới”. Kỳ thật, mình đã ngộ rồi, thì cái gì cũng như cái nấy. Tất cả đều ở trong tâm này, tâm này là hư không, không có cái gì để ngoài tâm, tất cả đều là tự kỷ. Nếu chưa ngộ, mà cho là đúng, cái kia sai, cái này của ta, cái kia không phải của ta. Nên, mới sanh ra muôn thứ phiền não).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cửu". Người nghĩa giải dẫn chứng kinh luận rằng "Tâm sanh mỗi mỗi pháp sanh, tâm diệt mỗi mỗi pháp diệt. Các pháp chẳng tự sanh, các pháp chẳng tự diệt, đều do một tâm biến hiện, một tâm không sanh, các pháp thường trụ". Cho nên người xưa có lời nói "Trâu sắt không sợ sư tử rống, giống như người gỗ thấy chim, hoa", chính là nghĩa này vậy.

(Một tâm chẳng sanh khởi, thì muôn pháp chẳng có đúng sai, nói tất cả chỗ đúng sai, đều do tâm mình. Sự thật Diệu Tâm là hư không chẳng có đúng sai. Vì người giải nghĩa kinh luận ở trên, như Lục Tổ nói "chẳng phải phước động, chẳng phải gió động, mà tâm của các ông động, vì tâm của các ông động, nên phước động, đâu phải gió thổi phước động"! Nhưng người ta không tin, thấy rõ ràng gió thổi, nên phước động, đâu cho là tâm động.

Nói nghĩa giải thì có lý; tâm không sanh nên các pháp thường trụ. Như trong kinh Pháp Hoa nói "Pháp đó trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trụ". Theo tướng thế gian sanh diệt không thường trụ; nói thường trụ là thường trụ nơi pháp, tức là pháp nào thường trụ ngôi pháp đó.

Như miếng giấy thì trụ ở ngôi pháp giấy, đem giấy đốt thành tro thì trụ nơi ngôi pháp tro; gió thổi tro bay mất thì trụ nơi pháp không. Tất cả pháp nào trụ theo nơi pháp đó. Tướng thế gian thường trụ là như vậy.

Tức là không có ý nổi lên, như trâu sắt không có ý nổi lên, đâu có sợ sư tử rống, giống như người gỗ thấy chim hoa. Nghĩa là chúng ta thấy cái này cái kia không có ý xen vào cho là... như người gỗ thấy chim hoa cũng như không thấy, vì nó không có tâm niệm).

Tịch nghĩa giải:

Đúng thì đúng rồi! Nhưng ngài Vĩnh Gia lại nói "Ai vô niệm, ai vô sanh? Nếu thật vô sanh thì vô bất sanh, kêu người gỗ máy đến hỏi thử, dụng công cầu Phật lúc nào thành?" Vậy lời nghĩa giải trên dường như trái ngược; xin hỏi: Bất sanh là phải, hay vô bất sanh là phải? Thử xác định xem!

(Bản tâm mình thì như như bất động, thì ai vô niệm, ai vô sanh, nếu thật vô sanh thì vô bất sanh. Nói tu để thành Phật, nhưng Phật không phải do tu mà thành, không phải do tu mà chứng đắc. Cho nên, dụng công cầu Phật lúc nào thành! Kỳ thật, Phật tánh của mình đã thành sẵn, chứ không phải cầu mới thành).

Kệ kết thúc:

Vạn pháp xưa nay chẳng đúng sai,

Một tâm đâu có sanh, bất sanh.

Lòng từ dạn dò dù tha thiết,

Tiếng sáo chẵn trâu khó hợp đàn.

(Vạn pháp là do tâm tạo, vạn pháp sanh diệt trong hư không, vốn chẳng đúng sai. Nếu cho đúng hay cho sai là không phải bản lai diện mục của bản tâm.

Tâm là bất nhị, không phải sanh và không phải bất sanh, vì sanh nên có bất sanh, tức là nhị.

Tiếng sáo chẵn trâu không theo quy định của khung nhạc, nên khó hợp đàn, vì họ tự do thổi).

25 - VÔ CỬU VÔ PHÁP, BÁT SANH BÁT TÂM.

(Chẳng đúng sai thì chẳng phải pháp, cũng chẳng sanh cái Tâm chấp *chẳng phải Tâm*).

Lời khai thị:

Núi Thái Hoa không hiểm, Biển mênh mông không sâu, bài thơ "Nguyệt Thực" của Lu Đồng châu có khó đọc, Khúc "Thái Cổ" của Bá Nha thật có tri âm, chỉ có "Ám Hiệu Tử" của Đông Sơn nắm thì không kẽ hở, buông thì rất khó tìm, làm phiền bao nhiêu người lạnh lợi, chen lẫn tranh giành đến ngày nay.

(Núi Thái Hoa ở Trung Quốc, cao mà không hiểm. Bá Nha và Tử Kỳ là bạn tri âm. Âm hiệu tử của Đông Sơn Tổ sư bao gồm tất cả không kẽ hở, muốn tìm rất khó. Người thông minh lạnh lợi, dùng ý thức tìm kiếm, thì sự giải thoát không bao giờ có).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Vô cửu vô pháp, bát sanh bát tâm". Người nghĩa giải cho rằng: Hai câu này là ngược lại hai câu trên. Nói "không đúng sai" thì muôn pháp tự tiêu, "không sanh" thì một tâm tự tịch, pháp tiêu tâm tịch, bản thể của chí đạo rõ ràng, chẳng đợi đắc mà đắc rồi.

(Vô pháp phải có tương đối: Đúng, sai. Tâm tự tịch thì không có sanh khởi. Lời nghĩa giải trên, tuy lý có cao siêu, nhưng cũng là lời nói của ý thức, không đúng thật tế của bản tâm, nên ngài Trung Phong phủ định dưới đây).

Tịch nghĩa giải:

Xưa kia Tăng hỏi Triệu Châu: Học nhân mới vào Tông Lâm, xin thầy chỉ dạy?

Châu hỏi: Ăn cháo rồi chưa?

Tăng nói: Ăn rồi.

Châu nói: Rửa chén bát đi!

Tăng ấy ngộ liền. Vậy Tăng ấy ngộ chẳng đúng sai ư? Ngộ không sanh ư? Ngộ chẳng phải tâm ư? Ngộ chẳng phải pháp ư? Xin xác định xem!

(Nếu mà ngộ những điều này, thì chẳng phải ngộ).

Kệ kết thúc:

Chỉ vì lỗi chấp chẳng đúng sai,
Sanh tâm đều bởi chấp "không sanh".
Đêm lạnh vượn khóc trăng đỉnh núi,
Khách đường xưa nay không thể hành.

(Đúng sai là pháp tương đối, vì còn chấp nên không được ngộ. Sanh tâm, không sanh là bệnh chấp, đều là sanh tâm rồi. Hai câu cuối diễn tả không có niệm nào, sanh hay chẳng sanh).

26 - NĂNG THEO CẢNH DIỆT, CẢNH THEO NĂNG MẮT.

(Năng theo cảnh diệt, cảnh theo năng mất).

Lời khai thị:

Đem một lớp khứ bỏ một lớp, đường xa mới biết sức ngựa.

(Theo hiểu biết của người thế gian, có năng và cảnh, tức là có tâm năng biết và cảnh sở biết. Cuộc sống hằng ngày đối cảnh, muốn lột bỏ cảnh này, mà phải nổi tâm để bỏ, thì cái tâm đó còn phải bỏ nữa. Tham thoại đầu là tâm niệm chưa nổi lên, tâm niệm nổi lên không phải thoại đầu. Dù đến thoại đầu cũng là vô thủy vô minh, hướng là chưa đến thoại đầu. Cho nên nói “Đem một lớp khứ bỏ một lớp, cũng như đem vọng để trừ vọng, thì cái vọng đó đâu thể trừ được).

Chẳng đem một lớp khứ bỏ một lớp, lâu ngày mới thấy lòng người.

(Đem vọng để trừ vọng hay không đem vọng để trừ vọng. Bởi vì có đối với không, có mất rồi nên nói không. Không này do có mới thành lập. Lục Tổ nói “hữu niệm là niệm tà, vô niệm là niệm chánh”. Vô niệm đối với hữu niệm cũng trong tương đối. Cho nên nói “chánh tà đều quét sạch”).

Công án 2 lớp; Chân đã đuổi thì không rút, ngoài ba ngàn dặm, ai là tri âm?

(Cái gì vẫn y như cũ, không có ý mình vô, như công án “Núi sông vẫn là núi sông”. Ban đầu cho núi sông thật núi sông, tu một thời gian sau, cho núi sông chẳng phải là núi sông. Khi chứng quả rồi thấy núi sông vẫn là núi sông. Cháp thật núi sông và chẳng phải núi sông đều là trước tướng. Chỉ có người chứng quả không đem ý niệm vào việc của thế gian đã lưu hành, tức là không có chấp trước.

Tri âm là thế lưu bố tướng, tức tư tướng của thế gian lưu hành, nghĩa là phải có lý. Như tiếng đàn của Bá Nha, chỉ có Tử Kỳ thưởng thức ngân điệu cao thấp, mới tri âm với nhau. Thật tế, biết và không biết không có dính dáng gì hết, không có tri âm và cũng không có không tri âm.

Tại sao? Nếu mà có thật, thì phải có sự bắt đầu. Như người ta gọi tôi là thầy Duy Lực, tên Duy Lực này đâu phải của tôi. Thầy bốn sư tôi đặt Duy Lực, rồi người ta gọi thầy Duy Lực, tôi cũng nhìn nhận là Duy Lực. Duy Lực là giả danh đặt ra, đâu phải thật tế của tôi. Rồi nhìn Duy Lực là tôi; người ta khen Duy Lực thì vui, chê Duy Lực thì buồn.

Biết và không có liên quan gì đến thật tế đâu! Như nói thân này, do cha mẹ tôi sanh ra; cha mẹ tôi không có bắt đầu, mà sao thân tôi bắt đầu từ cha mẹ của tôi được! Chỗ bắt đầu không có chỗ căn cứ, thì lấy cái gì nói là tôi! Mà nói ông là tri âm của tôi!)

Từ khi mùa đông người về,
Mấy đám mây xuân bọc núi xanh.

(Bốn mùa thay phiên đến rồi đi, đâu có sự bắt đầu mùa nào! Như thân tôi, do cha mẹ tôi sanh ra, cha mẹ tôi đâu phải bắt đầu. Khi tôi chưa sanh ra, vậy tôi ở đâu? Câu thoại đầu “sanh từ đâu đến, chết đi về đâu?” Dẫu cho biết sanh từ đâu đến, chết đi về đâu, cũng không đúng. Như nói sanh chỗ này, chỗ kia, chỗ khác... nhiều chỗ, nhưng chỉ chỗ bắt đầu thì không ra.

Chính thật tế là vậy, mà con người cứ hay tìm hiểu biết, rồi nói ông này tri âm, ông kia tự kỷ, có dính dáng gì đâu! Tại mình lập ra như vậy, không phải thật tế. Tham thiền là ngộ cái thật tế. Dù có hiểu biết truy tầm không đến chỗ thật tế).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Năng tùy cảnh diệt, cảnh trục năng trầm". Người nghĩa giải dẫn chứng lời Vĩnh Gia rằng "Cảnh không trí thì chẳng rõ, trí không cảnh thì chẳng sanh; trí sanh do rõ cảnh mà sanh, cảnh rõ do trí sanh mà rõ".

(Trí tức tâm là trí huệ, nếu cảnh không có trí huệ làm sao biết cảnh đó? Không có tâm thì không có năng biết cảnh vui, cảnh buồn, cảnh đẹp, cảnh xấu; vậy ai biết? Thì phải có tâm năng biết. Còn trí không có cảnh thì chẳng sanh, vì có cảnh nên sanh tâm, cho cảnh này vui, buồn, đẹp, xấu. Buồn, vui, đẹp, xấu là tâm. Nếu không có cảnh thì tâm đâu có vui, buồn, đẹp, xấu. Trí và cảnh là hai cái đối đãi sanh nhau).

Nên biết năng là một tâm, cảnh là các pháp, năng tức tên khác của trí, cảnh tức biệt hiệu của pháp, cảnh diệt thì tâm năng rõ cũng diệt, tâm không thì cảnh sở hiện cũng mất. Năng và cảnh giúp nhau tồn tại, nhiếp nhau dung thông, vốn không ngăn cách, người không rõ nghĩa này nên gọi là mê.

(Tâm sanh cảnh, cảnh sanh tâm, hai cái sanh với nhau, như con gà sanh ra trứng gà, trứng gà nở ra con gà. Hai cái không lìa nhau mà độc lập được. Dầu cho biết nghĩa này vẫn là mê; vì thật tế không phải vậy, cho nên ngài Trung Phong dùng chữ “tịch” để quét sạch).

Tịch nghĩa giải:

Theo lời nói như vậy, gọi là liễu ngộ được chăng? Chẳng những không liễu ngộ, lại như người đói khát ăn muối, càng thêm đói khát mà thôi.

(Hiểu theo nghĩa giải đâu có ích lợi gì! Như khát nước mà lại ăn muối).

Kệ kết thúc:

Đồng biết ánh sáng do đèn hiện,
Cùng nói làn sóng nhờ nước xanh.
Nước cạn, đèn tắt, sóng, ảnh hết,
Mới đáng ngoài cửa ăn roi Tổ.

(Tắt cả tâm và cảnh đều diệt hết, mới đủ tư cách ăn roi Tổ, tức là đủ tư cách để cho Tổ dạy. Cho nên nói: Khó thì thật là khó, nói dễ thì thật là dễ. Ăn cơm cứ ăn cơm, mặc áo cứ mặc áo, đừng có sanh tâm đúng hay không đúng, cho là thế này, phải hay không phải, đối cảnh không có sanh tâm thôi).

27 - CẢNH DO NĂNG CẢNH, NĂNG DO CẢNH NĂNG.

(Cảnh do năng thành cảnh, năng do cảnh thành năng).

Lời khai thị:

Đại Tạng kinh điển là giấy vụn năm xưa, ngàn bảy công án là dây dưa mục nát, cũng như lá vàng gạt con nít nín khóc, khác chi đốt ngọn đèn dưới ánh sáng mặt trời! Đẹp qua lớp này rồi lại có một lớp nữa, có mấy ông Tăng được thoát khỏi những sự lừa gạt này?

(Bao nhiêu kinh điển đều không dùng được. Cảnh Đức Truyền Đăng Lục của Thiền tông có ghi 1700 công án, đối với thật tế thì vô dụng. Lá cây màu vàng, đối con nít là vàng để con nít nín khóc; tất cả kinh điển, công án giống như lá vàng để gạt con nít nín khóc. Dưới ánh sáng mặt trời đốt đèn có nhằm gì! Những vị Tăng đâu thoát những tri kiến, tìm hiểu nghiên cứu về Phật học).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Cảnh do năng cảnh, năng do cảnh năng". Có người y văn giải nghĩa rằng: Cảnh chẳng tự cảnh, vì năng nên cảnh; năng chẳng tự năng, vì cảnh nên năng, năng

nhờ cảnh mà sanh, cảnh nhờ năng mà khởi. Phải biết ngoài tâm chẳng pháp, sanh mà bất sanh; ngoài pháp chẳng tâm, khởi mà phi khởi. Tổ Sư đến đây, đem nhất tâm vạn pháp vô thành viên kẹo, chỉ muốn y vui về nuốt vào.

(Nghĩa giải như vậy là cao tột lắm rồi, ý cao nhưng chưa đến thật tế, nên ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Hỏi ngược lại họ “Ông đã đã từng nuốt được hay chưa? Nếu chưa, thì cả thế giới có ai nuốt được chẳng? E rằng sau này viên sắt lửa hồng, chắc có phần cho ông!

(Bởi vì không giải thoát, phải chịu viên sắt lửa hồng của Diêm La Vương, cho nên nói hay chẳng dùng được. Vậy cần có sự thật tế).

Kệ kết thúc:

Vì năng sanh sở, sở sanh năng,

Năng sở đều quên, sanh “bất sanh”.

Ốc trai hút cạn nước biển cả,

Trên nhánh san hô nửa đêm trăng.

(Hai câu cuối, việc đó không có thể xảy ra. Lời nói không có thật tế, nên cần phải thật tế. Vì vậy Thiên tông chú trọng thật tế, chứ không chú trọng hiểu biết và lời nói).

28 - DỤC TRI LƯƠNG ĐOẠN, NGUYỄN THỊ NHẤT KHÔNG.

(Muốn biết “hai đoạn”, vốn là “một không”).

Lời khai thị:

Không mà chẳng không, cây gậy sừng thỏ chống bể núi bạc vách sắt; chẳng không mà không; chẳng không mà không, phát trần lông rùa, mở ra gió mát trăng thanh.

(Thỏ không có sừng, mà nói cây gậy sừng thỏ, điều đó không thể có; rùa không có lông, làm gì có phát trần! Điều đó không thể xảy ra).

Động Sơn "ba căn mè", dính da dính xương; Vân Môn "cục cứt khô", kẹt vỏ kẹt ruột.

(Có người hỏi Động Sơn: Thế nào là Phật? Động Sơn đáp: Ba căn mè. Có người hỏi Vân Môn: Thế nào là Phật? Vân Môn đáp: Cục cứt khô. Những câu trả lời của Tổ sư, mình không thể hiểu được).

Trước mặt Nạp Tăng thả qua không được, dưới cửa Tổ sư tái phạm khó tha.

(Muốn được Tổ ấn chứng không phải dễ, phải qua sự khám xét, thật ngộ mới được. Nếu người chưa ngộ, không cho qua cửa ải, không có ấn chứng).

Thường khiến trong bụng như kim chích, quãng xuống trong biển rộng sóng to.

(Tham thiền miên mật, khẩn thiết như cháy đầu, tất cả những tri giải đều quãng ra sạch hết).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Dục tri lương đoạn, nguyên thị nhất không". Người nghĩa giải cho rằng: Nói "hai đoạn" là chỉ tâm pháp của đoạn trên. Nói "một không" chẳng phải là cái ngoan không của Thái hư, cũng chẳng phải là cái "không" đoạn diệt của Tiểu thừa, là cái chơn không vô tướng của linh giác. Không này là nguồn gốc của chư Phật, là mẹ

của vạn linh. Chẳng tiếng chẳng mùi, rõ ràng ở trước các vật. Chẳng hữu chẳng vô, hiển bày bên ngoài lục trần.

(Không này là tánh không của tâm mình, không phải cái không đoạn diệt của Tiểu thừa, không phải cái ngoan không chẳng có gì, cái không này là cái linh giác. Mặc dù, không có âm thanh, mùi vị, nhưng rõ ràng ở trong các vật, đều có cái tánh không này. Lời nghĩa giải trên, lý thì cao siêu, như chưa phải thật tế).

Tịch nghĩa giải:

Đã là không thì chẳng nên có biết, đã có biết thì chẳng nên gọi là không. Nếu chưa từng nắm tay với Tổ sư, đích thân đến biển giác Chơn không. Nếu chưa ngộ thì nói chi ngôn ngữ này nọ!

(Đều là lời nói, chẳng có dính dáng gì hết).

Kệ kết thúc :

Đào được kho tàng trong chiêm bao,
Lại cười loan phụng lên bảo đài.
Suốt đêm vui mừng không kể xiết,
Sáng ngày tỉnh dậy dạ ngẩn ngơ.

(Mặc dù, đào được kho tàng và cười chim loan phụng trong chiêm bao, nhưng vẫn ở trong chiêm bao, khi thức dậy thì không còn).

29 - NHẤT KHÔNG ĐỒNG LƯƠNG, TÈ HÀM VẠN TƯỢNG.

(Nói một cái không đã đồng với hai, một và hai cũng bao hàm vạn tượng)

Lời khai thị:

Một câu không ích kỷ, muôn người đồng ngưỡng mộ. So bằng vai Tổ, cơ xảo qua bàn tay. Đại Điền đánh Thủ Tọa, gom tuyết để chôn vàng. Hưng Hóa phạt Duy Na, ra tiếng để ngưng âm thanh. Duy có Thạch Cầm Đương, quanh năm suốt tháng, ló đầu ra trước trăm ngàn chúng, xưa nay chẳng ai biết tán thưởng.

(Một lời nói không có riêng tư, nhưng so bằng vai Tổ. Cơ xảo qua bàn tay thì lại khác. Gom tuyết để chôn vàng làm sao chôn được! ra tiếng để ngưng âm thanh làm sao ngưng được! Lời nói của Tổ không có nghĩa lý gì.

Ở Việt Nam không thấy, bên Trung Quốc, người ta có để bia đá Thái Sơn Thạch Cầm Đương để trị tà, nhưng đâu có ai để ý tới).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất không đồng lương, tề hàm vạn tượng". Người nghĩa giải cho rằng: Tâm chẳng khác với pháp. Là một Không đồng hai; pháp chẳng khác với tâm, là cùng hàm vạn tượng. Sở dĩ người xưa nói "Thấy sắc liền thấy tâm, chẳng sắc, tâm chẳng hiện", lại trong Kinh nói "Sum la và vạn tượng, do một pháp ấn định", nên Tổ Sư sáng tỏ nơi đây.

(Pháp là tâm, sum la vạn tượng là vũ trụ vạn vật. Nếu không có tâm, ai biết vũ trụ vạn vật? Vì có một tâm mới hiện ra vũ trụ vạn vật. Nếu không có tâm thì không hiện ra vũ trụ vạn vật. Không có vạn vật thì tâm cũng không hiện. Vì tâm không có hình thể, do

có vạn vật, nên nói có tâm biết. Tâm biết cho là tôi biết; tôi biết đâu phải là thân thể này. Nếu thân thể này chết thì đâu có biết! Vậy cái biết đó là tâm.

Tâm là cái gì? Chỉ là tên gọi, không có hình thể, mình chỉ biết tâm là tâm. Tâm có tướng mạo gì? Không biết tự nơi mình, mà lại muốn biết ở bên ngoài! Tức là mâu thuẫn. Như tâm biết cái tách này, vì cái tách có hình tướng. Tâm tự không biết mình. Vậy cái gì để biết cái tách này? Phải mâu thuẫn không! Vì có cái tách này, mới nói tâm biết cái tách. Cái tách là cảnh sanh ra tâm biết; Tâm biết mới biết cái tách là cảnh. Nhưng các pháp do tâm ấn định cái này cái kia... như ấn định cái này là cái tách, cái bình... nên Tổ sư sáng tỏ nơi này).

Tịch nghĩa giải:

Giảng kinh thì cho người giảng, nhưng muốn thấy ý Tổ sư, khác gì đi Trịnh Châu ra cửa Tào Châu.

(Trịnh châu và Tào Châu cách nhau rất xa).

Kệ kết thúc:

Một chảnh phải chiếc, hai chảnh đôi,
Trăng lạnh đêm khuya, bóng in sông.
Ánh sáng nuốt hết cả vũ trụ,
Còn dòi bóng mai lên cửa song.

(Theo lẽ thường, một là chiếc, hai là đôi. Nhưng thật tế thì chảnh phải vậy. Ở trên trời có một mặt trăng, thì bóng mặt trăng chỉ một. Nhưng đem để mười thau nước, thì thấy mười bóng mặt trăng; đem một ngàn thau nước, thì thấy một ngàn bóng mặt trăng... Vậy một đâu phải là chiếc, hai cũng không phải là đôi. Mặt trăng ở trên không, bóng in dưới sông; nước bao nhiêu, thì mặt trăng hiện bấy nhiêu. Chứ không phải một mặt trăng hiện một cái bóng. Ánh sáng mặt trăng khắp cả vũ trụ, bóng mai dòi lên cửa song. Mặt trăng không có biến đổi, như thấy cảnh có biến đổi).

Hỏi: Thế nào biệt nghiệp và cộng nghiệp?

Đáp: Kinh tế của nước Mỹ bị sụp, thì tất cả người dân Mỹ chịu ảnh hưởng cộng nghiệp này. Có người trực tiếp chịu thất nghiệp; người chưa thất nghiệp lo sợ, cuộc sống cũng khó khăn; đáng lẽ làm 8 giờ, họ bắt làm 9 giờ, mà không có tăng lương... việc này là cộng nghiệp cùng chung trong kinh tế nước Mỹ. Rồi mỗi người mỗi khác, có người bị sa thải, có người chưa bị sa thải thì tốt hơn, gọi là biệt nghiệp. Ở bất cứ nước nào cũng có biệt nghiệp và cộng nghiệp, vì mình đã tạo ở quá khứ, nên bây giờ phải chịu cái nghiệp này.

Hỏi: Trong một gia đình, người cha đi ăn cướp, người con thì không. Như vậy người con có bị ảnh hưởng cộng nghiệp này không?

Đáp: Người con đã sanh trong gia đình người cha đi ăn cướp. Như vậy người con kiếp trước gieo nghiệp không tốt.

Có câu chuyện: Nhà vua có công chúa; công chúa nói với cha rằng “Những gì con có đều là của kiếp trước con tạo ra”. Vua nghe nói vậy thì giận lắm. Bèn gả công chúa cho một người thật nghèo, rồi đuổi đi chỗ hoang vu không nhà cửa.

Hai vợ chồng công chúa chọn đất, cất lên một túp lều che nắng mưa. Thật may, vợ chồng công chúa gặp một hũ vàng lớn, rồi xây cất nhà cửa to lớn, mua sắm ruộng vườn thật nhiều, phương tiện sinh sống dư dả.

Theo chuyện này, kiếp trước công chúa đã tạo nhiều phước, cho nên kiếp này, sinh bất cứ nơi đâu, cũng có phước báo giàu sang. Vì vậy nói: Nhân nào quả nấy.

30 - BẤT KIẾN TINH THÔ, NINH HỮU THIÊN ĐẰNG.

(Chẳng thấy tinh tế thô sơ, đâu có thiên lệch một bên).

Lời khai thị:

Thiền gọi quan ải, giáo gọi cương yếu, cứu vớt chúng sanh trong tam giới, thi đậu "Tâm Không" là tiêu biểu, đụng nhằm thẳng không ý chí (tự tánh), móc xiềng xích, mở thắt kết, muôn mắt nhìn thẳng, muốn mở mà chẳng mở; trăm người giơ tay, muốn tát mà chẳng tát, đạo giả vô tâm vốn nên như thế, đâu phải khoe tài trước mặt mọi người. Cho nên nói "Bất kiến tinh thô, ninh hữu thiên đàng".

Thiền gọi là quan ải.

(Sơ quan, trùng quan, mạc hậu lao quan. Phá được sơ quan là ra khỏi sanh tử luân hồi, không bị Diêm La Vương bắt. Phá được trùng quan thì hơn quả A la hán. Phá được mạc hậu lao quan là đến chỗ giác ngộ hoàn toàn, thì diệu dụng cùng khắp không gian thời gian).

Giáo môn gọi là cương yếu, cứu vớt chúng sanh trong tam giới.

(Tam giới là dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Dục giới là có nam nữ dâm dục. Sắc giới là không có nam nữ dâm dục. Vô sắc giới là không có hình sắc, chỉ sống trong tưởng thức).

Thi đậu "Tâm không" là tiêu biểu, đụng nhằm thẳng không ý chí (Tự tánh), móc xiềng xích mở thắt kết, muôn mắt nhìn thẳng, muốn mở mà chẳng mở.

(Hằng ngày con người sống trong nhiều niệm suy nghĩ, sanh diệt luân phiên, do đó không được giải thoát. Muốn được giải thoát, phải tham thiền phát nghi tình, chấm dứt tất cả biết, rồi chấm dứt luôn cái không biết, không hiểu của nghi tình).

Trăm người giơ tay, muốn tát mà chẳng tát, đạo giả vô tâm vốn như thế, đâu phải khoe tài trước mặt mọi người.

(Người kiến tánh triệt để là giải thoát hoàn toàn, hiện ra cái dụng cùng khắp không gian thời gian, không còn tâm chấp trước; làm việc gì cũng không dính mắc, nghĩa là ăn cơm cứ ăn cơm, uống nước cứ uống nước, không bị cảnh ràng buộc. Diệu dụng vốn như thế! Đâu có khoe tài, nên nói chẳng thấy có tinh tế và thô sơ, thì không lọt vào một bên).

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Tâm và pháp đã không, năng và sở đều bất.

(Biết tốt, biết vui, biết buồn, gọi là tâm; còn yêu ghét, đúng sai... gọi là pháp. Tâm là năng biết, pháp là sở biết; Tâm là năng suy nghĩ, pháp là sở suy nghĩ. Nếu tâm không năng suy nghĩ pháp thì không có năng. Không có năng thì không có sở, làm sao có yêu ghét đúng sai?)

Thì chúng sanh, chư Phật đồng bản thể, mê ngộ chẳng khác.

(Chúng sanh là mê, chư Phật là ngộ, mà chúng sanh và chư Phật cùng một bản thể. Vậy mê ngộ cũng không có khác).

Nên dẫn chứng lời “Tức Tâm Minh” (là ngưng nghỉ cái tâm) nói “Đâu quý đâu tiện, đâu nhục đâu vinh, đâu đắc đâu thất, đâu trọng đâu khinh, một đạo hư tịch, vạn vật bình đẳng” (không có tương đối, tốt xấu, đúng sai).

Tịch nghĩa giải:

Nói chứng cũng giống như được chứng, nhưng sự chứng quá giống nhau, lại trở thành không giống nhau rồi.

(Nếu mà giống nhau thì đã là nhị rồi, vì Tự tánh bất nhị. Như cái hoa này, phải có hai cái mới nói giống nhau),

Vậy chỗ nào không giống nhau? Thử xác định xem!

(Tự Tánh bất nhị, không có hình tướng không có số lượng, lời nói không đến với thật tế. Cho nên tham thiền đích thân mới thấy được).

Kệ kết thúc:

Hét ra tiếng sét khó bịt tai,

Tò vò vác biển vào mi muối.

Heo bùn chó ghê cùng mở mắt,

Tam thế Như Lai trọn chẳng hay.

(Hét ra tiếng sét khó bịt tai, nếu bịt tai vẫn còn nghe.

Con tò vò thì nhỏ, biển thì quá lớn, làm sao vác để vào mi muối! Chuyện này không có thể được. Vì lời nói không có thật tế.

Hai câu cuối diễn tả lời nói và suy nghĩ của bộ não, không đúng với thật tế, không có lợi ích).

31 - ĐẠI ĐẠO THỂ KHOAN, VÔ DỊ VÔ NAN.

(Bản thể Đại Đạo rộng khắp hư không, chẳng có khó dễ để đối đãi).

Lời khai thị:

Trộm bát vào tay, biết nói “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động”.

(Câu này là của Lục Tổ, Ngài ngộ đạo biết tất cả đều do tâm tạo, tự tâm cùng khắp hư không. Người ta không tin tự tâm; như nhà khoa học đã biết mặt trăng xoay xung quanh quả đất, quả đất xoay xung quanh mặt trời, mặt trời xoay xung quanh ngân hà, nó xoay hoài ngày đêm không ngừng. Khoa học bắn vệ tinh vào quỹ đạo, nó ngày đêm xoay hoài; cho đến trái táo có bao nhiêu tỷ nguyên tử đang xoay; cái bàn này do các nguyên tử hợp thành, ở nguyên tử có trung tử, xung quanh có nhiều điện tử, ngày đêm nó đang xoay, dùng kính hiển vi mới thấy được. Vậy sức xoay đó từ đâu mà ra?

Tại sao từ hồi nào nó xoay không có bắt đầu và không có cuối cùng? Không biết cho là tự nhiên. Phật nói không phải tự nhiên, cũng không phải nhân duyên, mà là do tâm tạo. Lục Tổ nói “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của các ông động. Tâm của các ông động, nên phướn động, Tâm của các ông động, nên gió động”. Nhưng tâm không thấy, mà thấy gió động, phướn động; sự thật, có sức của tâm, thì gió và phướn mới động.

Thân này từ trẻ đến già, luân hồi sanh tử từ đời này sang đời khác, đều do sức của tâm tạo ra. Nhưng người ta không tin, vì không thấy. Chỗ thật tế không thể dùng tai

mất được. thời gian ngày đêm có 24 giờ, 1 giờ có 60 phút, 1 phút có 60 giây, 1 giây nhà Phật chia 60 sát na. 1 sát na rất nhanh, nhưng bộ não cũng có thể tưởng tượng được.

Chúng ta đang sống trong thời gian này. Nếu đem chia 1 sát na làm 60 A, 1 A chia làm 60 B, 1 B chia làm 60 C, khi vừa nói ra, không biết bao nhiêu C rồi. Nếu đem chia 30 lần, 300 lần... con số vẫn còn, người toán học thì biết, nhưng thời gian thật tế mà bộ não biết không nổi. Thời gian trước mắt, biết không nổi, mà muốn biết cái gì ở ngoài nữa!

Con sâu dếp cỏ còn gọi là con khoảnh, 1 ngày đêm nó tự tách ra làm 2 con, ngày đêm nữa nó tách ra 4 con, cứ như thế tăng dần lên mãi, cho đến ngày 90, nó thành 1 mét khối, trải 130 ngày nó bằng 1 quả đất, thêm 1 ngày nữa thì bằng 2 quả đất.

Ngược lại, nếu đem 1 quả đất chia làm 2 cho đến 130, thì khôi phục lại con sâu dếp cỏ; Theo toán học chia con sâu ra 130, thì thịt của nó có còn không? Mà thấy con số vẫn còn. Bộ não biết được không? Bộ não chỉ biết được con số, chứ thịt con sâu không biết nổi. Nếu xẻ thêm 100 lần 1000 lần... thấy con số vẫn còn, nhưng thật tế con sâu, bộ não không biết được. Tức là đem vật chất ở trong không gian, thời gian trước mắt phân tích cho thật nhỏ, bộ não không thể hiểu nổi, huống là tâm mình không có hình tướng số lượng, bộ não không có tư cách để biết.

Như thế, không phải là không có, cái dụng thì rõ ràng. Người chứng quả đều biết được, biết được không phải bộ não biết, mà nó tự biết, nó tự hiện lên cái biết, gọi là chánh biến tri. Chánh biến tri là cái biết cùng khắp không gian thời gian, không chét mất, cái biết đó chân thật rất có giá trị. Cái chân thật có giá trị không màng đến, mà cứ lo cho cái thân, sau này biến thành tro thành đất, lo mãi. Cho nên, Phật nói: Chúng sanh điên đảo, rất thương xót!)

Ngoài y kim lang còn có vật gì khác? Xô ngã cây nêu trước cửa, hai ông này vô sự sanh sự, dối người dối mình.

(Phật Thích Ca đem chiếc áo cà sa cho Ma Ha Ca Diếp. Ma Ha Ca Diếp hiện đang nhập thất núi Kê tức nước Trung Quốc, đợi Phật Di Lặc ra đời, trợ duyên Phật Di Lặc hoằng pháp.

A Nan hỏi Ma Ha Ca Diếp: Phật truyền y kim lang, còn có truyền cái gì nữa không? Ma Ha Ca Diếp xô ngã cây nêu trước cửa.

Hai ông này vô sự sanh sự, dối người dối mình, là ám chỉ Ma Ha Ca Diếp và Lục Tổ. Kỳ thật bản tâm đâu có cái gì để nói, mà nói là tâm động, cây nêu ngã, nếu có nói cũng như không.

Như người ta gọi tôi là Duy Lực, tôi cũng nhìn nhận là Duy Lực. Khen Duy Lực thì tôi vui, chê Duy Lực thì tôi buồn; nhưng Duy Lực đâu phải tôi! Duy Lực chỉ là tên mà thôi. Nhưng thật tế tôi không phải Duy Lực; nếu tôi nói, tôi không phải Duy Lực, thì người ta nói tôi khùng. Bây giờ tôi họ La, nhưng ở thời xuân thu có nước tên là La. Trong nước Trung Quốc có trên 100 nước nhỏ; khi nước La bị mất, thì người dân lấy tên nước làm họ mình. Như vậy trước chưa mất nước, thì những người đó đâu phải họ La.

Phật Thích Ca là họ Thích, nhưng trong kinh nói là giòng họ Cam Giá, là con cháu của vua Cam Giá. Vậy Cam Giá đâu phải họ Thích. Nói đến thật tế thì không biết được, nên người ta không tin. Người ta chỉ tin cái giả, không tin cái thật.

Bản tâm không có hình tướng, không có số lượng; bộ não nhận biết không được, làm sao có thể nói! Như con sâu đệp cỏ có hình tướng, có con số, phân tích nhỏ mà mình không biết; có hỏi cũng mất công!)

Bỏn lai không kể hờ, xuyên tạc không dính dáng.

(Đã không có kể hờ, mà lại chen vô, cứ tạo ra bậy bạ, không có dính dáng gì! Sau này, thân biến thành tro thành đất, vậy không chịu ngưng nghỉ).

Có hiểu chăng? *(Khó hiểu lắm)*. Chỉ biết một lần gặp nhau một lần già *(như năm ngoái gặp nhau thấy già, năm nay gặp lại thấy già thêm)*, một lần gió thổi một lần lạnh *(trời lạnh, gió thổi qua thấy lạnh thêm. Chỉ biết là như vậy)*.

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Đại đạo thể khoan, vô dị vô nan". Người nghĩa giải cho rằng: Việc này vốn bao trùm nhật nguyệt hư không, Phật Tổ chẳng biết tên, đại địa chử không nổi, như trời che khắp, như đất nâng khắp, mỗi mỗi viên mãn, người người đầy đủ, đâu còn khó dễ gì để nói!

(Phật Thích Ca không biết mình là gì? Đâu phải là Thích Ca! Trong kinh điển ghi là dòng họ của vua Cam Giá, trước Cam Giá không phải là Cam Giá, chính Phật tự mình không biết được.

Sự thật tâm mình khắp không gian khắp thời gian. Đã cùng khắp thì không có sự tương đối để nói khó và dễ).

Đây nói khó dễ là tại người chẳng tại pháp, hễ tin tự tâm là Phật thì dễ, chẳng tin tự tâm là Phật thì khó.

(Kỳ thật, tin tự tâm và không tin tự tâm cũng như vậy).

Tịch nghĩa giải:

Theo sự thấy nghe của tôi lại khác; hễ tin tự tâm là Phật thì khó, chẳng tin tự tâm là Phật thì dễ; vậy cái lý cao tột ở chỗ nào?

(Sự thật tin với không tin thì không dính dáng, tin thì tâm cũng vậy, không tin thì tâm cũng vậy. Không tin thì không có tu, việc khó dễ có liên quan gì! Nếu tin để tu đến kiến tánh thì khó. Nói ngược lại cũng được, thật sự không phải khó dễ).

Lời này hãy gác lại, cũng như Bàn Cưng Sĩ nói "Khó, khó, mười gạo hạt mè bày ra trên cây", Bà Bàn nói "Dễ, dễ, ý Tổ Sư trên đầu trăm cỏ". Linh Chiếu nói "Chẳng khó cũng chẳng dễ, đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ".

(Hạt mè nhỏ xíu, làm sao mười gạo bày trên cây được. Nói là khác, ý là khác, cần hiểu ý của Tổ sư trăm cỏ thì dễ. Đâu có khó dễ, đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ).

Gia đình họ Bàn có 4 người: Ông Bàn, bà Bàn, con gái Linh Chiếu và con trai đều kiến tánh.

Một hôm ông Bàn nói "Hôm nay mặt trời vừa đứng bóng tôi ra đi", rồi sai con gái ra coi mặt trời đứng bóng chưa?

Con gái nói: Mặt trời bị nhật thực.

Ông Bàn nghe rồi ghé ngò ra sân để xem, thì trong nhà, con gái lên ghé của cha mà ngò tịch.

Ông Bàng Uẩn chậm lại một tuần lễ cho con gái đi trước. Trước khi tịch Tĩnh Trường đến thăm và hỏi: Ông là người kiến tánh cũng sắp đi, có để cái gì cho người sau này, theo đó mà tu hành?

Ông Bàng nói: Cái gì mình có nên phải bỏ ra, cái gì mình không có đừng đem vào.

Việc này ông đã thực hành rồi, ông là người tỳ phú, tất cả gia tài đều bỏ xuống biển hết, rồi tự mình đan rổ, sai con gái ra chợ bán, để mua gạo ăn.

Người ta nói: Gia tài đó, sao không cho những người nghèo?

Ông Bàng nói: Tôi đã bị hại, mà còn cho người khác sao!

Người ta nói: Sao không dành lại một chút mà sanh sống để tu?

Ông Bàng nói: Tôi đã nói bị hại rồi, còn hại tiếp nữa sao!

Bà Bàng nói với con trai đang cuộc ruộng “Các người cứ dành đi”. Con trai nghe nói, rồi chống cày trên đầu cán cuộc cũng tịch luôn.

Bà Bàng nói “Các người, người nào cũng như người nấy, cứ dành đi, tôi cũng đi”, rồi tự bà vô trong núi mất tích).

Nếu phân biệt được 3 cái lưỡi hay dở của họ, thì sự khó dễ có thể lãnh hội.

(Nếu mà phân biệt, thì ngay đó khó dễ rồi, chưa phải là lãnh hội. Tâm đâu có khó dễ, khó dễ tại phân biệt mới có).

Nếu không, dẫn cho người hiểu theo lời nói, nói “chẳng dễ chẳng khó”, đâu khác gì con lừa mù muốn đuổi kịp theo bầy, vừa bước chân đã không có đường để đi rồi.

(Con lừa mù đã không thấy đường, làm sao đuổi kịp bầy được!)

Kệ kết thúc :

Bày mè trên cây mệt thì ngủ,

Nói “đầu trăm cỏ” của ý Tổ.

Ba người đều là không có mắt,

Mò rào mò vách lúc nào thôi.

(Bất cứ nói cái gì cũng như mù, đoán mò. Tâm của mình đâu có nghĩa lý; nếu nói ra nghĩa lý, giống như người mù).

32 - TIỂU KIẾN HỒ NGHI, CHUYỂN CẤP CHUYỂN TRÌ.

(Sự thấy nhỏ hẹp có chút hồ nghi, muốn gấp lại càng trễ).

Lời khai thị:

Chuyển Tự kỷ vào sơn hà, trâu sắt chìm đầm to.

(Thiền tông có câu “Chuyển tất cả vào tự kỷ, chuyển tự kỷ vào vạn vật”. Nghĩa là bất nhị của bản tâm khắp hư không, thì tất cả núi sông đất đai, bất cứ cái gì, đều ở trong hư không, mà hư không là cái tâm mình tức tự kỷ, chuyển như vậy, thì trâu sắt ở trong đầm to).

Chuyển sơn hà vào tự kỷ, voi già lún bùn sâu.

(Nghĩa là khỏi cần chuyển, tất cả đều ở trong hư không hiển bày ra cái dụng; hư không chẳng có nghĩa lý, dùng phải nhờ cái không; nếu không có cái không thì không

thể dùng. Như cái tách bít hết thì không thể đựng nước, nhà không có cái không thì không ở được. Mặt trăng, mặt trời, cây cối nhà cửa... tất cả đều nhờ cái không; cho đến chúng ta ngồi đây nói chuyện, cũng phải nhờ cái không. Nếu không có cái không, làm sao ngồi đây nói chuyện! Nhờ cái không hiện ra cái dụng, cái không này sẵn sàng.

Do con người thông minh đem cái không hạn chế. Như hạn chế cái không của tách, nhà, bàn, đĩa, ... rồi giải thích cái không của tách, khác hơn cái không của nhà, bàn, đĩa... giải thích có lý. Nhưng chưa có nhà thì cái không đã sẵn rồi, không có cái không sẵn làm sao có cái không của tách? Cái không sẵn sàng vốn bất nhị, nhưng tạo thành cái không của nhà, tách... đủ thứ sai biệt, đều do con người bày đặt ra; vốn từ không có nghĩa lý mà lập ra nghĩa lý, mặc dù không có nghĩa lý nhưng tất cả đều phải nhờ nó; cái không này chính là bản tâm).

Tự kỷ son hà ném bỏ một lượt, lò rèn các nơi không thể thiết lập. Có thiết lập, chẳng khác nắm tay dọa trẻ con.

(Cái không đã sẵn sàng, nếu thiết lập cái không của cái nhà, cái tách, cái bàn... nói ra nghĩa lý rất đúng. Nhưng khác chỉ đem nắm tay để gạt con nít).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Tiêu kiến hồ nghi, chuyên cấp chuyên trì". Người nghĩa giải cho rằng: Tất cả chúng sanh, từ trước khi kiếp không (chưa có trời đất) đã cùng tam thế chư Phật đồng thành chánh giác, vốn chẳng thiếu kém, vì tâm này không rõ, tự rơi vào ngu mê mà chẳng biết. Thế nên, chư Phật chư Tổ dùng trăm ngàn phương tiện dẫn dắt khích lệ, khiến họ ngộ nhập.

(Người nào cũng có Phật rồi; nhưng không tin được, cứ cho mình là chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật; trong kinh Viên Giác, Phật lấy vàng để thí dụ vàng thật đã thành sẵn, nhưng nó chưa có hiện lên, nên mình không thấy, không thấy là do nó lộn với đất cát tạp chất. Dem quặng vàng luyện bỏ đất cát tạp chất, rồi vàng thật hiện ra.

Nếu trong quặng vàng không có vàng thật thành sẵn, làm sao luyện ra được? Phật tánh của chúng sanh cũng vậy, đã thành sẵn rồi đâu phải tu mà thành; chưa tu đã thành rồi, vì lộn với tạp chất vọng tưởng tham sân si, nên không hiện ra. Tu là luyện bỏ tạp chất vọng tưởng tham sân si, thì Phật tánh hiện ra. Như Phật Thích Ca đâu phải tu rồi thành? Đâu phải chứng mới đắc?)

Sở dĩ nói "Vi một đại sự nhân duyên xuất hiện trên đời", à việc này vậy. Bởi do người chẳng tin tự tâm là Phật, mà muốn tìm cầu ở ngoài tâm, cho nên bị quở là tiêu kiến. Phải biết tâm này vốn sẵn đầy đủ, nói là "mau thành bồ đề" đã thành lời thừa, thật ra đâu có sự mau hay trễ ư!

(Đã thành bồ đề đâu có mau trễ. Lời giải thích trên rất có lý, nhưng chưa phải thật tế, thật tế không phải lời nói để nói được. Nên ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Thế thì hiện nay gọi cái gì là Phật? Nếu chỉ bày không ra, bệnh ở chỗ nào?

(Nói phải, Phật ở đâu? Nói thì được, nhưng chỉ ra không được. Mà bệnh ở chỗ nào?)

Kệ kết thúc:

Trời há cho ngồi đày giếng dòm,

Tận cùng sức thấy cũng thành nghi.

Trở mình nhảy ra ngoài hư không,

Nhưống mày mở mắt đã trể rồi.

(Trang Tử có thí dụ: Con rùa từ nhỏ sống trong đáy giếng, nó dòm lên bầu trời thấy lớn hơn đáy giếng một chút. Có một ngày con rùa biển đi ngang té xuống giếng.

Rùa giếng hỏi: Anh ở đâu?

Rùa biển đáp: Tôi ở biển.

Rùa giếng hỏi tiếp: Biển lớn bao nhiêu?

Rùa biển đáp: Biển lớn lắm.

Rùa giếng hỏi: Biển lớn bằng cái giếng tôi ở không?

Rùa biển đáp: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Làm sao lớn hơn nhiều được? Rùa giếng lội 1/3 cái giếng hỏi tiếp: Có lớn bằng 1/3 cái giếng này không?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng hỏi: Biển có lớn bằng 2/3 giếng này không?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Vậy biển bằng cái giếng này sao?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Ông nói dối! Có phải cái biển của ông ở dưới bầu trời này không?

Rùa biển đáp: Phải.

Rùa giếng nói: Ông nhìn bầu trời này đi! Bầu trời chỉ lớn hơn cái giếng chút xíu, làm sao cái biển lớn hơn cái giếng này được? Ông nói cái biển lớn hơn cái giếng bao nhiêu? Nói đi!

Rùa biển nói: Nói không được.

Rùa giếng nói: Nói bậy, ông không nói được, lấy gì làm bằng chứng. Tôi có bằng chứng rõ ràng, 1/3, 2/3, có bầu trời ông cũng nhìn nhận, biển của ông cũng ở dưới bầu trời này. Bây giờ ông nhìn bầu trời này, đâu có lớn hơn cái giếng tôi bao nhiêu, mà ông nói cái biển lớn hơn cái giếng tôi, có phải ông nói bậy không? Ông không có bằng chứng, chỉ nói cái biển lớn hơn nhiều, thì lời của ông có ai tin đâu!

Tất cả ai cũng biết biển lớn hơn giếng nhiều lắm, nhưng con rùa giếng không tin nổi. Làm sao cho con rùa giếng tin biển lớn hơn?

Bản tâm không có hình tướng, mắt không thể thấy, tai không thể nghe. Phật Tổ đã dẫn chứng nhiều nhưng người có tâm rùa giếng không tin nổi bản tâm. Cho nên, ở dưới đáy giếng làm sao để nhìn bầu trời, cho thế này thế kia?)

Tận cùng sức thấy cũng thành nghi (dù rùa biển hết sức giải thích nói chân thật là biển lớn hơn cái giếng, nhưng rùa giếng không tin nổi, vì rùa biển không có bằng chứng, còn rùa giếng có bằng chứng.

Hai câu cuối diễn tả là chưa đập bể hư không thì tâm vọng chưa chết, sát na ý thức dính lúu thì bản tâm chưa hiện).

33 - CHẤP CHI THẬT ĐỘ, TẮT NHẬP TÀ LỘ.

(Chấp thật thì lạc mắt tông chỉ, ắt phải rơi vào đường tà).

Lời khai thị:

Núi vô trùng số (bất nhị), nước vô trùng số. Thiện Tài ở trong tiếng khảy móng tay, thấy lâu các của ngài Di Lặc cũng vô trùng số. Chơn Nhân Vô Địa Vị giữa đường gặp thấy việc bất bình, dùng cây gậy gạch một gạch trên không, mười vạn tám ngàn đường lối nắm gom một lượt, rồi quay đầu lại hét to rằng:

Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thọ,

Phương thảo thê thê Anh Võ châu.

(Cỏ non biên biết đảo Anh Võ,

Nắng dọi Trường Giang cây Hán Dương).

(Chân Nhơn Vô Địa Vị là bản tâm, tại sao nói Vô Địa Vị? Vô Địa Vị là không có hình thể, không có số lượng, tất cả đều ở trong tâm mình, không có cái nào ở ngoài.

Trường Giang là con sông Dương Tử, Hán Dương là tên địa phương, sông Trường Giang có cù lao Anh Võ.

Trong lịch sử Thiền tông có một công án: Có một vị Tăng thông minh tài giỏi chưa kiến tánh, nhưng có tinh tấn tu tập, ở trong một ngôi chùa, gặp vị trụ trì đã kiến tánh, vị trụ trì muốn giúp đỡ vị Tăng đó, nói với vị Tăng rằng: Ông đến Võ Sơn gặp ông cư sĩ sẽ giúp ích cho ông.

Tăng đến gặp Cư sĩ, Cư sĩ hỏi: Cổ kiến chưa mài thì sao? (cổ kiến là kiến xưa)

Tăng trả lời: Đen như dầu hắc.

Cư sĩ hỏi: Cổ kiến mài rồi thì sao?

Tăng trả lời: Chiếu trời chiếu đất.

Cư sĩ mời Tăng về chùa. Khi về chùa kể lại cho Trụ trì.

Trụ trì nói: Bây giờ Ông hỏi tôi đi?

Tăng hỏi: Cổ kiến mài rồi thì sao?

Trụ trì nói: Cỏ non biên biết đảo Anh Võ.

Tăng hỏi tiếp: Sau khi mài thì sao?

Trụ trì nói: Nắng dọi Trường Giang cây Hán Dương.

Tăng ấy ngộ liền.

Chưa ngộ cứ nói theo nghĩa lý, cổ kiến chưa mài thì đen thui, mài rồi thì chiếu soi được, việc đó ai cũng biết! Còn người kiến tánh thì không theo nghĩa lý, nghĩa lý do con người lập ra, như hư không đâu có nghĩa lý!

Vì sao như thế? Há chẳng thấy Tổ sư nói “Chấp thật thì lạc mắt tông chỉ, ắt phải rơi vào đường tà”.

(Vì có chấp thật, như chấp thật cổ kiến, làm sao ngộ được?)

Lời nghĩa giải:

Gần đây có một số người ở vào địa vị làm thầy, thấy người nói “Khán thoại đầu của cổ nhân, công phu miên mật, chẳng uống phí thời gian để tham cứu việc mình”, liền

dẫn chứng hai câu này để bài xích, đối với “chấp chi thất độ”, cho là Phật pháp đâu có việc này, bởi tất cả sẵn sàng, sao chẳng tự nhận lấy? Lại cố làm điệu bộ của người chết làm chi!

(Có người nghe đến tham thiền là tìm cách bài xích, dẫn chứng thế này thế kia, đã đuổi theo lời nói bị mắng là con chó mà cũng không biết, chỉ biết bài xích, không biết cái thật tế).

Tịch nghĩa giải:

Nói thế cũng đúng, nhưng không xét đến nguồn gốc, chẳng biết ý Tổ Sư là trách cái chấp sau khi ngộ. Há chẳng thấy Phật Nhân nói “Có một hạng người cỡi lừa tìm lừa, lại có hạng người biết được là lừa rồi mà cứ cỡi mãi không chịu xuống”, chính là nói hạng người này chấp lý đã ngộ mà chưa thể quên. Bên ngoài chấp pháp sở ngộ, bên trong chấp tâm năng ngộ, cổ nhân quở là pháp trần, cũng là gai gốc tri kiến. Cho nên Dược Sơn nói vừa có sở trọng, liền thành hang ổ, đều là chấp lý đã ngộ, khiến cho lý ngộ chẳng quên, cho là thật có việc này. Do thấy pháp chẳng viên thông, thành sở chấp của ngoại đạo. Đang mê mà cầu ngộ thì dễ, đã ngộ muốn quên lý thì khó, nếu không gặp bậc đạo sư chơn chánh thẳng tay gõ tay chân, đánh đập thống thiết, thì rốt cuộc không thể đến chỗ tự thôi nghỉ. Đối với thuyết này, ông có vừa lòng chẳng?

(Nếu người đã ngộ cái lý, chấp cái lý ngộ đó, thì không hiện ra cái dùng được, vì kẹt cái lý nên bị trướng độc cái lý).

Thiền tông muốn đến chỗ cứu kính, luôn cả cái ngộ cũng phải tan rã, cho nên nói “ngộ rồi, đồng như chưa ngộ”, nếu còn ôm cái ngộ, tức là còn mê, tại có mê nên có ngộ. Nếu hết mê không còn ngộ nữa. Vì vậy, nhờ chiếc bè đưa qua sông rồi phải bỏ bè. Nếu còn lưu luyến chiếc bè, thì bị chiếc bè làm chướng ngại, không lên bờ được).

Kệ kết thúc:

Chấp tâm chưa chết hoa thường rụng,

Thất kết đã trừ quả không xa.

Cứ theo đường tà đi như trước,

Quày đầu mới thấy mình trần truồng.

(Còn có sanh diệt, tức là hoa còn rụng. Phiền não nghiệp chướng là dây trói buộc bằng gỗ gai, còn bỏ dễ, giải thoát là dây trói buộc bằng vàng. Vàng dù quý, nhưng buộc chắc chắn hơn, khó tuột hơn, nên cần phải bỏ luôn).

34 - PHÓNG CHI TỰ NHIÊN, THỂ VÔ KHỨ TRỤ.

(Buông thì Bản thể tự nhiên, vốn chẳng có đi và ở). (Buông: Vô trụ).

Lời khai thị:

Cơ xảo hướng thượng, câu chuyển ngữ cuối cùng, cửa đã mở sẵn. Lòng từ của chư Tổ luôn luôn nhắc nhở hành giả tham thiền ngay đó liền ngộ. Trăng nửa đêm chiếu trên cành hoa mai; ngộ được cứ ngộ, rạng đông say rượu cỡi chim loan. Không cho là Phật pháp cao siêu, cũng không cho là phổ biến việc đời, vậy rốt cuộc như thế nào? Chẳng thấy Tổ Sư nói "Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ" hay sao!

Cơ xảo hướng thượng, câu chuyển ngữ này cuối cùng, cửa đã mở sẵn.

(Chuyển ngữ là lời nói, chuyển là xoay chuyển không trụ, tức là nói không trụ chỗ nào. Nếu hành giả tham thiền đã ngộ, nói được một chuyển ngữ, thì Tổ ấn chứng cho người ấy đã ngộ).

Lòng từ của chư Tổ luôn luôn nhắc nhở hành giả tham thiền ngay đó liền ngộ.

(Cơ xảo của chư Tổ, chỉ là mài giữa tập khí của mình. Ai cũng có tập khí kiến giải khó dứt).

Tăng định trình kệ cho Đại Huệ ấn chứng. Đại Huệ liền nói: Không phải, không phải, đi đi.

Tăng nói: Tôi chưa có trình mà!

Đại Huệ nói: Không phải, không phải, đi đi.

Bởi vì còn kiến giải làm sao ngộ? Còn kiến giải mới trình. Cho nên, chư Tổ dùng cơ xảo khiến cho hành giả tham thiền ngay đó được ngộ, nếu không ngộ thì không hiểu, phải phát nghi, giữ nghi đó sau này cũng được ngộ. Chứ không phải muốn cho người ta hiểu; nếu muốn cho người ta hiểu, thì chư Tổ giải thích còn dễ hơn. Vậy, có người dạy tham thiền, giải thích công án, tìm hiểu lời của Tổ, làm cho hành giả không thể ngộ được).

Trăng nửa đêm chiếu trên cành hoa mai; ngộ được cú ngộ, rạng đông say rượu cười chim loan.

(Tâm không đuổi theo cảnh, mình mới làm chủ được. Nếu vì cảnh mà sanh tâm, tâm sanh cảnh. Trong cuộc sống hằng ngày, thì phải có tâm sanh cảnh cũng bị cảnh sanh tâm. Như thấy buồn thì tâm mình buồn, thấy vui thì tâm mình vui. Tâm mình vui thì cảnh vui là tâm sanh cảnh).

Không cho là một pháp cao siêu.

(Kinh Kim Cang nói “Đâu có cái gì gọi là Phật pháp, làm sao có cái pháp cao siêu”. Nhưng có người nói phải có giáo lý cao siêu để dạy Tăng Ni. Nếu theo thật tế của bản lai đầu có Phật pháp cao siêu).

Cũng không có phổ biến việc đời.

(Phật pháp hiện nay rất phổ biến, nhưng đối với thật tế thì không phải).

Vậy rốt cuộc như thế nào? Chẳng thấy Tổ sư nói “Buông thì Bản thể tự nhiên, vốn chẳng có đi và ở” hay sao?

(Không trọng và ham thích một pháp nào; nếu có một chút quý trọng ham thích là dính mắc là có chỗ trụ, nắm chắc không chịu buông; người ta dễ buông tài quả, còn kiến giải thì khó buông. Bản thể không có trụ và vô trụ).

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Tâm chấp đã trừ, tự nhiên tự do tự tại, chẳng chướng chẳng ngại mà động như mây bay, tịnh như cốc thần, đã vô tâm đối với này nọ, thì đâu có phân biệt đi ở?

(Cốc thần là xung quanh toàn đồi núi, ở giữa thung lũng, khi nói ra tiếng thì âm thanh dội lại; tiếng dội lại cũng là tiếng của mình, không phải người khác; Không biết rồi đổ thừa cho là cốc thần. Nó vốn không có động, tại do mình nói có tiếng thì có tiếng trả lời, còn không nói ra tiếng thì không có tiếng).

Kinh Viên Giác nói “Bất cứ lúc nào, chẳng khởi vọng niệm, đối với vọng tâm, cũng chẳng ngưng nghỉ, trụ nơi cảnh vọng, không cần hiểu biết, nơi không hiểu biết cũng chẳng cho là chơn thật không hiểu biết”.

(Người ta thường nói ngưng nghỉ vọng tâm, nhưng kinh nói vọng tâm chẳng có ngưng nghỉ. Biết vọng liền bỏ, làm sao được? Đối với không hiểu biết cũng không hiểu biết luôn).

Được như thế thì gần với đạo rồi, nghĩa là tình chấp thánh phàm đều sạch, thì bản thể chơn thường hiển lộ, tuyệt hẳn cảnh duyên hư vọng, tức là như như chơn Phật.

(Bản thể chơn thường không có sanh diệt, không có bắt đầu và không có cuối cùng, khắp thời gian).

Tịch nghĩa giải:

Lúc chửi nhau thì tạt nước cũng được. Nếu đối với ý Tổ sư, dầu có tất cả đại tạng kinh điển đều cũng mưa ra, cũng chỉ thành nghiệp thức mênh mông mà thôi.

(Tất cả đại tạng kinh điển đều ở trong đó. Nếu mưa tất cả giáo lý ra, thì cũng không biết được, cho nên bị nghiệp thức xoay chuyển. Chữ Hán gọi “Nghiệp thức mênh man, vô bản khả cứ”, nghĩa là nghiệp thức mênh mông, không có chỗ căn cứ. Cuộc sống hằng ngày đều ở trong nghiệp thức mênh mông.

Tức là bộ não phân biệt tốt xấu, có lý và không có lý gọi là thức phân biệt. Thức này là do cái nghiệp kiếp trước làm nhân. Đối phó với chuyện này chuyện kia, đi học, làm việc... tất cả đều do nghiệp thức này.

Nhưng lại cho cái nghiệp này là Ta, sự thật đằng sau làm chủ nghiệp thức mới là Ta, mới là căn bản. Nghiệp thức không có căn bản để căn cứ, vì nghiệp thức sanh diệt, sau khi cái thân chôn thành đất thiếu thành tro.

Vậy ai làm ra nghiệp thức này? Người làm ra nghiệp thức không phải bộ não, vì bộ não sau chết biến thành tro thành đất. Người chủ làm ra nghiệp thức thì không biết, nên không có chỗ căn cứ, chỉ là nghiệp thức mênh mông mà thôi.

Mục đích tham thiền là muốn hiển lộ người chủ sanh ra nghiệp thức này. Người chủ hiện ra mới được tự do tự tại; Nếu cho nghiệp thức làm chủ thì điên đảo, cứ theo cảnh mà xoay chuyển, đối với cảnh vật thì có, cảnh diệt rồi thì nó cũng diệt luôn, vậy nó còn ở trong sanh diệt. Còn người chủ không có biến đổi, không bị cảnh lôi kéo sanh diệt, không có dính dáng gì hết).

Kệ kết thúc:

Kiến văn giác tri đều bỏ hết,
Vốn chẳng tự nhiên lại tự nhiên.
Ông đi nước Tần, ta nước Lỗ,
Đỉnh đầu ai chẳng đội trời xanh.

(Cuộc sống hằng ngày đều phải dùng kiến văn giác tri.

Kiến văn giác tri là do nghiệp thức làm chủ, nghiệp thức không thật, đâu cần bỏ nó, lấy bỏ đều không được. Cần phải tìm chủ sanh nghiệp thức.

Nước Tần ở bên bắc, nước Lỗ ở bên nam, tức là nghiệp thức là nghiệp thức, còn chủ thật là chủ thật, không có liên quan, như người ở bên nam, người ở bên bắc.

Mặc dù, không phát hiện nó được nhưng nó cũng không rời khỏi mình, như đi đến đâu cũng có trời xanh trên đỉnh đầu. Ông chủ nghiệp thức bản thân mình, không bao giờ rời mình, tại vì mình không tin, nên không phát hiện được. Cứ tin nghiệp thức, thành ra làm cho mình cực khổ, đi trong lục đạo luân hồi mãi).

35 - NHẬM TÁNH HỢP ĐẠO, TIÊU ĐIỀU TUYỆT NÃO.

(Tự Tánh là Đạo, vốn chẳng phiền não).

Lời khai thị:

Bùi Tướng Quốc (Bùi Huru) ôm Phật đến đặt tên.

(Lời khai thị trong Truyền Tâm Pháp Yếu của ngài Hoàng Bá, do Bùi Huru ghi lại. Phật đâu có tên, Tự tánh vốn là đạo).

Đường Trang Tông đắc được một báu vật ở Trung Quốc, vua chẳng bị địa vị cao cả đòi đòi, thần chẳng bị việc khắp nước nhiễu loạn.

(Tự tánh là tự nhiên vậy, vốn là hợp đạo, vốn là tiêu điều tự do tự tại, không có phiền não. Phiền não là do vọng tâm tự chấp sanh ra. Thật tế bản thể không có phiền não; dù làm vua có địa vị cao cả, nhưng tự tánh không đòi đòi, không có cao thấp. Thần chẳng bị khắp nước nhiễu loạn).

Nạp Tăng tham thiền giẫm bước khắp mười phương, hình thể chẳng bị trói buộc.

(Tu sĩ đi hoàng pháp khắp mọi nơi, hình thể không bị cảnh gì lôi kéo, tức là không có những việc buồn, vui, yêu, ghét...).

Lâu ngày chày tháng ngồi tại chỗ vô sự, vì sao chẳng thể đứng như Tự tánh? Do cái gì làm chướng ngại?

Năm năm khô héo rừng Bát Nhã,
Năm năm tăng trưởng cỏ vô minh.

(Cuộc sống hằng ngày, cứ tăng trưởng cỏ vô minh, làm cho rừng Bát Nhã khô héo. Tự tánh không phải hữu sự hay vô sự, không có ý kiến của mình đem vô hay bớt ra. Nếu cho là vô sự tức là có sự rồi. Vì có ý cho là...thì không phải rồi, đều là có vô minh).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhậm tánh hợp đạo, tiêu dao tuyệt não". Người nghĩa giải cho rằng: Người Tâm Không thi đậu tánh chẳng cần nhậm (mặc kệ) mà tự nhậm, đạo chẳng cần hợp mà tự hợp, tự do như mây ra trên núi, tự tại như trăng đi trên không, trong Đại Viên Cảnh (tự tánh) có ai chẳng phải vậy?

(Không có ý tạo tác, nếu tâm mặc kệ nổi lên thì có ý đã xen vô. Khởi cần mặc kệ hay không mặc kệ. Nó vốn như vậy, tự nhiên hợp đạo, tự nhiên như mây bay trên không, chẳng có tác ý. Cũng như: Trăng đi trên bầu trời không có ý gì).

Cho mình có vô minh nên phải làm phàm phu, nhưng Tự tánh không có vô minh. Nếu cho mình có vô minh phiền não, đó là do mình cho vậy thôi).

Tịch nghĩa giải:

Phật Ấn Nguyên Hòa Thượng nói "Cái cảnh đã ngộ khó nói cho người chưa ngộ hiểu, như với người mù bẩm sinh, nói cho biết mặt trời sáng tỏ, họ dù nghe mà chẳng thể biết được". Hay người chưa từng buông tay nhào xuống vực thẳm (chưa từng ngộ),

mà lại dùng lời "nhậm tánh hợp đạo" để dẫn chứng, thì cũng như người đói nói ăn mà không ăn, lại tự nói "đã no", há chẳng phải là dối người ư?

(Tự tánh không có hình thể không có số lượng, những người nghe dùng bộ não để hiểu, nhưng ý thức không tiếp xúc được, tiếp xúc không được làm sao hiểu? Thành ra, người đã ngộ không thể đem cảnh ngộ cho người chưa ngộ nghe.

Người mù bẩm sanh không có kinh nghiệm thấy được mặt trời, lại nghe nói của người thấy được mặt trời, mà theo lời nói diễn tả cho là đúng; nhưng sự thật không đúng, vì lời nói là lời nói, không phải chân thật, cần phải ngộ mới được.

Nếu theo nghĩa giải cho là đúng thì đạo còn xa lắm, những người học Phật đều giải lý theo lời nói, dù có nghĩa lý cao chừng nào, thì xa chừng này, đối với thật tế không dùng được).

Kệ kết thúc:

Mặc cho pháp tánh tự hợp đạo,

Bệnh của Tâm Vương càng khó lành.

Lại muốn cầu cho tuyệt phiền não,

Ba trăm roi sắt chưa phải nhiều.

(Pháp tánh thì tự hợp đạo. Sự hiểu biết của mình cứ giữ hoài, thành ra không ngộ được. Bệnh cháp chưa hết, làm sao hết phiền não?)

Đây là roi sắt của Diêm La Vương; cho nên cần phải trị bệnh cháp, chứ đừng theo lời nói của Phật, Tổ để giải nghĩa cho là đúng. Đúng thì phải rồi! Nhưng thật tế thì còn xa lắm. Cho nên Thiên tông "bất lập văn tự" là vậy.

Thiên tông muốn mỗi cá nhân, đều đạt đến chỗ chân thật. Không phải chỉ miệng nói, tâm nghĩ; lúc còn sống phải làm chủ, thì lúc lâm chung cũng làm chủ được. Nếu còn sống không làm chủ được, thì lúc lâm chung làm sao làm chủ!

Tổ Hương Nghiêm ngủ mê làm chủ được, mà còn bị quở. Có chiêm bao làm chủ được, không có chiêm bao còn không biết. Thường thường người ta có chiêm bao không làm chủ được.

Chúng ta cần thật tế là tham thiền đến chỗ giác ngộ. Nếu hiểu biết cho nhiều thì bị chướng ngại. Vì vậy, ngài Trung Phong thấy người ta đem Tín Tâm Minh để dẫn chứng, làm sao dẫn chứng được! Nên Ngài phủ nhận.

Giảng kinh thuyết pháp đối với sự tu chứng chẳng có ích lợi gì! Tức là đối với thật tế trở thành chướng ngại. Người ta cho đó là đúng, nhưng nghịch với thật tế. Như mặt trời là tròn với nóng thì đúng, nhưng cho tròn với nóng là mặt trời thì không đúng).

36 - HỆ NIỆM QUAI CHÂN, HÔN TRẦM BẤT HẢO.

(Nỗi niệm thì bị niệm buộc, thành trái với chân, không niệm thì hôn trầm chẳng tốt).

Lời khai thị:

Đại tạng giáo điển là sợi dây xích chân, thân vàng trượng sáu (thân Phật) là một cọng cỏ. Một tiếng hét điếc tai ba ngày của Bá Trượng, một giỏ trâu trút ra của Ngưỡng Sơn. Những lời nói này là miếng ngói hay châu báu? Nếu ông nói câu phải cũng quét, câu chẳng phải cũng quét; chính là ăn táo mà nuốt hạt.

(Tổ Thiên tông khai thị, không dùng ý thức để hiểu được. Nếu nghe liền ngộ, còn không ngộ thì không hiểu phải phát nghi, tức là nghi tình. Giữ mãi nghi này liên tục, rồi sẽ đưa đến ngộ, nên gọi là Từ Nghi Đến Ngộ. Theo đại tạng giáo điển, chỗ thật tế thì không nói được; nếu đuổi theo đại tạng giáo điển thành sợi dây xích chân.

Bá Trượng nghe Mã Tổ hét bị điếc tai ba ngày, Ngài được ngộ cùng tột.

Một gió trầu trút ra của Ngưỡng Sơn cũng là diễn tả cái ngộ, nhưng dùng ý thức hiểu không nổi; khi nào ngộ thì tất cả công án, thoại đầu đều rõ ràng. Nếu ngộ là châu báu, không ngộ là miếng ngói).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Hệ niệm quai chơn, hôn trầm bất hảo". Người nghĩa giải dẫn chứng trong kinh nói "Tâm chẳng bị đạo trói, cũng chẳng gây nghiệp, ấy là người đắc đạo". Hoặc dẫn chứng lời Đức Sơn nói "Mấy may hệ niệm là nghiệp nhân tam đồ", còn nói "Hành giả tham cứu, vừa có mấy may tình chấp mê ngộ, thánh, phàm, thì bị tri kiến mê ngộ thánh, phàm làm mù", cần phải một vật chẳng dính mắc muôn duyên đều tẩy sạch, mới có thể hợp với chỗ thấy của Cổ nhân.

(Tổ Sư thiên vừa có một chút mấy may sanh ra tình cảm chấp thật, chấp mê, chấp ngộ, chấp thánh, chấp phàm thì bị tri kiến mê ngộ thánh phàm làm cho mù).

Tịch nghĩa giải:

Đừng phi báng cổ nhân nhé! Cổ nhân nói với ông "Nổi niệm thì bị niệm buộc, thành trái với chân", nhưng chính cái "một vật chẳng dính mắc" đã là trái với chân, tức là bị niệm trói rồi.

(Bởi vì một vật chẳng dính mắc cũng là niệm, có niệm thì trái với chân là bị niệm trói rồi).

Kệ kết thúc:

Hệ niệm trái chơn, chơn chẳng trái,
Hôn trầm chẳng tốt, tốt nơi nào?
Thùng sơn cứng chắc không lủng đáy (chưa ngộ),
Thai trâu bụng ngựa đợi ông vào.

(Thiên tông muốn mọi người ngộ chỗ thật tế là bản lai diện mục của tâm mình. Nếu dùng lời nói: Hệ niệm trái chân, chân chẳng trái sao? Hôn trầm chẳng tốt, vậy tốt nơi nào? Tức là có tốt xấu tương đối do ý thức phân biệt làm chướng ngại sự ngộ. Thùng sơn đen lủng đáy là tỏ sự ngộ. Nếu chưa ngộ thì thai trâu bụng ngựa đợi ông vào. Mặc dù ông giải thích có lý rất hay, nhưng vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi).

37 - BÁT HẢO LAO THẦN, HÀ DỤNG SƠ THÂN.

(Tốt xấu không nên nhọc tinh thần, đâu cần phân biệt sơ hay thân).

Lời khai thị:

Triệu Châu khám phá rồi, thủy ngân không giả.

(Một bà già ở giữa đường đi Ngũ Đài Sơn, ai đi ngang hỏi thăm, bà lão nói "Cứ đi như vậy". Ngài Triệu Châu nghe nói, để ta đi khám phá, rồi ngài Triệu Châu đến hỏi

bà lão, bà lão cũng nói “Cứ đi như vậy”. Rồi ngài Triệu Châu nói với chúng Tăng rằng: Ta đã khám phá rồi).

Tham thiền không linh nghiệm, đụng đầu mê đó, sự thấy là cái gai góc trong mắt, việc nghe là cái bệnh của lỗ tai. Ủa! có việc như thế ư?

(Gặp cái gì cũng muốn hiểu, hướng theo lời nói của Phật, Tổ để hiểu, nên Tổ mắng “Con chó đuổi theo cục xương”. Theo hiểu biết của mình có nghĩa gì đâu! Vậy, mình không thấy không nghe sao? Vì mình hiểu không nổi. Nếu ngộ thì hiểu, còn không ngộ thì không hiểu nên phải phát nghi tình, giữ nghi tình đó sau này sẽ được ngộ. Cứ dùng bộ não đi tìm hiểu, hỏi là có việc như thế ư! Thì sai).

Chỉ cần nói với họ; ngắt mắt ngó ngoài trời xem ai ló đầu ra?

(Người nào ló đầu ra là ngộ, nếu không ngộ cứ giữ không hiểu không biết thì sau này sẽ được ngộ).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Bất hảo lao thân, hà dụng sơ thân". Người nghĩa giải cho rằng: Do hệ niệm thì trái với Chơn, đã trái với Chơn thì lao nhọc tinh thần, vì nhọc tinh thần ắt phân biệt sơ thân. Phải biết, hệ niệm là cái nhân của sơ thân, sơ thân là cái quả của hệ niệm. Tổ Sư nói hai chữ "không cần" cũng như việc tự cần rón vậy.

(Tự mình không thể cần rón mình, ví dụ cho việc không thể làm được).

Tịch nghĩa giải:

Lời nói này như theo hình mèo mà vẽ con mèo, đại khái vẽ ra cũng giống, nhưng chuột chết còn chẳng thể bắt được, huống là chuột sống ư? Nếu chẳng đích thân một dao cắt đứt mạng căn (chơn tham thật ngộ), thì những lời trên chỉ giúp cho việc luận đàm mà thôi.

Kệ kết thúc:

Tốt xấu chẳng nên nhọc tinh thần,
Dùng hết tinh thần càng chẳng thân.
Đâu bằng kẻ ngốc nơi thôn dã,
Ăn no nằm dài hợp thiên chơn.

(Việc tốt xấu đều nhọc tinh thần, tất cả chẳng nên. Nếu dùng hết tinh thần để luận bàn càng chẳng thân. Đâu bằng kẻ ngốc ở nơi thôn dã, ăn no nằm dài không có chuyện gì tự hợp thiên chơn, tức là hoàn cảnh bốn lai vốn như vậy, khỏi cần thêm bớt, khỏi cần phân biệt).

38 - DỤC THỦ NHẤT THỪA, VẬT Ó LỤC TRẦN.

(Muốn chứng lấy nhất Phật thừa, chớ nên chán ghét lục trần).

Lời khai thị:

Mắt là quang minh pháp thân, tai là âm thanh pháp thân, mũi là trang nghiêm hương pháp thân, lưỡi là thanh tịnh vị pháp thân, thân là phổ giác pháp thân, ý là liễu tri pháp thân, đầy đủ sáu nghìn công đức, thành tựu Nhất thiết chủng trí. Nhưng lúc tứ đại phân tán, xương thịt tan rã, lục căn đều biến diệt, vậy pháp thân đặt ở chỗ nào?

Việc buồn chớ kể với người buồn,

Kê với người buồn, buồn chết đi!

(Lục căn đều là Pháp thân, Pháp thân không biến đổi, tồn tại vĩnh viễn, không bị chết mất; thân này bị chết mất, đem chôn biến thành đất, thiêu biến thành tro.

Trong kinh Lăng Nghiêm, A Nan đại diện đương cơ cả triệu người nghe Phật thuyết pháp. Phật dùng cánh tay thí dụ, hỏi A Nan rằng: Ta có cánh tay làm ra nắm tay, người có con mắt thì thấy được ta, hai việc này có giống nhau không?

A Nan đáp: Giống nhau.

Phật nói: Không phải, tại sao? Ta có cánh tay mới làm nắm tay, không có cánh tay không thể làm nắm tay. Còn người không có con mắt vẫn thấy được.

A Nan hỏi: Người không có con mắt làm sao thấy được?

Phật nói với A Nan: Người đi hỏi người không có con mắt, trước mắt có thấy gì không? Thì người ấy sẽ trả lời rằng: Thấy trước mắt đen tối.

A Nan hỏi: Thấy trước mắt đen tối, làm sao gọi là thấy?

Phật muốn chứng tỏ thấy đen tối vẫn là thấy, nên thí dụ thêm. Một người có con mắt sáng ở trong phòng đen tối, không có ánh sáng nào cả, người có con mắt đó, phải thấy trước mắt đen tối không?

A Nan đáp: Phải.

Phật nói tiếp: Vậy người có con mắt trong phòng đen tối với người không có con mắt thấy đen tối, hai người đó thấy có khác không?

A Nan đáp: Không khác.

Phật hỏi: Vậy người không có con mắt, bỗng nhiên có con mắt sáng, phải con mắt thấy không?

A Nan đáp: Phải.

Phật nói: Vậy người có con mắt ở trong phòng đen tối, thỉnh linh được cây đèn đốt lên, thấy được cảnh tượng trước mắt. Vậy phải cây đèn thấy không?

A Nan không đáp được. Bởi vì được con mắt sáng thì nói con mắt thấy, còn được cây đèn sáng thì phải nói cây đèn thấy! Nếu cây đèn có tánh thấy, không gọi là cây đèn. Còn cây đèn thấy được, có dính dáng với con người đâu? Phật giải thích: Cây đèn thì hiển hiện sắc tướng, sự thấy là con mắt, không phải là cây đèn. Con mắt cũng tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là tánh thấy, kinh Lăng Nghiêm nói là 'kiến tinh'. Tác dụng con mắt và tác dụng cây đèn giống nhau, nó chỉ là hiển hiện sắc tướng, không phải kẻ thấy; kẻ thấy là kiến tinh hay tánh thấy, chứ không phải con mắt.

Thấy đen tối là do thiếu ánh sáng; người có con mắt cũng thấy đen tối vậy. Nếu nói thấy đen tối chẳng phải thấy, thì sáng cũng chẳng thấy; nếu là thấy hai cái đều là thấy; cũng như lúc sáng không thấy tối, lúc tối không thấy sáng, thì hai cái đều chẳng thấy. Bởi vì lúc tối không thấy sáng cũng là không thấy. Lúc sáng không thấy tối cũng là không thấy. Nếu thấy sáng cũng là thấy, thấy tối cũng là thấy, tại sao thấy sáng cho là thấy, mà thấy tối không cho là thấy? Vậy có đúng với sự thật không? Đã chứng tỏ sự thấy không phải con mắt, là do tánh thấy.

Phật chứng tỏ tánh thấy tồn tại vĩnh viễn. vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: Có phải ngoại đạo nói "khi con người chết đi, không còn cái gì", vậy có đúng không?

Phật nói: Không phải. Cái nào có lay động thì có biến đổi, có biến đổi thì chết mất. Còn tánh thấy không có lay động thì không biến đổi, không biến đổi thì không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Phật nói với Vua: Vua có tánh thấy tồn tại vĩnh viễn, biết không?

Vua nói: Không biết.

Phật nói: Để tôi chỉ cho biết.

Phật dùng tay nắm buồng, rồi hỏi A Nan: Người có thấy tay ta nắm buồng không?

A Nan đáp: Thấy.

Phật hỏi: Vậy tay ta nắm buồng hay tánh thấy của người nắm buồng?

A Nan nói: Tay của Phật nắm buồng, chứ tánh thấy của con đâu có nhúc nhích, mà nói nắm buồng!

Vậy, tay của Phật lay động nắm buồng, sau khi chết sẽ tiêu mất. Còn tánh thấy không lay động làm sao chết mất!

Phật nói thí dụ chưa chính xác, vì thân của Phật và thân của A Nan là hai thân khác nhau.

Phật phóng hào quang vào vai bên phải của A Nan, thì A Nan xoay ngó bên phải; Phật phóng hào quang vào vai trái của A Nan, thì A Nan xoay ngó bên trái.

Phật hỏi A Nan: Tại sao cái đầu của người lay động ngó qua ngó lại vậy?

A Nan nói: Vì con muốn nhìn hào quang của Phật, nên ngó qua ngó lại, cái đầu mới lay động.

Phật hỏi: Đầu của người lay động hay là tánh thấy của người lay động?

A Nan nói: Đầu của con lay động, tánh thấy của con tịnh còn không có, làm sao lay động!

Vậy đầu của A Nan lay động, sau này biến thành tro, biến thành đất; còn tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết tồn tại vĩnh viễn, vì không lay động thì không biến đổi nên không chết mất.

Có Phật tử ở nước Úc hỏi: Sau khi con chết tánh thấy con ở đâu?

Tôi (Duy Lực) nói: Bây giờ ông chưa chết, tôi chưa chết, làm sao nói chuyện sau khi chết được? Hiện tại ông còn sống, ngồi đây! Tất cả tượng Phật, trái cây, bàn, tủ do tánh thấy của ông thấy được phải không?

Người ấy đáp: Phải.

Ông còn sống, nói tánh thấy của ông, hãy chỉ ra ở đâu? Ông ấy suy nghĩ chỉ không ra. Tại sao chỉ không ra? Vì tất cả đều thấy một lượt. Nếu chỉ tánh thấy chỗ này chỗ kia thì tánh thấy không thể thấy một lượt. Do cùng khắp nên không có chỗ để chỉ. Bởi, Pháp thân cùng khắp không gian thời gian, khắp không gian thì không có chỗ để chỉ, khắp thời gian thì không có lúc để chỉ; tại có chỗ thì không cùng khắp. Phật ở trong kinh Lăng Nghiêm đã chứng tỏ: Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết tồn tại vĩnh viễn; vì không lay động thì không biến đổi, nên không chết mất.

Lục căn là dụng của tâm mình, ai cũng có sẵn sẵn. Phật dạy tham thiền là đạt được Bản lai diện mục của tâm mình; muốn hiện tâm mình không phải do lời nói, lời nói làm chướng ngại chỗ thật tế, chỗ thật tế cần phải ngộ. Cho nên, muốn thành tựu nhất

thiết chủng trí thì phải ngộ. Nếu chưa ngộ, chấp chặt xác thân, khi lúc tứ đại phân tán, xương thịt tan rã, lục căn đều biến diệt, pháp thân đặt ở chỗ nào? Pháp thân không có liên quan xác thân; nếu chấp chặt xác thân thì pháp thân bị ẩn, không hiện ra được. Cho nên, cần phải tham thiền cho đến ngộ, tự hiện pháp thân của mình.

- Ai cũng ôm chặt cái thân này cho là ta không chịu buông, cái thân này phải có phần nào, nếu người cứ chấp thân này thì phải khổ).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Dục thủ nhất thừa, vật ố lục trần", người nghĩa giải cho rằng: Nhất Thừa là biệt danh của tự tâm; lục trần, lục thức, lục căn là biệt hiệu của tự tâm, đâu có thể chúng nhất thừa mà ghét lục trần! Thế thì giống như yêu tay chân mà bỏ vai lưng vậy. Phải biết, Ngộ tâm này thì lục trần tức là nhất thừa, mê tâm này thì nhất thừa tức là lục trần. Bửu Tướng Quốc nói "Nghịch nó tức phạm, thuận nó tức thánh". Kinh Lăng Nghiêm nói "A Nan, người muốn biết cái câu sinh vô minh, là gốc thất kết khiến người luân hồi trong sanh tử ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác. Người lại muốn biết đạo vô thượng Bồ Đề khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác".

(Lời nghĩa giải chấp theo thật tế, là ở trong mở mắt chiêm bao. Nếu đuổi theo thì chướng ngại sự ngộ; mặc dù nói rất có lý, như những người giảng kinh thuyết pháp, học giáo lý đều theo lời nói văn tự để tìm hiểu. Nếu như vậy không đến chỗ ngộ được. Pháp thân cũng xuyên qua lục căn, các căn hiện sắc tướng; kẻ thấy là tánh thấy, không phải con mắt; thì những căn còn lại cũng vậy, chứ đừng chấp cái căn đó. Các căn sau khi chết tan rã biến thành tro đất. Còn tánh nghe tánh thấy... tồn tại vĩnh viễn, chấp và không chấp vẫn vậy. Nếu chấp thì không thấy được).

Tịch nghĩa giải:

Lý giải cũng giống như rất đúng, nhưng cần phải biết: Nhất thừa là hư vọng, lục trần là phỉ báng; ngoài hai lỗi này còn tránh khỏi được vọng và báng hay không?

(Mặc dù kiến giải cao nhất rất có lý, nhưng chướng ngại sự ngộ. Vậy chỉ có ngộ mới được, chưa ngộ cứ dùng lục căn đuổi theo lục trần để hiểu biết, thì phải chìm nổi trong biển khổ sanh tử luân hồi).

Kệ kết thúc:

Sắc, thanh, hương, vị và xúc pháp,

Lục trần xưa nay hợp nhất thừa.

Tình chấp lấy bỏ còn chưa dứt,

Lại nơi đất bằng nổi sóng to.

(Lục trần là sắc, thanh, hương, vị, và xúc pháp. Từ xưa nay, lục trần đều hợp với nhất thừa, chỉ cần không trụ. Nếu có tình chấp tức là có sở trụ. Hoặc lấy, bỏ chưa dứt, thì lại nơi đất bằng nổi sóng to, đều chướng ngại, nên chớ Tổ cần mình ngộ mới được. Nếu chưa ngộ mà dùng lục căn tìm hiểu là sai lầm).

39 - LỤC TRẦN BÁT Ó, HOÀN ĐỒNG CHÁNH GIÁC.

(Chẳng cho lục trần là tốt hay xấu, thì đồng như chánh giác).

Lời khai thị:

“Ông chủ!” Dạ, dạ, dạ! Có đường chẳng đi, không dây tự trôi. Nói “lục trần là phải thì trái với chân; nói lục trần chẳng phải, lại thành lỗi lầm lớn”. Làm thì làm, một cọng cỏ hiện thân vàng ròng, đảo ngược cười hạc bay lên trời.

(Có vị Thiền sư mỗi ngày tự mình hỏi “Ông chủ”, rồi tự mình trả lời “Dạ, dạ, dạ”. Ông chủ của mình là bản tâm, không có số lượng, không có hình tướng, đang dùng mà mình chẳng thấy. Ngài Long Thọ lấy hư không vô sở hữu để biểu thị tâm mình. Vô sở hữu nghĩa là không có, như hư không vô sở hữu thì không có hư không; mà thật tế hư không là tâm mình, tức là do tâm tạo.)

Kinh Lăng Nghiêm nói ‘Hư không là bọt nước ở trong biển giác (Tâm), thế giới ở trong hư không tức là ở trong bọt nước. Nếu bọt nước bể thì hư không tan nát nên thế giới cũng tiêu, mình ở trong thế giới cũng mất’. Hư không có thể đập bể tan nát, nhưng tâm mình tồn tại vĩnh viễn, là vô sở hữu nhưng tất cả đều nhờ nó mà dùng. Như mặt trời, mặt trăng, nhà cửa, đất nước... đều ở trong vô sở hữu này.

Chúng ta đang nói chuyện và nhìn thấy nhau, ăn cơm, mặc áo... đều phải nhờ vô sở hữu này, mình mới hiển bày được. Đang dùng tâm này mà mình không tự biết. Nếu không có vô sở hữu này thì cuộc sống hằng ngày không thể có. Tánh thấy không thay đổi, nhưng chúng ta không thấy tánh thấy. Tánh thấy là dụng của tâm mình, cũng là thể của tâm mình. Người ta thường nói tâm là bộ não. Bộ não suy nghĩ hiểu biết, sau này biến thành tro biến thành đất; chứ không phải chân tâm, chân tâm không chết mất, là vô sở hữu mà mình đang dùng.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Tự tâm buộc tự tâm”. Tự tâm mình vốn vô sở hữu, mà mình lại muốn có sở hữu; như tiền, nhà cửa... đã kiến lập sở hữu thì bị chướng ngại, trôi buộc mình. Cho nên nói: Lục trần chẳng phải là lỗi lầm lớn, lục trần phải là trái với chơn. Phải và chẳng phải là tương đối là chướng ngại, sai lầm.

Tham thiền là phát hiện ông chủ của mình, tức là tự ngộ bản tâm. Nếu ngộ là một cọng cỏ hiện thân sắc vàng ròng, cũng như đảo ngược cười hạc bay lên trời, tức là chỉ cần mình ngộ, thì dụng bán lai diện mục không chỗ nào và lúc nào thiếu sót).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Lục trần bắt ố, hoàn đồng chánh giác". Người nghĩa giải cho rằng: Chẳng có lục trần, cũng chẳng có chánh giác, đều chỉ là diệu tâm sáng tỏ. Gọi là lục trần cũng được, gọi là chánh giác cũng được. Ông nếu ở nơi diệu tâm sáng tỏ này có chỗ không rõ, thì gọi là chánh giác cũng không rõ, đâu có việc gì khác? Chỉ cái rõ và không rõ này, khiến Phật Tổ nhọc lưỡi môi miệng phân ra những điều hơn kém, đều do chẳng tin tự tâm mà ra.

(Lời nghĩa giải tuy rất đúng, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Xưa có một Tú Tài, thi cử nhiều lần không đậu, bèn đốt bỏ bút mực, làm bài thơ “Trở về quê”, chê bai công danh như đám dãi. Nhưng đến kỳ thi năm tới, vẫn đi vào trường thi cũ. Người nói lời này chẳng khác như vậy.

(Chuyện này để thí dụ như những người trên giải thích rất hay, đâu khác gì người Tú Tài này, tức là nói như thế mà lại làm khác).

Kệ kết thúc:

Chẳng ghét lục trần đồng chánh giác,
Đường vào cửa thiền vẫn xa xôi.

Cần phải ra tay bắt hư không,

Phật cùng chúng sanh chôn một hầm.

(Nói “Chẳng ghét lục trần đồng chánh giác”, nói thì được; nếu muốn vào chỗ ngộ, đường vào cửa Thiền thì vẫn cách xa xôi. Cửa Thiền vẫn xa, hướng là chỗ ngộ. Cần phải ra tay bắt hư không, thì Phật cùng chúng sanh chôn một hầm.

Tại sao? Vì người ngộ thấy chúng sanh và Phật đều không có. Tại có chúng sanh là mê, nên có Phật là ngộ. Nếu ngộ rồi thì hết mê, hết mê thì không có chúng sanh; hết mê thì không có ngộ, hết mê thì không có Phật. Cho nên, Thiền tông nói “Ngộ rồi đồng như chưa ngộ”, nếu còn chấp ngộ vẫn đồng mê. Vì vậy, Phật và chúng sanh cùng chôn một hầm).

40 - TRÍ GIẢ VÔ VI, NGU NHÂN TỰ PHƯỚC.

(Người trí tự tại vô tác, kẻ ngu dụng tâm tự trói).

Lời khai thị:

"Dời chỗ gò đẽ lấp chỗ trũng, cắt cái dài để nối cái ngắn", Trang Tử nói lời này tự cho là rất đúng, nhưng kiểm điểm lại, chỉ là tự sanh tính toán, so đo phân biệt. Duy có Mộc thượng tọa (tích trượng) chẳng tốt xấu, cũng chẳng đúng sai, toàn thân chỉ là đen thùi lù, suốt năm dựa bên góc thiền sàng.

(“Dời chỗ gò đẽ lấp chỗ trũng, cắt cái dài nối cái ngắn”, Trang Tử nói lời này tự cho là đúng, nhưng đúng trong tương đối của phạm vi của ý thức, vì phạm vi của ý thức có phân biệt tốt xấu, ngắn dài, cao thấp, lớn nhỏ... là pháp đối đãi nhau. Vì có đối đãi nên bị sanh diệt, không tồn tại vĩnh viễn, không phải chỗ thật tế. Chỗ thật tế không có sanh diệt, không có pháp đối đãi, mà ý thức của bộ não không thể đến được. Bởi vậy, ngài Trung Phong dùng cây tích trượng để thí dụ cho chỗ thật tế, cũng là bản tâm của chúng ta).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Trí giả vô vi, ngu nhân tự phước". Người nghĩa giải cho rằng: Trí chẳng tự trí, do ngộ mà trí; ngu chẳng tự ngu, do mê mà ngu. Người trí ngộ tự tâm, tâm ngộ vốn vô tác, kẻ ngu mê tự tâm, tâm mê còn tự trói.

(Vi dụng của tự tâm vốn tự động, không khởi niệm, không tác ý. Làm tất cả công việc không cần qua sự tác ý. Hiện nay có một số Phật tử tham thiền, làm việc tay chân khởi cần qua bộ não, làm việc bằng bộ não mà không cần qua bộ não; chúng tỏ cái dùng của tự tâm tự động, bốn tánh là vô vi; khởi cần qua tác ý, suy nghĩ. Tại người ngu si không biết tự tâm, cho nên không làm chủ được tự tâm, mới làm người ngu si. Vì tâm mê muội tự mình buộc mình. Phải biết người ngộ cái vô vi; cái vô vi là bốn tánh sẵn sàng như thế!)

Phải biết, cái vô tác của người ngộ, dù quý thần trời đất cũng chẳng thể khiến cho họ tác; cái tự trói của kẻ mê, dù muôn ngàn Thánh hiền, Phật, Bồ Tát có sức lực lớn, cũng không giải thoát được sự ràng buộc của người đó. Vậy trí huệ và ngu si đều do tự tâm biến hiện ra, chứ không phải do cái gì ở ngoài tâm, làm cho ngu si, trí huệ. Tự tâm mê là ngu si, tự tâm ngộ là trí huệ).

(Mặc dù lực lượng lớn của quý thần, không thể biến nó thành hữu vi. Người mê mới tự buộc mình; dù có muôn ngàn Thánh hiền, Phật, Bồ Tát có sức lực lớn, cũng không giải thoát được sự ràng buộc của người đó. Vậy trí huệ và ngu si đều do tự tâm biến hiện ra, chứ không phải do cái gì ở ngoài tâm, làm cho ngu si, trí huệ. Tự tâm mê là ngu si, tự tâm ngộ là trí huệ).

Tịch nghĩa giải:

Chỉ thấy đầu dùi nhọn, chẳng thấy đầu đục vuông. Tại sao? Phải biết vô tác tức tự trời, tự trời tức vô tác. Nếu cho quả thật có hai lối, thì cách Tổ Sư quá xa rồi.

(Tức thấy một bên, lọt vào biên kiến có đối đãi. Vô vi và bó buộc lọt vào tứ cú. Như: Hữu vi là cú thứ nhất, vô vi là cú thứ nhì, chẳng hữu vi chẳng vô vi là cú thứ ba, cũng hữu vi cũng vô vi là cú thứ tư. Như: Bó buộc là cú thứ nhất, giải thoát là cú thứ nhì, chẳng bó buộc chẳng giải thoát là cú thứ ba, cũng bó buộc cũng giải thoát là cú thứ tư. Vậy muốn gần được Tổ sư, chỉ có tham thiền, đề câu thoại đầu, khởi nghi tình. Chính nghi tình đó không lọt vào tứ cú, ngoài ra tất cả đều phải lọt vào tứ cú. Nói đạo lý cao siêu cũng lọt vào tứ cú, là càng nói càng xa với Tổ sư).

Kệ kết thúc:

Kẻ ngu tự trời cần phải mở,
Người trí vô vi trời chặt thêm.
Chẳng dùng dao kiếm để cắt đứt,
Vì thương đồng tử mất thiên chơn.

(Người ngu tự bó buộc mình, nhưng cũng cần phải giải thoát. Nếu không giải thoát bó buộc, thì bó buộc đến chừng nào hết, như đi vào thai trâu bụng ngựa, không biết bao giờ khỏi. Mặc dù, tự mình bó buộc mình, nhưng phải cần nhờ người ta dạy cách giải thoát bó buộc đó.

Người trí huệ mà trụ nơi vô vi, thì cái vô vi đó trở thành bó buộc, mà rất lợi hại như “sát nhân”. Chữ “sát nhân” là hình dung hết sức cùng cực. Nếu có trụ thì lọt vào tứ cú, không được tự do tự tại. Nếu mình muốn tự do tự tại thì không trụ ở một nơi nào cả.

Bó buộc với giải thoát, hữu vi và vô vi đều cắt đứt; cắt đứt không có tâm tạo tác, vì nó tự động không lọt vào tứ cú.

Bản tánh thiên chơn tức Tự tánh ai cũng có, không bị bó buộc, giải thoát, hữu vi và vô vi làm chướng ngại. Bồng nhiên, tự mình tạo sự bó buộc, giải thoát, hữu vi và vô vi, không được tự do tự tại. Nên Phật, Tổ dùng biết bao nhiêu lời nói để giải bày, làm cho khô hết nước miếng, vì để độ chúng sanh).

41 - PHÁP VÔ DI PHÁP, VỌNG TỰ CHẤP TRƯỚC.

(Pháp chẳng là pháp, vọng tự chấp trước cho là pháp).

Lời khai thị:

Toàn thân là bệnh, toàn thân là thuốc, suy nghĩ chẳng đến, thoáng qua trước mặt. Thuốc tức là bệnh, bệnh tức là thuốc, trong hư không dễ nhào lộn, áo vải Thanh Châu khó mặc. Cũng chẳng bệnh, cũng chẳng thuốc, vạn tượng sum la một cục sắt, con lừa Dương Kỳ ba cái chân.

(Bệnh do tâm tạo, thuốc cũng do tâm tạo. Đoạn trên có nói “Tâm mê là bệnh, tâm ngộ là thuốc”. Sự thật do vọng tâm chấp trước mà ra. Nên, mình có khởi tâm động niệm sắp đặt thì không được, đã trái ngược thật tế. Vậy thuốc tức là bệnh, bệnh tức là thuốc.

Có người hỏi Triệu Châu: Thế nào là Phật? Triệu Châu trả lời: “Tôi ở Thanh Châu có chiếc áo nặng 7 cân”. Chiếc áo 7 cân của Triệu Châu khó mặc, người nào mặc được là thành Phật. Công phu thành khối gọi là lạc đường tự tại, thì mặc được chiếc áo này, gặp nhân duyên liền ngộ.

Trả lời cái áo với thế nào là Phật? Đâu có liên quan gì! Nếu lấy tâm để giải thích thì sai lầm, nghịch với ý Tổ sư. Kỳ thật tự tâm của mình không có bệnh không có thuốc. Vì mình mê chấp nên có thuốc. Tất cả vạn tượng thế giới không thể chia hai được, toàn thể tự tâm là bất nhị.

Có người hỏi Dương Kỳ: Thế nào là Phật? Dương Kỳ trả lời: Con lừa đi cà nhắc.

Nếu người có công phu thành khối nghe được liền ngộ. Người công phu chưa thành khối, nghe chẳng hiểu thì phải nghi. Chứ không lấy ý thức của mình để giải thích, thì nghịch với ý Tổ sư).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Pháp vô dị pháp, vọng tự ái trước". Người nghĩa giải cho rằng: Trúc xanh biêng biếc đều là Chơn Như, hoa vàng ngào ngạt đều là Bát Nhã, tất cả thanh, sắc trong hư không pháp giới, tìm một tướng đồng bất khả đắc, tìm một tướng dị cũng bất khả đắc, lia 2 lối đồng dị này cũng bất khả đắc. Than ôi! Người chẳng rõ lý này, chấp Phật thì bị Phật ngại, chấp pháp thì bị pháp ngại, vậy chấp Phật pháp còn bị chướng ngại, huống là chấp những thứ khác u!

(Nếu không hiểu thấu nghĩa này, thì bệnh chấp thật Phật, bị Phật làm chướng ngại, chấp thật pháp thì bị pháp làm chướng ngại. Phật và pháp còn bị chướng ngại, huống chi những thứ chấp trước thấp hơn, làm sao khỏi bị chướng ngại? Tuy ở trên giải thích rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong còn phải phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Pháp nếu có khác thì chấp trước mới có khác, pháp đã chẳng khác thì chấp trước cũng chẳng khác, vì sao lại nói vọng tự chấp trước? Chỗ này nhìn Tổ sư không ra, thì những lời trước đây là hý luận.

Kệ kết thúc:

Pháp chẳng có khác, thể vốn đồng,
Thể đồng đâu có pháp để hoàng dương?
Đạt Ma chín năm chỉ hướng vách,
Chẳng biết lấy gì truyền gia phong!

(Tổ Đạt Ma ở chùa Thiếu Lâm, Trung Quốc, 9 năm ngồi quay mặt vào vách, chờ Huệ Khả để truyền pháp. Tất cả Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều tham thiền ngộ đạo. Vì căn bản của Tổ Sư thiền là nghi tình. Nghi là nhân, ngộ là quả. Ngộ tức là Phật.

Muốn thành Phật phải có nhân “nghi” mới ngộ được. Tổ Sư thiền có câu “Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ”, nghĩa là: Nghi lớn thì ngộ lớn, nghi nhỏ thì ngộ nhỏ, không nghi thì không ngộ. Mình muốn tự do tự tại phải giác ngộ; muốn giác ngộ phải tham thiền. Cho nên, Tổ Sư thiền gọi là chân phong, chân phong có Phật, Tổ giáo hóa, chúng sanh được giáo hóa.

Vì vậy không được chấp đồng hay chấp khác; nếu là chấp đồng thì ai giáo hóa ai? Ai được ai giáo hóa? Nếu là khác không phải Tự tánh. Vì Tự tánh là bất nhị, tức là

không khác. Nếu chấp đồng chấp khác, thì lọt vào tứ cú. Đồng là cú thứ nhất, khác là cú thứ nhì, chẳng đồng chẳng khác là cú thứ ba, cũng đồng cũng khác là cú thứ tư.

Muốn không lọt vào tứ cú phải làm bằng cách nào? Chỉ có tham thiền, hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu, tức là có nghi tình thì không lọt vào tứ cú, ấy gọi là chân phong).

42 - TƯƠNG TÂM DỤNG TÂM, KHỞI PHI ĐẠI THỔ.

(Đem Tâm dụng Tâm, há chẳng phải lâm lớn).

Lời khai thị:

Tâm, tâm, tâm, khó mò nắm. Ông già Thích Ca, 49 năm nói vuông nói tròn, hoặc tiểu hoặc đại, chú giải chẳng được, sau cùng niêm hoa thị chúng, chính là đem tâm dụng tâm, cũng khó tránh khỏi cái "Há chẳng lâm lớn" này. Đến đây việc đã là bất đắc dĩ, tạm đem cái chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm để che lấp lỗi lầm.

(Tại sao Phật truyền sang Trung Quốc được 7000 Tổ sư giác ngộ, mà Thiền sư Trung Phong nói là việc sai lầm rất lớn? Vì Ngài muốn cho mình không chấp thật, nên nói ngược lại. Tại sao? Vì Tự tánh là hoạt bát vạn năng; nếu trụ ở nơi nào là chướng ngại cái dụng hoạt bát vạn năng Tự tánh.

Lấy tay thí dụ cho cái dụng hoạt bát vạn năng Tự tánh. Nếu tay nắm chặt các pháp có như: bàn, ghế, tách, khăn, ... thì tác dụng của tay không còn, muốn lấy vật khác không được; nên cần phải buông ra, thì cái dụng của cái tay bình thường không bị chướng ngại, thì nắm lấy được mọi thứ.

Tay đã không nắm vật gì, mà lại tự làm nắm tay, tức là chấp pháp không, thì tác dụng của tay cũng không sử dụng được, muốn lấy vật gì không được; muốn sử dụng tay bình thường, thì cần buông nắm tay ra, mới nắm được mọi thứ.

Ở nơi tâm mình chấp thật pháp có như: Buồn, vui, yêu, ghét, ... mà không buông, tức là có sở trụ thì sức dụng của Tự tánh không còn hoạt bát vạn năng. Muốn có hoạt bát vạn năng của Tự tánh hiện ra, cần phải tự tâm không trụ một pháp nào cả.

Nếu ở nơi Tự tâm không còn trụ pháp có, mà trở lại trụ pháp không, tức là trong tâm chẳng có niệm gì, thì dụng của Tự tánh không còn hoạt bát vạn năng nữa. Tức là sự linh hoạt của tự tánh không rộng rãi cùng khắp không gian thời gian.

Cho nên, trụ ở nơi nào cũng không được, nếu ở nơi Phật truyền cành hoa, mà trụ thì không được, có trụ là sai lầm lớn; ở trên nói: Chấp Phật là bị Phật làm chướng ngại, chấp pháp là bị pháp làm chướng ngại, chấp cái gì đều không được. Kinh Kim Cang nói "Ứng vô sở trụ", tức là giữ cái hoạt bát vạn năng của Tự tánh, "nhi sanh kỳ tâm" là cái dụng của Tự tánh.

Mình phải luôn luôn ở nơi nào không có trụ, thì không lọt vào tứ cú, cái dụng tự động hoạt bát vạn năng của tự tánh hiện ra. Nếu có trụ ở bất cứ nơi nào thì bị chướng ngại. Như đề câu thoại đầu, mà nói "Ta là người tham thiền, ta là người học đạo, ta phải thành Phật", tức là tâm bệnh. Vì mình còn chấp tham thiền, nên bị chướng ngại gọi là tâm bệnh).

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Ông muốn thành Phật là đem tâm dụng tâm, muốn làm Tổ là đem tâm dụng tâm, cho đến giải thoát, trụ Niết bàn, chứng Bồ đề, dứt phiền não... đều chẳng ra ngoài đem tâm dụng tâm.

(Lấy tâm dụng tâm là sai lầm lớn, muốn thành Phật là sai lầm, muốn làm Tổ cũng sai lầm, muốn giải thoát sanh tử cũng sai lầm, muốn trụ nơi Niết bàn cũng sai lầm, muốn chứng Bồ đề và dứt phiền não cũng sai lầm. Vậy tại sao sai lầm? Vì có sở trụ tức chấp thật, bị sự chấp thật làm chướng ngại sức dụng của Tự tánh. Dụng của Tự tánh là hoạt bát vạn năng, không trụ nơi nào).

Tịch nghĩa giải:

Tuy vậy, cũng chỉ nói được một nửa. Phải biết, tâm thể rộng lớn, chẳng thể hạn lượng, ngay đó như đồng lửa lớn, đựng vào liền đốt, chạm nhằm liền cháy.

(Chữ ma ha của tiếng Ấn Độ, trong kinh Phật siêu việt số lượng, nếu còn nằm trong số lượng không gọi là lớn được. Nếu viết ra con số lớn nhất thì không được; ở sau số đó thêm số 0, thì đã lớn hơn 10 lần; nếu thêm tiếp theo số 0, lại lớn hơn 10 lần nữa. Cho nên, có số lượng là không phải lớn nhất. Bản thể của tâm siêu việt số lượng; nếu không có hạn lượng, làm sao diễn tả được! Cho nên Phật nói “49 năm Ta chưa từng nói một chữ”, như Tổ sư nói “Người nào tiếp xúc thì bị cháy”).

Dẫu cho ông chẳng muốn thành Phật làm Tổ v.v... cũng ra khỏi cái "đem tâm dụng tâm" chẳng được.

(Vi muốn là cú thứ nhất, không muốn là cú thứ nhì, chẳng muốn và chẳng không muốn là cú thứ ba, cũng muốn và cũng không muốn là cú thứ tư, đều lọt vào tứ cú. Muốn không lọt vào tứ cú, chỉ có khởi lên nghi tình, thì gieo nhân Phật mới có quả Phật).

Kệ kết thúc:

Tức Phật là tâm, tâm là Phật,

Ngay chỗ thừa nhận đã trái xa.

Ca Diếp mỉm cười trước niêm hoa,

Vô sự khi không bày đặt ra.

(“Tức Phật là tâm, tâm là Phật”. Nếu theo lời nói đó mà chấp thật, thì trái ngược ý của Tổ sư, tức là “chấp lời nghịch ý”. Thí dụ của Tổ sư: Có người quăng ra cục xương, thì con chó đuôi theo cục xương mà cắn; còn con sư tử hướng vào người quăng cục xương mà cắn. Cục xương là gì? Là lời nói của Phật của Tổ. Nếu hướng vào lời của Phật của Tổ mà ngộ, bị mắng là con chó, hướng vào Tự tánh mà ngộ là con sư tử.

Phật, Tổ muốn mình làm con sư tử, chứ không muốn mình làm con chó. Mặc dù, Tổ nói “Tức Phật tức tâm, tâm là Phật”, nếu hướng vào lời nói đó để ngộ, chỉ là con chó, tức là ngộ ở ngoài. Câu nói ấy để cho mình ngộ tự tâm, chứ không cho chấp lời nói đó để ngộ.

Trong Thiên tông, từ sơ tổ Ma Ha Ca Diếp cho đến bây giờ, chỉ có Mã Tổ là Tổ danh tiếng nhất, ở dưới của Mã Tổ có 139 người ngộ đạo, nhiều nhất so với các Tổ khác.

Có người hỏi Mã Tổ: Tại sao Tổ nói ‘tức tâm tức Phật’?

Mã Tổ nói: Vì ta gạt con nít cho nó nín khóc.

Người ấy hỏi: Khóc đã nín rồi làm sao?

Mã Tổ nói: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật.

Phải hiểu ý Tổ, chứ không phải hiểu trên lời nói; lời nói là phương tiện để phá chấp của mình, chứ không phải chấp lời nói đó. Nếu chấp lời nói đó cũng là bệnh chấp. Cho nên, hướng vào lời nói của Tổ mà nhận lấy là xa với ý Tổ.

Ma Ha Ca Diếp nhìn thấy Phật đưa cành hoa, miệng mỉm cười. Phật ấn chứng cho Ma Ha Ca Diếp ngộ đạo, làm mô phạm cho người đời sau. Vì Tổ thấy cành hoa, không chấp cành hoa nên ngộ đạo. Nếu chấp cành hoa thì không ngộ đạo, cũng không làm mô phạm cho đời sau).

43 - MÊ SANH TỊCH LOẠN, NGỘ VÔ HẢO Ồ.

(Mê sanh tịch lặng và tán loạn, ngộ chẳng tốt, xấu, yêu, ghét).

Lời khai thị:

Lúc mê là mê cái ngộ, lúc ngộ là ngộ cái mê, mê ngộ cả hai đều quên, đập vỡ cái vô vô minh. Vô minh đã tan, mê ngộ cũng hết, vậy hai lối này còn đặt ở chỗ nào? Gõ cửa dùng ngói, gạch, mặc cho y suy lường.

(Vì mê mới có ngộ là đối đãi, cũng như con gà với trứng gà. Con gà sanh ra trứng gà, trứng gà nở ra con gà. Nếu nói con gà có trước tiên thì không được, nói trứng gà có trước tiên cũng không được. Vì nó là đối đãi sanh nhau, chứ không thể cái nào trước.

Mê với ngộ cũng vậy; lúc mê là mê cái ngộ, lúc ngộ là ngộ cái mê. Tham thiền thì mê với ngộ đều quên hết, gọi là đã phá cái xác con rùa. Người cho con rùa là linh và dùng xác để bói. Khi xác con rùa đã phá trừ, thì mê với ngộ đều quét sạch. Vì có mê có ngộ, mới nói xác con rùa là linh. Mê với ngộ đã quét sạch rồi, thì mê với ngộ đặt ở chỗ nào?

Dùng ngói gạch để gõ cửa, mặc cho ông suy lường; suy lường khi nào được? Như vậy chỉ có tham thiền, đề lên câu thoại đầu và khởi nghi tình; sau đó đưa đến ngộ, chứ không dùng ý thức để suy đoán).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Mê sanh tịch loạn, ngộ vô hảo ồ". Người nghĩa giải cho rằng: Bản thể chơn tịnh, tất cả chẳng còn. Kinh Lăng Nghiêm nói "Vô lậu chơn tịnh", tại sao trong đó lại có thể dung nạp vật khác? Người chưa ngộ lý này, trước mắt chẳng thấy tịch thì thấy loạn, chẳng thấy động thì thấy tịnh, chẳng biết động cũng là mê, loạn cũng là mê, tịch cũng là mê, cho đến thấy mình ngay đó thành Phật cũng là mê. Hễ thấu rõ được cái tâm mê này thì ngay đó giải thoát, mỗi mỗi thiên chơn, mỗi mỗi minh diệu. Đã chẳng thấy loạn, cũng chẳng biết tịch nhị biên đều lia, trung đạo chẳng lập, thì đâu còn tình chấp tốt xấu để làm chướng ngại ư!

(Tịnh là sạch đối với dơ; nếu có cái sạch thì còn cái dơ để đối đãi, không được gọi là chơn tịnh; chơn tịnh thì luôn cả cái tịnh cũng quét sạch, gọi là vô lậu chơn tịnh, là hình dung Tự tánh.

Thiên chơn và minh diệu là biệt danh của Tự tánh. Tất cả kinh sách của Phật nói chữ "diệu" là bất khả tư nghì, không lấy ý thức của mình suy nghĩ đến được, không lấy tâm mình tiếp xúc nó được, gọi là "diệu".

Năng minh và sở minh đối đãi nhau thì không phải là minh diệu. Tức là cái minh đó không có diệu. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn... thì có năng có sở. Ánh sáng mặt trời là năng chiếu, chiếu đến chỗ nào là sở chiếu. Mặt trăng, đèn cũng vậy.

Còn cái minh của Tự tánh, không có năng sở; nếu có năng sở không gọi là diệu. Cho nên, cái minh của Tự tánh không có năng minh và sở minh, gọi là minh diệu, không có đối đãi, gọi là thiên chơn, nó tự nhiên, cái dụng Tự tánh tự động, không có tác ý.

Vì 2 đầu không có, nên chính giữa cũng không thành lập được. Vậy làm sao còn cái thích và chán! Cái thích và chán làm chướng ngại cho mình, nên Tự tánh không hiện ra cái dụng. Nếu 2 đầu đều quét sạch, trung đạo không lập, thì đối đãi thích và chán, làm sao chướng ngại được!)

Tịch nghĩa giải:

Nói lời này rất gần rồi, nhưng mê từ đâu đến, ngộ do đâu khởi? Nếu biết được chỗ đến chỗ khởi, chẳng cần trừ mê, cả cái ngộ kia cũng không chỗ đặt để, nếu không, cứ đem cái mê cái ngộ theo tánh phân biệt, rốt cuộc chỉ tăng thêm bệnh kiến chấp mà thôi.

Kệ kết thúc:

Xưa nay thiên hạ ai từng ngộ?

Không ngộ làm sao nói có mê?

Bồng nhớ Ôn Châu ngài Vĩnh Gia,

Có gì một đêm ngủ Tào Khê.

(Từ xưa đến nay có ai từng ngộ đâu? Nếu không có ngộ, làm sao có mê? Bởi vì ngộ đối với mê, có mê nên mới có ngộ; như con gà với trứng gà vậy. Nếu không có con gà, thì không có trứng gà; nếu không có trứng gà, thì không có con gà. Vì con gà và trứng gà là tương đối, đối đãi sanh ra. Nếu một thứ không có thì thứ kia cũng không có. Cái mê và cái ngộ cũng vậy.

Phật ở trong kinh Lăng Già có thí dụ để giải thích: Cái mê là sanh tử luân hồi, ngộ là sanh tử luân hồi ngưng, tức là cứu cánh Niết bàn. Bát Nhã Tâm Kinh có 2 thứ đều quét “Vô lão tử, vô lão tử tận”, tức là quét sanh tử luân hồi và “viễn ly điên đảo” tức là quét cứu cánh Niết bàn.

Tại sao? Phật nói trong kinh Lăng Già “Khi thân mình xoay thì thấy căn nhà xoay. Căn nhà xoay là dụ cho sanh tử luân hồi. Căn nhà ngưng xoay dụ cho cứu cánh Niết bàn. Thân xoay là dụ cho tâm mình hoạt động, ngày đêm thấy có sanh tử luân hồi rõ ràng”.

Khi thân xoay tròn hoàn thì thấy căn nhà xoay. Muốn căn nhà ngưng xoay, phải có cách nào? Vọng tâm mình hoạt động thấy có sanh tử. Như tôi (Duy Lực) hiện nay già, rồi sẽ chết. Tại sao nói không già không chết? Già chết là do cảm giác sai lầm sanh ra, như thân xoay có cảm giác sai lầm, thấy có căn nhà xoay. Vọng tâm mình ngưng hoạt động, thì sanh tử ngưng, gọi là cứu cánh Niết bàn.

Thân ngưng xoay thì căn nhà ngưng xoay; căn nhà ngưng xoay là sai lầm. Tại sao? Căn nhà có xoay hồi nào, mà nói là ngưng xoay? Căn nhà thật có xoay, mới nói căn nhà ngưng xoay. Căn nhà xoay là do cảm giác sai lầm mà ra, căn nhà ngưng xoay cũng do cảm giác sai lầm mà có. Căn nhà có xoay và ngưng xoay đâu? Thì cái mê và cái ngộ cũng vậy. Do cảm giác sai lầm nên có mê ngộ. Nếu biết được thì ai ngộ? Không có ngộ thì không có mê.

Không có ngộ, tại sao Lục Tổ muốn Vĩnh Gia ở lại Tào Khê một đêm để ấn chứng? Cũng là do cảm giác sai lầm mà ra. Cho nên không được chấp thật lời của Phật, Tổ, cần phải tự ngộ. Nếu hướng trên lời nói của Phật, Tổ để ngộ, Tổ gọi là con chó, chứ

không phải con sư tử. Phải ngộ vào Tự tánh gọi là con sư tử; lúc đó không có mê có ngộ. Bây giờ nói không mê, không ngộ thì còn sớm lắm, chưa được).

44 - NHẤT THIẾT NHỊ BIÊN, LƯƠNG DO CHÂM CHƯỚC.

(Tất cả nhị biên đối đãi, đều do đo lường suy đoán).

Lời khai thị:

Mở miệng nói nhằm, cất bước đạp phải, tất cả đều sẵn sàng, chẳng tin hãy hành cước. Đợi y đi tới đường cùng, chẳng chỗ ở đậu, áo rách giày lủng, khi ấy xỏ mũi kéo quày đầu (ngộ), mới tin xưa nay uổng công tìm.

(Bởi vì tự tánh khắp hư không pháp giới; mở miệng thì đừng Tự tánh, động chân cũng đạp nhằm Tự tánh. Nếu một chỗ không có Tự tánh, thì Tự tánh không có cùng khắp. Chưa ngộ mà nói đừng nhằm, đạp phải chỉ ra cho xem, chỗ nào là Tự tánh? Thì chỉ không ra. Chỉ không ra làm sao tin nổi! Không tin phải đi hành cước tham học.

Đời xưa không có xe, đi hành cước tham học phải đi bộ, đi đến đường cùng chẳng có chỗ dừng, lúc đó áo đã rách, đôi giày cũng lủng. Như xỏ mũi con trâu kéo quày đầu; cái này hình dung ngộ. Như tham thiền tới cùng cực là công phu thành khối tức đến đầu sào trăm thước thành linh ngộ. Ngộ rồi mới tin rằng: Từ xưa đến nay uổng công tìm).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất thiết nhị biên, lương do châm chước". Có người bày đặt chú giải rằng: Vừa thấy có loạn liền thấy có tịch. Phải biết loạn chẳng tự loạn, vì tịch nên loạn; tịch chẳng tự tịch, vì loạn nên tịch, do đó các pháp lăng xăng, mới có sự đối đãi nhau sanh khởi. Nói 2 chữ "châm chước" nghĩa cũng giống như 2 chữ "giản trạch" ở đầu bài Minh, vì tình thức "giản trạch" chưa tiêu, thì đối với nhị biên tịch loạn v.v..., kết thành cái niệm "châm chước". Nếu chưa trừ được niệm này thì tất cả chẳng được bắt nhị vậy.

Tịch nghĩa giải:

Thế thì cái niệm "châm chước" có phương tiện nào để trừ? Nếu chẳng biết phương tiện gì, thì lời ông nói ở trên cũng là do châm chước sanh khởi.

(Cái niệm "châm chước" là chướng ngại, sanh ra nhị biên, tức là biên kiến ở trong năm ác kiến. Vậy có phương tiện nào để khiến trừ cái niệm "châm chước" đó? Nếu không biết cái phương tiện này, dầu cho nói lý cao siêu nhất, cũng là do châm chước mà sanh, thì lọt vào nhị biên, lọt vào tứ cú. Vậy phương tiện duy nhất đó là hỏi câu thoại đầu, khởi nghi tình, mới quét sạch nhị biên tương đối).

Kệ kết thúc:

Nhị biên vốn chẳng cần châm chước,
Một đạo bình đẳng cũng vọng truyền.
Gặp việc chưa thoát ngoài ngôn ngữ,
Kiến đồng Phật Tổ cũng xót thương.

(Tất cả nhị biên không cần châm chước, quét sạch rồi gọi là một đạo bình đẳng, thì bản thể Tự tánh hiện ra. Lời nói cũng chưa có siêu việt ngôn ngữ, vẫn tự thuộc về tri

kiến. Dù tri kiến cao siêu bằng Phật, Tổ cũng không đúng. Nếu chấp vào đó, nên đáng xót thương!

Tự tánh là do tâm mình ngộ, như uống nước nóng lạnh tự biết; nói ra thành tri kiến. Cho nên, Phật Thích Ca sau khi ngộ, thuyết pháp 49 năm mà nói rằng “Chưa từng nói một chữ”. Lịch đại Tổ sư ngộ cũng không nói được; có nói ra cũng là văn tự lời nói, với bản thể Tự tánh thì rất khác xa.

Vậy muốn thấy Tự tánh phải tham thiên, tự ngộ; nếu học theo lời Phật, Tổ để nghiên cứu sâu xa cũng vô ích, gọi là sở tri chương, chương ngại sự ngộ của mình).

45 - MỘNG HUYỄN KHÔNG HOA, HÀ LAO BẢ TRÓC.

(Việc mộng huyễn như hoa đóm trên không, đâu cần nắm bắt cho mệt nhọc!)

Lời khai thị:

Mai rùa đen (vô minh), bụng trống rỗng, trái cân sắt (tự tánh), thật cứng chắc. Chỉ có Mộng thượng tọa, chẳng bị người xuyên tạc, sáng cuội trâu Thiêm Phủ, chiều cuội hạc Dương Châu.

Có khi ban ngày chạy về nhà,

Khi gõ hư không tự vẫn đáp.

Khúc hát "Về Quê" tiếng chưa dứt,

Mây bay chân trời lặn ngôi sao.

(Người ta dùng mai rùa để bói. Ở đây dùng ý thức để suy tìm, có tìm ra được cũng như trống rỗng, không phải như trái cân thật cứng chắc. Nếu dùng ý thức để đi tìm, học hỏi có kiến giải cao siêu cho là chân lý cũng vô dụng.

Chỉ có Mộng thượng tọa tức là cây tích trượng của Tu sĩ, chẳng có cảm tình phân biệt. Không có phân biệt thì không bị xuyên tạc của người khác. Xuyên tạc là lấy tâm đi tìm giải thích. Người kiến tánh thì tự do tự tại, làm gì cũng được.

Người đời dù có hưởng thụ bao nhiêu, thì người kiến tánh đều có. Người kiến tánh được tự do tự tại, mà người đời không bằng được. Vì người đời giàu sang, có thể lực bao nhiêu đều bị hạn chế. Dù thế lực bằng vua, có tiền nhiều hơn cả nước, không được tự do tự tại, vì không muốn già cũng già, không muốn bệnh cũng phải bệnh, không muốn chết cũng phải chết. Tự mình làm chủ không được, làm sao tự do tự tại!

Người kiến tánh biết mình là cái gì, thì làm chủ được mình, nên được tự do tự tại, không còn các khổ, ở trong tâm sẵn sàng có đầy đủ tất cả, muốn đi đâu đều được. Người kiến tánh là đã về quê nhà, còn gọi là đã đập bể hư không; tức là hưởng thụ công đức của mình, chứ không cần người khác. Nếu còn cần người khác thì còn có ý lại, nên không được tự do tự tại.

Nếu chưa kiến tánh tức là chưa về quê hương, như mây bay trên trời, ngôi sao lặn đối với mình đâu có liên quan. Cho nên, ngài Trung Phong muốn mình kiến tánh. Nếu chưa kiến tánh dù có kiến giải cao siêu cũng là vô dụng).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Mộng huyễn không hoa, hà lao bả tróc". Người nghĩa giải dẫn chứng trong kinh nói "Tất cả Pháp hữu vi, như mộng huyễn, bọt, bóng, như sương lộ, điện chớp, nên tác quán như thế". Còn dẫn chứng ngài Vĩnh Gia nói "Buông tứ đại, chớ nắm bắt,

trong tánh tịch diệt cứ ăn uống, các hạnh vô thường tất cả không, tức là Như Lai Đại Viên Giác", bèn mặc tình phan duyên, tùy ý tạo tác cho đến hủy phạm giới cấm, phá hoại luật nghi, đều lấy 2 lời này để dẫn chứng.

(‘Mộng huyền, bọt, bóng, sương, lộ, điện chớp’, sáu thứ này không có tự thể, không có thật, chỉ tạm thời hiện ra, nếu chấp thật là sai lầm. Tứ đại gồm địa, thủy, hỏa, phong là bốn thứ hợp thành thân thể, cũng không phải thật, cho nên phải buông bỏ.

Tự tánh thì tịch diệt; tịch diệt không phải là đoạn diệt. Đây hình dung không có bản thể, nhưng cái dụng thì tự động, như đói ăn, mệt ngủ. Lúc ăn cơm không thấy mình ăn, lúc ngủ không thấy mình ngủ, gọi là tánh tịch diệt, chứ không phải không có gì! Chỉ vì các pháp là vô thường.

Chữ “hành” là biến đổi, như thân thể này do tứ đại hợp thành tức là từ nhỏ biến thành lớn rồi lớn biến thành già cho đến biến thành đất; nó mỗi phút mỗi giây đều biến mãi, không có giây phút nào không biến đổi. Mặc dù mình ngủ nó vẫn biến đổi, thì tất cả đều như thế!

Nói đến không là hiện ra cái dụng, chứ không phải không có gì cả. Cái dụng đó là Như Lai Đại Viên Giác. Đại Viên Giác là hình dung cái dụng tự động của Tự tánh. Viên là tròn, thêm không được, bớt cũng không được. Nếu thêm được là dư, bớt được là thiếu, không phải là viên giác.

Giác là gì? Là biệt danh của Tự tánh. Như Lai cũng là biệt danh của Tự tánh. Nếu tất cả không chấp Phật, tức là quét sạch trống rỗng, thì tự nhiên hiện ra cái dụng của Tự tánh. Nhưng những người chưa kiến tánh, không hiểu ý Phật, không hiểu ý Tổ, lấy hai lời này ở trong kinh Kim Cang của Phật, lời của Tổ ở trong Chứng Đạo Ca, để dẫn chứng rằng “Tất cả đều không có”, làm ác, phá giới đều không sợ, chấp vào cái không, thì lọt vào cú thứ nhì, đã làm tội địa ngục mà tự mình không hay biết).

Tịch nghĩa giải:

Nhưng chẳng biết ngay lúc buông lung tình ý, quả thật thấy những cảnh sở duyên như mộng huyền không hoa hay không? Nếu thấy là không hoa thì chẳng nên đeo đuổi. Nếu trong lòng còn giữ một mảy may phan duyên đeo đuổi thì chẳng thể cho là mộng huyền không hoa rồi. Phải biết, thành Phật làm Tổ cũng là mộng huyền không hoa. Ngoài ra đâu còn cái gì chẳng phải mộng huyền! Lại càng nên biết, ngay cái thuyết "hà lao bả tróc" đã là rơi vào mộng huyền rồi. Việc này nếu chẳng đích thân chứng ngộ, mà chỉ muốn tùy theo ngữ ngôn lý giải, thì chẳng phải ngu là gì?

(Cho nên, lời nói cao siêu là vô dụng, lý giải cao siêu cũng là vô dụng, nên phải thân chứng mới được).

Kệ kết thúc:

Thích Ca nửa đêm thấy ngôi sao,
Cùng hiện bóng nghiệp trước gương đài.
Làm thành một thứ mộng điên đảo,
Chẳng biết ai là đặc tiện nghi.

(Hai câu trên nói sự tích Phật Thích Ca. Phật Thích Ca ở núi Tuyết Sơn tu hết sáu năm, ngôi dưới gốc cây bồ đề 49 ngày, đến nửa đêm thấy sao mai mà ngộ đạo; sau khi ngộ đạo, biết mình là cái gì rồi.

Nếu không biết cái gì thì tùy nghiệp xoay chuyển; trước gương nghiệp đã biết mình là cái gì tức là đã thành Phật, làm chủ được chính mình, được tự do tự tại, vĩnh viễn giải

thoát tất cả khổ. Nếu bị thời gian, số lượng hạn chế thì không gọi là tự do tự tại. Khi thành Phật thì biết trước kia tất cả đều là mộng tưởng điên đảo.

Không những ban đêm nhắm mắt chiêm bao, mà ban ngày cũng là mở mắt chiêm bao, đều là điên đảo mộng tưởng. Nhắm mắt chiêm bao có lúc phải tỉnh giấc, còn mở mắt chiêm bao không biết bao giờ thức tỉnh! Đến chừng nào kiến tánh rồi, thì mở mắt chiêm bao được thức tỉnh.

Vì do bệnh chấp thật nên có chiêm bao, làm cho mình không biết là cái gì, nên không làm chủ được mình. Đã không biết mình là cái gì, mà còn ai biết tiện nghi! Nói được tiện nghi là do lòng tham của mình mới có tiện nghi. Sau khi chết chôn thành đất thiêu thành tro, vậy ai được tiện nghi? Vì mình chấp thật do ba độc là tham, sân, si.

Cho nên, ý Tổ muốn mình biết mình là cái gì, thì phải tham thiền; nghi tình thành khối sẽ có ngày biết mình là cái gì, mới làm chủ cho mình. Lúc đó biết ai đã được tiện nghi).

46 - ĐẮC THẤT THỊ PHI, NHẤT THỜI PHÓNG KHƯỐC.

(Đắc, thất, thị, phi, đồng thời buông bỏ).

Lời khai thị:

Tuyết Phong ném banh gổ, Phổ Hóa rung chuông sắt, dù nói là đại cơ đại dụng, tốt cuộc trở thành tạo tác, đầu bằng Vương Thái Phó ở trong quốc độ vô sanh, cũng chẳng thiện, cũng chẳng ác, mặc tình ăn no nằm dài ngủ, tùy ý tự tại an lạc, có người đến hỏi Tổ Sư Thiên, bảo y cứ xem cây phướn vàng.

(Đạo tràng của Ngưỡng Sơn có 1500 người tham thiền. Tuyết Phong giữ nhiệm vụ vo gạo nấu cơm. Một hôm Tuyết Phong đang vo gạo, Quy Sơn gặp hỏi Tuyết Phong: Vo gạo bỏ đất cát hay bỏ gạo?)

Tuyết Phong đáp: Gạo và đất cát đều bỏ.

Quy Sơn nói: Vậy, đại chúng ăn cái gì?

Tuyết Phong lật úp thúng gạo.

Quy Sơn nói: Căn cơ của ông đến Đức Sơn mới thích hợp.

Tuyết Phong gặp Đức Sơn hỏi: Sự kiến tánh thành Phật, người học Phật là tôi có phân hay không?

Câu nói vừa dứt, thì cây phông của Đức Sơn liền đập trên đầu của Tuyết Phong, ngay đó Tuyết Phong ngộ đạo, phá được sơ quan. Cây phông của Đức Sơn có tiếng bên Tổ Sư thiên gọi là Đức Sơn phông.

Có người đến hỏi đạo, thì Tuyết Phong dùng trái cầu bằng gỗ, có cột sợi dây rồi quăng ra; đây là thủ đoạn của Tuyết Phong.

Phổ Hóa giúp cho Lâm Tế để hoàng dương Tổ Sư thiên. Đến khi Ngài gần nhập tịch, Phổ Hóa nói: Tôi cần một chiếc áo. Mọi người đem áo lại cho, Sư nói không phải. Chỉ có Lâm Tế làm cho một cái hòm, rồi Phổ Hóa nhận và vác cái hòm ra thành Trấn Châu có bốn cửa: Đông, nam, tây, bắc.

Ngày đầu tự mình vác hòm đến cửa đông và nói với mọi người đi theo coi rằng: Đến cửa đông, tôi tự mình vào cái hòm nhập diệt. Khi đến nơi, Tổ nói: Hôm nay chưa được, đợi đến ngày mai vào đến cửa nam rồi nhập diệt.

Sáng ngày mai, Tổ vác hòm đi, cũng có số người đi theo, khi đến nơi, Tổ lại nói: Hôm nay cũng không được, đợi đến ngày mai đi cửa tây mới được.

Sáng mai đó, Tổ vác hòm đi chỉ có vài người theo đến nơi, Tổ nói: Cũng chưa được, chưa có tốt; đợi ngày mai nữa mới được.

Rồi ngày mai ấy chỉ có một mình Tổ vác cái hòm đi đến cửa bắc, chẳng có ai theo. Khi đến nơi, rồi tự mình vô hòm mà thị tịch. Mọi người xung quanh thấy Tổ cầm chuông sắt đi ở trên không mà rung, đi đến lúc không còn thấy.

Hai Tổ ở trên là đại cơ đại dụng, mục đích độ chúng sanh được ngộ ngay. Nếu không ngộ cũng phải phát khởi lên nghi tình, sau này sẽ được ngộ. Mặc dù Tổ làm như thế không có gì, nhưng đó là cơ dụng của Tổ. Tuy là đại dụng đại cơ, nhưng mà kết quả là tạo tác, tức là có ý muốn làm như vậy.

Nam Tuyền là Vương Lão Sư còn gọi là Vương Thái Phó. Ngài dạy học cho thái tử và tự xưng là Vương Lão Sư. Ngài ngộ triệt để là vô sanh vô diệt. Vô sanh thì không có thiện không có ác. Người ta hỏi: Thế nào là đạo? Tổ đáp: Tâm bình thường là đạo.

Có một ông Quan hỏi Thiền sư: Cách tu hành của Ngài như thế nào, nói cho tôi biết, đừng tôi học theo? Thiền sư nói: Đói bụng thì ăn cơm, buồn ngủ thì ngủ. Ông quan nói: Như vậy, người nào cũng tu hành hết, vì ai cũng đói bụng thì ăn cơm, buồn ngủ mà ngủ. Thiền sư nói: Không phải! Khác. Tôi ăn cơm chỉ ăn cơm, còn các vị ăn cơm thì phân biệt đủ thứ. Tôi ngủ cứ ngủ, còn các vị ngủ mà suy nghĩ đủ thứ, đâu có giống.

Nếu mình đã kiến tánh thì vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ, lúc đói ăn cơm buồn ngủ thì ngủ.

Huỳnh Phan Xước là cố vấn cao cấp của nhà vua Đường Minh Hoàng. Lúc An Lộc Sơn phản loạn, vua Đường Minh Hoàng sợ bỏ lánh nạn ở Tứ Xuyên cùng với Huỳnh Phan Xước. Khi lúc trời mưa có cái Linh rung kêu, nhà vua có tâm trạng chán nản hỏi Huỳnh Phan Xước: Cái linh nói gì vậy? Huỳnh Phan Xước trả lời: Tam Lang đừng thối chí.

Qua câu chuyện trên, ý muốn mình chưa kiến tánh đừng thối chí. Như Đường Minh Hoàng bị đánh bại không còn tinh thần, chán nản. Mình phải có chí khí dũng mãnh tiến lên tham cứu khi nào ngộ mới thôi).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Đắc thất thị phi, nhất thời phóng khuốc". Người nghĩa giải cho rằng: Trong Nhất Pháp Giới chẳng đắc cũng chẳng thất, chẳng thị cũng chẳng phi, chỉ vì vọng tình chợt khởi, dị kiến liền sanh, ở nơi chẳng đắc thất bưng khởi đắc thất, ở nơi chẳng thị phi nổi đủ thứ thị phi. Do đó, Tổ Sư bảo y "đồng thời buông bỏ", đã là tự chạm dao bén làm cho đứt tay, đất bằng dậy sóng rồi. Đã biết xưa nay vốn không, thì buông bỏ cái gì? Nếu nói có cái lý "có thể buông bỏ", thì đắc, thất, thị phi đặt để ở chỗ nào?

(Pháp giới rộng hơn vũ trụ, vũ trụ thì vạn hữu, pháp giới thì vạn hữu và vạn vô thì ở trong tự tánh của mình bao gồm pháp giới. Vậy tất cả ở trong pháp giới đâu có cái gì ở ngoài pháp giới. Nên Phật pháp thường nói "Ngoài tâm không có Phật, ngoài tâm không có pháp". Không có trong, không có ngoài thì đâu có đắc đâu có thất, chẳng có thị chẳng có phi, chỉ vì do vọng tình sanh lên. Đáng lẽ không có đồng, không có khác, vì vọng tâm khởi lên phân biệt, khi không sanh ra đủ thứ khác nhau.

Ở trong không có đắc thất mà sanh ra đắc thất, ở trong không có thị phi mà sanh ra thị phi. Do đó Tổ sư bảo chúng ta buông bỏ hết đã là không đúng rồi. Như mình trần dụng vào mặt bén của con dao, tự mình làm đứt mình, chứ không phải người khác.

Phật pháp là phá ngã chấp, nếu ngã chấp không có thì ai đắc, thất, thị, phi? Nói vậy đúng lắm, rất có lý; nhưng ngài Trung Phong còn phải phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Ừ! nói "có thể buông bỏ" cũng đáng ăn gậy, nói "không thể buông bỏ" cũng đáng ăn gậy. Tại sao? Vì ông chưa thoát khỏi được đắc thất thị phi vậy.

(Đắc là cú thứ nhất, thất là cú thứ nhì, chẳng đắc chẳng thất là cú thứ ba, cũng đắc cũng thất là cú thứ tư. Thị phi và buông bỏ cũng vậy. Vì vậy có buông bỏ cũng đánh gậy, không buông bỏ cũng đánh gậy. Vậy thế nào để khỏi bị đánh gậy? Chỉ có tham thiền, khởi nghi tình miên mật thì không lọt vào tứ cú, mới đưa đến chỗ giác ngộ triệt để).

Kệ kết thúc:

Hai tay xòe ra chẳng một việc,
Thị, phi, đắc, thất thảy đều quăng.
Muốn đem cái này thoát sanh tử,
Con rắn siết chặt đôi chân ông.

(Hai bàn tay buông ra không có việc gì, tại mình nắm chặt là do chấp thật, nên có đắc, thất, thị, phi. Nếu thị, phi, đắc, thất đều bỏ hết, vậy đúng hay không? Cũng chưa đúng. Tại sao? Muốn lấy buông bỏ để siêu việt sanh tử, như bị rắn quấn siết đôi chân thì không thể đi.

Bởi vậy, không có đắc, thất, thị, phi, tại vọng tâm mình chấp thật mới có. Nếu nói buông bỏ thì buông bỏ cái gì? Sự thật không có cái gì để cho mình buông bỏ. Nếu khởi niệm buông bỏ là sai lầm, như tự mình lấy dây bó buộc mình vậy).

47 - NHÃN NHƯỢC BÁT THÙY, CHƯ MỘNG TỰ TRỪ.

(Mắt nếu không ngủ, chiêm bao tự dứt).

Lời khai thị:

Quanh năm ngồi kiết già, suốt ngày miệng như câm, hai mắt ngó trên vách, chẳng biết mong muốn gì. Tham cứu tự kỷ, nửa nghi nửa tin, xem lời cô nhân, tợ có tợ không. Đến lúc năm cùng tháng tận, trở thành leo cây bắt cá.

Đâu bằng quét sạch cả hư không,
Trong lòng lộ ra dạ Minh Châu.

(Tham thiền phải quyết tử mà tham, đặt tham thiền trên đời sống, trên tất cả mới hy vọng kiến tánh. Bắt cá phải xuống nước, leo cây làm sao bắt được! Đâu bằng quét cho nó sạch, muốn quét sạch phải dùng nghi tình. Nghi tình là cái chổi automatic quét sạch hết. Gặp ma quét ma, gặp Bồ tát quét Bồ tát, gặp Phật quét Phật, rồi dạ minh châu Tự tánh của mình hiện ra. Hạt dạ minh châu ở trong đêm tối hiện ra ánh sáng thấy được mọi thứ. Tự tánh hiện ra thì biết mình là cái gì, tất cả vũ trụ vạn vật đều biết rõ hết. Lúc đó đạt được tự do tự tại, không còn tất cả khổ nữa).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhân nhược bất thù, chư mộng tự trừ". Người nghĩa giải cho rằng: Hai câu này là dụ trước hợp sau. Như người mở to đôi mắt, rõ ràng tinh táo, thì hôn trầm tự trừ; đã chẳng hôn trầm thì đâu có chiêm bao!

(Nếu không có chấp thật thì bình yên vô sự, chẳng có việc gì, do tâm mình chấp thật mới có phân biệt đủ thứ. Ở đây thí dụ, nếu hai con mắt mở lớn không ngủ, thì thấy rõ ràng, hôn trầm làm sao có! Vì thế nó tự trừ. Đã không có hôn trầm thì chiêm bao cũng không có).

Tịch nghĩa giải:

Nếu làm thí dụ thì được. Nếu chẳng làm thí dụ, thì Tổ Sư cũng đáng ăn gậy. Tại sao? Nay mở mắt đâu từng chẳng phải là chiêm bao!

(Hiện nay tôi đang thuyết pháp, các vị đang nghe pháp, cũng là chiêm bao vậy. Vì sao? Đọc đầu ý thức biến hiện hiện nhắm mắt chiêm bao, thì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ngưng hoạt động. Nhân vật trong chiêm bao có người quen có người không quen, thế giới trong chiêm bao, như: Nhà, cửa, xe cộ đều có. Người trong chiêm bao gặp nhau nói chuyện, người chiêm bao bị đánh biết đau, biết vui biết khổ, ăn uống biết ngon, khóc trong chiêm bao cũng ra nước mắt, trong chiêm bao sợ, lúc thức dậy, trái tim còn đập mạnh.

Mở mắt chiêm bao gọi là đồng thời ý thức biến hiện. Tại sao gọi là đồng thời ý thức biến hiện? Tiền ngũ thức: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đang hoạt động bình thường. Mắt thấy gì thì thức thứ 6 cùng nổi lên để phân biệt. Nhĩ thức nghe tiếng, nhưng không biết tiếng gì, tiếng người hay tiếng chim... thức thứ 6 cùng khởi lên, biết được rõ ràng. Nếu không có nhĩ thức, thức thứ 6 không nghe tiếng, nên không phân biệt được.

Đọc đầu ý thức và đồng thời ý thức đều là chiêm bao. Nên, kinh Hoa Nghiêm nói "Tất cả do tâm tạo". Tức là nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều do tâm tạo, cũng là do ý thức tạo ra. Chẳng qua nhắm mắt chiêm bao là chỉ một mình ý thức tạo. Mở mắt chiêm bao là 2 thức cùng tạo, đều do tâm tạo cả. Biết rằng nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao là 2 thí dụ, nếu tổ Tăng Xán chấp cho là thật, thì Tổ cũng đáng ăn gậy).

Kệ kết thúc:

Kim cang chánh nhãn chưa từng ngủ,

Chẳng biết mộng lớn bao giờ thức.

Gởi lời Thiền khách cửa Tổ sư,

Chớ cho hạt hột là oanh ca.

(Kim cang chánh nhãn là một biệt danh của Tự tánh. 2 chữ "kim cang" là vật ở thế gian cứng nhất, phá hoại tất cả vật, nhưng không bị tất cả vật phá hoại. Dùng cái đó để hình dung Tự tánh. Ở đây chánh nhãn là phân biệt tà nhãn.

Tà nhãn coi cái gì cũng sai lầm, không phải thật mà chấp là thật, không phải giả nhưng chấp là giả. Không phải có mà chấp là có, không phải không nhưng chấp là không. Chánh nhãn thì ngược lại, phân biệt rõ ràng, không lọt vào tà kiến.

Tự tánh không khi nào ngủ, vậy nói ngủ là không đúng. Nhắm mắt chiêm bao, khi ngủ đã thức dậy thì hết chiêm bao. Còn mở mắt chiêm bao, không biết bao giờ thức tỉnh; chỉ có tham thiền đến kiến tánh mới thức tỉnh, ngoài ra không bao giờ thức tỉnh.

Cho nên, lời của Thiền sư Trung Phong cách đây gần 1000 năm, nhắn gởi cho đại chúng biết: Đừng cho tiếng hạt là tiếng hoàng oanh.

Thức tỉnh nhắm mắt chiêm bao như là hoàng oanh kêu. Thức tỉnh mở mắt chiêm bao như là tiếng con hạt kêu. Thức tỉnh nhắm mắt chiêm bao vẫn còn cái khổ, còn thức tỉnh mở mắt chiêm bao thì hết khổ. Ấy là khác rất xa, nên đừng có lầm).

48 - TÂM NHƯỢC BẮT DỊ, VẠN PHÁP NHẤT NHƯ.

(Nếu tâm chẳng cho là có khác, thì muôn pháp chỉ là một “Như”).

Lời khai thị:

Chỗ hành của đạo nhân như lửa tan băng, trước mặt của Nạp tăng như băng dập lửa.

(Nghĩ tình tự động quét sạch, gắp ma quét ma, gặt Phật quét Phật, như lửa tiêu băng. Tại sao gọi là Nạp Tăng? Nạp là cái áo từ vải vụn ở các nơi khâu thành tấm vải gọi là nạp y, không phải lấy vải nguyên cắt ra mà khâu lại. Phong tục an táng đám ma của Ấn Độ thời xưa gồm có 4 thứ: Thổ táng, thủy táng, hỏa táng và điều táng. Ở Việt Nam chỉ có thổ táng và hỏa táng, không có thủy táng và điều táng.

Thủy táng là bỏ xác chết xuống nước cho cá ăn. Điều táng là đem xác chết lên núi, chỗ có xây bốn bức tường, để cho cầm thú ăn thịt, còn lại quần áo rách, rồi Tu sĩ lượm vải đó về khâu lại làm nạp y. Cho nên, cái tên vẫn còn gọi là Nạp Tăng, chỉ cho người xuất gia, nhưng đây chỉ cho người tham thiền xuất gia).

Ném bỏ hai thứ băng lửa, mặc cho thánh phàm cùng lồi.

(Tức là không phân biệt phàm thánh, lửa băng. Tham thiền đề câu thoại đầu, khởi lên nghĩ tình. Nghĩ tình là cái chổi tự động quét sạch).

Đạo sĩ không tay vẽ bùa quỷ, Xà Lê mù mắt đọc kinh Phật.

(Vì nó tự động khởi cần coi, 2 câu này là hình dung tham thiền, nghĩ tình tự động, khởi cần quét mà tự quét. Vọng tưởng lên bao nhiêu mặc kệ, nghĩ tình tự động quét sạch).

Lại còn một chỗ đáng tin cậy. Tò vò nuốt cả hồ Động Đình.

(Tò vò là con trùng rất nhỏ, còn hồ Động Đình thì rất lớn. Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả thí dụ: Nghĩ tình thành khối, dù khối này rất nhỏ, nhưng tất cả vật, núi, sông, đất, nước... đều ở trong đó).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như". Người nghĩa giải cho rằng: Vạn pháp vốn như, do tâm mới thành khác. Ví như núi chẳng tự cao, tâm cho là cao, nước chẳng tự sâu, tâm cho là sâu. Tâm này cho là khác thì muôn ngàn sự vật đều thành khác. Cỏ và lưng vốn cùng một thân mà xem nó như 2 nước Sở và Việt, anh em cùng giống nòi mà coi nhau như trời với đất. Vì sự khác nên tình chí thân còn phải khác, huống là phàm với thánh, người với vật. Muốn dung hợp thành một, chẳng sanh yêu ghét này nọ, đâu có thể được!

Kinh nói “Chưa đạt cảnh duy tâm, khởi đủ thứ phân biệt”.

(Tức là chưa đạt tất cả cảnh, như vũ trụ vạn vật đều do tâm tạo. Nếu thấu được rồi thì không có phân biệt).

Như bọ mù mò voi.

(Mỗi người mù sờ voi mỗi chỗ khác nhau, rồi cho con voi là thế này thế kia, chẳng biết mới chỉ sờ một bộ phận của con voi, mà cho là toàn thể con voi, thì sao đồng được!)

Như thấy bóng cung trong nước nghi là rắn...

(Người khách Quảng Đông uống nước trà, trong nhà có treo cây cung, ánh sáng đèn chiếu cây cung vào tách trà của người khách, hình giống như con rắn. Khi uống trà xong, người khách tưởng mình uống con rắn vào bụng. Từ cảm giác đó cái bụng mỗi ngày lớn lên, không có thầy thuốc nào chữa được. Người chủ biết người khách bệnh là do hiểu lầm bóng cây cung cho là con rắn.

Lại một hôm, người chủ mời người khách đến uống trà, cây cung và tách trà vẫn chỗ cũ, cũng thấy bóng cây cung trong tách trà, ánh đèn chiếu vào. Người chủ chỉ cho người khách thấy, rồi lấy cây cung đem đi chỗ khác, người khách thấy trong tách trà không còn bóng cây cung cho là con rắn nữa, thì biết mình đã hiểu lầm cây cung cho là con rắn. Từ đó bệnh không còn nữa. Câu chuyện đó gọi là Quãng Khách Nghi Xà).

Ở nơi chẳng đồng dị bùng khởi đồng dị. Cần phải trị hết bệnh nhậm, chẳng thấy hoa đốm trên không, dung pháp giới về tâm này, như gương soi gương; Chuyển núi sông vào tự kỷ, tự không hợp không.

(Như vậy, chúng tỏ là do tâm tạo, ở trong không có đồng không có khác, mà sanh ra có đồng có khác. Như mắt bệnh mới thấy hoa đốm trên không, nếu trị lành bệnh mắt, thì hoa đốm trên không đâu còn nữa. Sơn hà đại địa vạn vật đủ thứ trong pháp giới bao la, làm sao dung hợp nhất như được? Nếu có dung hợp được như gương soi gương, cũng còn là gương. Nếu chuyển sơn hà nhập vào tự kỷ, như không hợp với không cũng là không).

Đến đây các duyên tịch lặng, tâm niệm im lìm, nhị kiến chẳng sanh, nhất pháp ấn định, mới có thể gọi là phù hợp ý Tổ, khế hội tâm Phật vậy.

(Sáng tối, có không, thông nghẽn... tất cả đối đãi đều không sanh khởi, nên nhất pháp ấn định).

Tịch nghĩa giải:

Lời này tạm gác qua một bên. Nay trước mắt sáng, tối, thông, nghẽn, thành, trụ, hoại, không, cảnh tượng lăng xăng, gọi cái gì là tâm bất dị? Ngay đó chỉ bày không ra. Hoặc có người nói “mặc cho các pháp hiện bày trước mắt, ta chỉ dùng cái lý *bất dị* để chiếu soi, tức là chẳng khác”. Ôi, nếu nói như thế, lại càng thêm nhiều khác biệt nữa!

(Như sắc tượng có gọi là thành, tồn tại một thời gian gọi là trụ, bắt đầu hư gọi là hoại, tiêu mất không còn gì gọi là không. Động vật có sanh lão bệnh tử, tất cả cảnh vũ trụ pháp giới hiện ra đủ thứ sai biệt, gọi cái gì là tâm không sai biệt? Nếu chỉ không ra thì làm sao được? Nói có lý mà chỉ không ra thì có lý gì? Vậy làm sao không có sai biệt? Chỉ có nghi tình khởi lên mới không có đủ thứ sai biệt nổi lên).

Kệ kết thúc:

Tâm chẳng khác biệt đồng vạn pháp,

Nắm tay chỉ thể dọa trẻ con.

Cứ theo hình vẽ đồ cho giống,

Lừa gạt người đời khi nào thôi.

(Nếu tâm không khác thì vạn pháp đồng nhất. Nói như thế, cũng như trong nắm tay không có gì, lại gạt con nit ở trong đó có cục kẹo. Nếu như thế mà dạy người ta, tuy nói có lý, nhưng sự thật chẳng có ích cho người và mình. Cứ mãi mãi gạt người ta chừng nào thôi! Tức là thầy gạt trò, đời này sang đời khác, liên tiếp khi nào hết.

Nói ăn mà chẳng ăn thì không no, nói ăn mà ăn thì no. Như mình nghiên cứu chén cơm, trong đó có bao nhiêu chất bổ, biết rõ ràng không sót chút nào. Nhưng sự nghiên cứu biết đó, không thể nào no được, không bằng người ngu si không biết nghiên cứu, mà chỉ ăn cơm là được no.

Tham thiền đề lên câu thoại đầu, khởi lên nghi tình thì tự nhiên đạt đến chỗ tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Nếu không, chỉ nghiên cứu giáo lý cao siêu, nói hay thì đối với việc giải thoát sanh tử không có liên quan).

49 - NHÁT NHƯ THỂ HUYỀN, NGỌT NHĨ VONG DUYÊN.

(Một chữ “Như” thể tánh huyền diệu, cùng tốt bình đẳng, bất nhân duyên đối đãi).

Lời khai thị:

Thiền, thiền, thiền, lia lý giải, Thích Ca chưa được một nửa, Đạt Ma còn thiếu tám ngàn. Lâm Tế hét tới mỗi miệng, Đức Sơn đánh tới phòng tay, mỗi mỗi kiểm điểm từ đầu, vẫn cách trời đất xa xôi. Tiến tới như vạch sóng tìm nước, thối lui như đào đất tìm trời, chẳng tiến chẳng lui cầu tương ứng, cần phải tham thêm ba mươi năm.

(Nói đến thiền thì không thể dùng lời nói để lý giải, vì cần lìa lý giải. Hiện giờ có một số sách thiền phổ biến, họ lại giải thích công án là nghịch ý Tổ sư, vì giải thích thì hết nghi, tham thiền là cần nghi. Nếu lấy thiền để giải thích, theo giới luật thì người đó phải đọa địa ngục, tức là làm lấp bít cửa ngộ của người tham thiền, tức là không cho người tham thiền được ngộ. Ngộ là Phật, độ vô lượng chúng sanh.

Có người hỏi tôi (Duy Lực): Thiền là cái gì vậy?

Tôi nói: Thiền không phải là cái gì; nếu thiền là cái gì thì không phải thiền. Vậy làm sao để giải thích?

Dù Phật, Tổ hay như thế nào cũng không truyền cái ngộ cho mình được. Người ta nói truyền tâm ấn, vậy làm sao truyền? Không thể truyền được, mà chỉ truyền cách thực hành tham thiền, rồi tự mình ngộ.

Câu chuyện người thợ mộc đẽo bánh xe và Tề Hoàng Công:

Tề Hoàng Công ở thời xuân thu, Trung Quốc. Tề Hoàng Công ở nhà trên, còn thợ mộc ở nhà dưới đang đẽo bánh xe. Thời xưa dùng cây để làm bánh xe.

Thợ mộc đẽo bánh xe rất giỏi hỏi Tề Hoàng Công: Ngài coi sách gì vậy?

Tề Hoàng Công đáp: Coi sách Thánh hiền.

Thợ mộc hỏi: Thánh hiền nói gì vậy?

Tề Hoàng Công nói: Thánh hiền lấy cái kinh nghiệm dạy cho mình.

Thợ mộc hỏi: Thánh hiền ở đâu?

Tề Hoàng Công nói: Thánh hiền đã chết.

Thợ mộc nói: Thánh hiền đã chết, thì lời nói của Thánh hiền như mây khói, vậy có dùng gì được!

Tề Hoàng Công phát giận nói: Sao ông dám nói vậy? Dám phỉ báng Thánh hiền! Vậy ông phải cắt nghĩa cho tôi nghe, nếu có lý thì ta tha, còn vô lý phải bị chém đầu.

Thợ mộc nói: Tôi đẽo bánh xe, tôi ngộ được cách đẽo bánh xe, nếu đẽo bánh xe lỏng một chút, bánh xe dễ sút ra nên rất nguy hiểm; nếu chặt quá thì bánh xe quay không được. Tâm tôi đã ngộ, dùng tay cầm búa đẽo vào bánh xe cho vừa vặn không lỏng không chặt. Tôi đã ngộ nghề này, muốn truyền cho con tôi; con tôi cũng là thợ mộc khéo, nhưng truyền không được. Tôi chưa chết, cầm búa dạy cho con tôi đẽo, tôi cầm tay con tôi cũng đẽo không được; huống là lời Thánh hiền, mà Thánh hiền đã chết từ lâu thì có ích gì! Tôi còn sống, búa và bánh xe còn đó truyền không được, chẳng phải lời của Thánh hiền là mây khói sao!

Tề Hoàng Công nói: Có lý. Thôi! Tha chém đầu.

Bánh xe có hình tướng còn truyền không được, huống chi Tự tánh không hình tướng, làm sao truyền được? Cho nên Phật, Tổ rất hay chỉ được phân nửa, Tổ còn thiếu tám ngàn).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất như thể huyền, ngọt nhĩ vong duyên". Người nghĩa giải cho rằng: Thể tánh của chữ "Như" huyền diệu lại thêm huyền diệu, chẳng vì nhân duyên mà có, chẳng do tự nhiên mà thành. Lìa tứ cú, tuyệt bách phi, Phật Nhân chẳng thể thấy, Thánh tâm cũng khó lường. Quãng đại thiên thể giới ra ngoài mười phương, cuộn chặt pháp giới thành một mây lông. Một không thì tất cả không, chẳng cần mổ xẻ; một có thì tất cả có, đâu cần đào tạo. Trần sa chẳng thể dụ số nhiều, hào ly chẳng thể dụ số ít. Nói "bặt nhân duyên, tuyệt đối đãi", tức là thể tánh huyền diệu của một chữ Như vậy.

(Nếu nói con gà và trứng gà do nhân duyên mà có. Nhân duyên thì phải có sự bắt đầu. Nếu con gà có trước thì không có trứng gà, trứng gà có trước thì không có con gà. Nhân duyên không đủ lý do nên không đúng. Nếu cho tự nhiên mà thành thì không cần nhân duyên. Tại sao bây giờ con gà do trứng gà nở ra và trứng gà do con gà đẻ? Vậy lý tự nhiên cũng không thành lập được.

Phật dạy lìa tứ cú tuyệt bách phi. Vì tất cả đều không đúng, có đối đãi là tứ cú. Như tôi thuyết pháp cũng lọt vào tứ cú. Tham thiền cũng lọt vào tứ cú, còn cái gì không lọt vào tứ cú? Chỉ có khởi lên nghi tình không lọt vào tứ cú, thì tuyệt được bách phi).

Tịch nghĩa giải:

Nói thì nói gần đúng, người nếu chứa lời này trong lòng, muốn tương ứng với thể tánh huyền diệu của chữ Như, chẳng khác gì ôm lửa trong lòng mà cầu cho đừng cháy.

(Đạo lý cao siêu hơn Phật cũng vô dụng, chỉ cần mình tự tham tự ngộ mới được).

Kệ kết thúc:

Nói Như ngoài Như đâu còn Như?

Núi khe trùng điệp ẩn nhà xưa.

Mặt trời lên cao ngủ mới dậy,

Nhàn thấy mục đồng cười ngược lưà.

(Nếu không có cái Như thì đâu cần Như, cũng như mình cất nhà lá ở trên núi, có suối có khe. Một chòm núi thì có một dòng nước, mình muốn ngủ cho đến mặt trời lên 3 sào, đâu có ai đánh thức dậy. Có ý là mình muốn nghiên cứu giáo lý cao siêu hơn Phật, cũng không làm chủ được thân mình. Muốn làm chủ thân phải biết mình là cái

gì? Cần phải hỏi câu thoại đầu khởi lên nghi tình sẽ đưa đến chỗ ngộ, thì làm chủ cho mình được tự do tự tại.

Không làm chủ cho mình, mình không muốn già cũng phải già, không muốn chết cũng phải chết, bị sanh tử nên không được tự do. Nếu nói vậy, có người lại hỏi: Tại sao Phật Thích Ca, lịch đại Tổ sư, chứng ngộ rồi cũng phải chết? Sao nói là sanh tử tự do? Người phạm tội ở trong tù; người làm việc ở trong tù. Người phạm tội ở trong tù không được tự do đi ra vô; người làm việc trong tù tự do đi ra vô. Hai hạng người này dụ cho sanh tử vậy.

Người ngộ đạo được tự do, người chưa ngộ đạo không được tự do. Nếu người làm việc ở trong tù không thích làm việc nữa, thì xin nghỉ việc rời khỏi nhà tù. Như sự chết của Phật, Tổ khác hơn người thường, vì được tự do. Minh chưa ngộ không được tự do, thấy thì giống, nhưng sự thật lại khác; như 2 loại người ở trong tù thì giống, nhưng sự tự do có khác).

50 - VẠN PHÁP TÈ QUÁN, QUI PHỤC TỰ NHIÊN.

(Muôn pháp cùng quán một lượt, tất cả trở về Tự Tánh).

Lời khai thị:

Phật pháp chẳng ở ngoài tâm, thiên đạo đâu lia trung đạo nhị biên, người nếu khởi tâm tìm cầu, lại xa thập vạn bát thiên. Có gì tam yếu tam huyền, toàn thân chẳng hình bóng, ngay đó lia ngữ ngôn.

Đạo nhân đâu cần cầu tương ưng,

Xưa nay chưa từng chẳng hiện tiền.

(Phật pháp khởi cần trừ vọng tâm, tham thiên đâu lia trung đạo và nhị biên. Vì không có nhị biên để lia và cũng không có trung đạo để lia. Do tâm chấp thật nên có nhị biên và trung đạo để lia. Nếu khởi lên tâm tìm cầu thì xa cách Tự tánh mình 10 vạn 8 ngàn dặm, tức là rất xa, mà tìm chừng nào xa chừng nấy. Cho nên nói “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Nếu lấy tâm đi tìm hiểu là hồ nghi, chứ không phải chánh nghi, không phải tham thiên.

Tông Lâm Tế nói “Một câu đủ tam quyền, một quyền đủ tam yếu, gọi là tam quyền tam yếu”. Nhưng Thiền sư Trung Phong là con cháu của Lâm Tế, ở đây quét tam quyền tam yếu. Nói có gì đâu mà tam quyền tam yếu! Tự tánh của mình không có hình tướng, cả bóng cũng không có nữa. Vì bản thể Tự tánh còn lia ngôn ngữ giải thích. Nếu lấy ngôn ngữ để giải thích thì lọt vào tứ cú, làm sao Tự tánh hiện ra được?

Vậy người tham thiên làm sao còn cầu tương ưng? Tương ưng là cú thứ nhất, không tương ưng là cú thứ nhì, chẳng tương ưng chẳng không tương ưng là cú thứ ba, cũng tương ưng cũng không tương ưng là cú thứ tư. Nếu cầu tương ưng thì lọt vào tứ cú. Như vậy, không được cầu; từ xưa đến nay Tự tánh đâu có mất! Nếu Tự tánh mất thì bị sanh diệt. Vì Tự tánh chẳng sanh chẳng diệt, nên hiện tiền, do vọng tâm chấp thật nên không thấy).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Vạn pháp tề quán, qui phục tự nhiên". Người nghĩa giải dẫn chứng giáo môn nói "Tùy duyên nên chơn như là vạn pháp, bất biến nên vạn pháp là chơn như". Còn nói "Ngoài tâm chẳng có pháp để làm duyên với tâm vốn là tự tâm sanh, lại làm tướng cho tâm". Lời này so với cái lý "vạn pháp tề quán" của Tổ Sư, cũng chẳng cách

xa vậy. Hoặc nói “tề quán” cũng là cái bóng của “chẳng lựa chọn”, nếu còn lựa chọn thì chẳng thể tề quán rồi.

(Kinh Hoa Nghiêm nói “Nhất thiết duy tâm tạo”, nghĩa là tất cả đều do tâm tạo ra, làm sao ngoài tâm có pháp được? Ngoài tâm không có pháp, thì đâu có pháp nào để làm duyên cho tâm? Tất cả nhân duyên do pháp có pháp không đều do tự tâm sanh ra, lại làm tướng cho tâm. Nếu tâm chấp tướng có thì hiện ra tướng có; nếu tâm chấp tướng không thì hiện ra tướng không).

Tịch nghĩa giải:

Dẫn chứng thì chẳng phải không đúng. Như mặt trời mọc, mặt trăng lặn, ban đêm tối, ban ngày sáng, rõ ràng chẳng thể lẫn lộn. Vậy thì có đạo lý gì để nói tề quán? Lìa khỏi lời này, xin cho một tin tức tốt hơn thử xem!

(Vậy Tổ sư muốn mình tề quán còn cách nào nữa? Ngoài ra câu thoại đầu khởi nghi tình thì không biết tới, không biết sáng, không biết mặt trời mọc, không biết mặt trăng lặn, thì đã tề quán rồi).

Kệ kết thúc:

Vạn pháp làm sao khiến cho bằng?

Đâu thể trở về lúc tự nhiên.

Xưa nay tri âm rất khó gặp,

Bá Nha, Từ Kỳ đi đâu tìm?

(Người tham thiền thì tri âm rất ít, không những tri âm ít, mà không chịu tri âm, lại muốn phá hoại phi báng. Sự tham thiền rất cần cho mình, vì mình đã ở trong sanh tử luân hồi, đã chịu biết bao khổ cực. Nay gặp được chánh pháp tham thiền, như Cổ Đức nói “Gặp được chánh pháp thì kiếp này phải độ thân này, chứ đợi kiếp nào nữa”!

Tham thiền là tự độ cho mình và độ cho người, để đạt đến tự do tự tại, vĩnh viễn hết tất cả khổ. Bây giờ đề câu thoại đầu, khởi nghi tình, cứ tham! Tri âm có hay không cũng không biết, vạn pháp bằng nhau hay không cũng không biết, tự nhiên hay không tự nhiên cũng không biết; khi nghi tình vỡ thì ngộ đạo. Không tự nhiên nó cũng tự nhiên, không tề quán nó cũng tề quán, không có tri âm thì tất cả đều tri âm. Ý của ngài Trung Phong là vậy).

51 - DẪN KỲ SỞ DĨ, BÁT KHẢ PHƯƠNG TỶ.

(Bật hết lý giải, chẳng thể thí dụ).

Lời khai thị:

"Cái trong điện, cái ngoài tường" của Triệu Châu, "đánh xe đánh bò" của Mã Tổ, "giơ nắm tay, giơ ngón tay" của Câu Chi, "ném ba trái banh gỗ" của Tuyết Phong, "gõ ba tờ giấy trắng" của Huyền Sa, “nói tánh nói tâm” nơi Linh Sơn, “nói da nói tủy” nơi Thiệu Thất, Tào Động lập ngũ vị quân thân, Qui Ngưỡng lập cửa Thiền Cha Con, "đầy mắt núi xanh" của Đức Thiệu (Quốc Sư), "nước hồ trước cửa" của Vĩnh Minh... thả đi thì sáng khắp bầu trời, chặn lại thì gió bay muôn dặm, trước lời không ngưng cơ xảo, tiếng nói đâu cho chỗ mờ. Hứ! Tất cả đều là mở mắt đái dầm, đốt nhang dẫn quỷ, tại sao vậy?

(-Có người hỏi Triệu Châu: Thế nào là Phật?

Triệu Châu trả lời: Ở trong điện ở ngoài vách tường.

Ở trong điện là phải, vì tượng Phật ở trong điện. Tại sao nói ở ngoài vách tường? Cái đó mâu thuẫn là công án.

-“Đánh xe đánh bò” là công án của Mã Tổ. Lúc Mã Tổ chưa kiến tánh, thích tọa thiền. Thầy của Mã Tổ là Thiền sư Hoài Nhượng. Biết Mã Tổ là nhân tài xuất sắc, người nào lại Mã Tổ không mãn tới. Vậy làm sao độ được?

Hoài Nhượng lấy cục gạch trước mặt Mã Tổ mà mài từ sáng đến chiều, qua thời gian lâu Mã Tổ hỏi Hoài Nhượng: Sư phụ mài gạch để làm chi?

Hoài Nhượng nói: Mài gạch để làm gương.

Mã Tổ nói: Mài gạch làm sao thành gương được?

Hoài Nhượng hỏi: Ông tọa thiền để làm gì?

Mã Tổ trả lời: Để thành Phật.

Hoài Nhượng nói: Ông biết mài gạch không thành gương được! Tại sao tọa thiền thành Phật được?

Mã Tổ hỏi: Vậy làm sao mới được?

Hoài Nhượng hỏi: Giả sử chiếc xe bò không chạy, nên đánh bò hay đánh thùng xe?

Lúc ấy Mã Tổ liền ngộ. Trong khi tổ Hoài Nhượng mài gạch, Mã Tổ thấy nên trong tâm có nghi tình, nhưng không biết mình nghi tức là chân nghi. Gặp nhân duyên nghi căn chấm dứt, thì đưa đến ngộ đạo.

-“Giơ nắm tay, giờ ngón tay” của Câu Chi (Thiền sư Cụ Để). Có một ngày, Sư cô đội nón lá vào trong chùa không lấy nón xuống.

Cụ Để nói với Sư cô: Sư cô lấy nón lá xuống.

Sư cô nói với Cụ Để: Nói đi! Thì tôi mới lấy nón xuống.

Cụ Để nói không ra tự thấy mắc cỡ và mời Sư cô: Trời gần tối Sư cô ở lại một đêm hỏi pháp.

Sư cô nói: Nói đi! Nói được thì tôi ở lại.

Cụ Để nói không được, Sư cô quay đầu đi ra. Tự mình thấy mắc cỡ quá, rồi tính bỏ chùa đi tham học, kiến tánh mới về. Còn không kiến tánh thì không về. Rồi sửa soạn hành lý để đi. Trong đêm ấy chiêm bao thấy Hộ pháp thần báo khỏi cần đi, vài ngày nữa sẽ có Thiện tri thức đến chùa. Cụ Để chờ vài ngày sau, thấy Thiền sư Thiên Long đến. Cụ Để ân cần tiếp đãi, rồi trình lại chuyện Sư cô đến và nhờ Thiền sư Thiên Long khai thị.

Thiền sư Thiên Long không nói, chỉ giờ ngón tay lên. Cụ Để liền ngộ.

Từ đó về sau, ai đến hỏi đạo với Cụ Để, Cụ Để chỉ giờ ngón tay lên.

Có chú tiểu Sa di bắt chước, có ai hỏi gì Sa di thì cũng giờ ngón tay. Có người báo lại chú tiểu Sa di giờ tay cho Cụ Để nghe. Cụ Để nghe rồi không nói, mài con dao thật bén để trong mình.

Một hôm chú tiểu Sa di rót trà cho Cụ Để, Cụ Để hỏi: Thế nào là Phật? Chú tiểu quen giờ tay, rồi giờ tay lên, sẵn đó Cụ Để lấy dao chặt đứt ngón tay. Chú tiểu hoảng sợ bỏ chạy. Cụ Để rượt theo nói “Đừng lại, đừng lại!”

Chú tiểu đứng lại, Cụ Để lại hỏi: Thế nào là Phật?

Chú tiểu cũng giơ ngón tay lên, thấy ngón tay không còn nữa, liền ngay đó chú tiểu Sa đi liền ngộ. Đây là công án của Cụ ĐỂ.

-“Ném ba trái banh gỗ” của Tuyết Phong. Có ai đến hỏi thì ngài Tuyết Phong dùng ba trái cầu bằng gỗ, có dây buộc nhau, rồi quăng ra. Đây là công án của Tuyết Phong.

“Gởi ba tờ giấy trắng” của Huyền Sa. Thủ đoạn của Huyền Sa hay hơn thủ đoạn của Tuyết Phong.

Có một hôm, Huyền Sa tặng cho một Tổ sư ba lu tương, kèm theo ba tờ giấy trắng ở trong mỗi phong thư. Tổ sư ấy nhận và hỏi đại chúng rằng: Có ai biết ba cái thư này nói gì không? Chẳng ai nói được thì ta đập bể ba lu tương, còn nói được thì không đập. Rồi không có ai nói được. Huyền Sa liền đập bể ba cái lu tương.

-Nói tánh nói tâm ở Linh Sơn của Phật Thích Ca.

-Nói da nói tủy nơi Thiếu Thất của Tổ Đạt Ma. Tổ Đạt Ma tụ họp các đệ tử, rồi hỏi từng người để xem trình độ của mỗi vị ra sao! Trong đó có 4 vị đệ tử xuất sắc ra trình:

Người kể ra đầu tiên, Tổ nói: Ông được da của tôi.

Người kể ra thứ nhì, Tổ nói: Ông được thịt của tôi.

Người kể ra thứ ba, Tổ nói: Ông được xương của tôi.

Người thứ tư là Huệ Khả đi ra chẳng nói gì, Tổ nói: Ông được tủy của tôi.

-Qui Ngưỡng lập cửa thiền cha con. Qui Sơn làm cha, Ngưỡng Sơn làm con. Hai vị đó họp thành Qui Ngưỡng tông, thường hỏi và đối đáp nhau. Những người khác nghe chẳng hiểu gì. Người có công phu nghe thì được ngộ, nếu không ngộ cũng phải nghi.

-“Đầy mắt núi xanh” của Đức Thiệu Quốc Sư. Ngài là pháp tử của tông Pháp Nhãn. Thầy của ông là Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích. Ở trong pháp hội của Pháp Nhãn, Đức Thiệu Quốc Sư không có hỏi gì, đứng một bên thầy. Người ta đến hỏi pháp, ông đều có mặt ở đó.

Có Tăng hỏi Pháp Nhãn: Thế nào là một giọt nước của Tào Khê?

Pháp Nhãn trả lời: Là một giọt nước của Tào Khê.

Người hỏi không biết cái gì, nhưng Đức Thiệu Quốc Sư đứng một bên nghe liền kiến tánh. Vậy Pháp Nhãn trả lời cũng như không trả lời; nếu nói không trả lời làm sao Đức Thiệu Quốc Sư nghe liền kiến tánh?

Tào Khê là chỗ chùa Nam Hoa, tỉnh Quảng Đông. Hiện giờ 3 tượng nhục thân: Lục Tổ, tổ Đơn Điền, tổ Hám Sơn ở nơi đó. Trước đây Lục Tổ thuyết pháp nơi này.

-“Nước hồ trước cửa” của Vĩnh Minh. Có người hỏi: Thế nào là Phật? Ngài trả lời: Nước hồ trước cửa.

Thủ đoạn của các Tổ đều khác nhau, người có công phu thành khối nghe liền ngộ. Người công phu chưa thành khối thì không thể ngộ, phải khởi lên nghi tình. Nghi tình là làm nhân cho ngộ, rồi sau này sẽ ngộ. Tất cả đều do thủ đoạn của Tổ sư.

Cho nên thủ đoạn của Tổ sư hình dung rất mạnh, như nói “Thả đi thì sáng khắp bầu trời, chặn lại thì gió bay muôn dặm”. Tức là sức mạnh của Tổ sư dùng thủ đoạn làm cho người tham thiền lúc đó phát nghi, sau này sẽ ngộ.

Lời của Tổ chưa dứt, mình phải ngộ liền. Nếu lời của Tổ vừa dứt mà mình ngưng lại một chút thì không được ngộ.

Thiền sư Thiên Tuệ có công phu rất sâu, vua Ung Chính gặp hỏi: Khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt mũi bốn lai của ông?

Thiền sư Thiên Tuệ ngưng một chút, rồi giơ nắm tay.

Vua Ung Chính lắc đầu tức là biểu thị Thiền sư chưa ngộ. Vua từ bi nói với Thiền sư Thiên Tuệ: Ông hỏi lại tôi đi!

Thiền sư Thiên Tuệ hỏi: Khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt mũi bốn lai của ông?

Câu hỏi vừa dứt, thì vua Ung Chính đưa nắm tay lên, Thiền Tuệ liền ngộ.

Vậy biết, ngưng lại một chút thì không được. Không có tiếng nói được không? Cũng không được, vì thủ đoạn của Tổ sư không cho mình suy nghĩ. Nếu ngộ được thì ngộ, còn không ngộ thì phải nghĩ, mở miệng nói là sai lầm.

Cứ bắt chước hành động thủ đoạn của Tổ; Tổ gọi là mở mắt mà đái trên giường. Như Phật tử đốt hương lay Phật, đối với những người này thì đốt hương dẫn quỷ vào nhà để phá. Tại sao? Vì những người này không chịu tham thiền khởi nghi tình chỉ thích làm theo hành động của chư Tổ để khoe tài, nên không thể ngộ được).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Dẫn kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ". Người nghĩa giải cho rằng: Kinh Bát Nhã dùng 100 dụ để dụ Bát Nhã, có kinh khác cũng dùng 100 dụ để dụ giải thoát; còn có người dùng 100 dụ để dụ tâm Bồ Đề, ghi đủ trong kinh sách, đâu có cái lý "Chẳng thể thí dụ"? Phải biết, Bát Nhã, giải thoát, Bồ Đề thì có thể thí dụ, giả sử bỏ hết tất cả danh tướng, thì nhất tâm đều bất. Ngay khi ấy, còn lập được thí dụ gì chẳng? Hoặc theo người xưa nói "Cò trắng với tuyết chẳng đồng sắc, ánh trắng hoa lau chẳng giống nhau", lời này há chẳng phải thí dụ ư?

Tịch nghĩa giải:

Ông muốn ở nơi tuyết trắng, hoa lâu tìm đạo lý, chẳng khác gì nhận màu đỏ của vỏ quít cho là lửa!

Kệ kết thúc:

Diễn tả sừng thò dài ba thước,
So với lông rùa ngắn một phân.
Lại cho hạng người tánh hàm hồ,
Tai mắt dường như chẳng thấy nghe.

(Thỏ không có sừng mà lấy để thí dụ, thật vô lý! Rùa không có lông mà nói ngắn hơn một phân, cũng vô lý! Tức là mình không tham thiền không ngộ, cứ đuổi theo lời Phật, Tổ, tự xưng ngộ rồi. Sự thật chưa ngộ.

Như lúc trước có một Ni sư nói với tôi đã chứng ngộ triệt để rồi.

Tôi hỏi: Tham câu nào mà ngộ?

Ni sư nói: Tham câu "muôn pháp về một, một quy về đâu"?

Tôi hỏi: Một quy về đâu?

Ni sư nói: Thiền không trả lời được, nếu nói ra thì lọt vào tứ cú.

Tôi nói: Người chưa ngộ nói thì lọt vào tứ cú, còn người ngộ rồi nói thế nào cũng không lọt vào tứ cú.

Ni sư nói: Như công án vô môn quan, làm sao nói được?

Tôi nói: Thôi để thiên qua một bên đi! Lấy vô môn quan của Giáo môn để nói. Ni sư cũng không nói được, vậy làm sao gọi là chứng ngộ? Theo giới luật của Phật nói: Người chưa chứng quả mà nói đã chứng quả là đại vọng ngữ, bị tội ba la di, đọa vào địa ngục thời gian 921 ức năm.

Tự tánh thì con mắt đâu thể thấy được, lỗ tai không nghe được. Con mắt thấy, tai nghe đều là hư vọng. Kinh Lăng Nghiêm nói “thấy vũ trụ, vạn vật là do con mắt bệnh từ vô thủy”, đều không thật. Tự Tánh phải ngộ, chứ không phải dùng tai nghe, mắt thấy. Phải dụng công tham thiền, khởi nghi tình miên mật, mới đưa đến chỗ ngộ).

52 - CHỈ ĐỘNG VÔ ĐỘNG, ĐỘNG CHỈ VÔ CHỈ.

(Ngưng động chẳng phải tịnh, động ngưng chẳng phải ngưng).

Lời khai thị:

Muôn toa xe đồng ray, muôn sự việc đồng lý. Muôn dụng cụ đồng kim loại, muôn làn sóng đồng chất nước. Vạn tượng sum la, thấy đều là ông. Ông nếu không tin, hãy vào bụng của Thích Ca, Đạt Ma đi hành cước trăm ngàn vòng, mới biết tất cả vẫn y như cũ.

(Lấy tai nghe, mắt thấy để đọc kinh điển, ngữ lục của Phật, Tổ thì đối với việc sanh tử không có liên quan).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Chỉ động vô động, động chỉ vô chỉ". Người nghĩa giải cho rằng: Lòng từ bi thông thiết của Tổ Sư, đem hai bên động tịnh vò thành một khối, nói trắng cho nghe, đại khái đồng ý chỉ của Pháp sư Tăng Triệu nói "Tức tịnh mà động, tức động mà tịnh", cũng là ý chỉ "vạn pháp tề quán". Chẳng những động tịnh như thế, mà tất cả cảnh duyên cũng đều như thế. Tức tịnh là động, hoa rụng là do gió xuân đưa; tức động là tịnh, băng tan cũng do mặt trời soi.

Người trí quán pháp chẳng sai biệt,

Kẻ mê do đây khởi điên đảo.

Tịch nghĩa giải:

Lời này tạm gác một bên! Nếu như chẳng động, ngay khi ấy còn có lý lẽ gì để thảo luận hay không? Nói mau! Nói mau!

(Trả lời không được, vì biết là do sự học, chứ không phải tự ngộ. Nếu học bao nhiêu lý lẽ cao siêu, đều là vô dụng. Phải do mình tự ngộ, muốn ngộ thì phải tham thiền, phát khởi nghi tình miên mật ngày đêm không gián đoạn thì có thể ngộ được. Nếu không ngộ mà lấy ý thức phân biệt cho đúng cũng là sai, đối với việc giải thoát sanh tử chẳng có liên quan gì).

Kệ kết thúc:

Động tịnh mống khởi bệnh liên sanh,

Nắm tay kéo nhau vào lửa hồng.

Con voi xưa nay vẫn y cũ,

Bọn mù mò mẫm thấy đều sai.

(Nếu động khởi lên thì trần cũng khởi lên, trần là bụi sanh diệt. Tịnh khởi lên mới có bằng sanh. Tất cả đều do bệnh chấp thật. Nếu vậy chấp thật mãi, thấy động chấp động, thấy tịnh chấp tịnh, như nắm tay nhau vào hố lửa, thì phải bị chết thiêu. Những người ấy đáng thương xót! Đi sai lầm đường, vào trong hố lửa mà cho là tốt.

Bản thể Tự tánh từ xưa nay, đâu có bị che lấp, vì bệnh chấp thật của mình che lấp, làm cho mình không được kiến tánh. Không được kiến tánh thì không biết mình là cái gì? Nên không làm chủ được mình, thì không được tự do tự tại, phải chịu khổ. Cho nên, phải tham thiền phát nghi tình miên mật đưa đến giác ngộ, thì không còn khổ nữa.

Nếu không ngộ thấy cái gì chấp thật gọi là điên đảo tưởng, như người mù bầm sinh, chỉ sờ một bộ phận con voi cho là con voi. Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả nói: Người chưa kiến tánh giống như những người mù, đập cút chó tưởng cho là tốt, không biết là cút chó. Nếu mắt sáng thì biết nó là cút chó thì không có đập nó).

53 - LUỖNG KÝ BÁT THÀNH, NHÁT HÀ HỮU NHĨ.

(Hai đã chẳng thành, một làm sao có).

Lời khai thị:

Biển Phật không bờ, sông Thiên không đáy. Nước một thước, sóng một trượng, mãi mãi không thôi. Mã Tổ bảo Bàng Uẩn "một hóp hết nước Tây Giang"; "Tào Nguyên một giọt nước" của Pháp Nhãn, "Câu hết làn sóng" của Thuyền Tử, tất cả thị phi trước kia, chi liên lụy cho Hứa Do phải rửa lỗ tai mà thôi. Nước lớn đầy trời, ngập khắp muôn dặm.

Lúc xưa chẳng biết bít nguồn suối,

Đến nay đất bằng nổi làn sóng.

(Biển Phật không bờ, sông thiên không đáy: Giáo môn có thể giải thích. Thiền môn thì siêu việt số lượng, nên nói sóng không có đáy.

- Bàng Uẩn lúc chưa kiến tánh hỏi Mã Tổ: Không cùng với vạn pháp làm bạn, người ấy là gì?

Mã Tổ đáp: Đợi khi ông một hóp hết nước Tây giang, ta sẽ nói cho ông nghe.

Bàng Uẩn nghe liền ngộ triệt để.

Một miệng hóp hết nước Tây giang làm sao được? Vì nói đến thiên thì không có nghĩa lý được, mà hiểu theo nghĩa lý là sai lầm. Tổ sư gọi là con chó đuổi theo cục xương mà cắn.

- Tăng hỏi Pháp Nhãn: Thế nào một giọt nước của Tào Nguyên?

Pháp Nhãn trả lời: Là một giọt nước của Tào Nguyên.

Người hỏi không ngộ, mà người đứng một bên là Thiệu Quốc Sư nghe liền ngộ. Pháp Nhãn có trả lời hay không? Có trả lời cũng là trả lời lại câu hỏi, nếu không có trả lời làm sao người ta ngộ? Tuy nói nghĩa lý mà chẳng có nghĩa lý gì.

Thiệu Quốc Sư ngộ rồi, ở trên núi phong quyền làm kệ:

Phong quyền phong đỉnh,

Bát thị nhân gian.

Tâm ngại vô pháp,

Mãn mục thanh sơn.

Pháp Nhãn nghe được bài kệ này, nói “Chỉ bốn câu này, có đủ tư cách nói truyền tông phái của Pháp Nhãn”. Thiều Quốc Sư là Tổ thứ nhì của tông phái Pháp Nhãn.

- Thuyền Tử tánh tình thích dùng ghe đi đây đó, trôi nổi ở dưới sông. Ngài có sư đệ là Đạo Ngô, cùng chung một thầy, 2 người đã kiến tánh. Thuyền Tử có dặn Đạo Ngô: Khi nào gặp pháp sư lanh lợi, hãy giới thiệu cho tôi, để tôi có người nói pháp.

Đạo Ngô đi ngang Giáp Sơn đang thuyết pháp, rồi ghé lại nghe.

Tăng hỏi Giáp Sơn: Thế nào là Pháp thân?

Giáp Sơn trả lời: Pháp thân vô tướng.

Tăng hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn?

Giáp Sơn trả lời: Pháp Nhãn vô hà (vô hà là không có tí vết).

Đạo Ngô nghe vậy, rồi cười.

Khi giảng xong, Giáp Sơn đến hỏi Đạo Ngô: Vừa rồi tôi giảng có chỗ nào không đúng, sao Thượng tọa cười, xin Thượng tọa chỉ bảo?

Đạo Ngô nói: Không phải là không đúng, nhưng Hòa thượng giảng chưa có thầy.

Giáp Sơn nói: Tôi xin đánh lễ Thượng tọa làm thầy.

Đạo Ngô nói tôi không phải thầy của Hòa thượng. Thầy của Hòa thượng là Thuyền Tử ở Hoa Đình.

Giáp Sơn hỏi: Vậy Thuyền Tử thế nào?

Đạo Ngô nói: Thuyền Tử trên không có một miếng ngồi, dưới không có chỗ cắm dùi. (tức tả cảnh giới vô trụ là cảnh giới cao nhất).

Giáp Sơn không thuyết pháp nữa, tìm đến Hoa Đình gặp Thuyền Tử; vừa muốn hỏi thì bị Thuyền Tử đánh lọt xuống sông. Khi góc đầu lên, thì Thuyền Tử nói: Nói đi, nói đi!

Giáp Sơn định mở miệng muốn nói, thì bị Giáp Sơn nhận chìm. Khi góc đầu lên, thì Thuyền Tử nói: Nói đi, nói đi!

Lúc ấy, Giáp Sơn ngộ đạo, không hỏi nữa. Thuyền Tử biết ngộ đạo rồi, kéo Giáp Sơn lên bờ.

Sau khi Giáp Sơn ngộ đạo liền từ giả đi; đi được vài bước ngoảnh đầu ngó lại.

Thuyền Tử nói: Ông còn muốn thấy có cái gì nữa sao? Rồi tự mình nhận chìm chiếc ghe, chét trước mặt Giáp Sơn, chứng tỏ là không còn cái gì nữa.

Giáp Sơn về chùa vẫn thuyết pháp y như cũ. Đạo Ngô sai một vị Tăng hỏi: Thế nào là Pháp thân?

Giáp Sơn trả lời: Pháp thân vô tướng.

Tăng hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn?

Giáp Sơn trả lời: Pháp Nhãn vô hà.

Vị Tăng trở về nói cho Đạo Ngô biết. Đạo Ngô nói: Được rồi, ông ấy đã ngộ. Lúc trước nói như vậy lắc đầu cười, nói là không được vì chưa có thấy. Bây giờ hỏi như vậy và trả lời cũng như vậy. Nhưng Đạo Ngô lại tán thán ngộ rồi. Nếu mình theo nghĩa lý để hiểu là sai lầm, vì không có nghĩa lý cho mình hiểu. Cho nên, tham thiền dùng chánh nghi, không cho tâm tìm hiểu. Còn hồ nghi là lấy tâm đi tìm hiểu, giải thích. Tổ gọi là con chó không phải con sư tử.

-Hứa Do là vị ẩn sĩ nghe người ta tán thán, còn đi rửa lỗ tai, vì nghe làm cho dơ lỗ tai. Thị phi như nước lớn ngập đầy trời muôn dặm. Nếu lọt vào đó thì bị chết chìm, vì có nghĩa lý mới có thị phi. Thị phi là tương đối nằm trong tứ cú. Phật, Tổ muốn mình là tứ cú. Nhưng mọi người trên quả đất đều có thị phi hết, nên chẳng biết, lại lấp bít nguồn tâm, khiến đất bằng phải nổi sóng to.

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Lưỡng ký bất thành, nhất hà hữu nhĩ". Người nghĩa giải cho rằng: Thị chẳng phi không thị, phi chẳng thị không phi, vừa thấy có thị, trước đã có phi, vừa thấy có phi, trước đã có thị. Cho nên thị chẳng tự lập, phi chẳng độc tồn, phi là cội của thị, thị là gốc của phi. Cho đến chơn, vọng, ngộ, mê, v.v... Tất cả đều vậy. Thế thì, cái hai của thị phi đã trừ, cái nhất của trung đạo đâu còn! Tổ Sư đến đây thật là mổ bụng thấy tâm, từ bi quá lớn rồi!

Tịch nghĩa giải:

Nếu hai đã chẳng thành, một cũng không có. Vậy còn có kẻ biết "chẳng thành" "không có" chẳng? Nếu nói "không", thì ai biết sự chẳng thành, không có? Nếu nói "có", lại gọi là "không có" được chẳng? Tổ sư đến chỗ này, chỉ có phần đờ lưỡi.

(Vậy có nghĩa lý cao siêu là vô dụng, vì có đôi đũa thì lọt vào tứ cú. Cho nên bị hỏi thì trả lời không được).

Kệ kết thúc:

Chẳng thả xuân về, xuân tự về,
Vườn cây mỗi mỗi hiện xanh tươi.
Bông tím hoa hồng biết đâu kẻ,
Bướm bướm từng đôi bay khắp nơi.

(Miền nam Việt Nam không có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, miền bắc Việt Nam và Trung Quốc có bốn mùa. Mùa đông cây cối lá rụng hết, tuyết phủ trắng. Mùa đông qua thì mùa xuân trở về. Xuân về không có ai thả nó về. Mặc dù không thả nó về, nhưng nó tự về, không có ai ngăn cản được.

Khi xuân về thì vườn nào, cây cối ra lá xanh tươi, bông tím bông hồng ở đâu lại? Lúc nó hết thì đi về đâu? Lúc nó có thì ở đâu lại? Có bông ra thì bướm bướm đến, chỉ thấy từng đôi bướm bướm bay trên cành hoa.

Tất cả hiện tượng trên biết từ đâu đến? Nếu mình lấy ý thức để giải thích được chỗ đến chỗ đi, thì chẳng có nghĩa lý gì! Vì nó chẳng có chỗ đi và cũng chẳng có chỗ đến. Cho nên, Phật pháp nói "Tất cả do tâm tạo", nghĩa là do vọng tâm mình biến hiện mà thôi.

Kinh Lăng Nghiêm nói "Thấy tất cả vũ trụ vạn vật là do kiến bệnh từ vô thi". Nếu muốn biết cứu kính của vạn vật là chỉ có tham thiền, khởi nghi tình; khi nghi tình bùng nổ, mới biết nguồn gốc của mình là tâm, biết tâm rồi thì tất cả đều biết hết.

*Không biết nguồn gốc của tâm lại nghiên cứu nhánh lá, thì không thể tìm ra được!
Bởi vậy, cách tham thiền chỉ cho tâm nghi, chứ không cho tâm đi tìm hiểu. Tâm tìm hiểu là hồ nghi chứ không phải chánh nghi. Chánh nghi sẽ trở về bản tâm, hồ nghi là hướng ngoài đi tìm, tìm chừng nào xa chừng nấy).*

54 - CỨU KÍNH CÙNG CỰC, BẤT TỒN QUỶ TẮC.

(Cùng tốt cứu cánh, chẳng còn quy tắc).

Lời khai thị:

Mười tác là thước, mười thước là trượng. Bên Đông mặt trời mọc, bên Tây mặt trời lặn, hỏi khắp mọi người trong vô số quốc độ, có ai chẳng biết? Tại sao nói đến Tổ Sư Thiền, mỗi mỗi ngơ ngác như vách sắt? Còn có câu "Mạc hậu lao quan" rất khó hiểu, chẳng ai che dấu cùng đưa ra một lượt. Ấy là cái gì? Thật là oan uổng!

(Bát Nhã Tâm Kinh nói "Sanh tử không phải thật". Ai cũng biết sanh tử không phải thật, nhưng không tránh khỏi cái khổ sanh tử. Cái biết của mình không phải thật, đâu giải thoát được sanh tử! Vậy làm sao? thì phải hỏi câu thoại đầu tối ngày sáng đêm, thắc mắc không biết, có ngày sẽ ngộ. Ngộ rồi giải quyết được cái khổ sanh tử luân hồi.

Nếu không ngộ, mặc dù cái khổ sanh tử không phải thật, cũng bị cái khổ sanh tử làm oan uổng! Vì tự tâm mình buộc tâm mình phải chịu cái khổ đó. Tự tâm buộc tự tâm, thì tự tâm giải thoát, chứ không phải người khác giải thoát cho mình được).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Cứu cánh cùng cực, bất tồn quỷ tắc". Người nghĩa giải cho rằng: Hu không, sắc tướng, lớn nhỏ, dài ngắn trong mười phương pháp giới, tất cả đều là tự kỷ. Tùy chân bước, chẳng rời điện địa của Tổ tông; tùy miệng nói, đều là chơn lý của Cô Phật. Cho đến ôm vợ mắng Thích Ca, say rượu đánh Di Lặc, đều thành nhất hạnh tam muội, còn nói chi khai, giá, trì, phạm v.v...? Nên Vĩnh Gia cũng nói "Đại ngộ chẳng kẹt nơi tiểu tiết".

(Vì tất cả do tâm tạo, tức là do vọng tâm của mình biến hiện ra, không phải người khác.

Tự tánh làm sao có khai giá trì phạm!

Ở trong giới luật có 3 cấp trì giới:

- 1. Bình thường nửa tháng bố tát có tụng giới để biết rồi giữ giới.*
- 2. Thiền giới, muốn đạt thiền giới, nghi tình phải thành khối, 24 giờ ngày đêm không giây phút nào gián đoạn. Lúc đó vọng tưởng khởi lên không được, thì không có khai giá trì phạm. Nếu chưa đến cảnh giới đó, giây phút gián đoạn có thể phạm giới, không được gọi là thiền giới, nên cần phải khai giá trì phạm.*
- 3. Lậu tận giới là người đã chứng quả, không trì giới mà nó tự trì giới.*

Đại ngộ rồi thì tất cả đều là Tự tánh, thì lúc đó làm gì cũng được. Nếu mình chưa tới đó thì không được, nói bậy phải đọa địa ngục. Như tội ba la di phải bị đọa địa ngục 921 ức năm, cấp thấp phải đọa mấy chục hoặc mấy trăm vạn năm).

Tịch nghĩa giải:

Thôi, thôi! Nói cũng nói được rõ ràng, nhưng Diêm La Vương cũng muốn bắt bọn nói những lời này cho đến ăn gậy sắt. Việc này lợi hại ở chỗ nào? Mọi người về nhà tự mình kiểm điểm xem!

(Tham thiền cho đến ngộ là đã về nhà, lúc đó mới biết rõ ràng. Nếu chưa ngộ mà bắt chước lời Phật, Tổ, thì Diêm La Vương dùng gậy sắt đánh, lúc đó kêu trời kêu đất cũng không ai nghe).

Kệ kết thúc:

Tùy tay đem ra tùy miệng bàn,
Phóng túng tung hoành kim chỉ nam,
"Chẳng còn qui tắc" lại giữ niệm,
Tự tánh bất nhị thành hai ba.

(Tùy tay làm động tác để biểu thị, tùy miệng luận bàn để cho người ta hiểu.

Tàu thủy hay máy bay đều có kim chỉ nam để làm tiêu chuẩn. Nếu có kim chỉ nam thì lọt vào hai, vì có nam thì phải có bắc. Như vậy nói "chẳng còn qui tắc" sao được?

Chẳng còn qui tắc là còn nghĩa lý, không còn nghĩa lý thì không có nam bắc. Nếu "chẳng còn qui tắc" mà còn lưu lại trong tâm, lấy tay ra dấu, dùng miệng nói ra, thì cũng lọt vào hai, ba tức là lọt vào tứ cú, chứ không phải bản tâm tự tánh của mình.

Chỉ có một cách tham thiền khởi nghi tình, mới không lọt vào tứ cú, không lọt vào hai, ba. Tổ sư khuyến khích mình cần tâm ngộ, muốn tâm ngộ phải tham thiền. Nếu dùng miệng để biện tài nói khéo, thì càng thêm hư vọng.

Bắt chước Tổ sư đưa ngón tay, đưa nắm tay; nói đưa ngón tay là nhất chỉ thiên, thì hư vọng, nên Tổ sư nói "Con chó ăn cứt người ta, không phải là con chó tốt". Ngộ là do tâm mình, để người khác thay không thể được. Nếu không ngộ, mà bắt chước động tác, lời nói của Tổ, chỉ làm thêm tội địa ngục, chứ không có ích cho mình).

55 - KHẾ TÂM BÌNH ĐẲNG, SỞ TÁC CÂU TỨC.

(Khế hợp Bản Tâm thì tất cả bình đẳng, năng tác sở tác đều dứt).

Lời khai thị:

Voi chúa quày đầu nhìn, sư tử chụp ngược lại, chơn chẳng che ngại, khúc (co) chẳng dẫu trực (thẳng). Chỉ có tôn giả Kiều Trần Như suốt năm tinh tọa, tinh tinh tịch tịch, cũng chẳng màng đến tháng thiếu là 29, tháng đủ là 30, đêm khuya thi đậu tâm không, thấu qua gai góc khắp trời.

Nhàn đạo ngoài đồng mở mắt xem,

Hàn mai hoa nở tự tịch tịch.

(Người tham thiền phải học tượng vương và sư tử, đừng có hướng ngoại, phải hướng trong Tự tánh của mình. Lời của Tổ sư có thí dụ: Một người liệng ra cục xương, con chó đuổi theo cục xương mà cắn; còn con sư tử không ngó cục xương, hướng vào người quăng cục xương mà cắn. Người quăng cục xương là gì? Là dụ cho Tự tánh. Cục xương là gì? Cục xương là lời nói của Phật, Tổ. Nếu hướng vào lời nói để tìm hiểu hay để ngộ, Tổ nói là con chó. Nếu hướng vào Tự tánh mà ngộ là tượng vương, sư tử.

Người tham thiền, khởi nghi tình thì tất cả đều không biết đến. Vọng tưởng nổi lên bao nhiêu cũng mặc kệ. Bởi vì nghi tình tự động quét sạch tất cả, quét có vọng tưởng và không có vọng tưởng. Chân lý cao hơn Phật, mà biết tới là hư vọng sai lầm. Chỉ cần đề câu thoại đầu, khởi lên nghi tình, cho đến khi kiến tánh. Kiến tánh thấu qua chướng ngại chấp thật của vọng tâm. Thiền sư Lai Quả nói “Chưa kiến tánh là mắt mù, không thấy đường đạp nhầm cút chó cho là tốt. Người kiến tánh là con mắt sáng”. Muốn mắt sáng phải tham thiền, mắt sáng thấy rõ ràng tất cả, không bị nhảm lẫn.

Cho nên Tổ sư nói “Nếu mình không trải qua một phen thấm lạnh thấu xương tủy, làm sao được mùi thơm của hoa mai”. Người tham thiền cũng vậy, không trải qua một phen cực khổ quyết tử để tham, thì sao có ngày kiến tánh! Như hoa mai, trời càng lạnh mùi thơm càng nồng).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Khế tâm bình đẳng, sở tác câu tức". Người nghĩa giải dẫn chứng trong kinh nói “Pháp ấy bình đẳng, chẳng có cao thấp, ví như thủy ngân rơi xuống đất, giọt lớn viên tròn lớn, giọt nhỏ viên tròn nhỏ, cả đại địa không có pháp nào chẳng tương ứng với tự tâm". Lúc Như Lai thành đạo, quán lại hạnh nghiệp tu hành từ nhiều kiếp đều như mộng huyễn, chẳng có kẻ làm, cũng chẳng có kẻ không làm. Cho nên nói “Tu tập phạm hạnh như hoa đóm trên không; tọa nơi đạo tràng như bóng trăng dưới nước, hàng phục quân ma trong gương, thành tựu Phật sự trong mộng". Bởi do tâm này chưa thấu rõ, ở nơi bình đẳng thấy bất bình đẳng, vì bất bình đẳng nên tất cả sở tác do đó sanh khởi vậy.

(Tâm mình chưa ngộ triệt để, thì vọng tâm hoạt động thì tạo ra vũ trụ, vạn vật đủ thứ sanh tử luân hồi. Tự tánh không có mấy cái đó. Vì không bình đẳng nên có tất cả pháp sai biệt, nên có pháp bình đẳng và không bình đẳng).

Tịch nghĩa giải:

Kinh Viên Giác nói “Tánh vốn bình đẳng”, người bất bình đẳng nói là bình đẳng, đã đáng ăn 30 gậy, còn dẫn chứng bao nhiêu tri giải, lại càng thêm bất bình đẳng.

(Vì trong tâm hoạt động nên có cảm giác sai lầm, thấy có vũ trụ vạn vật, thấy có sanh tử luân hồi. Như do thân mình xoay có cảm giác sai lầm mới thấy căn nhà xoay. Thân mình ngưng xoay thì căn nhà ngưng xoay. Căn nhà xoay là không bình đẳng, căn nhà ngưng xoay là bình đẳng. Nói căn nhà xoay và ngưng xoay đều là sai lầm. Căn nhà có xoay hồi nào đâu mà nói ngưng xoay. Vậy nói bình đẳng là sai lầm, cũng đáng ăn gậy. Nói bình đẳng còn không được, mà lại dẫn chứng bao nhiêu tri giải, giải thích cho nhiều lại thêm không bình đẳng, thì ăn thêm gậy nữa mới được!)

Kệ kết thúc:

Đã đến quê nhà còn về đâu?

Nằm dài trong am nắng gội cao.

Trăm ngàn huyền diệu đều quên mất,

Suốt ngày cửa mở chẳng ai vào.

(Sau khi kiến tánh thì đường đi đã hết, khởi căn hồi nữa; lúc đó đã về nhà tự do tự tại. Tất cả chấp tâm đều sạch, huyền diệu hay không huyền diệu đều quên hết, vì Tự tánh bất nhị không có huyền diệu hay không huyền diệu thì không có bị huyền diệu hay không huyền diệu làm chướng ngại.

Bài kệ trên là hình dung người đã kiến tánh, được tự do tự tại trong mọi hoàng cảnh động hay tịnh, không bị cảnh ràng buộc).

56 - HỒ NGHI TỊNH TẬN, CHÁNH TÍN ĐIỀU TRỰC.

(Hồ nghi dứt sạch, chánh tín vững chắc).

Lời khai thị:

Trâu cày cấy, chó giữ nhà, mèo bắt chuột, ngựa kéo xe, thấy lửa biết cháy, thấy nước biết ướt, tại sao đối với tự tâm, mỗi mỗi tối như dầu hắc? Nơi nghi lại thêm nghi, nơi chấp chồng thêm chấp. Chẳng cần nghi, cũng đừng chấp, ai biết muôn ngàn sai biệt này, tất cả thánh hiền từ đây nhập.

(Cái ở ngoài đều biết, cái ở trong của mình một chút cũng không biết. Tại sao? Vì bệnh chấp thật của mình che lấp mất cái biết Bát Nhã làm cho tối tâm không biết một chút gì về tâm. Tham thiền không biết tới các thứ sai biệt do vọng chấp của tâm sanh ra. Tự tánh không có sai biệt. Vì có tâm chấp nên có chúng sanh, có chúng sanh nên có Phật. Nếu không có chúng sanh thì ai thành Phật? Nếu không có chấp thì không làm chúng sanh, không có chúng sanh thì không có Phật).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Hồ nghi tịnh tận, chánh tín điều trực". Người nghĩa giải cho rằng: Tin có 2 thứ: Chánh tín và tà tín. Tin tự tâm là Phật, chẳng cầu bên ngoài là chánh tín; chẳng tin tự tâm là Phật, khởi tâm tìm cầu bên ngoài, dù có làm việc lớn, đều gọi là tà tín.

Phải biết, chánh tín cũng có nghi: vì chưa chứng đắc nên phát nghi. Niệm nghi từ cạn vào sâu, lâu ngày không lui sụt, bỗng nhiên niệm nghi bùng nổ, tất cả thấu rõ, gọi là đại ngộ. Nên biết ngộ là quả của tín, tín là nhân của ngộ. Pháp sư Tăng Triệu nói "Quả chẳng gồm nhân, vì nhân thành quả". Thế thì, lúc tin tức là lúc ngộ, lúc ngộ chẳng khác lúc tin. Bài Minh gọi là Tín Tâm, chính là ý này vậy.

Phải biết, người đại căn khí vừa nghe đề khởi, như gặp vật cũ, thấu rõ nơi tâm. Quần áo có thể quên mặc, tánh mạng có thể xả bỏ, mà muốn bảo người ấy bỏ chánh tín, dù chốc lát cũng chẳng thể được. Nên cổ nhân nói "Giả sử bánh xe lửa, xoay chuyển đỉnh đầu tôi, cũng chẳng vì khổ này, làm mất tâm Bồ Đề". Cái niệm chánh tín nếu thật vững chắc như thế, thì đâu có lẽ nào chẳng được thân chứng!

Ngoài ra, nếu do tà tín mà sanh nghi, nghi mãi không thôi thì phải sanh khởi kiến chấp điên đảo, đuổi theo cảnh duyên hư vọng, ắt đọa địa ngục vô gián.

(Cách thực hành tham thiền, đề câu thoại đầu, khởi nghi tình ngày đêm miên mật, có ngày khởi nghi tan rã, thì được kiến tánh thành Phật, thấy biết rõ ràng mọi vật. Đại nghi thì đại ngộ, nghi nhiều chừng nào ngộ triệt để chừng nấy. Phải biết cái ngộ là cái quả của tín. Nghi là nhân, ngộ là quả. Tại sao nói tin? Tổ sư nói: Lòng tin có mười phần, thì nghi cũng được mười phần; nghi được mười phần thì ngộ cũng được mười phần. Trước tiên mình phải ở trong tin mà nhập, nếu không tin làm sao đến đây nghe Pháp, học tham thiền, vậy trước phải tin, rồi đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình.

Đã ngộ thì không còn nghi. Nhưng bây giờ phải có nghi, tham thiền rất chú trọng cái nghi. Người tham thiền tin pháp môn 100% chỉ được phân nửa. Tại sao? Vì chưa tin tự tâm, cần nhất tin tự tâm là chánh tín. Nếu không tin tự tâm thì lọt vào tà tín, thì được tà ngộ, chứ không được chánh ngộ. Phải biết, người có căn khí lớn vừa nghe liền biết mình đã sẵn có Tự tánh, nhưng bị vọng tâm chấp thật, không phát hiện cái

dụng, phải bị khổ sanh tử làm oan. Đã biết tin tự tâm là Phật rồi, thì phải quyết tử tham thiên).

Tịch nghĩa giải:

Phải thì phải, nếu như tin tức là ngộ, thì ngộ phải lộn vào Nguồn Linh (tự tánh), đã lộn vào Nguồn Linh, thì cái chữ Tin này, còn đặt để ở chỗ nào? Nếu nói có chỗ để đặt thì xin chỉ ra xem! Nếu không chỗ đặt, thì lời Tổ Sư cũng thành lời thừa rồi.

(Nếu nguồn linh có xuất có nhập là hai, thì không phải nguồn linh. Tự tánh đâu có bản thể mà an lập! Cho nên, nói cái đạo lý cao là vô dụng, cần phải tự tâm tham cho đến tự ngộ).

Kệ kết thúc:

Gốc tin chẳng chánh khởi hồ nghi,

Niệm nghi tan rã Chánh tín khởi.

Lời nói rõ ràng được tương tự,

Cách xa Tổ Đình như chân trời.

(Niệm nghi như lửa tiêu băng, tiêu được rồi cái tin được duy trì. Nhưng nói thì giống như thật, mà giống không phải chân thật, có nói lý cao siêu đều vô dụng, đối với Tổ đình Thiên tông cách xa như nhìn thấy chân trời).

Làm sao gần Tổ đình Thiên tông? Thì phải chân tham thật ngộ, phải quyết tử ôm chặt câu thoại đầu mà tham, tham đến chừng nào kiến tánh mới thôi, nếu không phải, cứ lấy ý thức kiến giải thì vô dụng, đối với việc sanh tử chẳng có liên quan gì.

Như người đói, chỉ nói tên cơm, hay phân tích các chất trong cơm có đủ thứ... dù có phân tích kỹ lưỡng nói hay, nhưng không ăn cơm, rồi cũng bị chết đói. Bằng như người không biết gì, chỉ cần ăn cơm thì được no).

57 - NHẤT THIẾT BẤT LƯU, VÔ KHẢ KÝ ỨC.

(Tất cả chẳng lưu giữ, thì không thể ghi nhớ).

Lời khai thị:

Đại (lớn) tâm rộng như hư không, đại trí sáng như mặt trời, đại nghi như đồng lửa hồng, đại pháp như vách tường sắt. Bị Lâm Tế tận sức hét cũng chẳng thối lui, bị Đức Sơn thẳng tay đánh cũng chẳng chịu ngừng. Cây cột dây dưa dựng sâu chắc, leo quán nhánh dây không thôi dứt. Ở trong đó có một kẻ ló đầu ra nói “Đêm qua bị tôi nhổ tận gốc rồi”. Vậy, cây cột dây dưa đã nắm trong tay, tính đặt để ở chỗ nào?

Trước lời ngoài câu chẳng biết chỗ,

Càng khiến đất bằng thêm lồi lõm.

(Chữ Đại là siêu việt số lượng. Đại trí là trí huệ của tự tâm, cũng là siêu việt số lượng, như ánh sáng mặt trời chiếu khắp tất cả nơi, không có chỗ nào thiếu sót. Muốn đạt đến đại trí, ngộ được đại tâm, thì phải tham thiên, tham thiên cần đại nghi, đại nghi mới đại ngộ. Đại nghi như đồng lửa lớn; lớn này siêu việt số lượng. Nghi tình là cái chổi tự động quét sạch tất cả, gặp cái gì đều quét, gặp ma quét ma, gặp Phật quét Phật, như lửa gặp cái gì cũng đốt cháy.

Đại pháp như vách bằng sắt, không có cửa để vào. Pháp môn tham thiền cũng vậy, ngộ ở tự tâm, chứ không phải ngộ ở ngoài tâm. Luân hồi sinh tử từ thai trâu bụng ngựa...nhưng Tự tâm không bị ảnh hưởng. Vọng tâm mình nghĩ này nghĩ kia, như lo chuyện gia đình lo chuyện con cái... là tự tâm buộc tự tâm, giống như sợi dây leo quấn trên cây bó buộc chặt, không thôi dứt.

Thoại đầu là ở ngoài lời nói, ngộ triệt để thì hết chấp thật. Nếu nói có dây leo để nhỏ, bệnh chấp thật vẫn còn thì chưa về nhà, ở nơi đất bằng sanh ra nhiều chướng ngại, đường đi càng thêm khó khăn. Có tri kiến nhiều chướng nào bị chướng ngại nhiều chướng này, gọi là sở tri chướng. Nghi tình là cây chổi tự động quét, nếu khởi niệm muốn quét hay không muốn quét đều là chướng ngại.

Tham thiền không được trừ vọng tưởng, không được buông bỏ vọng tưởng, không được đè nén vọng tưởng. Không biết đến có vọng tưởng, tức là có vọng tưởng cũng quét, không vọng tưởng cũng quét. Nếu nói "có cái vọng tâm tôi nắm ra rồi" gọi là hư vọng, làm chướng ngại kiến tánh).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất thiết bất lưu, vô khả ký ức". Người nghĩa giải cho rằng: Chỗ tâm hành diệt là "tất cả chẳng lưu", đường ngôn ngữ dứt là "không thể ghi nhớ"; ngoài không có pháp để bỏ là tất cả chẳng lưu, trong không có tâm để giữ là không thể ghi nhớ.

Liễu liễu kiến, không một vật,
Chẳng phải người, chẳng phải Phật.
Hàng sa thế giới như bọt biển,
Tất cả thánh hiền như điện chớp.

Cũng là tất cả chẳng lưu.

Đốt hương tinh tọa ở Nam đài,
Suốt ngày tĩnh lặng muôn niệm quên.
Chẳng phải dứt tâm trừ vọng tưởng,
Chỉ vì chẳng việc để suy lường.

Cũng là không thể ghi nhớ.

(Ngài Vĩnh Gia nói là sau khi kiến tánh, tất cả đều biết rõ ràng, không còn có người, không còn có Phật, tam thiên đại thiên thế giới như bọt nước ở trong biển. Tất cả Phật, Tổ sư như điện chớp gọi là tất cả chẳng ghi nhớ.

Kiến tánh rồi không có việc để suy nghĩ, tất cả đều là cái dụng của Tự tánh, khỏi cần suy nghĩ mà nó hiện ra cái dùng. Định của Thiên tông là na già định, tức là định ở trong động, không phải ngồi yên một chỗ cho là định. Định ở trong động thì lúc ăn cơm, mặc áo, đi tắm, làm việc, đi cầu, ... đều là định, ấy là cái dụng tự động của Tự tánh, cũng là không thể ghi nhớ).

Tịch nghĩa giải:

Vậy, dẫn chứng cũng được tương tự, dấu cho ông đem hết ngôn giáo của Phật Tổ dẫn chứng đến cái thùng đựng nước không chảy, chỉ là càng ghi nhớ thêm nhiều mà thôi. Muốn tất cả chẳng giữ, há có thể được ư?

(Nói thì đúng, dẫn chứng giống hệt chỉ thêm tri kiến, đối với việc sanh tử chẳng có liên quan gì; mình phải tự tham tự ngộ mới được).

Kệ kết thúc:

Tất cả chẳng giữ, càng sanh kiến (giải),

Trọn không ghi nhớ, vẫn còn tri.

Nếu chẳng đích thân về quê nhà,

Bệnh đói, bánh vẽ làm sao trị!

(Tất cả chẳng ghi nhớ, ai biết chẳng ghi nhớ? Nếu có tất cả chẳng ghi nhớ thì còn tri kiến. Tri kiến còn làm sao nói chẳng ghi nhớ, nói như thế nào dẫn chứng lời của Phật, Tổ đều là ghi nhớ. Nếu không đích thân về quê nhà Tự tánh, có dẫn chứng nhiều chừng nào là chứng ngại nhiều chừng nấy, cũng như bánh vẽ để trị bệnh đói, làm sao được! Phải đích thân tự ngộ).

58 - HƯ MINH TỰ CHIẾU, BÁT LAO TÂM LỰC.

(Rõng sáng tự chiếu soi, chẳng lao nhọc tâm lực).

Lời khai thị:

Đạo cần mỗi ngày một bớt, học cần mỗi ngày một thêm. Bớt đến kiến chấp tiêu mất, thêm đến đầy bụng tức ngực, bỗng nhiên thêm bớt thấy đều quen, tay không về chùa ngồi hướng vách, trong thành Trì Dương Vương lão sư, lạnh lẽo khiến người tưởng nhớ mãi. Đừng tưởng nhớ, rõng sáng tự chiếu soi, chẳng phải do tâm lực.

(Đạo cần mỗi ngày một bớt, như bữa nay 100, ngày mai còn 99, ngày mốt còn 98, phải giảm dần dần. Tham thiền là cây chổi tự động quét bớt, không còn cái gì để quét thì quăng luôn cái chổi nữa, cái đó là hành đạo.

Học bên giáo môn thì khác, mỗi ngày lại thêm, nay học câu kinh này, mai học câu kinh khác. Một tháng, hai, ba tháng học một cuốn kinh, học cuốn kinh này hết đến cuốn kinh khác, thì phải từ ngày học thêm. Tham thiền mỗi ngày bớt tri kiến, bớt đến như bông trên cây rơi xuống, chấp trước tiêu mất.

Ngồi hướng vách là cách giáo hóa của tổ Đạt Ma. Chứ không phải bảo mình đối diện với vách tường mà ngồi như chết. Tham thiền là ôm chặt câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ngày đêm không mất tức là hướng vách.

Tham thiền không cho ghi nhớ, ghi nhớ là chứng ngại. Rõng sáng tự chiếu soi là cái dụng tự động của Tự tánh, chẳng phải do tâm lực. Ghi nhớ là bộ não, không được rõng sáng chiếu soi).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói như thế, người nghĩa giải cho rằng: Trong sạch đã đầy tròn, chẳng dung nạp vật khác gọi là Hư, hạt châu tự sáng tỏ, ánh trắng tự chiếu soi gọi là Minh. Đã hư mà minh, vật đến liền hiện, là công dụng của tự chiếu, chẳng cho lộn lời nói. Ở đây, nếu thêm một mảy may tâm lực, thì chẳng thể cho là hư minh tự chiếu rồi.

(Như cái gương, vật gì đến sẽ thấy. Người lớn lại thì hiện hình người lớn, con nít đến thì hiện hình con nít,... Cái gương không muốn hiện hình ai, ai đến thì nó hiện gọi là tự chiếu. Công dụng tự chiếu không cho lời nói. Ở đây nếu có mảy may tâm lực thì không gọi là hư minh tự chiếu).

Tịch nghĩa giải:

Dẫn dụ rất là đúng lý, vậy ông thầy hư không phải là chẳng tướng mạo chẳng? Xưa nay chưa từng nghe hư không tự nói “Ta chẳng tướng mạo”. Nếu hư không có thể nói được thì chẳng thể gọi là hư không, giả sử Tổ Sư đã biết có thí dụ này, thì cái lỗi lẽ lời cũng khó tránh khỏi vậy.

(Dù có nói cao siêu, ở đây cũng là sai lầm. Vì sao? Vì Tự tánh mình phải tự ngộ. Muốn tự ngộ thì tự tham. Tham đến ngày nghi tình bùng nổ, như người uống nước nóng lạnh tự biết. Nếu theo lời Phật, Tổ để giải thích đều là vô dụng).

Kệ kết thúc:

Con dấu vàng ròng tâm ấn tâm,
Cần phải chừa Tổ truyền thọ nhau.
Lén lút lượm được cũng vô dụng,
Đâu thể bắt chước nói diệu huyền!

(Tất cả chỗ từ vua đến quan, cơ sở thương mại, đều có con dấu riêng, dùng để đóng dấu biểu thị giá trị cho người khác biết. Con dấu làm bằng vàng của quan, mình lượm được không phải tư cách của mình, mà đem ra dùng thì có thể bị ở tù. Nghĩa là tự ngộ mới là của mình. Nếu y theo lời nói của Phật, Tổ đều vô dụng. Giống như lượm con dấu của quan, không khác cây kim và áo không lỗ, chẳng có tác dụng gì).

59 - PHI TƯ LƯỢNG XÚ, THỨC TÌNH NAN TRẮC.

(Chỗ lia suy nghĩ, tình thức khó lường).

Lời khai thị:

Bột trắng trong tuyết dễ phân, thức tức duy tâm. Mực đen trong than khó biện biệt, duy tâm tức là thức.

(Bình thường người ta nói tâm thức hay tâm ý thức. Ở trong Duy Thức gồm có 8 thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, năm thức này gọi là tiền ngũ thức. Thức thứ 6 là ý thức. Thức thứ 7 là mạng na thức. Thức thứ tám gọi là a lại da thức. Thường gọi thức thứ 6 là thức. Thức thứ 7 là ý. Thức thứ 8 là tâm.

Tất cả 8 thứ thức đều bao gồm thức thứ 8, gọi là tạng thức. Tâm nghĩa rộng, thức thứ 6 thức thứ 7 thức thứ 8 đều là tâm. Thức nghĩa hẹp, thường gọi là lục thức. Thức thứ 6 có phân biệt tốt xấu. Thức thứ 8 không có phân biệt. Cho nên, nói thức không phải tâm, nói tâm không phải thức. Nhưng thức cũng bao gồm ở trong tâm.

Thần Tú có bài kệ:

Thân như cây bỏ đẽ,
Tâm như đài gương sáng.
Hằng ngày phải lau chùi,
Chớ để dính bụi trần.

Bài kệ này còn phân biệt của thức thứ 6).

Dưới ánh mặt trời xem trắng đen, trước đài gương sáng hiện xấu đẹp.

(Nếu có trắng đen, tốt xấu thì còn phân biệt lọt vào thức thứ 6).

Lời nói như thế, giống như lời giảng Duy Thức Luận của Pháp sư, trước mặt Nạp Tăng làm sao hiển lộ tin tức thật?

(Theo Thiên môn quét hết, thì chẳng phải tâm, chẳng phải thức; nếu quét trống bao nhiêu hiện ra cái dụng tự động của Tự tánh bấy nhiêu).

Chẳng phải tâm, chẳng phải thức, ban đêm chó sủa thôn Hoa, mùa xuân oanh hót bờ liễu (những việc đó là lẽ tự nhiên, không có gì lạ!), cá kinh hút cạn sóng đáy biển (sự thật nước biển làm sao hút hết được?), con rồng chạy vào vô sanh quốc (vô sanh quốc là biệt danh của Tự tánh, tức là không sanh không diệt).

Khiến cho Đại Phạm Vương giựt mình thức dậy, thẳng lên đỉnh trời sắc cứu cánh, tát cho hư không một bọt tai, rải xuống long châu trăm ngàn hột, tia sáng lấp lánh rơi áo đẹp.

(Tất cả cái này hình dung không có thật, nên quét sạch. Nếu hư không là thật, làm sao đánh hư không một bọt tai được? Hư không còn không phải thật, vậy còn cái gì là thật nữa! Tất cả là cái dụng của Tự tánh mà hiện ra. Cho nên, không phải thật thì không cho bộ não suy nghĩ hay thức phân biệt đoán ra được).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc". Người nghĩa giải cho rằng: Thức là thức của nhà tâm, tâm là tâm của nhà thức, hai thứ này như nước với sữa rất khó phân biệt. Phải biết, thức là nước, tâm là sữa trong nước, nên giáo môn nói "Vua ngỗng chọn sữa, đầu đồng loài vịt!" Trong nước đều có sữa, chỉ có vua ngỗng mới biết phân biệt, ngoài ra các thứ thủy tộc đều chẳng biết. Việc này dụ cho trong tất cả thức đều có chơn tâm, chỉ có Phật Tổ mới rõ.

Cái giác chiếu soi của linh tri gọi là tâm, những suy tư, ghi, nhớ, thủ, xả, phân biệt v.v... gọi là thức. Thức có 8 thứ : Lục căn mỗi căn một thức, thứ 7 gọi Mạt Na, thứ 8 gọi A Lại Da cũng gọi là Như Lai Tạng, bảy thức trước là nhánh lá, thức thứ 8 là căn bản. Trong Kinh nói "Lúc đầu thai thì đến trước, lúc chết thì đi sau, ngộ là Như Lai Tạng, mê là A Lại Da". Thức này nơi mê thì gìn giữ tất cả nghiệp thiện ác vô ký, xả thân thọ thân từ vô lượng kiếp; nơi ngộ thì gìn giữ tất cả hạt giống Bồ Đề, giải thoát, trí huệ từ lúc vô thủy. Thức này từ mê vào ngộ, chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí, đổi tên mà chẳng đổi thể.

(Cái gương không tròn thì dụng bị hạn chế, bên đây chiếu được, bên kia chiếu không được. Cái gương tròn thì dụng chiếu khắp mười phương, hình nào đến thì hiện hình đó, tự động chiếu soi. Đại Viên Cảnh Trí là biệt danh của tự tánh thì dụng vô lượng vô biên không hạn chế. Còn a lại da thức thì dụng bị hạn chế).

Hiện nay ở trong tứ đại, ngũ uẩn, các pháp thánh phàm, ghi nhớ rõ ràng, tác dụng phân biệt, cho đến kiến văn giác tri, tam giới rỗng rang, vạn pháp thăng trầm, mỗi niệm khởi diệt, đều nương nơi thức này mà sanh. Cho nên nói "Vạn pháp duy thức". Khuê Phong nói "Pháp sanh vốn không, tất cả duy thức".

(Phật nói các pháp vô thủy là không có sự bắt đầu, gọi là vô sanh. Tất cả vạn pháp không sanh, do thức phân biệt có cảm giác sai lầm, nên có sanh diệt. Như thân xoay thấy căn nhà xoay, thân ngưng xoay thấy căn nhà ngưng xoay là do cảm giác phân biệt sai lầm sanh ra. Căn nhà vốn không xoay và không ngưng xoay. Căn nhà xoay thì thấy sanh, căn nhà ngưng xoay thì thấy diệt. Căn nhà có xoay hồi nào, mà nói xoay và ngưng xoay!)

Học giả ngày nay, chẳng thể đem mạng căn một dao cắt đứt, đi khắp Tông lâm, chỉ biết đem cái thông minh của mình dùng để dẫn khởi tình thức, ôm những huyền giải ghi nhớ trong lòng, gặp duyên móng khởi, chẳng biết huyền giải này là thuộc về "tình thức y thông", lại chấp cho là khai ngộ. Hoặc lầm nhận cái cảm giác linh động rõ ràng trước mắt này, biện luận thao thao cho là tự kỷ. Giống như kinh Lăng Nghiêm nói "Bồ trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt cho là nước cả biển".

(Chúng sanh cũng vậy, chỉ chấp cái thân này là thật; không biết cái thân này là một bọt nước của biển. Bọt nước đó sanh rồi diệt, sanh cũng từ nước biển mà sanh, diệt cũng trở về nước biển. Chỉ là một bọt nước biển, nhưng ai cũng chấp thân này là thật, cho bọt nước là cả nước biển, ấy là sai lầm).

Kinh Viên Giác nói "Đều là tập khí vọng tưởng phan duyên lục trần, chẳng phải tâm thể chơn thật". Hòa Thượng Trường Sa nói "Những người học đạo chẳng biết chơn, chỉ vì xưa nay nhận thức thân".

(Người học đạo Phật không biết chơn tâm của mình. Chỉ vì trước đây nhận thức thân, thức thân người thế gian cho là linh hồn. Linh hồn không phải Tự Tánh, Tự Tánh không có biến đổi. Linh hồn luôn biến đổi, cũng như con nít có linh hồn con nít, người lớn có linh hồn người lớn, người già có linh hồn người già, tất cả đều biến đổi. Người học đạo chưa kiến tánh, chỉ biết nhận thức thân cho là của mình, ấy là sai lầm. Cứ chấp chặt linh hồn phải bị sanh tử luân hồi, mà người ngu si gọi nó là bản lai của mình).

Vĩnh Gia nói "Tôn pháp tài, diệt công đức, tất cả đều do tâm ý thức" v.v...

(Pháp tài là cái dụng vô lượng vô biên của Tự tánh. Tài sản của người thế gian là tiền bạc, gia tài... Pháp tài gồm có hư không pháp giới, biến hiện gì cũng được, khởi cần qua tác ý của bộ não. Công đức của Tự tánh là cái dụng của Tự tánh, chẳng phải công đức của người thế gian, như nói tụng kinh có công đức. Mình bị tổn bị diệt là do ý thức chấp thật che lấp, làm cho pháp tài công đức Tự tánh không hiện ra. Nếu tham thiền triệt ngộ thì năng lực bằng với chư Phật. Người không tin không tham thiền nên không ngộ).

Chư Phật chư Tổ đã có chỉ bày rõ ràng, mà trong mật pháp, bệnh này ngày càng nhiều thêm! Nhưng kẻ mắc bệnh này là do lập chí học đạo chẳng chơn chánh mà ra, nếu là quyết chí muốn rời khỏi biên sanh tử thì không chịu đau mình trong tình thức. Chỉ do ban sơ một niệm muốn hiểu Thiên, hiểu Đạo, hiểu Phật, hiểu Pháp mới thành bệnh này. Thức này như núi Thiết vi rộng lớn, bao vây họ từ vô thủy, cũng như thiên binh vạn mã ngày đêm ở trước cửa lục căn, rình sơ hở của họ. Nếu không đủ chí quyết định liễu sanh tử, thì đi đâu cũng phải vào đó.

(Tham thiền ngày đêm không gián đoạn, thì tình thức thiên quân vạn mã không thể làm hại được; nhưng có giây phút gián đoạn thì nó đi vào, sanh tử ở chỗ này sanh khởi. Cho nên, mình phải có chí liễu thoát sanh tử, quyết tử thì tự nhiên sẽ được kiến tánh, đi tới đâu đều được hết).

Tổ Sư làm bài Tín Tâm Minh này, là mở rộng cửa Thiên cho kẻ hậu học thoát bỏ tình thức, chỉ tin tự tâm, cất bước liền vào. Nếu tình thức của học giả còn một mảy may chưa sạch, đọc bài Minh này trở thành thuốc độc.

(Lời của Tổ muốn mình ngộ, chứ không phải muốn mình hiểu).

Sự lợi hại như thế, nên 2 câu đầu nói "Chí đạo vô nan, duy hiềm gián trạch". Chỉ 2 câu này, đem tâm với thức phân giải rõ ràng. Tại sao? Nói "Chí đạo vô nan" tức là chỉ chơn tâm; "Duy hiềm gián trạch" tức là phá tình thức, kẻ tình thức chưa quên, thấy

người nói lời này, bèn nói “Tôi chỉ chẳng lựa chọn”. Đâu biết chỉ cái “chẳng lựa chọn” này đã là hiểu theo tình thức rồi, huống là kẻ mỗi mỗi chấp có, gặp cảnh sanh tình ư!

(“chẳng lựa chọn” thì đã lựa chọn rồi, đã lấy tình thức giải thích thì lọt vào tứ cú, lựa chọn là cú thứ nhất, không lựa chọn là cú thứ nhì, ...).

Nên ý bài Minh này từ đầu đến cuối, nói đi nói lại, chẳng rời bản tâm, chẳng qua vì giúp người học biện rõ tâm với thức mà thôi. Cho nên nói “Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc”.

(“Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc” và “Chí Đạo vô nan, duy hiem gián trạch” ý giống nhau. Ý Tam Tổ muốn cho người học phân biệt được tâm và thức, cho nên nói “Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc”).

Tịch nghĩa giải:

Theo lời nói “Duy hiem gián trạch”, nay lại ở trong pháp một tâm, chỉ ra tình và thức, ấy là lựa chọn hay chẳng lựa chọn? Nhưng tình và thức với một tâm quả là khác hay đồng ư! Người chân thật học đạo, ở đây nêu chẳng thể xác định, mà muốn thấy ý chỉ Tín Tâm Minh của Tổ sư, chẳng phải còn xa xôi ư!

(Vây, ở trong một tâm làm sao có chia lựa chọn hay chẳng lựa chọn, chia ra khác nhau hay không khác nhau, mà muốn phân biệt tâm với thức thì đã sai lầm rồi, tức là có khác nhau là hai. Tự tánh không có khác biệt, không có hai. Vây nói lý cao siêu cũng vô dụng, không phải là Tự tánh. Tự tánh là do tự mình tham, tự ngộ).

Kệ kết thúc:

Chỗ lia suy nghĩ rất khó lường,

Môn đồ học Phật đều nên rõ.

Ngay đó chẳng biết thiếu vật gì?

Thông minh lanh lợi lại bị lừa.

(Chỗ suy nghĩ không thể đến, thì ý thức không thể đoán ra được. 2 câu này, người học Phật pháp thâm sâu đều phải biết. Vây đến chỗ này chẳng biết cái gì? Nếu theo lời của Phật, Tổ sanh ra tình giải, giải thích đạo lý cao siêu, cũng như mình mở mắt thấy rõ ràng, mà bị người ta gạt không hay; nói thiếu là như vậy đó! Cho nên, phải ôm chặt câu thoại đầu, khởi nghi tình miên mật, cho đến kiến tánh thì không còn thiếu và không bị gạt).

60 - CHÂN NHƯ PHÁP GIỚI, VÔ THA VÔ TỰ.

(Chân như pháp giới, chẳng người chẳng mình).

Lời nghĩa giải:

Sư Khoáng không lỗ tai, Chí Thần (tự tánh) không bản thể, Nguồn Linh không có đáy.

(Sư Khoáng là nhà âm nhạc rất hay, có thần hóa không do nhĩ thức phân biệt, rất hay không có ai bằng được. Nếu có thể thì có hạn chế, không đến cực điểm được của cái dụng Tự tánh. Nguồn linh vô đáy cũng là cái dụng của Tự tánh, không có bản thể, cái dụng vô lượng vô biên. “Không lỗ tai, không bản thể, không có đáy” thí dụ cho Tự tánh).

Đạt Ma truyền tùy đâu thể được! Xưa kia ở chung chẳng biết tên, hôm nay gặp nhau chẳng phải người.

(Đã không có bản thể thì lấy cái gì để truyền? Như tổ Đạt Ma nói “ông được cái tùy của ta”. Tự tánh của mình từ xưa tới giờ, chưa rời khỏi thân mình một chút, mình đi đâu nó theo đó, mà mình không biết nó là ai? Không biết tên gì? Miễn cưỡng đặt cho nó là Phật tánh, Như lai, Thật tướng, Pháp thân... đều là giả danh. Cho nên, ở đây nói ở chung chẳng biết tên? Không biết nó là ai? Mà ngày nay nói là này, nếu có này thì có ta. Tự tánh làm sao có ta và có này?)

Bóng trăng đẹp mà xuống nước chẳng chìm, gió lạnh lẽo mà sáu cửa tự mở.

(Như mặt trăng ở trên trời rọi xuống sông, ao, hồ... thấy mặt trăng ở trong nước, chứ không phải mặt trăng chìm ở dưới nước. Sáu cửa mở là hình dung cho lục căn, cái dùng tự nó mở, không phải do sự tác ý, tác ý là do vọng tâm, không phải dụng của chân tâm, dụng của chân tâm tự động không qua tác ý).

Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, dây dưa mục quản kiếp không; gió chẳng động, phướn chẳng động”, Huệ Năng đặc chí nơi phòng già gạo.

(Nói là tâm chẳng phải tâm, nói là Phật chẳng phải Phật. Chư Phật dùng phương tiện, phương tiện cũng là dây trời buộc; nói trước kia chưa có trời đất làm sao chứng tỏ được?

Như Lục Tổ nói “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của các ông động”. Nếu chấp thật “Tâm của ông động” là sai lầm. Ở đây nói chẳng phải tâm, làm sao chấp tâm là thật? Nếu chấp tâm là thật thì cũng là bệnh chấp thật. Lời của Tổ là phương tiện lúc đó thôi. Mục đích phá tâm chấp thật của mình, như phá tâm chấp gió động, phướn động, nên Lục Tổ dùng tâm phá chấp của 2 người. Lời lục Tổ nói như cái xác xương khô, nên không được chấp thật).

Linh chiếu rõ ràng ta chẳng biết,

Mây trắng khe núi tự quen nhau.

(Tự tánh của mình chiếu rõ ràng, nhưng mà ta không biết. Mây ở trên trời, mặt trăng ở trên trời, dưới đất có sông có núi; mây không biết trăng, trăng cũng không biết mây; sông cũng không biết núi, núi cũng không biết sông. Mây tự biết mây, trăng tự biết trăng, sông núi cũng vậy, tuy không biết nhau, nhưng nó tự biết.

Còn mình tự biết được không? Không được. Mình không biết mình là cái gì? Bây giờ có mắt thấy tai nghe, đều thấy nghe ở ngoài. Tự mình là cái gì mà mình không biết! Không biết mình là cái gì thì sao làm chủ mình được? Không làm chủ thì không được tự do tự tại.

Cho nên, chư Phật chư Tổ dạy cách tham thiền, muốn mình ôm chặt câu thoại đầu cho đến khi ngộ. Lúc ngộ mới biết mình là cái gì, gọi là thành Phật, được tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Dù mình thấy ở ngoài rõ ràng, nhưng không có liên quan đến tâm mình).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Chơn Như Pháp Giới, vô tha vô tự". Người nghĩa giải cho rằng: Chơn như pháp giới là tổng danh của một tâm. Ngoài tâm chẳng pháp thì đâu có cái tên gọi tự tha? Không những tự tha chẳng lập, cho đến núi sông, đất đai, hữu tình vô tình, đều chẳng thể đặc lại thành có. Dù nói chẳng thể đặc mà có, cũng chẳng ngại an lập vật tượng tự tha. Tại sao? Chơn Như Pháp Giới dụ như vàng, vật tượng tự tha dụ như

bông tai, cà rá, dây chuyền... Phải biết vàng là thật thê, các đồ trang sức là quyền danh (tên gọi tạm). Thật chiều theo quyền thì vật tượng tự tha chẳng ngại an lập, dung quyền về thật thì chỉ thấy chí thể của Nhất Chơn Pháp Giới. Vậy, giả danh của các thứ trang sức chẳng cần trừ mà tự mất rồi. Kẻ mê muội chẳng thông đạt ý chỉ viên dung của Tổ Sư, cho là đoạn diệt, đọa nơi rỗng không, lập cái thuyết "vô tha vô tự", ở đây cần phải biện bạch cho rõ.

(Giải như ở trên cho là đúng, nhưng ngài Trung Phong không chấp nhận, nên phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Biện thì cứ biện, nhưng trong Chơn Như Pháp Giới còn dung nạp được lời biện bạch này chăng?

(Nếu còn dung nạp cái biện bạch này thì không phải là Tự tánh, không phải chân như pháp giới. Cho nên, dù giải nghĩa lý cao siêu, nhưng chưa được, không phải chơn như pháp giới. Vì Chơn Như Pháp Giới không phải do lời giải nghĩa được, phải do mình tham thiền tự ngộ).

Kệ kết thúc:

Trong chẳng tự kỷ, ngoài chẳng tha,
Cả gan nuốt trọn trái bí kia.
Thăng tay tặng người, người chẳng nhận,
Rãi cát quăng bùn vẫn y xưa.

(Tự tánh là gì? Tự tánh vô hình vô tướng, nói không được, diễn tả không được. Nếu chỉ lấy lời nói diễn tả trong cơm có bao nhiêu chất bổ, nhưng không no, vì là cái lý chứ không phải ăn cơm; khi cần giải thích chất bổ trong cơm, chỉ cần ăn cơm thì được no. Muốn biết rõ Tự tánh chỉ có cách tham thiền, để câu thoại đầu khởi lên nghi tình, đến khi nghi tình bùng vỡ thì Tự tánh hiện ra, giải quyết được khổ sanh tử luân hồi).

61 - YẾU CẤP TƯƠNG ƯNG, DUY NGÔN BẤT NHỊ.

(Muốn gặp tương ưng, chỉ nói bất nhị).

Lời khai thị:

Biển dụ cho tánh, đất dụ cho tâm, chứa đầy mà chẳng tràn, hứng nặng mà chẳng sụp, dung nạp hư không chẳng ngăn mé, xuyên thấu cổ kim chẳng biên cương.

(Biển lớn dụ cho Tự tánh, đất lớn dụ cho tâm; tất cả không ở ngoài tâm, không ở ngoài Tự tánh. Cũng như biển lớn không thấy bờ, như trời không thấy biên giới, dung nạp 10 phương: đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, đông, nam, tây, bắc, trên, dưới. Thông suốt tam thế: quá khứ, hiện tại, vị lai).

Trước nói "bất lạc", sau nói "bất muội", hồ ly tinh (con chồn) đâu phải hai con.

Thiền sư Bá Trượng mỗi ngày lên hội thuyết pháp. Có một ông già nghe pháp; mỗi bữa thuyết pháp xong mọi người đi về, ông già cũng đi về. Có một bữa người ta đã về hết, nhưng ông già không về.

Bá Trượng hỏi ông: Ông có chuyện gì?

Ông già nói: Tôi không phải người là con chồn. Trước Phật Ca Diếp, tôi cũng ở núi này, làm trụ trì hoàng pháp.

Có vị Tăng hỏi tôi: Người đại tu hành có lọt vào nhân quả hay không?

Tôi trả lời: Không lọt vào nhân quả.

Cho nên bị đọa làm chồn 500 đời, đến bây giờ là đời thứ 500. Vậy xin Ngài thuyết pháp cho tôi được thoát khỏi thân chồn này.

Bá Trượng nói: Cứ hỏi đi.

Ông già hỏi: Người đại tu hành có lọt vào nhân quả hay không?

Bá Trượng nói: Nhân quả rõ ràng.

Ông già nói: Tôi đã ngộ và thoát được thân chồn. Xin Ngài đem tôi chôn như một Tăng sĩ.

Bá Trượng chấp nhận và nói với đại chúng: Sau khi ăn cơm xong, xin đại chúng đưa đám tang của một vị Tăng. Các người ở trong chùa nghe ngạc nhiên. Bá Trượng không nói gì, ăn cơm xong, Bá Trượng đi trước và các vị trong chùa đi sau, phía sau chùa có một cái hang, có một con chồn chết, theo lễ tang của Tăng sĩ mà chôn.

Vậy trả lời một chữ mà bị đọa 500 đời con chồn. Nói đến thuyết pháp không phải dễ đâu! Nếu Tôi (Duy Lực) nói sai cũng có tội. Phật pháp không phải để nói chơi!

Hôm qua nói "định", hôm nay nói "chẳng định", cục cứt khô nuốt trọn vào bụng.

(Đây công án của Phật Thích Ca:

Có một ngoại đạo hỏi Phật: Hôm qua Phật thuyết pháp gì?

Phật trả lời: Pháp định.

Ngoại đạo hỏi: Hôm nay thuyết pháp gì?

Phật trả lời: Pháp bất định.

Ngoại đạo hỏi: Tại sao hôm qua định, hôm nay bất định?

Phật trả lời: Phải, hôm qua thì định, hôm nay bất định.

Tại sao người ngoại đạo hỏi, mà Phật trả lời như thế? Phật nói trong kinh Kim Cang "không có pháp định mà Như Lai thuyết, vậy Phật pháp là pháp bất định".

Phật trả lời cho ngoại đạo như thế! Vậy ý của Phật ở chỗ nào, sao lại có mâu thuẫn? Nhưng hiểu thì không có mâu thuẫn, mà lại thiết bất định. Nếu hôm qua bất định, hôm nay bất định thì vĩnh viễn bất định, nên pháp đã định rồi. Hôm qua định, hôm nay bất định, tức là muốn định là định, bất định là bất định, mới chân thật là bất định. Nếu vĩnh viễn bất định là định rồi.

Người ta hỏi: Thế nào là Phật?

Động Sơn trả lời: Cục cứt khô.

Vậy cục cứt khô là Phật sao? Tổ sư kiến tánh triệt để! Đây là công án của Động Sơn).

Biện tài của Duy Ma Cật khiến hàng Bồ Tát bịt miệng; lưỡi bén như kiếm của Văn Thù đã làm thầy cho bảy Phật.

(Kinh Duy Ma Cật, Phật sai các đệ tử đi thăm Duy Ma Cật bệnh ở trong thành Tỳ Da Ly, ai cũng từ chối. Cuối cùng, Phật sai Văn Thù đi và đại chúng cùng theo sau.

Duy Ma Cật hỏi: Thế nào là nhập pháp môn bất nhị của Bồ tát?

Mỗi vị đều trình sở ngộ của mình, rồi đến ngài Văn Thù đáp: Theo ý tôi, nơi tất cả pháp vô ngôn vô thuyết, vô thị vô thức, là nơi vấn đáp, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Ngài Văn Thù hỏi rằng: Chúng tôi mỗi mỗi đã tự nói xong, nay đến lượt Nhơn giả?

Duy Ma Cật im lặng, Văn Thù tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Cho đến chẳng có vấn tự, lời nói mới là chân nhập pháp môn bất nhị.

Tất cả A la hán và Bồ tát đều biện tài không bằng Duy Ma Cật. Biện tài của Duy Ma Cật như cái dùi nhọn. Văn Thù xưa kia làm thầy 7 Phật, biện tài như kiếm bén. Chỉ có Văn Thù và Duy Ma Cật mới tương ưng với nhau).

Tông ta vốn chẳng dây dưa này, chí lý đâu có ghi bia đá.

(Nhưng công án trên rất hay, đối với Thiên tông coi là những phương tiện bó buộc, không có ích cho sự giải thoát. Tại sao? Mặc dù nói có chí lý, nhưng Tổ Sư thiên quét hết chí lý. Chí lý đó làm sao có bia đá để ghi? Cũng như cái mộ có cái bia để ghi ngày sanh ngày chết. Chùa cũng có tấm bia để ghi lại người sáng lập, gọi là bia ký. Tự tánh là chí lý đâu cần có bia để ghi! Chỉ cần tham thiền phát hiện Tự tánh gọi là kiến tánh thành Phật. Lời của Phật, Tổ, những công án tuy rất hay; nếu chấp thật chỉ là dây trói buộc, đối với mình vô ích).

Tiếng sóng ngàn sông chìm biển rộng,

Muôn núi hùng vĩ kém đỉnh cao.

(Tán thán Thiên tông không có pháp môn nào bằng. Nên ngài Lai Quả nói “Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai đều từ cửa Thiên tông này thành Phật; không có vị Phật nào không do tham thiền mà thành Phật”; bây giờ chúng ta gặp được pháp môn tham thiền rồi, cứ ôm chặt câu thoại đầu quyết tử tham đến kiến tánh thì tự do tự tại).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Yếu cấp tương ưng, duy ngôn bất nhị". Người nghĩa giải cho rằng: Tổ Sư phí sức phân biệt, trước nói "chỉ chẻ lựa chọn", kế nói "một cũng đừng giữ", "muôn Pháp cùng quán", "muôn Pháp nhất như" v.v... đều là lý của 2 chữ "chỉ nói". Nhưng chư Phật chúng sanh, bản thể bất nhị, nói "thành Phật" đã là lời thừa, vậy nói "Muôn gặp tương ưng" dường như thành 2 đoạn rồi. Nếu quả thật có cái lý tương ưng và chẳng tương ưng, thì rõ ràng là nhị, đối với việc này chưa thể không nghi.

(Phật và chúng sanh không khác, vậy ai thành Phật? Trong kinh Viên Giác nói “Tất cả chúng sanh đều chứng Viên Giác”. Kỳ thật, bản thể của mình không phải Phật, không phải chúng sanh. Vì phân biệt mới có Phật và chúng sanh. Vì tương ưng là cú thứ nhất, bất tương ưng là cú thứ nhì, là tương đối. Nói “duy ngôn bất nhị” thì làm cho người ta sao khỏi nghi! Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Chỉ e cái nghi này chẳng chơn thật, chẳng vững chắc. Nếu Chơn thật vững chắc, thì cái nghi này sẽ có ngày tự bùng nổ. Nghi này nếu vỡ, thì nhị với bất nhị của tương ưng hay chẳng tương ưng đã thấu rõ trước cơ xảo, lãnh hội ngoài ngôn ngữ, mới biết ơn lớn của Tổ Sư khó đền đáp.

Xưa ngài Duy Ma Cật bảo chúng Bồ Tát nói pháp môn Bất Nhị, mỗi mỗi nói xong, lại bị chúng Bồ Tát hỏi ngược lại thì im lặng chẳng đáp. Lúc ấy Văn Thù liền tán thán rằng "Chơn nhập pháp môn Bất Nhị". Vậy lời tán thán của Văn Thù sanh khởi từ chỗ

nào? Nếu cho im lặng là pháp môn Bất Nhị, thì người bệnh câm và người gõ máy cũng đều được nhập pháp môn Bất Nhị rồi! Nếu im lặng có thể gọi là pháp môn Bất Nhị, thì ngữ ngôn cũng có thể gọi là pháp môn Bất Nhị cho đến ca hát cười giỡn đều gọi là Bất Nhị ư? Tại sao chỉ khen một mình Duy Ma Cật vậy? Ở đây cần phải thấu rõ ý chỉ mũi kim đụng nhau đúng khớp của 2 vị đại sĩ Văn Thù và Duy Ma Cật, thì lời nói tương ưng hay chẳng tương ưng trong một tiếng cười đã tẩy sạch rồi.

(Nếu không đích thân thấy tông chỉ đó, nói có lý gì đều là hư vọng, đối với việc sanh tử không có liên quan gì. Muốn đích thân thấy tông chỉ của Văn Thù và Duy Ma Cật, chỉ có tham thiền đến kiến tánh mới thấy, ngoài ra không thể thấy được).

Kệ kết thúc:

Cửa Thiền Tổ Sư tuyệt chi ly,

Đá lửa điện chớp vẫn chậm trì.

Muốn gấp tương ưng nói bất nhị,

Bà lão nhai cơm, mớm tiêu nhi.

(Tổ Sư thiền này quét sạch tất cả, cũng như Bát Nhã Tâm Kinh quét sạch từ phàm phu, Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa cho đến Phật thừa. Điện chớp của đá lửa rất nhanh, nhưng ở đây vẫn chậm trễ. Câu “Muốn gấp tương ưng chỉ nói bất nhị”, giống như bà lão không có răng nhai cơm mà mớm con nít, thì chuyện này làm sao có! Tất cả lời nói của Phật, Tổ, dù giải nghĩa ra có lý cao siêu, đối với Thiền môn đều vô dụng. Thiền môn muốn mình đề câu thoại đầu, phát khởi nghi tình, ngày đêm miên mật, sẽ kiến tánh thành Phật).

62 - BẤT NHỊ GIAI ĐỒNG, VÔ BÁT BAO DUNG.

(Bất nhị chẳng phải đồng, nhị mới có bao gồm).

Lời khai thị:

Tổ tổ tâm không, Phật Phật đạo đồng. Tâm không thì các ngôi sao cùng hướng về Bắc Đẩu, đạo đồng thì muôn dòng nước đều chảy vào biển Đông. Hưng Hóa hôm qua dự trai tăng trong làng; đạo ta nhất quán; Đức Sơn đêm nay không trả lời; công án hai lớp. Bất hổ dữ, phân rã rỗng, chẳng phí chút sức của Hải Thần; nổ sấm sét, phủ mây mù, tiêu hao Long Vương bao nhiêu gió. Mũi kim gọt sắt đề chìm đại địa, vắt nước chỉ mảnh ngạp khắp hư không, chẳng cán nắm, tuyệt cũi lồng, sông Thiền vốn chẳng có đò đưa, vách sắt đâu có cửa nẻo thông.

(Chư Tổ Thiền tông đều do tham thiền kiến tánh. Nghi tình là cái chổi tự động quét tất cả cho trống rỗng, gọi là kiến tánh thành Phật. Thiền tông là “tâm không cập đệ” tức là “tâm không thi đậu”).

Chư Phật do tham thiền mà thành Phật. Cho nên, ngài Lai Quả nói “Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai đều từ cửa Thiền tông mà thành Phật”. Tâm không cũng như các ngôi sao cùng hướng về ngôi sao bắc đẩu. Đạo đồng cũng như muôn dòng nước chảy về biển đông.

-Hưng Hóa là Tổ thứ 2 tông Lâm Tế. Một hôm có người mời Tổ đi dự cúng dường ở trong làng, gặp mưa gió lớn, phải ẩn tránh trong miếu. Đây là công án của tổ Hưng Hóa.

-“Đạo ta nhất quán” là công án của Không Tử. Học trò của Không Tử là Trang tử, hỏi đạo với Không Tử. Không tử nói “Đạo ta là nhất quán”. Trang Tử nghe ngộ liền, nói “Đạ, phải”.

Học trò Trang Tử hỏi Trang Tử: Thế nào Không Tử nói Đạo ta nhất quán?

Trang Tử biết người ấy chưa ngộ, mới nói cửa thứ hai, rằng: Đạo của Không Tử chỉ có trung với thứ mà thôi.

Nói trung với thứ thì đã lọt vào hai, ba. Còn một phải tự ngộ, chứ nói không được. Đạo của Không Tử còn như vậy, huống chi Thiền môn muốn lấy lời nói làm sao được? Chỉ cần mình ngộ, nếu nói là không phải rồi. Đạo của Không Tử chỉ có Trang Tử ngộ, về sau không có ai ngộ nữa.

-Cây phảng của Đức Sơn có tiếng, Tuyết Phong đến hỏi đạo thì bị cây phảng của Đức Sơn đánh liền ngộ đạo. Đức Sơn đêm nay không trả lời. Đây là công án của Đức Sơn.

Sau đây là hình dung thủ đoạn của Tổ sư rất mãnh liệt. Bắt con cọp rất hung dữ. Muốn phân biệt con rồng hay con rắn. Như người chân thật tham thiền là con rồng, người tu lồi thối là con rắn. Con mắt của Hải Thần chẳng phí chút sức đã biết hạng người nào là rồng hay rắn. Sức lực của Tổ làm nổ sấm sét, phủ mây mù, làm tiêu mất bao nhiêu gió của Long Vương. Tổ dùng mũi kim gọt sắt để chìm đại địa, vắt sợi chỉ mảnh ra nước, làm ngập khắp cả hư không.

Còn nói lý do thì không có cán nắm, tức là không có lý để nói. Ở trên nói con sông không đáy, chỗ này nói con sông không đò để đưa. Như Tịnh Độ thì có đò để mình qua sông, còn Thiền thì không đò để cho mình qua, phải tự mình qua.

Như vách sắt không cửa nẻo, nhưng mình phải tự qua. Tự tánh của mình lúc nào cũng theo mình ngồi, nằm, ngủ, ... nhưng mình không biết Tự tánh; chỉ có tham thiền đến kiến tánh mới biết, muốn nhờ sức lực của ai cũng không được. Cho nên, không có ghe để chở, chỉ có tự mình đi. Tuy vách sắt không có cửa, nếu sức mạnh của mình tham đến mức đó thì sẽ qua được).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Bất nhị giai đồng, vô bất bao dung". Hạng người hiểu theo văn tự cho rằng: Kinh Pháp Hoa nói "Chỉ một sự thật này, ngoài ra đều chẳng chơn". Còn nói "Tất cả chư Phật chỉ một Phật thừa, chẳng hai chẳng ba". Nói một là diệu tâm sáng tròn, thể lìa tu chứng, dọc gồm tam thế, ngang thấu mười phương, sắc, không, sáng, tối lấy đó làm nguồn, thánh phàm mê ngộ lấy đó làm gốc. Cho đến cùng khắp pháp giới, nếu thấy có mây may chẳng do đó sanh khởi, đều là sở chấp của ngoại đạo, cho nên nói "Sum la và vạn tượng do một pháp ấn định". Lời "Bất nhị giai đồng, vô bất bao dung" chẳng thể ở ngoài nghĩa này.

(Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Nói như thế, tất cả ngôn giáo đã ghi đầy đủ, đâu cần Tổ Sư từ Tây Trúc sang! Phải biết, ngôn giáo như bức tranh hoa của Triệu Xương, cao thấp xa gần, búp nở đậm nhạt, xem rất đẹp mắt, nhưng chẳng phải hoa thật vậy. Nếu chưa thể nơi gót chân một dao cắt đứt cuộn chỉ rồi, thì đối với tông chỉ "Bất Nhị Giai Đồng", đâu thể chỉ miệng nói tai nghe mà đắc được u!

(Bây giờ nghe tôi (Duy Lực) giảng là tăng cường niềm tin để tham thiền, chứ không có giáo lý cao siêu có ích cho mình. Cũng như bánh xe xẹp không chạy được cần phải

bom, như mỗi tuần lễ giảng để khích lệ tu giải thoát, chứ không nhờ giáo lý cao siêu để giải thoát).

Kệ kết thúc:

Vàng ròng đúc thành trứng gà trống,
Đập nát y xưa vẫn còn nguyên.
Chẳng biết có gì bao trong đó,
Suốt đêm tia sáng rọi càn khôn.

(Gà mái mới đẻ trứng, nhưng ở đây trứng gà trống lấy vàng đúc thành. Vậy làm sao đập bể nó? Đập bể không được, nó vẫn như cũ, chẳng biết trong đó bao cái gì? Nhưng ánh sáng chiếu khắp trời đất; cái này hình dung Tự tánh, mình thấy không được.

Nhưng cái dụng Tự tánh khắp mười phương vũ trụ. Ý của ngài Trung Phong muốn mình đừng theo đuổi lời của Tổ; nếu chấp lời thì nghịch ý, dù giải lý cao siêu hơn Phật đối với việc sanh tử chẳng có liên quan gì.

Cho nên Phật thuyết pháp 49 năm, tự nói chẳng nói một chữ. Tự tánh không có thể dùng lời nói để diễn tả, chỉ y theo thực hành của Phật dạy hay Tổ dạy, thì sẽ phát huy cái dụng khắp mười phương, nếu ngộ).

63 - THẬP PHƯƠNG TRÍ GIẢ, GIAI NHẬP THỦ TÔNG.

(Người trí mười phương, đều vào tông này).

Lời khai thị:

Chí thân vô công dụng, chí thể chẳng hỗn dung, như chuông nơi chánh điện, lỗ tai chẳng nghe động tịnh. Như mùa xuân đến vườn, nhánh hoa tự trắng tự hồng. Ngũ vị quân thân của Động Sơn, đàn tấu trước khi chưa phổ nốt nhạc; bốn thứ chiếu dụng của Lâm Tế, là gia phong đánh roi sắt, vạn linh khó lường. Châu ngọc xoay chuyển trước đường cơ xảo, gió bay sấm sét, mở mắt trên đỉnh đầu. Suy nghĩ chẳng đến, nhanh cũng khó gặp.

Sắp xếp cỗ Phật lia hang ô.

Đánh cho rắn chết hóa thành rồng.

(Chí thân và Chí thể là biệt danh của Tự tánh, dụng của Tự tánh là vô công dụng, vì nó tự động không qua bộ não tức là không tác ý. Thiền tông nói “Vô công dụng đạo”. Như dụng của Bát Nhã không cần qua bộ não, nhưng cái dụng khắp mười phương thế giới.

Bản thể của Tự tánh hỗn dung, nên không chỉ ra chỗ nào là Tự tánh, cũng không chỉ ra chỗ nào không Tự tánh. Trong kinh Lăng Nghiêm thí dụ bằng cây, tôi thí dụ bằng cái tách. Nếu cái tách này là kiến tinh, thì cái tên tách phải bỏ, vì tách này là kiến tinh thì không gọi là tách nữa. Nếu cái tách không phải kiến tinh, làm sao thấy cái tách? Kiến tinh là dụng Tự tánh, nếu Tự tánh ở chỗ tách thì cái bàn không có Tự tánh. Vậy làm sao cùng khắp mười phương?

Phật nói từ trên trời, thảo mộc, sơn hà... tất cả chỉ ra cái kiến tinh ở chỗ nào? Chỉ không ra. Phật nói bất cứ ở chỗ nào cũng không phải là kiến tinh.

Phật hỏi A Nan: Phát minh chỗ nào cũng kiến tinh phải không?

A Nan nói: Không phải.

Cái này chẳng phải kiến tinh, cái kia chẳng phải kiến tinh. Tại sao còn gọi là kiến tinh? Nếu có chỗ chỉ ra là không phải, nên, ở đây gọi là hỗn dung. Không thể chỉ nó là phải hay không phải, không chỉ ở nơi nào được. Chỉ thế Tự tánh hỗn dung là như thế!

Như chuông nơi chánh điện, lỗ tai chẳng nghe động tịnh, giống như cái nghĩa hỗn dung, không thể chỉ ra thật tế. Như mùa xuân đến vườn, nhánh hoa tự trắng tự hồng. Nghĩa trong kinh Pháp Hoa có câu “pháp đố trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trụ”. Thì bông trắng trụ nơi pháp của bông trắng, bông đỏ trụ nơi pháp bông đỏ, tướng thế gian thường trụ là thế. Cũng là hình dung cái dụng của Tự tánh.

-Ngũ vị quân thân là thủ đoạn của Động Sơn. Trước kia Thiên tông chỉ có một phái, tại sao chia ra làm năm phái? Vì chia ra làm năm phái là thủ đoạn khác nhau, nhưng làm cho người tham ngộ giống nhau, chứ không có khác.

Thủ đoạn của Tổ Động Sơn rất hay, như Tổ dùng sợi tơ làm ra tiếng, khảy lên thì âm vận nổi lên. Âm vận hiện ra lúc chưa hiện ra, cũng như Tổ thường nói “Thường nghe khi chưa nghe”. Thủ đoạn của Tổ không thể suy nghĩ được.

-Lâm Tế tứ chiếu dụng, là thủ đoạn của Lâm Tế rất hay. Như dùng roi sắt điều khiển ngựa hay để chạy, không xe nào chạy theo kịp.

Như hạt ngọc hạt châu chuyển trước cơ xảo của Tổ, con đường sống chứ không phải đường chết. Thường làm cho người tham thiền mau chóng được kiến tánh, mà kiến tánh thành linh. Gia phong của Tổ như gió bay sấm sét, con mắt thì ở trên đầu rất lợi hại, tức là thủ đoạn của Tổ không có ai bằng được, không có ai suy nghĩ ra được. Nếu mình muốn gặp thì không thể dễ gặp.

Theo bệnh chúng sanh hay chấp thật, không lọt vào chỗ này thì lọt vào chỗ kia, tư tưởng của chúng sanh không lọt vào cái cối thì lọt vào cái ổ. Chư Phật lia cái ổ, lia cái cối. Nếu mình lấy ý thức để so sánh giải thích, nói Phật lia cái này lia cái kia, thì lọt vào đoạn diệt, không thể thành Phật, như trên nói ‘đánh rắn chết hóa thành rồng’. Mặc dù nói thì đúng, nhưng làm cho mình không được kiến tánh. Vì mình lấy ý thức đi tìm, đó là hồ nghi chứ không phải chánh nghi.

Bây giờ, có một số sách thiền lấy ý thức đi tìm hiểu công án hay thoại đầu, thì làm bít cửa ngộ của người tham thiền, vì không có nghi nên không có ngộ).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Thập phương trí giả, giai nhập thủ tông". Người nghĩa giải dẫn chứng kinh Hoa Nghiêm nói “Cánh giới của Như Lai, vô lượng bằng hư không, tất cả chúng sanh vào, kỳ thật chẳng chỗ vào”. Kinh Viên Giác nói “Những người năng nhập, nếu có năng nhập thì chẳng phải giác nhập”. Phải biết, tông này tất cả chúng sanh vốn đã thâm nhập, đâu có lý nào lại nhập nữa! Chúng sanh đã như vậy, thì người trí không nên lại có sở nhập. Vĩnh Minh nói “Tâm chơn như vốn chẳng thể lia”, nhưng kẻ mê dụ là xuất, kẻ ngộ dụ là nhập, làm cho mê ngộ tương đối, thật đâu có sự xuất nhập u!

(Hư không chẳng có số lượng, tức là siêu việt số lượng. Nếu còn nằm trong số lượng thì không phải bằng hư không. Nếu có chỗ nhập thì nhập sâu nhập cạn, nên có số lượng rồi. Tự tánh khắp mười phương, nếu có nhập thì không phải Tự tánh).

Tịch nghĩa giải:

Hãy gác lời này lại, ông có từng ngộ chưa? Đợi ông chân thật có chỗ ngộ, mới thấy lời Tổ sư không dối.

(Biết ý của Tổ thì đừng chấp lời của Tổ, bệnh chúng sanh hay chấp Phật, nên có luân hồi trong lục đạo, bị khổ tới ngày nay. Lời của Tổ không có ý gạt mình, nhưng mình không thấu được thì bị Tổ gạt. Tổ thí dụ, sông biển không có ý làm chướng ngại mình, tại mình qua không được thì bị nó làm chướng ngại. Kiến tánh rồi thì không bị Phật, Tổ gạt nữa).

Kệ kết thúc:

Đồng nói tông này khó được diệu,
Người trí mười phương cứ bàn nhau.
Nêu chưa buông tay rơi vực thăm,
Chỗ nhập đâu khác địa ngục môn.

(Cái huyền diệu của Thiền tông rất khó hiểu, dù người trí mười phương dùng ý thức để bàn đến, cũng không thể hiểu được, càng thêm khó khăn. Vậy làm sao được diệu dụng của Thiền tông? Chư Phật, Tổ dạy cách tham thiền, ôm chặt câu thoại đầu, phát khởi nghi tình, ngày đêm miên mật, sẽ có ngày đến thoại đầu.

Ví dụ như cây sào 100 thước, cây sào này là đường đi ý thức. Dùng ý thức để tham, tham đến đâu sào tức đến thoại đầu là đến chỗ cuối cùng của tham thiền, cũng như đến cuối cùng của đỉnh núi cao, cần phải buông hai tay để rơi xuống vực sâu, cái xác cần phải tan nát không còn chút gì.

Ngài Lai Quả nói: Đến đầu sào 100 thước cần tiến lên một bước thì lọt vào hư không, té xuống cho chết tan nát; tan nát rồi sống lại, Thiền tông gọi là “Đại tử đại hoạt”. Nếu tiểu tử tiểu hoạt thì còn chưa được, tức là chết chưa có tan nát. Đại tử đại hoạt thì diệu dụng của Tự tánh hiển bày ra hết. Nếu chưa ngộ mà muốn hiểu, không tu tập, thì có ngày vô cửa địa ngục hay bị sinh tử luân hồi trong sáu đường).

64 - TÔNG PHI XÚC DIÊN, NHẤT NIỆM VẠN NIÊN.

(Tông chỉ chẳng có ngắn dài, muôn năm một niệm, niệm muôn năm).

Lời khai thị:

Càn là trời, Khôn là đất, thiên chẳng khác giáo; dương là kỳ, âm là ngẫu, giáo đâu lia thiên. Chỉ vì so đo với nhau, khiến con rắn uốn quanh cùng mình, người chuyên Nhất tâm tam quán, người hay Trục chỉ đơn truyền. Nín như núi vách, nói như trời xa, bị kẻ không mặt mũi gặp thấy bất bình, chặn ngang hét một tiếng, khiến cho Đạt Ma cùng Thiên Thai, Hiền Thủ câm miệng nín thở, thông tay vào thành.

Mỗi người tự quét tuyết trước cửa,
Chớ đem vô minh thăm thức điền.

(Con gà và trứng gà không lia nhau được; trứng gà có trước thì không có con gà, con gà có trước thì không có trứng gà. Thiên với giáo cũng vậy, Phật từ thiên mà ngộ, rồi nói ra thành giáo. Bây giờ thiên và giáo có khác là do vọng tâm phân biệt so sánh. Ý thức phân biệt là vọng tâm hoạt động, như con rắn bó buộc mình. Như kinh Lăng Nghiêm nói “Tự tâm buộc tự tâm”. Kỳ thật không có sự khác biệt.

Người chuyên nhất tâm tam quán của tông Thiên thai. Tam quán là không quán, giả quán, trung quán. Tam quán không phải là ba thứ là do nhất tâm. Người chuyên trực chỉ đơn truyền tức là Thiên môn trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật.

Nín như cách núi, không thấy nhau được, nếu nói ra thì xa cách như trời. Tổ nói “Nói là phi báng, nín là điên cuồng, chẳng nói chẳng im lặng là thêm hư vọng”.

Ngài Trung Phong muốn chúng ta, ai tu Thiên Thai tông thì nhất tâm tam quán, còn ai tu thiền thì theo tông chỉ Thiên tông mà tu. Mỗi bên cứ theo pháp môn của mình mà tu, chứ không tranh chấp với nhau. Không đem phân vô minh tưới vào ruộng thức, thì không thêm khổ).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Tông phi xúc diên, nhất niệm vạn niên". Người nghĩa giải cho rằng: Tổ Sư lấy nhất tâm làm tông, trong pháp giới nhất tâm, cho kiếp là ngày mà chẳng rút ngắn, cho ngày là kiếp mà chẳng dài thêm. Nên xem một niệm là muôn năm, chuyển muôn năm thành một niệm, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng ít chẳng nhiều, đâu phải do thần thông mà ra. Chỉ vì pháp vốn như thế.

(Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Xưa kia có người trí nhà Nho, cho bài "Thọ yếu bằng nhau" là vọng tác, cho "từ sanh như một" là hư dối. Nếu họ biết có cái thuyết "Một niệm muôn năm", lại càng thêm kinh ngạc. Ấy cũng chẳng lạ gì, bởi chơn tục chẳng cùng lối mà thôi. Người xưa nói "Nói Chơn thì nghịch với tục, thuận tục thì trái với Chơn", há chẳng đúng ư! Làm sao khiến họ xé rách lưới tục, cắt đứt căn trần, trở lại xem cái cơ xảo viên thường tự tại, ngắn dài giúp nhau của Tổ Sư, thì cái lỗi lỗ lời mới mong có thể tránh khỏi. Dù vậy, muốn chẳng kẹt nơi ngắn dài, thử nói một câu xem!

(Bát Nhã Tâm Kinh nói “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý” là cắt đứt lục căn; “Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp” là cắt đứt lục trần. Ý cắt đứt là phá chấp tâm của mình chấp lục căn là thật, chấp lục trần là thật. Nếu bệnh chấp thật hết thì được kiến tánh. Nếu chưa kiến tánh thì nói ra không được. Muốn nói được thì phải quyết tử tham thiền, trị xong bệnh chấp thật, thì được kiến tánh, nói sao cũng được).

Kệ kết thúc:

Sát na muôn kiếp chẳng ngắn dài,

Đo lường hư không nói tròn vuông.

Cứ ngay khi ấy chấp là thật,

Đứng xa ngoài cửa giành đúng sai.

(Thời gian sát na là 1/60 giây với thời gian muôn kiếp chẳng phải ngắn dài. Nếu phân biệt dài và ngắn thì không đúng. Hư không chẳng có bản thể thì sao nói dài ngắn, tròn vuông? Thời gian cũng vậy, đâu có bản thể mà nói dài ngắn? Lúc nghi tình vỡ thì nói ngắn nói dài cũng được, nếu chưa thì không được phân biệt ngắn dài, tròn vuông, vì tất cả đều là hư vọng).

65 - VÔ TẠI BÁT TẠI, THẬP PHƯƠNG HƯ KHÔNG.

(Chẳng phải có chỗ, chẳng phải không chỗ, mười phương hư không, chính là trước mắt).

Lời khai thị:

Cảnh Thanh sáu cửa, Lâm Tế tam huyền. Thiên Long giơ ngón tay, Am Chủ dựng nắm tay. Chỗ có Phật chẳng được trụ. Xóa hết Tây Thiên và Đông Độ; chỗ không Phật mau chạy qua, đánh bên Nam, động bên Bắc, chúng chi lãnh xong, sáu cửa vắng lặng.

Mở cửa thả ra hạt Dương Châu,

Chẳng cần đem theo mười vạn tiền.

(-Cảnh Thanh sáu cửa, là thủ đoạn quét lục căn, quét lục trần, quét lục thức.

-Lâm Tế tam huyền, có tam huyền tam yếu là thủ đoạn của Lâm Tế.

-Thiên Long giơ ngón tay là thủ đoạn của Thiên sư Thiên Long, người ốm nên ngón tay cũng ốm.

-Am Chủ dựng nắm tay là thủ đoạn của Tổ sư, như có người hỏi thì Tổ sư đưa nắm tay lên.

Dục vọng của người thế gian, muốn phát tài làm triệu phú; hồi xưa có 10 vạn quán tiền tức tiền xưa có lỗ để xâu gọi là quán, người triệu phú ở trong rừng sâu hay trong vườn, đâu có gì dùng tiền để hưởng thụ, thì phải ở trong thành thị lớn, mới có chỗ để hưởng thụ.

Dương Châu là thành thị lớn của Trung Quốc, đầy đủ các thứ để hưởng thụ. Nhưng cái hưởng thụ đó không được dài, không bao lâu đều phải chết. Cho nên, phải cầu sống lâu, đem tiền đến thành thị lớn để hưởng thụ.

Vậy đối với người thế gian sung sướng rất thỏa mãn. Nhưng người tu hành thì phải quét sạch hết. Vì hưởng thụ một thời gian cũng phải chết, sau khi chết biển heo biển ngựa cũng không hay, cái khổ không dứt được.

Mình đã biết chánh pháp thì phải chân tu, tham thiền đến khi nào kiến tánh, thì bảo tàng của Tự tánh hưởng thụ không hết, còn cái này chỉ tạm một thời gian thôi. Cho nên, mình phải quét sạch, phải mở cửa thả cho nó ra, cũng khỏi cần làm triệu phú, buộc 10 vạn quán tiền ở trong lưng).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Vô tại bất tại, thập phương mục tiền". Hoặc có người dùng ý thức suy lường rằng: Tâm chẳng hình tướng, đạo tuyệt bờ bến. Ngay nơi hình tướng mà chẳng ngại mỗi mỗi phân thân; dựa nơi bờ bến mà đâu ngại trần trần hiển lộ! Trần trần hiển lộ, chẳng lia chỗ ở thường trạm nhiên; Mỗi mỗi phân thân, tìm mãi biết ông chẳng thể thấy. Ở đây, cái ý chỉ "Vô tại bất tại, thập phương mục tiền" đã rõ ràng rồi.

(Kiến tinh là dụng Tự tánh, vì Tự tánh nói không được. Thấy cái tách, nếu cái tách là kiến tinh thì tên tách phải mất, vì tên kiến tinh đã thay thế tên tách rồi. Nếu nói cái tách không phải kiến tinh, tại sao lại thấy cái tách? Nếu kiến tinh ở chỗ tách thì chỗ khác không có, tức là không cùng khắp mười phương.

Tâm cùng khắp mười phương, nhưng đủ sắc tướng, như cái khăn, cái đĩa... đều khác nhau, cũng không ngại cái dụng của Bản tâm, chỗ nào cũng hiển lộ, chẳng lia chỗ ở, thường trạm nhiên, mỗi mỗi phân thân tức là chỗ nào cũng có. Nhưng muốn tìm thì không thể thấy, vì bản tâm không hình tướng, làm sao thấy được? Nhưng dụng khắp nơi chỗ nào cũng có. Ở đây, ý chỉ "vô tại bất tại, thập phương mục tiền" đã rõ ràng.

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Người nói lời này, đối với việc bị mắng là "dòm bóng để trộm ánh sáng", thiếu một phần cho y cũng không được. Nếu chẳng thể đích thân hạ thủ phá vỡ hàng rào thiết vi, mà muốn thấy ý chỉ Vô Tại Bất Tại của Tổ Sư, khác gì đi Trịnh Châu ra cửa Tào Châu!

(Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn... thấy rõ ràng cùng khắp mười phương, làm sao ăn cắp ánh sáng để chiếu ra bóng? Như Tự tánh rõ ràng cùng khắp mười phương, làm sao thấy và lấy ra được? Giải như lời nghĩa giải giống như ăn cắp ánh sáng để nhìn bóng, cái đó là hư vọng. Cái hư vọng là thiếu một phần cũng không được, tức là giải theo lời nói của Tổ thì hư vọng).

Kệ kết thúc:

"Ngay chỗ chẳng lia" là vật gì?

Lấp bít bốn phương khắp thái hư.

Ném ngay trước mặt chẳng che giấu,

Khiến kẻ nhìn thấy bị mất mù.

(Vô tại bất tại, thập phương mục tiền là diễn tả Tự tánh. Tự tánh chẳng lia ngay chỗ là vật gì? Nếu muốn chỉ ra thì không được. Tại sao nói chẳng lia ngay chỗ? Vì mười phương thế giới đều lấp đây; nếu lấy được liệng ngay trước mặt không có sự che lấp. Vì Tự tánh có cái gì che lấp thì không phải Tự tánh. Mặc dù không có che lấp, nhưng không thể thấy được. Nếu dùng mắt để nhìn, cho đến khi mắt khô, cũng không nhìn ra được.

Đây muốn cho chúng ta kiến tánh, kiến tánh thì không có ai năng kiến, cái tánh là sở kiến. Nếu có năng có sở thì không phải kiến tánh. Kiến tánh là tự tánh tự hiện, không có năng kiến sở kiến. Vì Tự tánh bất nhị, nếu có năng sở là nhị rồi thì không phải kiến tánh.

Mặc dù, không có năng kiến và sở kiến, như người thế gian nói là kiến thì chư Phật cũng nói là kiến, người ta nghe mới hiểu được, vì chữ "kiến" người thế gian đã lưu hành. Nên phải dùng chữ "kiến" nhưng chư Phật không chấp chữ "kiến".

Kinh Niết Bàn nói "Phàm phu theo thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng, gọi là điên đảo tướng. Chư Phật theo thế lưu bố tướng không có trước tướng thì không có điên đảo tướng". Kiến đã lưu hành trên thế gian, nếu chấp thật kiến là điên đảo tướng).

66 - CỤC TIỂU ĐỒNG ĐẠI, VONG TUYỆT CẢNH GIỚI.

(Cục nhỏ đồng lớn, quên hẳn cảnh giới).

Lời khai thị:

Đầu Tử nói "hoại", Đại Tỳ nói "chẳng hoại". Đọa hai quan ải này, đừng đâu đều chướng ngại. Không chướng ngại, chỉ cần đem hai câu ghép thành một chỗ xem, bèn thấy hạt bụi chẳng nhỏ, hư không chẳng lớn.

Công án sẵn sàng tuyệt che giấu.

Đáy thùng vì sao chẳng chóng lũng.

(Có vị Tăng hỏi Đầu Tử: Kiếp hỏa thiêu hết tam thiên đại thiên thế giới, thì tánh của mình hoại hay không hoại?)

Đầu Tử trả lời: Hoại.

Vị Tăng ấy hỏi Đại Tỳ cũng câu hỏi trên.

Đại Tỳ nói: Chẳng hoại.

Như vậy đã lọt vào hai quan ải này, tức là thành chướng ngại. Vì theo nghĩa tứ cú, hoại là cú thứ nhất, bất hoại là cú thứ nhì. Nếu chấp vào đó thành chướng ngại làm mất cái dụng của Tỳ tánh, vì hoại và bất hoại là đối đãi. Nếu muốn không có chướng ngại, hoại và bất hoại ghép thành một chỗ, thì thấy được hạt bụi chẳng phải nhỏ, hư không chẳng phải lớn. Vì lớn với nhỏ là tương đối, nghĩa là bệnh chấp thật đã hết.

Như đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình là chổi automatic quét sạch tất cả chấp, đã không chấp lời của Tổ, thì nhỏ và lớn không khác. Như vậy công án sẵn sàng không che dấu. Đã quét sạch thì thùng sơn đen lũng đáy, tức là kiến tánh).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Cực tiểu đồng đại, vong tuyệt cảnh giới". Người nghĩa giải cho rằng: Trước nói "vô tại bất tại" tức là đề mục của "cực tiểu đồng đại, cực đại đồng tiểu", nên kinh Lăng Nghiêm nói "Trên đầu sợi lông hiện cõi Phật, ngồi trong hạt bụi chuyển pháp luân". Nếu chẳng thấu đạt ý chỉ "vô tại bất tại", thì đụng đầu cũng bị kẹt nơi cảnh giới. Đã bị kẹt nơi cảnh giới thì đâu có lý nào quên hẳn được! Đã chẳng thể quên hẳn cảnh giới thì lớn có tướng lớn, nhỏ có tướng nhỏ, đâu thể dung nhiếp thành một!

(Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Chỉ như người quên hẳn cảnh giới, còn thấy có lớn nhỏ hay không? Nếu nói thấy thì chưa thể quên hẳn; nếu nói không thấy thì đâu khác chi người gỗ đá! Thử nói xem!

(Nếu chưa kiến tánh thì không thể nói được. Muốn nói được phải quyết tử tham thiền, đến khi kiến tánh mới quên hẳn cảnh giới. Lời của Tổ sư nói có lý, nếu chấp thật thì không được).

Kệ kết thúc:

Tu Di chứa bụi người đều nhận.

Bụi chứa Tu di Phật cũng nghi.

Dầu cho kiến giải siêu tình lượng,

Khắc thuyền mò kiếm đã chậm trì.

(Hạt bụi ở trong núi tu di thì ai cũng tin, ngược lại, núi tu di để trong hạt bụi thì mọi người chẳng tin. Dầu cho kiến giải siêu việt ý thức suy lường, cũng là khắc thuyền đang đi, làm dấu để mò kiếm, thì không đúng rồi. Lời của Phật, Tổ là phá chấp của mình, mà lại chấp lời của Phật, Tổ nên bệnh chấp vẫn còn, làm sao giải thoát được? Muốn giải thoát phải tự tham tự ngộ).

67 - CỰC ĐẠI ĐỒNG TIÊU, BẤT KIẾN BIÊN BIÊU.

(Cực lớn đồng nhỏ, chẳng thấy bờ mé).

Lời khai thị:

Đắc được chẳng phải đắc, thấu rõ đâu có rõ. Tâm địa hoa nở nơi tuyết xuân, Tánh Thiên nắng rơi băng hồ (dụ cho vũ trụ) sáng, kim phụng bay liệng trên nhánh chưa mọc, voi ngọc nhiều quanh bên cây không bóng.

(Tâm của mình như đất, tất cả ở trong tâm mà sanh ra, cũng như vạn vật từ trong đất mà ra, cho nên gọi là tâm địa. Tâm địa hoa nở tức là kiến tánh. Kim phụng và cây không bóng là hình dung cho Tự tánh. Tự tánh hiện ra thì không phân biệt mùa đông hay mùa xuân, cây khô cũng như cây sống, đều là bất nhị của Tự tánh).

Bá Trọng giúp ông già thoát được thân chồn, nghèo nuôi thân đã là nhiều. Văn Thù chẳng thể xuất định cho cô gái, giàu chê ngàn người vẫn còn ít.

(Nghĩa trên đây là thủ đoạn của Tổ sư).

Chỉ biết cách núi thấy khói, ai có hỏi ra cửa là cỏ.

(Tăng khai thị rằng “Hương vạn lý không có cỏ mà đi”. Có người đem câu này đến Tăng khác trình bày.

Tăng ấy hỏi: Có ai đáp không?

Người đó trả lời: Không.

Tăng ấy nói: Sao không nói ra cửa là cỏ!

Tất cả sẵn sàng, không cần tìm kiếm, dấu trong giày ông chơi kềm búa, cũng là trước cửa đi quanh quần.

(Tổ Sư thiền có chánh nghi, không cho tâm đi hiểu. Hồ nghi lấy tâm đi tìm là nghịch ý của Tổ. Chư Tổ dùng thủ đoạn trong giày ông chơi kềm búa cũng là trước cửa đi quanh quần. Tức là công án tả thủ đoạn của Tổ, muốn cho mình nghi chứ không phải cho mình tìm hiểu. Có số sách thiền lấy tâm đi tìm hiểu là sai lầm, hay giải thích công án, thoạt đầu làm lấp bít cửa ngộ người tham thiền, là nghịch ý Tổ).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Cực đại đồng tiêu, bất kiến biên biểu". Hạng người nghĩa giải cho rằng: Xưa kia Duy Ma Cật dùng thần lực giải thoát bát tư nghi, đem 32 ngàn tòa sư tử để trong phòng trượng thất, mà phòng nhỏ chẳng thấy chật, tòa lớn chẳng rút nhỏ. Rồi dùng tay phải hái lấy thế giới Diệu Hỷ để vào phòng, nói với đại chúng rằng "Thế giới kia chẳng lay động, thế giới này chẳng biến đổi". Đem lớn vào nhỏ, đem nhỏ vào lớn, dung nạp lẫn nhau, phi bỉ phi thử.

Theo kinh nói, thần lực giải thoát bát tư nghi này suốt kiếp chẳng hết, nhưng thần lực này đều từ diệu tâm sáng tỏ chảy ra. Hoặc có người nói “Nay tôi cũng từng ngộ diệu tâm sáng tỏ này, tại sao chẳng có thần lực? Hoặc đáp rằng "Phải biết, thần lực này vốn tự đầy đủ, chẳng cần tu chứng, sở dĩ chưa thể hiện tiền vì kẻ sơ tâm nhập đạo, nơi sức định huệ giải thoát chưa đầy đủ. Dù chưa đầy đủ, nhưng bản giác trong tâm cũng chưa từng mất, khi cơ duyên đến, sẽ tự hiện mà thôi". Dù nói cơ duyên đến, song cũng không được giữ một niệm tâm đợi chờ. Nếu còn có tâm đợi chờ, liền rơi vào dị kiến. Ví như trẻ sơ sinh, chưa rời tã mà muốn gánh nặng đi xa, có thể được ư? Dù chẳng thể gánh nặng đi xa, nhưng đối với việc gánh nặng đi xa chưa thể hiện tiền, đâu có nghi ngờ kinh sợ gì! Kẻ chon tham thật ngộ nghe nói thần lực này, tự nhiên chẳng nghi ngờ kinh sợ. Nếu còn một mảy may nghi ngờ kinh sợ tồn chứa trong tâm, thì tâm này chưa từng khai ngộ.

Gần đây, bậc tăng sĩ hành cước, chẳng cầu chánh ngộ, chỉ quý biện tài, lại bậc ở địa vị làm thầy, phần nhiều thuận theo trào lưu, đối với hành giả tham thiền, không dùng cơ

xảo nghiêm khắc đánh đập, ai nấy cùng nhau đuổi theo vọng tình, khiến cho Bát Nhã ở Tông lâm bị quét sạch chẳng còn gì! Thật đáng tiếc thay!

Người có chí nên khắc khổ tu hành, lấy đại ngộ làm kỳ hạn, mới báo đáp được ơn sâu của Phật. Đức Phật đã từng nói hết những tệ đoan ngày nay rằng "Chúng sanh đời mạt pháp, hy vọng thành đạo, chớ cho cầu ngộ. Vì người học rộng nghe nhiều, chỉ thêm đa văn, tăng trưởng ngã kiến". Lời Phật dù đã cách đây hơn 2000 năm, vẫn như hiện trên bàn tay, đủ thấy lời của bậc Thánh chẳng dối chúng ta vậy!

Tịch nghĩa giải:

Im đi, Im đi! Ông tưởng ngộ rồi là xong ư? Dẫn cho ông chứng đắc thần lực giải thoát bất khả tư nghĩ, trong 1 sát na đem mạng căn của ông già Duy Ma Cật bóp nát. Nếu chưa thể quên được sở chứng của mình, còn ngồi ở chỗ thần dị cho là thù thắng, thì phải đến đây ăn gậy của lão tăng!

Kệ kết thúc:

Lớn, nhỏ, mê, ngộ bắt đầu tích,
Trăm ngàn thần lực thảy đều quên.
Hành giả gặp ta giữa đường hẹp,
Cây gậy đánh gãy chưa thể tha.

(Lớn nhỏ, mê ngộ phải quét sạch; ngộ là Phật, mê là chúng sanh, tất cả tương đối đều quét sạch thì dụng Tự tánh hiện. Nếu trăm ngàn thần dụng chưa quên, thì dụng Tự tánh không hiện. Còn có tác ý là thần dụng, thì không phải dụng của Tự tánh.)

Người tham thiên còn chấp lớn nhỏ, mê ngộ, trăm ngàn thần dụng, gặp nhau nơi đường hẹp, thì phải bị đánh gãy đến khi gãy cũng chưa thể tha, tức là đánh bệnh chấp chùng nào hết mới được tha. Còn chấp không khi nào kiến tánh cả.)

68 - HỮU TỨC THỊ VÔ, VÔ TỨC THỊ HỮU.

(Có tức là không, không tức là có).

Lời khai thị:

Nửa đêm giờ Tý, gà gáy giờ Sửu.

(Ngày đêm 24 giờ, chia ra 12 thời thần, đó là lẽ dĩ nhiên, lẽ thường. Nhưng Tự tánh không lấy lẽ dĩ nhiên, lẽ thường để giải thích. Không được lấy lý thế gian, lý Phật pháp để giải thích, không có đạo lý cho mình giải thích. Nếu muốn tìm lý lẽ thì lọt vào ý thức phân biệt hư vọng. Cho nên, lời Tổ sư muốn mình ngộ ngay lúc đó, không ngộ thì phải nghi. Chứ không phải muốn mình hiểu theo ý thức của mình hay ý thức khoa học để giải thích là sai lầm, lọt vào ý thức phân biệt hư vọng, không được kiến tánh.)

Thạch nữ (làm bằng đá) may áo chằng dẫu nổi.

(Vậy làm sao được? Chỉ có cõi trời biến hóa ra mới làm được, người thường không làm được; cho nên không có nghĩa lý. Thạch nữ làm bằng đá, nghĩa là không có tâm phân biệt, thì may áo không có dẫu nổi.)

Người gỗ ham uống rượu Bồ đề.

(Bồ đề là đạo hay giác ngộ. Nếu có tâm phân biệt thì uống rượu Giác ngộ không được. Cho nên, người làm bằng gỗ không có tâm phân biệt, mới uống được rượu bồ

đề. Cũng như tham thiền, muốn đến giác ngộ thì không được khởi tâm phân biệt. Nếu khởi tâm phân biệt, tìm hiểu đạo lý cao siêu, thì vĩnh viễn không được kiến tánh. Không uống được rượu Bồ đề, tức là không giác ngộ).

Lúc xế chiều giờ thân, mặt trời lặn giờ dậu.

(Đây cũng là lẽ thường, tham thiền ngộ đạo không được lọt vào lẽ thường).

Voi chúa đi sâu vào núi tuyết.

(Có câu “Tượng vương hành xứ tuyết hành tung” nghĩa là chỗ đi của voi chúa không theo dấu tích, tức là voi chúa đi đường nào cũng được. Vậy không có lý lẽ cho mình giải thích, nếu dùng ý thức để hiểu là sai lầm).

Sư tử rống nơi đống lửa hồng.

(Đống lửa lớn mọi thứ không được dựa vào, nếu dựa vào sẽ bị cháy. Sư tử rống thì tất cả muôn thú đều phải sợ. Như lời của Phật, Tổ trái ngược lý thế gian, người thế gian nghe thấy kinh sợ).

Ngày đêm 12 thời chẳng cần đếm hết, 30 năm sau có người phân rõ.

(Ôm chặt câu thoại đầu mà tham tới, chứ không chờ đợi tính từng phút từng giờ. Nếu tham như vậy, 30 năm sau sẽ ngộ. Nếu ở trong có không mà chấp, thì vĩnh viễn không được ngộ).

Vô vô vô chẳng vô, hữu hữu hữu đâu hữu.

(Nói không không thì cái không đó chẳng phải thật không, nói có có thì cái có đó chẳng phải thật có. Tất cả đều là tương đối, cũng là do tâm tạo thì chẳng phải thật. Chúng sanh bị luân hồi sanh tử là do bệnh chấp thật. Cho nên, mục đích của Phật, Tổ phá bệnh chấp thật của mình. Vậy chẳng được chấp là không, chẳng được chấp là có).

Gọi trúc bè thì phạm, chẳng gọi trúc bè thì trái.

(Đây công án của ngài Đại Huệ là muốn cho mình tham, để lia khỏi tất cả tương đối không thật).

Phun hoa hương đầy áo, ông đã có cây gậy, ta cho ông cây gậy.

(Mình tham thiền thì kiên quyết cứ tham, ngày nào đó sẽ ngộ. Như hoa hương dính đầy áo, lâu ngày cũng được thấm nhuần. Công án “Ông đã có cây gậy thì ta cho ông cây gậy, ông không có cây gậy thì ta lấy cây gậy của ông”, là thủ đoạn của Tổ sư muốn cho mình ngộ ngay, nếu không ngộ thì phải nghi).

Nắm bóng trăng trên lòng bàn tay, tông ta chẳng lập giai cấp, đâu cần cường phân xấu đẹp!

(Như trong lòng bàn tay có nước, thì bóng trăng hiện ra. Thiền tông chẳng có giai cấp, chẳng có sai biệt; cho nên, không được lấy ý thức phân biệt, để nói cái này tốt, cái kia xấu, thì ở chỗ nào như chỗ này).

Một trần khởi tam muội, nhiều trần nhập chánh thọ.

(Tam muội dịch là chánh định hay chánh thọ. Nếu ngộ thì ở chỗ nào cũng chánh định chánh thọ, ở chỗ ồn ào hay chỗ thanh tịnh đều như nhau. Mình phải lập chí quyết tử tham thiền; Tổ sư dạy phải ở trong động mà tập tham, nhất là chỗ ồn ào, đang làm công việc mà tập tham. Nếu nói sơ cơ cần chỗ vắng lặng để tập tham, vậy có thể một tháng được nhập, nhưng 300 năm không được kiến tánh. Còn ở trong động mà tập

tham, có thể một năm nhập được, có thể 3 năm kiến tánh. Như thế, muốn mau mà lại chậm; cho nên, chứ Tổ muốn mình ở trong động mà tập tham, chứ không tìm chỗ vắng lặng để tập tham là vậy).

Gà vàng đá nhau dưới cây san hô, chó ngọc ngà trong nụ hoa chiêm bặc.

(Lời của Tổ không có đạo lý, không thể dùng ý thức phân biệt giải thích. Như con gà làm bằng vàng đá nhau dưới cây san hô ở dưới biển, thật vô lý! Tức là lời của Tổ muốn mình ngộ, nếu không ngộ thì phải nghi.

Nếu lấy ý thức để giải thích thì không thể được, vì vô lý. Như Thiền sư Lai Quả trả lời câu hỏi của một người: Chân như là gì? Chân như thiệt có 4 cái sừng, 2 sừng ở trước và 2 sừng ở sau, có 2 cái đuôi ở sau đất và 2 cái đuôi ở trên bụng.

Người ấy không tin, ngài Lai Quả nói tiếp: Chân như thật ông không tin, vậy Chân như giả là cùng khắp quá khứ, hiện tại, vị lai; ngang rộng khắp cả 10 mườì phương. Như vậy mà ông lại tin!)

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu". Người nghĩa giải cho rằng: Hữu chẳng tự hữu, hữu là hữu của nhà vô; vô chẳng tự vô, vô là vô của nhà hữu. Hữu chẳng đơn chiếc, vô chẳng độc lập. Người nói hữu vì trước đã thấy vô, sau đó mới nói hữu. Nếu trong lòng trước chẳng thấy vô thì đâu thể ở ngoài đời đời khi không nói hữu! Nên biết, vô chẳng vô, vô tức là hữu; hữu chẳng hữu, hữu tức là vô. Lý hữu vô vốn cùng một nguồn, nơi một nguồn, nói hữu thì dư cái hữu, nói vô thì thừa cái vô. Hữu Vô dung nhau đường nói cũng bật, ấy là ý chỉ "trở về nguồn" vậy.

(Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Dù vậy, nếu chẳng phân khởi đại chí (đại chí là tham thiền), bất sự tương đối của hữu vô nơi chánh ngộ, cứ khởi tâm phân biệt thì đâu có ngày được ý quên lời ư!

(Nếu chưa ngộ thì tất cả bệnh chấp thật nguồn gốc hữu vô, đâu có thể tiêu mất. Muốn tiêu mất hữu vô, ngoài ra tham thiền không còn cách nào khác).

Kệ kết thúc:

Trong vô nói hữu, hữu vẫn vô,

Vật này khó vẽ vào họa đồ.

Tức cười Triệu Châu quên trời buộc,

Nói càn bên nhà treo hồ lô.

(Ở trong vô hiện ra hữu, thì cái hữu không phải thật, ở trong vô mà sanh, cái hữu đó cũng là vô. Hữu vô này khó nhập vào họa đồ, vì vẽ nhập vào họa đồ thì nhất định, hữu là thật hữu, vô là thật vô. Vì hữu chẳng thật hữu, vô chẳng thật vô, nên không được nhập vào họa đồ.

Lão Triệu Châu là Tổ sư danh tiếng của Thiền tông. Người tham thiền thường tham câu thoại đầu, như “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” và khán công án chữ “vô” của Tổ Triệu Châu. Mục đích tham thiền đạt đến tự do tự tại, thì không bị trời buộc. Nếu trong tâm còn nhớ sự trời buộc thì không được tự do tự tại.

Cho nên, đừng có cười lão Triệu Châu quên trời buộc. Tục ngữ có nói “Không biết hồ lô có giấu thuốc gì?” Tức là lời nói của Tổ như cái hồ lô, mà giấu thuốc gì không cho

biết. Không cho mình biết được nên mới có nghi. Nghi là nhân, ngộ là quả. Cứ hỏi thuốc gì vậy? Không được dùng ý thức để tìm hiểu mà phải tham.

Mặc kệ nó treo ở bên đông hay bên tây, cũng không tìm hiểu trong hồ lô có thuốc gì! Đề câu thoại đầu cứ tham tới, nghi tình có ngày bùng vỡ, thì ngộ đạo. Vậy treo ở chỗ nào cũng được, lúc ấy rõ biết).

69 - NHƯỢC BÁT NHƯ THỬ, BÁT TÁT TU THỬ.

(Nếu chẳng như thế, ắt chẳng cần giữ).

Lời khai thị:

Lâm Hòa Tịnh thích trồng mai, Đào Uyên Minh chỉ trồng liễu. Cùng là một hạng cao nhã đậm bạc, nhưng cả hai đều lọt vào hang ổ. Đâu bằng kẻ không ý chí, cắm một cọng cỏ trên miếng đất chẳng âm dương, khiến hoa nở trước khi có ánh nắng mặt trời, trái chín mùi sau khi sương tuyết. Các người suốt ngày đêm lần quần đoán mò trong đó, có thấy chẳng? Thấy thì rất kỳ dùng mắt nhắm, chưa thấy thì chẳng nên chạy lảng xãng.

(Ở Hàng Châu Tây Hồ nước Trung Quốc có một cù lao là Cô Sơn, có một ẩn sĩ Lâm Hòa Tịnh sống ở đó, tánh thích trồng cây mai nuôi con hạt, không ham danh lợi. Ông ấy không có vợ con, nói rằng: Cây mai là vợ, con hạt là con.

Đào Uyên minh làm quan huyện Đan Trạch. Ông không vì 5 đấu gạo mà khom lưng tiếp quan lớn, rồi trả ẩn trở về quê làm ruộng. Ở trước nhà quê của ông có trồng 5 cây liễu, ông gọi là ngũ liễu tiên sinh.

Lâm Hòa Tịnh thích trồng mai, nuôi con hạt. Đào Uyên Minh thích trồng liễu. Hai người này là ẩn sĩ danh tiếng, mọi người đều tôn kính; nhưng đối với đạo xuất thế gian, xem hai ông ấy đã lọt vào hang ổ, vì thích thanh tịnh. Như tham thiền mà thích cảnh giới thanh tịnh cũng không được.

Không bằng một người không có ý thức phân biệt thì hiện ra cái dụng tự động của Tự tánh. Cắm một cọng cỏ ở chỗ đất không có âm dương, khiến hoa nở trước khi có ánh nắng mặt trời, trái chín mùi sau khi sương tuyết. Các người suốt ngày đêm, lần quần đoán mò trong việc thế gian, có thấy được hay chẳng? Thấy thì rất kỳ dùng mắt nhắm thấy hoa đốm trên không, chưa thấy chẳng nên chạy lảng xãng.

Thiền sư Trung Phong muốn mình ôm chặt câu thoại đầu mà tham, đến lúc nghi tình vỡ thì được kiến tánh. Nếu không, cứ lần quần trong ý thức, đi tìm hiểu cái này cái kia, thấy hay không thấy là hư vọng).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhược bất như thử, tất bất tu thử". Người nghĩa giải cho rằng: Đây là lời dặn dò của Tổ Sư, nói phải có một niệm Chơn thật tương ứng với diệu tâm sáng tỏ và khế hợp với bản giác nguồn linh. Nếu chẳng như thế, dù cho biện tài thao thao, đều là sở chấp của ngoại đạo. Hoặc nói "Nếu chẳng như thế" là quyết định muốn người khế ngộ chơn tâm. "Ắt chẳng cần giữ" là có ý muốn chỉ kẻ chẳng cầu chánh ngộ mà kẹt nơi ngôn thuyết cho là đặc chí. Nói ý này cũng thông.

(Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Vậy, như hai thuyết này nếu chẳng thể quên thân xả mạng, thể quyết đại ngộ, khi báo thân bỗng mất thì việc ta đâu còn! Chẳng biết người học ở trong bóng mộng huyền, dựa vào đâu mà chẳng tự cảnh sách!

Kệ kết thúc:

Hết chấp hữu, vô, quên sắc, không,

Kẻ trộm tự thú hiển tang vật.

Rẻ bằng vàng ròng, quý như sinh,

Xót thương không chỗ để vui chôn.

(Hữu, vô là do vọng tình chấp thật, khi quét hết vọng tình chấp thật, thì sắc không đều quên; nếu được kiến tánh thì đến cảnh giới này.

Vì sao ban đêm đi ăn cắp đồ vật, lại ban ngày trả cho người bị cắp? Vậy ăn cắp làm chi? Nếu vọng tình hết sạch, sắc không đều quên, tức là kiến tánh, thì đâu còn lấy lời của Phật, Tổ cho là của mình! Thần thông của Tự tánh biến hóa ra vô lượng vô biên, thì đâu có gì quý, đâu có gì rẻ! Cũng như vàng đâu có khác đất!

Người ta có vàng, muốn cất giấu thì chôn dưới đất, người khác khó tìm thấy trộm cắp hay tịch thu. Còn người kiến tánh vì như không có đất để chôn giấu.

Lời của Tổ là quả của Tổ, tức là lời của Tổ là do Tổ ngộ; cái quả của mình phải do tự mình ngộ ra mới được. Mình không ngộ mà lại ăn cắp cái quả của Tổ, làm sao dùng được? Lời của Tổ, mình giải thích ra rất lý cho là quả của mình, ấy là sai lầm. Mình muốn như Tổ thì phải ngộ như Tổ, vậy cần phải tham thiền).

70 - NHẤT TỨC NHẤT THIẾT, NHẤT THIẾT TỨC NHẤT

(Một là tất cả, tất cả là một).

Lời khai thị:

Hai năm là mười, hai năm cũng là bảy, pháp vốn chẳng định, lãnh hội do người. Gọi chúng sanh là chư Phật, bản thể đâu sai; gọi chư Phật là chúng sanh, lý cũng chẳng mất. Bỗng có người ra nói "Chúng sanh tự chúng sanh, chư Phật tự chư Phật, đâu thể thánh phàm lẫn lộn"! Khiến cho ông già Thích Ca khi không bị oan, chỉ cần nói với ông ta "Vô thi vọng lưu chuyển, đều do sự chấp này".

Định tánh phàm phu bị Phật quở,

Thiên thù Quan Âm xô chẳng ra.

(Vì vậy, kinh Đại thừa liễu nghĩa đều phá chấp thật của chúng sanh. Nói đến chấp thật, nhiều người mới nghe tưởng là chỉ không chấp cái có là thật, còn cái không có không phải thật! Nếu chấp không có là không có, thì bệnh chấp nặng thêm. Nếu chẳng chấp chơn lại chấp vọng, thì bệnh càng nặng thêm, rất khó trị.

Vì có bệnh chấp thật nên bị luân hồi sanh tử từ vô thi đến nay. Nếu chấp thật mà không theo lời của Phật, Tổ mà tu. Mặc dù, Bồ tát Quán Thế Âm đại từ đại bi muốn đẩy ra khỏi biển khổ cũng không thể được).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất". Hoặc có người dẫn chứng Kinh nói "Một là một của tất cả, tất cả là tất cả của một, nơi một chẳng ít, nơi tất cả chẳng

nhieu, đây là tâm và pháp cùng khắp, một với nhiều dung nhau, chẳng do thần thông làm ra, ấy là pháp vốn như thế". Thuyết này ghi đủ trong kinh sách, chẳng cần dẫn chứng, nói nhiều thêm phiền, nơi đạo vô ích.

Phải biết, Tổ sư trước tác Minh này, đến chỗ "bất nhị giai đồng, vô bất bao dung", e kẻ hậu học chẳng thông đạt lý viên dung, trước dùng "dài ngắn tương tức" (hỗ tương), kế dùng "lớn nhỏ tương tức", kế nữa dùng "hữu vô tương tức", nay lại dùng "một nhiều tương tức", đem vô biên thế giới dung thành pháp môn bất nhị, khai thác vũ trụ của vạn vật, mở rộng quê hương của chúng sanh, giúp cho hậu học chẳng cất bước mà đến, chẳng cách mây trần mà nhập, chẳng ra sức mà thành, chẳng nổi niệm mà chứng nguyện đại từ đã thỏa mãn, công giáo hóa cũng cùng khắp rồi.

(Lời của Tổ muốn mình ngộ liền, cho nên ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Dù vậy, kẻ mang bức tranh ngựa đi tìm ngựa ngày càng thêm nhiều, phải làm sao xoay mặt họ lại, luôn cả Tổ Sư cùng đuổi ra một lượt, mới biết tri ơn báo ơn. Nếu không, ví như đuổi rùa dính sình mà quét đất, càng quét càng thêm. Giải nghĩa lời Tổ Sư cũng giống như thế.

(Nếu muốn được ngựa thật, phải quày đầu trở về. Tức là đừng có hướng ngoài mà tìm, để tự biết mình là cái gì? Khi triệt ngộ rồi, luôn chấp Tổ sư cũng đuổi đi; mới là tri ân báo ân Tổ sư dạy cho mình được ngộ. Tổ sư không có giải thích đạo lý cao siêu cho mình biết, để cho mình đi tìm cầu ở ngoài. Nếu không tự ngộ được, như đuổi con rùa dính đất, muốn làm sạch đất thì càng dính đất nhiều thêm. Do sai lầm của mình làm cho chư Tổ phải bị liên lụy).

Kệ kết thúc:

Đại địa vò lại bằng hạt gạo,
Công khai đánh trống mọi người xem.
Mặt vàng trong mắt nếu chưa trờ,
Muốn biết trắng đen cũng khó khần.

(Hai câu đầu diễn tả cảnh giới kiến tánh, như đại địa vò thành, tức là lớn biến thành nhỏ, không có phân biệt. Đánh trống cho mọi người nghe, tức là khi kiến tánh thì lục căn hỗ dụng, dùng con mắt để nghe.

Mặc dù vàng rất quý, nhưng mặt vàng rơi vào mắt sáng, thì cũng làm cho hại mắt. Tổ đã ngộ nói ra giáo lý thì rất quý, nhưng mình chấp thật vào đó, đâu có khác gì mặt vàng rơi vào mắt, rất có hại. Nếu không chịu trị cho hết, thì con mắt sẽ đui, lúc đó muốn phân biệt trắng đen cũng không ra).

71 - ĐẢN NĂNG NHƯ THỊ, HÀ LỰ BẤT TẮT.

(Nếu được như thế, lo gì chẳng xong).

Lời khai thị:

Đại tâm chẳng trụ, đại hóa chẳng dấu tích, đại cơ xảo chẳng cần làm, đại nhiệm vụ chẳng ra sức.

(Đại tâm, đại hóa, đại cơ xảo, đại nhiệm là biệt danh của Tự tánh thì vô trụ. Nếu có trụ là làm chướng ngại cái dụng tự động của Tự tánh. Bốn chữ đại ở đây không phải đối với tiểu mà nói đại, là siêu việt số lượng).

Chỗ muôn pháp toàn hiển bày, ánh sáng và hình bóng đều tiêu diệt.

(Nếu thấy được không phải là cái dụng của Tự tánh).

Lúc một mây lông chẳng hiện ra, lại chất đầy như núi. Mối trắng ăn lũng tâm Phật sắt, ruồi xanh đạp lũng lưng trâu vàng.

(Dụng Tự tánh thì tự động, nên phàm phu không thể hiểu được, vì lục căn không thể tiếp xúc được).

Triệu Châu thấy ông buông chẳng xuống, Yền Khê lại từ chỗ này vào.

(Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: Không mang theo vật gì, lúc đó như thế nào?)

Triệu Châu đáp: Buông xuống đi.

Tăng lại hỏi: Một vật không đến, buông xuống cái gì?

Triệu Châu đáp: Buông xuống không được thì gánh lên.

Tăng ấy liền ngộ.

(Có vị Tăng hỏi Tổ Yền Khê: Người học mới vào Tông lâm, xin Thầy khai thị làm sao nhập?)

Yền Khê đáp: Từ chỗ này nhập).

Tùy tay đem đến tùy miệng nhỏ ra, trí đâu thể biết, thức đâu nhận được.

Bao người ngộ nhằm bị mù mắt,
Bất tài thừa kế uổng hứa khả.

(Nhiều người sai lầm dùng mắt để xem, xem đến mắt bị khô, cũng không nhìn được. Nếu người con không được truyền gia tài, thì bị điểm trán. Ở Trung Quốc có cửa Long Môn, có con cá lý ngư, tới mùa sóng có 3 cấp. Nếu con cá lý ngư nhảy qua đó được thì biến thành rồng. Nếu nhảy không qua thì bị điểm trán thối lui. Ý ở đây mình là con nhà thiền, thì mới nói tiếp mạng mạch của Tổ. Còn không phải thì bị điểm trán thối lui).

Lời nghĩa giải:

Tổ Sư nói "Đản năng như thị, hà lự bất tất". Người nghĩa giải cho rằng: Kinh Pháp Hoa nói "Nay ta vì ông bảo nhậm việc này, trọn chẳng hư dối", tức là ý "Đản năng như thị, hà lự bất tất" của Tổ sư, là lời vì người học mà bảo nhậm. Sự chí thành sách tấn thấy rõ ở đây.

(Nếu theo lời của Phật mà thực hành, quét hết bệnh chấp thật của mình, thì sẽ kiến tánh thành Phật. Quyết tử tham thoại đầu sẽ được kiến tánh, chứ khỏi lo không xong việc. Phật ở trong kinh Pháp Hoa có khuyến khích mình tinh tấn và tổ Tăng Xán ở hai câu này cũng khích lệ mình tinh tấn tu giải thoát. Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Dù vậy, y quả được như thế hay chưa? Dầu cho vừa nghe liền gật đầu ba cái đã trở tám khắc, suy nghĩ chốc lát thì bị bỏ mất quá lâu rồi!

(Nếu chưa kiến tánh mà theo lời của Tổ trả lời liền, hay học theo hành động của tổ gặt đầu 3 cái của Giáp Sơn, thì đã trễ 8 khắc (1 khắc = 15 phút), vậy lâu quá rồi!

Chúng ta phải tự ngộ, nếu chưa ngộ mà bắt chước hành động của Tổ, bị Tổ mắng là “Con chó ăn cứt của người ta, không phải là con chó tốt”.

Hôm qua có người học theo của Tổ. Lại nắm tay tôi (Duy Lực) hỏi: Có chăng?

Tôi nói: Không, không.

Người ấy xách gói đi ra. Tôi thấy vậy chỉ cười thâm mà thôi.

Người đó học theo cũng không giống, muốn làm con chó không đủ tư cách. Vì có qua bộ não suy nghĩ một chút cũng không được; giống như thuyền đang đi, làm rớt kiếm, rồi khắc dấu trên thành thuyền, để đi tìm!

Kệ kết thúc:

Như thế, như thế, cứ như thế,
Việc xong lúc nào tìm hỏi ai?
Gỡ được nhiều lớp da mặt sắt,
Đường về quê hương vẫn xa xôi.

(Theo lời nói: Như thế, như thế cứ như thế! Như thế chừng nào mới xong việc? Lúc xong việc từ đâu mà đến? Nếu mình không tự ra sức tham thiền, mà ăn cắp lời của Tổ cho là của mình, thì không biết mắc cỡ! Cứ mang mặt nạ sắt nhiều lớp, dấu cho lọt hết nhiều lớp mặt nạ sắt, có mắc cỡ, nhưng đối với về quê hương còn cách xa 3000 ngàn dặm).

72 - TÍN TÂM BẤT NHỊ, BẤT NHỊ TÍN TÂM.

(Tin tự tâm là bất nhị, bất nhị phải tin tự tâm).

Lời khai thị:

"Tâm là căn, pháp là trần, hai thứ như dầu bụi trên gương", Vĩnh Gia đại sư nói quá lố, muốn đục mở con mắt trời người, còn như cách biển.

(Ngài Lai Quả nói “Người chưa kiến tánh như người mù bẩm sinh, không biết bùn sinh, cứt chó, hầm cầu. Đi đường đập nhâm cứt chó cho là tốt. Đến chừng kiến tánh tức là mắt sáng, không có đập cứt chó nữa”. Chứng Đạo Ca của ngài Vĩnh Gia tuy rất hay, nhưng đối việc kiến tánh còn xa như biển rộng).

Sao chẳng nói “Tâm phi căn pháp phi trần, cùng chuyên Như Lai chánh pháp luân”?

(Tâm là lục căn, pháp là lục trần. Không được chấp thật căn với trần. Chánh pháp của Phật phá chấp thật).

Bỗng có người nói “Lời Vĩnh Gia như cách biển, lời ông nói như biển cách”, đầu bằng Tam Tổ nói "Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm". Hai câu này như trái cân sắt, muốn đục chẳng lũng. Chỉ nói với y "Im đi, im đi! Kêu đến máu chảy cũng vô dụng, không bằng ngậm miệng qua xuân tàn".

(Như con ve sâu ở trên cây, ngày đêm kêu hoài không dứt, kêu đến chảy máu cũng vô dụng, không bằng ngậm miệng lại, đợi mùa xuân đi qua).

Lời nghĩa giải:

Hoặc có người giải nghĩa ý của Tổ sư rằng: Chúng sanh mê tâm này đã lâu, nơi một pháp vọng sanh phân biệt, mỗi mỗi phân biệt đều là nhị. Nay thấy mình là tự, ắt thấy người là tha, ấy gọi là cái nhị của tự tha.

Từ đây sanh khởi vô số phân biệt, nhị lại thêm nhị, dùng toán số thí dụ cũng chẳng thể biết được số lượng, cho nên lòng từ bi của Tổ sư thái quá, đề ra 2 câu “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm” làm chánh ấn (con dấu chánh pháp), ngay đầu thiền giả dùng ấn ấn định, như nắm bầu áo thì cả áo đều xuôi theo.

Sấm sét đánh thức người mê mộng, nắng trời rọi khắp đường tối tăm, khiến người mù thấy, người điếc nghe, người nghèo thành giàu, người ngu thành trí. Chẳng lia căn nhà chiêm bao, cao đẳng quốc độ chơn giác. Dùng thân huyền thẳng chứng bản thể kim cang, đáng xưng là thuốc thần trị bệnh sanh tử, là bậc đạo sư hướng dẫn từ phàm vào thánh.

Rất hay, Rất hay.

(Lời tán thán ở trên rất hay, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Khen ngợi tạm ngưng đi! Chính ngay lúc ngộ, cái thuyết “bất nhị” này, còn có chỗ dung nạp hay không? Nếu không có chỗ dung nạp, thì Tổ sư đến đây cũng đáng ăn gậy.

(Nhưng sự thật không phải lỗi của Tổ, là bệnh chấp thật của chúng ta, chấp lời của Tổ là thật, mới làm cho Tổ bị ăn gậy, chứ không phải lời của Tổ sai. Lời của Tổ muốn chúng ta ngộ, chứ không muốn chúng ta chấp vào lời của Tổ. Lời của Tổ là cái ngộ của Tổ, nếu chấp lời của Tổ là cái ngộ của mình, giống như mình lượm con dấu bằng vàng của người khác, để đóng dấu làm bằng chứng cho mọi người, thì mình không khỏi tránh tai họa về sau).

Kệ kết thúc:

Thánh phàm mê ngộ đều bất nhị,

Thấu rõ vốn từ tín tâm ra.

Tâm chẳng sanh diệt ai mê ngộ?

Khi không nhảy vào hầm lửa hồng.

(Phàm đối với thánh, ngộ đối với mê; vì mình chấp thật mới có phàm có thánh. Chúng sanh là mê, chư Phật là ngộ; vì có phàm mới có thánh, có mê mới có ngộ. Nếu tham thiền được ngộ triệt để, thì thấy vốn không có mê, làm sao có ngộ? Cho nên, mê ngộ, phàm thánh đều quét sạch. Vì mê ngộ, phàm thánh là nhị pháp tương đối. Nếu quét sạch hết pháp tương đối, mới được bất nhị thì hiện ra cái dụng Tự tánh.

Khi ngộ triệt để, thấy vốn không có mê ngộ, vì do bệnh chấp tâm mới có. Kỳ thật, Tự tánh không phải là Phật, cũng không phải là chúng sanh. Được ngộ cũng từ tín tâm sanh ra, tức là tin tự tâm ở đoạn trước nói, tín tâm này là Phật là chánh tín, tin ngoài tâm có Phật là tà tín. Tổ sư nói “Tin có 10 phần thì nghi có 10 phần, nghi có 10 phần thì ngộ có 10 phần”.

Trước hết phải có lòng tin tự tâm. Như ngài Bác Sơn nói “Nếu tin pháp môn tham thiền này 100% cũng là không được, chỉ có ½ thôi. Tại sao nói ½? Vì chỉ tin pháp môn chưa tin tự tâm”. Phải tin tự tâm mới là chánh tín, vì tất cả đều do tự tâm mà sanh ra. Đến khi ngộ chứng tỏ là như vậy.

Chúng tỏ Bản tâm không có sanh diệt; đã không có sanh diệt thì ai mê ngộ? Tại chấp mê nên cần ngộ, ngộ rồi thì không có mê, không có mê thì không có ngộ. Cũng như không có trói buộc thì không có giải thoát.

Cho nên Pháp Bảo Đàn nói “Thiền định giải thoát không phải Phật pháp, là pháp nhị, Phật pháp là pháp bất nhị”, bởi vì không có tán loạn, làm sao có thiền định? Không có bó buộc, làm sao có giải thoát? Vì còn trong tương đối là nhị. Vì Bản tâm bất nhị không có sanh diệt.

Nếu chấp thật như nhảy vô hầm lửa, tức là làm oan cái khổ sanh tử từ vô thi đến bây giờ, phải ở trong lục đạo luân hồi.

Phật ở trong kinh Viên Giác có 4 thí dụ, gom lại thành một thí dụ.

Ai cũng thấy có sanh tử rõ ràng, tại sao Phật nói không có sanh tử? Vì thấy có sanh tử là vọng tâm ngày đêm hoạt động không ngừng. Thí dụ thân xoay thì cảm thấy căn nhà xoay. Căn nhà xoay dụ cho sanh tử luân hồi, căn nhà ngưng xoay dụ cho cứu kính Niết bàn (niết là không sanh, bàn là không diệt).

Vì vọng tâm ngày đêm hoạt động; ban đêm vọng tâm hoạt động gọi là độc đầu ý thức biến hiện cảnh giới nhắm mắt chiêm bao. Ban ngày hoạt động gọi là đồng thời ý thức biến hiện cảnh giới mở mắt chiêm bao. Tất cả do tâm tạo tức là ý thức biến hiện. Những cảnh chiêm bao ấy không phải thật, nhưng lại chấp cho là thật, nên phải chịu các khổ.

Vì căn nhà không có xoay, do thân mình xoay, nên có cảm giác sai lầm căn nhà xoay. Vậy muốn căn nhà ngưng xoay, mà thân không ngưng xoay thì không thể được, nên thân phải ngưng xoay.

Căn nhà ngưng xoay dụ là Niết bàn; nếu thật có căn nhà xoay thì nói căn nhà ngưng xoay mới đúng. Căn nhà vốn không có xoay, mà không thể nói là ngưng xoay! Vậy nói căn nhà ngưng xoay là sai lầm).

73 - NGÔN NGỮ ĐẠO ĐOẠN, PHI KHỨ LẠI KIM.

(Đường ngôn ngữ chấm dứt, chẳng phải quá khứ hiện vị lai).

Lời khai thị:

Nói tâm tâm, phi tâm phi tâm. Tâm là phi tâm, phi tâm là tâm, giờ đầu lên kéo chẳng dứt, buông tay xuống lại khó tìm. Những dây dưa này khởi từ Tây Trúc đã hơn 2000 năm, trong đó Tổ Tây Thiên 28 vị, truyền Đông Độ 6 đời, cho đến kẻ ngu độn 1700, bày đặt muôn thứ, trừ mãi chẳng hết, kéo nhánh dẫn dây, thẳng đến ngày nay, biến ra lò rèn trui phàm luyện thánh, hóa thành Tông lâm, ngâm gió vịnh trăng. Bỗng có nhị kiến đua nhau khởi, giúp cho dị chúng (tu chúng khác biệt) bài xích nhau. Phát thuốc đã nhiều mà bệnh càng thêm nặng, hướng là lộn vào độc của tà ma ngoại đạo, thành bệnh bó tay vô phương trị. Ngày nay trị ngựa chết xem như trị ngựa sống.

Im lặng giây lâu nói “Thuốc cơ xảo gặt đầu 3 cái để tỏ ngộ, ngoài ngôn ngữ câu được cá lý ngư”.

(Nói đến Tự tánh, Bản tâm không có tên, gọi là tâm chỉ tạm thời. Nếu không đặt tên là tâm lấy gì để nói, nhưng sự thật vốn không phải là tâm, nên gọi là phi tâm phi tâm. Vì không có hình tướng để cho mình thấy, cũng như điện, con mắt không thể thấy, nhưng tay đụng đến nó thì biết có điện.

Tính theo ngài Trung Phong nói, cho đến bây giờ hơn 3000 năm, nhưng Phật lịch bây giờ có 2525 năm. Kỳ thật, Tổ sư bên Thiên tông truyền qua Trung Quốc được 3010 năm. Phật Thích Ca đưa cành hoa lên, truyền pháp môn Tổ Sư thiên, 28 Tổ ở Ấn Độ. Đạt Ma là Tổ thứ 28 Ấn Độ sang Trung Quốc làm sơ Tổ, rồi truyền đến Huệ Năng là Tổ thứ 6 Trung Quốc, cũng là Tổ thứ 33 của Thiên tông Ấn Độ.

Thiên tông từ tổ Huệ Năng mới mở rộng; trước tổ Huệ Năng chỉ truyền ít người. Đệ tử của tổ Huệ Năng kiến tánh có 43 vị, đến cháu của tổ Huệ Năng là Mã Tổ có 139 người kiến tánh. Từ đó đến ngài Trung Phong có 1700 vị kiến tánh. Vì Thiên tông phá chấp thật, nên gọi là 1700 thẳng ngu si, không phải khinh hay phi báng Tổ. Vì không cho người ta chấp thật. 1700 vị kiến tánh giáo hóa tùy theo căn cơ, dùng thủ đoạn cho người ta được kiến tánh.

Có muôn thứ trừ mãi chẳng hết, kéo nhánh dẫn dây thẳng đến ngày nay, biến ra lò rèn trui phàm luyện thánh, làm ra việc huyền. Cũng như tôi giảng và các vị nghe đều là huyền, chư Tổ cũng vậy.

Chúng sanh nhiều tâm, như: Tâm phàm phu, tâm tiểu thừa, tâm trung thừa, tâm đại thừa, luyện thành một tâm bất nhị, tức là từ phàm luyện thành thánh. Cái lò đó đều là việc huyền của Tổ sư làm ra như trò chơi. Vì như ngâm thơ, ca hát, đánh đập, chửi mắng... bày ra đủ thứ.

Những việc của Tổ sư làm là lòng từ bi tha thiết. Nhưng thấy sai khác đưa nhau sanh tức là không chấp chơn thì chấp giả, không chấp giả thì chấp trung đạo, tương đối đó không lọt bên này thì lọt bên kia, cũng gọi là biên kiến.

Nếu thấy sai khác thì chứng có sai khác. Bản tánh không có sai khác, vì do kiến giải của chúng sanh có sai khác, nên công kích lẫn nhau, ông nói tôi sai, tôi nói ông sai, vì không có chứng ngộ triệt để.

Lấy thuốc của Sư trị bệnh, lại thêm bệnh nhiều hơn, Mặc dù thuốc đó quý, nhưng không trúng bệnh. Chánh pháp còn không thể chấp, hướng chi tà ma ngoại đạo còn độc hại hơn nhiều, thì bệnh vô phương cứu chữa, nhưng cũng cố gắng trị cho đến cùng. Cơ xảo còn gọi là cơ phong; Tổ sư kiến tánh triệt để, thì cơ dụng rộng khắp. Nếu kiến tánh chưa triệt để, thì cơ dụng không rộng khắp.

Ý của Tổ sư không phải ở trong lời nói, mà ở ngoài lời nói, cũng như Phật lấy ngón tay để chỉ mặt trăng, mặt trăng không phải ở trong ngón tay, mà ở ngoài ngón tay. Nhưng không được lìa ngón tay, phải nhờ ngón tay chỉ mới thấy mặt trăng. Tuy ngoài lời nói nhưng không bỏ lời nói).

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Đã là đường ngôn ngữ chấm dứt, thì bài Minh này chẳng phải lời thừa hay sao! Xem lời "Chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai", mới biết mặt mũi của Tổ Sư còn đây!

(Bài Tín Tâm Minh là văn tự thay thế cho ngôn ngữ. Văn tự với ngôn ngữ là một thứ, thì đọc bài Tín Tâm Minh để làm gì? Chẳng phải thừa sao!

Nói chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, thì cái mặt mũi của Tổ sư ở đâu? Mặt mũi của mình do cha mẹ sanh, không phải bỏ lai diện mục của mình, mặt mũi của Tổ cũng vậy, không phải bỏ lai diện mục của Tổ.

Cho nên, có câu thoại đầu: Khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bỏ lai của ta ra sao? Tham thiên là phát hiện mặt mũi bỏ lai của ta. Vậy nói chẳng phải quá khứ, chẳng

phải hiện tại, chẳng phải vị lai, mặt mũi của ta ra sao? Chúng ta cần phải tự tham tự ngộ mới được).

Tịch nghĩa giải:

Đừng nên xuyên tạc bậy bạ, làm trò cười cho kẻ bàng quan; họ đâu biết lý vốn viên dung, đạo chẳng thể lia, đường ngôn ngữ chấm dứt mà lại nói dài dòng đủ thứ, lời giải bùng bùng như lửa. Chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai, thanh tịnh pháp thân thường tịch diệt, độc dược đề hồ khuấy thành l chén, vàng ròng miếng ngói vò thành l viên. Chỗ dùng không khác lại có tiêu chuẩn, kẻ một chân đạp tới đấy, chẳng có dấu tích; kéo 3 lần chẳng quày đầu, vọng tự tính toán. Thật là Thánh sư của một đời, là mô phạm cho trăm kiếp, rút tùy phượng hoàng ra làm món ăn lạ cho cửa Thiên; lấy gân sư tử, dứt tuyệt tiếng vang nơi nhà chí linh. Dù vậy, nhưng Tổ sư có chịu nhận cơm trà này hay không? Hãy thu dẹp dây dưa, mặc cho luận bàn.

(Người ngộ còn thấy Niết bàn để chứng thì chưa ngộ triệt để. Tổ đã chứng ngộ, ví dụ như đường nếu không ăn qua, nói trong đó có bao nhiêu chất lượng vitamin A, vitamin B... nói đủ thứ. Nhưng người nghe đâu biết ngọt là cái gì? Chỉ cần thử qua một chút thì mới biết ngọt. Tham thiền cũng thế, cần sự ngộ thật chứng của mình).

Kệ kết thúc :

Chim vẽ chén sành hót nhạc xưa,
Lửa mù đêm khuya đôi giọng ca.
Đường ngôn ngữ dứt, đạo chẳng dứt,
Mặc kệ người đời loạn suy tư.

(Ngôn ngữ, văn tự, tư tưởng, ở trong Phật học chỉ là một thứ, đều là giả danh. Vì ngôn ngữ là văn tự có tiếng, văn tự là ngôn ngữ có hình, tư tưởng là văn tự không có hình và ngôn ngữ không có tiếng.

Lấy ngôn ngữ để nói ra như người họa sĩ, vẽ cái chén đựng nước giống như thật, hay vẽ ra con chim kêu giống như thật, mặc dù thật giống nhưng không phải thật. Cũng như lời nói của người xưa, hay Tín Tâm Minh giải ra thật có lý cao siêu, nhưng đối với sự thật không có liên quan gì.

Vì đó là do Tam Tổ ngộ, chứ không phải của mình. Lời của Tam Tổ nói cho là lời của mình nói, thì cũng như lửa mù đêm kêu giọng khác, vậy nó đâu có hết mù! Lời của Tam Tổ là xưa, còn mình nói lại là lời nay, đối với việc giải thoát sanh tử luân hồi không có liên quan.

Nói ngôn ngữ cắt đứt hay không cắt đứt đều là văn tự. Cắt đứt đúng hay không cắt đứt đúng? Đối với việc sanh tử không có liên quan. Nếu chấp ngôn ngữ để có người nghe thì phân biệt sai lầm. Bởi vì ngôn ngữ văn tự không phải thật, không phải sự ngộ của mình. Chư Tổ muốn mình phải tự ngộ, như trên có thí dụ con sư tử và con chó.

Lời của Phật, Tổ là của Phật Tổ ngộ, chứ không phải mình ngộ. Chứ không phải để hiểu lời nói của Phật và Tổ, hiểu cái đó là vô dụng đối với ngộ Tự tánh của mình thì không có ích lợi. Vậy muốn tự ngộ cần phải tham thiền. Nếu chưa ngộ, mặc dù giải thích cho thật giỏi có lý cao siêu, nhưng không được giải thoát sanh tử).

Đoạn tổng kết:

Phi văn phi tự, vô Phật vô tâm. Đem không lấp không, dùng độc trị độc. Công án của tổ Tăng Xán thường tồn, tiếng tăm của tông Đạt Ma chẳng suy. Mặc cho người đọc Tín Tâm Minh, rất kỵ ghi nhớ lời của Tổ. Thùng sơn đen vô ý đập lũng đáy, ngọc kỳ

lân ngay đó kéo quay về. Dùng hết gia tài củ Phật, làm mù chánh nhãn đương cơ. Xin hỏi linh nghiệm ở câu nào?

(Cuốn Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải này đã hết, phần tổng kết ngài Trung Phong phê bình: Bài này mặc dù văn tự, nhưng chẳng phải văn tự, nói là tín tâm, nhưng thật vô tâm. Nếu là vô tâm thì tín cái gì! Vô tâm thì vô Phật, vì Phật do tâm ngộ, cho nên chấp thật có Phật, có tâm cũng như lấy hư không lấp hư không. Hư không làm sao bắt? Hư không làm sao lấp? Cũng như lấy độc để trị độc thì vẫn còn độc.

Công án của tổ Tăng Xán hiện còn ở đây tức là bài Tín Tâm Minh do Tổ làm ra, hiện nay mình đang đọc. Nếu không chấp đó là thật, hiểu được ý mà thực hành, thì Thiếu Lâm tông (Thiền tông) không bị suy sụp. Nếu chấp lời Tam Tổ là thật, thì danh giá Thiền tông sẽ bị mai một.

Mặc dù, tâm chẳng phải là tâm, mà cũng coi là Tín Tâm Minh. Chúng ta đọc Tín Tâm Minh nhưng rất kỵ chấp thật, vì Tổ phá bệnh chấp thật. Nếu mình còn chấp thật thì cái bệnh vẫn còn nguyên, phá được bệnh chấp thật mới được kiến tánh, tức là cái thùng sơn đen đã bị đập bể.

Kiến tánh rồi, con kỳ lân ngọc được kéo về Tự tánh, dù kỳ lân ngọc là quý, nếu hướng ngoại thì không có liên quan gì, nên phải kéo nó về Tự tánh. Nếu không tham câu thoại đầu mà đuổi theo lời nói của Tam Tổ hay lời nói của Tổ sư khác, như mình lấy tâm ý thức để nghiên cứu truy tìm, tìm hết đạo lý của Phật, Tổ. Dùng hết gia tài của Phật để dạy người, làm cho người phải bị mù mắt.

Ý của Tổ muốn mình phải tự tham tự ngộ, chứ không đuổi theo văn tự. Vậy Tín tâm Minh này linh nghiệm ở câu nào? Nếu đã hiểu ý Tổ thì phải tham câu thoại đầu của mình. Nếu còn có ý lựa chọn ở trong bài Tín Tâm Minh này, có câu nào linh nghiệm thì bị Tổ mắng là con chó).

Hỏi: Nếu Tu đà hoàn là thật thì không nghĩ là Tu đà hoàn. Phật đã thừa nhận chứng đắc, điều này đi ngược tinh thần Thiền tông không?

Đáp: Nếu tham thiền mà nói “ta tham thiền”, thì không phải tham thiền. Tham thiền sẽ đạt đến giác ngộ, nếu có tâm câu ngộ thì vĩnh viễn không ngộ được. Tu đà hoàn là sơ quả của thừa Thanh văn, nếu chấp quả mình chứng, nói là “ta đã chứng quả Tu đà hoàn”, còn cái chấp đó nên chưa được chứng. Như Chợ Lớn đi Sài Gòn, Sài Gòn là mục đích đến, mình cứ đi rồi sẽ đến. Đã đi rồi thôi, rồi nói “ta đến Sài Gòn”, la lên làm chi!

Ngài Trung Phong khai thị trong Trung Phong Pháp Ngữ “Hỏi câu thoại đầu, khởi nghi tình, tham thoại đầu đã thuần thực, mà còn biết thuần thực hay biết không thuần thực thì chưa đến thoại đầu. Biết và không biết lọt vào tứ cú là đối đãi ở trong vọng. Biết là vọng biết, biết không biết là vọng không biết.

Trong Phật pháp từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa và Tối thượng thừa đều phá ngã chấp. Nếu biết mình có sở đắc, như biết đắc quả Tu đà hoàn thì không được, cái được thì mình không biết, còn biết cái không được cũng không đúng. Bỏ bên này chấp bên kia là biên kiến, phải lọt vào 1 trong 5 thứ ác kiến.

Hỏi: Phá được sơ quan thì khỏi nghi võ, nhưng đến trùng quan còn phải nghi nữa, khỏi nghi đã võ làm sao nghi nữa được?

Đáp: Sơ quan là bồn tham, phá được bồn tham thì chưa hết nghi. Các công án của Tổ, có cái thấu được, có cái thấu chưa được. Vì nghi căn chưa cắt đứt, còn có chỗ nghi, thì phải tiếp tục nghi nữa, cho đến ngộ triệt để.

Hỏi: A la hán có kiến tánh không? Nếu không sao ra khỏi luân hồi?

Đáp: Theo lời của Tổ nói “A la hán chưa được kiến tánh, chưa phá được căn bản vô minh, nhưng phá được nhân ngã chấp, được ra khỏi sanh tử luân hồi”. Sanh tử có 2 thứ: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. A la hán dứt được phần đoạn sanh tử, nhưng chưa kiến tánh, nên không dứt được biến dịch sanh tử, ấy cần phải tiến lên nữa.

Nếu chấp A la hán là thật, thì Phật mới quở là ngu si, vì họ tưởng là cứu cánh Niết bàn, nhưng chưa phải. Sự thật chỉ ở nửa đường. Phá được nhân ngã chấp ra được phần đoạn sanh tử, nhưng pháp chấp chưa phá được, nên bị biến dịch sanh tử.

Hỏi: Hàng Thánh sao chưa đạt được trí huệ Bát Nhã, mà còn kẹt tri kiến trong các giai đoạn học đạo?

Đáp: Lời Phật trong Bát Nhã Tâm Kinh là muốn mình không được chấp cái nào là thật, tức là vô sở trụ. Không được trụ nơi nào, như trụ nơi tri kiến phàm phu, tri kiến Thanh văn, tri kiến Duyên giác, tri kiến Bồ tát, tri kiến Phật đều không được.

Tổ nói “Trụ nơi Phật bị Phật bó buộc, trụ nơi Bồ tát bị Bồ tát bó buộc...”, không phải nghĩa vô trụ. Nghĩa vô trụ là hoạt bát vạn năng, nếu có trụ thì hoạt bát vạn năng bị mất. Ví dụ cái tay là hoạt bát vạn năng, lấy kiên, lấy khăn, lấy tách,... đều được. Nếu trụ vào cái gì thì hoạt bát vạn năng của Tự tánh bị mất. Muốn lấy thứ gì cũng không được. Cho nên, phải buông nó ra mới khôi phục lại sự hoạt bát vạn năng.

Trụ đồ vật là pháp có, nếu trụ nơi pháp không, tức là ở trong nắm tay không có gì, thì mất cái hoạt bát vạn năng, muốn lấy thứ gì cũng không được, nên cần phải buông ra, mới khôi phục lại cái hoạt bát vạn năng.

Tự tánh cũng vậy, dù Phật cao nhất, nếu trụ làm mất cái hoạt bát vạn năng của Tự tánh, còn có trụ thì chưa thành Phật, vô sở trụ là chính thức thành Phật, vì thế trụ Phật còn phải quét vậy. Đại tâm vô y là vô sở trụ, nếu có chỗ trụ thì không phải đại tâm, nên dụng tự động của Tự tánh không hiện.

Vì vậy, Bát Nhã Tâm Kinh phá tất cả chấp của mình, chấp cái gì cũng không được, dù cao nhất là Phật. Vì còn chấp nên cái dụng của Tự tánh chưa có dùng ra. Nếu chấp đã hết sạch thì dụng tự động của Tự tánh hiện ra khắp không gian thời gian.

Lời Phật hay lời Tổ thì không khác. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa là trị bệnh chấp thật của mình. Nếu không chấp có mà lại chấp không, không chấp chơn mà lại chấp giả, thì chấp không chấp giả, bệnh chấp khó trị hơn.

Có người nói thế giới này là huyền, thì chấp cái huyền, bệnh chấp càng nặng thêm. Nói cái nào cũng là giả, lại chấp cái giả, thì bệnh chấp này nặng hơn. Vì chấp huyền chấp giả thì trụ nơi huyền nơi giả, như vậy trụ nơi nào cũng không được.

Cho nên, chấp nơi Phật còn không được, huống chi cảnh giới nào mà được! Chấp chỗ nào thì chỗ đó chướng ngại, nên cái dụng tự động của Tự tánh dùng ra không được.

Hỏi: Một số tu thiền bị điên, tu Tịnh Độ thì không? Sao niệm Phật biết rõ ngày giờ chết chưa vãng sanh? Ngồi thiền thị tịch ngộ đạo chưa?

Đáp: Tham thiền không thể nào nhập ma! Tôi nói “chấp vào tọa thiền bị nhập ma”. Thiền thất trước, Truyền Nam tham thiền muốn gấp, có sở cầu 49 ngày thành Phật, không ngủ làm thần kinh căng thẳng, lại quên tham thoại đầu. Vì không nghe tôi dạy, căn bản tham thiền là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” là để phá ngã chấp. Nhưng không sao chỉ 2, 3 ngày ngủ được rồi sẽ hết.

Có người niệm Phật nhập ma, học ra máu và lại bị điên. Tại sao? Vì họ không phá ngã chấp, lấy danh hiệu Phật đè nén vọng tưởng, đè nén lâu ngày thấy thanh thanh tịnh tịnh, được định cũng có thần thông, nhưng ngã chấp càng lớn, thì tham sân si càng mạnh, đè nén lâu ngày nên phản lực càng cao. Như đánh banh vào tường, càng đánh mạnh thì trái banh càng phản lại mạnh; nhất là lòng tham nổi lên, không thể khống chế lại được, lúc ấy lại phá giới.

Nếu thần kinh căng thẳng ta phải vận động, nhảy lên nhảy xuống hay xoa bóp, chà dưới lòng bàn chân cho nóng, thì sẽ bớt căng thẳng hay tạt nước vào mình người bị thần kinh căng thẳng sẽ hết, hoặc xô người ấy rơi xuống nước cũng sẽ hết. Nếu chưa hết liền thì vài ngày sau rồi sẽ hết. Tu theo chánh pháp luôn luôn phá ngã chấp, tu không phá ngã chấp là không phải chánh pháp. Chỉ lấy câu chú, danh hiệu Phật hay số tức để đè nén vọng tưởng, có sức định cao thì rất nguy hiểm.

Trong Truyền Đăng Lục của Trung Quốc có ghi “Từ đời Sơ Tổ đến đời Mãn Thanh có 7000 Tổ kiến tánh”, các vị đó có tên họ địa chỉ làng quê, còn những người không có ghi trong Truyền Đăng Lục không biết bao nhiêu. Như ngài Hư Vân, 54 tuổi kiến tánh đến 80 tuổi gặp một người sửa đường kiến tánh, nếu không có ngài Hư Vân thì không ai biết.

Tịnh Độ ở Vãng Sanh Lục và Thánh Hiền Lục, số người ghi trong đó ít hơn các vị kiến tánh trong Truyền Đăng Lục; mà lại có nhiều người không phải vãng sanh cực lạc, chỉ làm người hay sanh cõi trời; họ cũng biết trước ngày giờ chết, người ta tưởng rằng họ được vãng sanh; kỳ thật, chưa được vãng sanh, nhưng cũng ghi trong sách cho là vãng sanh. Ngồi thiền đến lúc thị tịch ngồi, đắc đạo hay chưa? Cũng chưa biết được. Như Thiền tông có phái Thủ Tọa, thầy của ông là Thạch Sư đã kiến tánh có thị giả Cửu Phong cũng kiến tánh.

Sau khi Thạch Sư tịch, đại chúng cử phái Thủ Tọa lên làm trụ trì. Thị giả Cửu Phong không chịu và nói: Nếu biết ý của Tiên sư thì tôi làm thị giả thầy như làm thị giả cho Tiên sư vậy, nếu không biết ý Tiên sư thì thầy không được làm trụ trì.

Thủ Tọa nghe vậy nói: Tôi như thế chưa được sao? Nếu đốt cây nhang cháy hết mà tôi chưa đi (chết) thì không được.

Đốt cây nhang một chút thì ông ngồi tịch.

Cửu Phong nói: Tọa tịch không phải là không có, nhưng ý của Tiên sư chưa biết.

Đốt cây nhang mới cháy một chút, muốn đi thì đi, mà còn chưa kiến tánh, hướng chi tọa tịch làm sao kiến tánh?

Có người kiến tánh khỏi cần ngồi tịch, nằm la om sòm: Đau quá! Đau quá!

Thị giả nói: Lúc thầy còn sống rất gan dạ, sao gần tịch lại như vậy?

Thầy ngồi lên nạt lớn thị giả: Ông sẵn sóc lâu năm, sao không biết ý của tôi?

Cứ tưởng như thế là thật, hành vi của Tổ mà cho vậy là sai lầm. Ngài Trung Phong quét sạch nghĩa giải từ đầu đến cuối, đều cảnh cáo mình đừng chấp bề ngoài, chấp lời nói, chấp hành động của Tổ. Như gặt đầu 3 cái cho là kiến tánh, vậy ai không biết gặt đầu 3 cái? Đưa ngón tay hay đưa nắm tay cho là kiến tánh, vậy ai làm không được! Nhưng Tổ kiến tánh thì làm được, còn chưa kiến tánh mà bắt chước phải dọa dọa ngục.
